

Theravada  
Phật Giáo Nguyên Thủy

# GIÁO TRÌNH VẤN ĐÁP TIỂU HỌC THẮNG PHÁP SƠ CẤP - TRUNG CẤP

Tỳ kheo *Khải Minh*  
(*Bhikkhu Jotivādī*)



THERAVADA  
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

**GIÁO TRÌNH**  
**VẤN ĐÁP TIỂU HỌC THẮNG PHÁP**  
**Sơ cấp - Trung cấp**  
Tỳ Kheo Khải Minh dịch  
(Bhikkhu Jotivādī)



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



# TIỂU SỬ

**Giáo Thọ Sư Saddhammajotika dhammācariya  
(2492 - 2509)**

**Hiệu trưởng trường đại học Thắng  
Pháp quốc gia Thái Lan - chùa  
Raghaṃghositārāmavarama - thủ đô Bangkok**

## **Sanh Quán**

Ngài đại trưởng lão giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya là người Miến Điện, sanh vào ngày thứ ba mùng 8 tháng 4 năm Sửu. Nhằm ngày 13 tháng 3 Phật lịch 2456 tại tỉnh Miên Chàn nước Miến Điện. Thân mẫu của ngài là bà Tò Tích, thân phụ là ông U Thún Miến, ngài còn có cô em gái tên là Má Chín (được ngài đưa đến sống ở nước Thái Lan) người Thái triu mến gọi cô là “Maddī”.

## **Học Vấn**

Kể từ khi xuất gia thọ cụ túc giới ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya tha thiết chuyên tâm trong việc học tập. Ngài học Tam Tạng, số giải lần hậu số giải từ các giáo thọ sư thông suốt Tam Tạng như trưởng lão giáo thọ sư Baddantakumāra là thầy giáo thọ

của các vị pháp sư trụ trì chùa tại tỉnh Miên Chàn trưởng lão giáo thọ sư Bhaddantañāṇika - bậc thông suốt về hậu số giải Luật Tạng - là bậc đại trí (aggamahāpaṇḍita) của tỉnh Ren Kung, trưởng lão giáo thọ sư Bhanddantavimala là thầy giáo thọ Tạng Thắng Pháp ở tỉnh Amarapura... Nhờ vào sự siêng năng cần mẫn nên ngài được các giáo thọ sư này ưu ái tận tình truyền đạt kiến thức cho. Chính vì thế ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya sớm có được kiến thức vượt trội từ lúc tuổi còn nhỏ đặc biệt nhất là Tạng Thắng Pháp.

### **Truyền Bá Trong Quốc Gia Thái Lan**

Trong thời kỳ ngài trưởng lão Buddhācāraya (có thể là ngài Āsabhamahāthera) làm Tăng trưởng, khi giữ chức vụ ủy viên hội đồng trị sự Tăng già cai quản tu sĩ tại chùa Mahādhātu ở vai trò phó chủ nhiệm hội đoàn trưởng đại học Mahācūḷalaṅkaṇarāya ngài trưởng lão Buddhācāraya khởi xướng mở mang việc học tập Thắng Pháp. Phật lịch 2492 việc đề xướng được tiến hành do ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya xem xét thấy rằng nước Miến Điện phát triển chói sáng về đường lối Phật Giáo cả phương diện pháp học lẫn pháp hành. Ngài mới xin các vị tỳ kheo trí tuệ bậc thầy từ hội đồng giảng dạy Phật Giáo của nước liên bang Miến Điện cho ngài sang Thái Lan để mở mang Phật Giáo, và ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya được vị đại sứ Miến Điện thường trực tại Thái Lan thỉnh mời đến giảng dạy Thắng Pháp tại nước Thái Lan (và một vị nữa là ngài giáo thọ sư, pháp sư Tejinda).

## Thành Quả Vượt Trội

Khi ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya lên đường đến nước Thái Lan ngài an cư mùa mưa tại chùa Parakayānanāvā tại Bangkok. Sau đó mới đến trú ngụ tại chùa Raghamaṅghositārāma bên cạnh tỉnh Thonpurī. Trong thời gian lưu trú tại chùa Raghamaṅghositārāma ngài tiến hành việc giảng dạy Thắng Pháp và sáng tác ra nhiều bộ kinh Thắng Pháp. Do không cùng ngôn ngữ nên ngài gặp rất nhiều khó khăn trong việc truyền đạt nhưng ngài không thối chí mà ngược lại còn cố gắng nỗ lực tột cùng. Ngài phải sử dụng phiên dịch và nhờ vào đệ tử đủ trình độ hiểu biết về phương diện Thắng Pháp hỗ trợ. Ngài sắp xếp cho nhóm đệ tử này trợ giúp ngài trong các công việc như chuyển ngữ và chỉnh sửa giáo trình cho việc học và dạy. Đầu Phật lịch 2493 ngài đã soạn thảo quyển Abhidhammasaṅgaṇīmātika, đây là cuốn giáo trình đầu tiên. Đến Phật lịch 2494 ngài soạn thảo bộ Vị Trí (Mahāpaṭṭhāna), quyển này chiếm thời gian đến hơn một năm. Trong suốt thời gian 13 năm sống tại nước Thái Lan, ngài soạn thảo được 25 quyển giáo trình cho việc học và dạy (20 quyển Thắng Pháp, 5 quyển diễn giảng hỗn hợp liên quan đến 20 quyển Thắng Pháp như cầm nang tạo trữ thiện thí, pháp làm cho thế gian được an tịnh...).

Những soạn thảo được ra đời bằng cả tấm lòng kết hợp với phương diện chuyên môn và trí tuệ tinh tấn ba la mật của ngài, như tâm nguyện của ngài *“Cho dù có trắc trở và chỉ một mình tôi gian khổ nhưng làm cho nhiều người khác nhận được lợi ích an lạc cả đời này lẫn*

*đời sau thì tôi cũng vui thích chấp nhận. Tôi không mong ước gì khác ngoài thành quả hiển tặng cho đời mang đến cho tôi sớm thành tựu 10 pháp ba la mật”.*

### **Kiến Tạo Ba La Mật Để Trở Thành Bồ Tát**

Khi soạn thảo hoàn thành kết thúc các bộ kinh ngài luôn viết lên nội dung lời chú nguyện như sau:

“Idaṃ me puññaṃ sabbaññutaññāṇassa paccayo hoti”.

Xin cho các thiện phước đã hoàn thành của tôi hãy là mãnh lực trợ duyên cho tuệ ưu việt Toàn Giác.

### **Cuối Cuộc Đời**

Ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya đã soạn thảo giáo trình cho việc dạy và học rất hoàn chỉnh, chỉ còn thiếu duy nhất quyển giải thích về minh quán (vipassanādīpaṇī). Vào Phật lịch 2509 ngài lâm trọng bệnh do bị cao huyết áp. Ngài được đưa vào điều trị tại bệnh viện hai lần, sau đó lại tiếp tục được chuyển đến điều trị tại bệnh viện hoàng gia trong cùng tháng. Nhưng bệnh trạng của ngài không thuyên giảm mà còn trở nên trầm trọng mặc dù được các y, bác sĩ chữa trị tận tình.

Ngày 15 tháng bảy Phật lịch 2509 ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya là vị lãnh đạo pháp học trường đại học Thắng Pháp của vương quốc Thái Lan đã từ trần tại bệnh viện hoàng gia do chứng cao huyết áp và hư thận. Ngài hưởng thọ được 53 tuổi.

Ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya đã để lại di sản vô cùng quý giá cho hàng Phật Giáo đồ

trong đất nước Thái Lan. Pháp sản này được xem là di sản vĩ đại khó tìm được vì đem lại lợi ích cao thượng trong nhân giới. Là lớp người thừa hưởng lợi ích từ pháp tuệ ba la mật của ngài nên chúng ta - hàng môn đồ đệ tử của trường đại học Thắng Pháp vương quốc Thái Lan, hãy hướng tâm tưởng nhớ đến công ơn của Ngài rồi lập nguyện học pháp trong Phật Giáo đặc biệt về Tạng Thắng Pháp để đáp đền công ơn của ngài giáo thọ sư Saddhammajotika dhammācariya và cũng để xứng đáng là lớp kế thừa tiếp nối tâm huyết của ngài làm cho Tạng Thắng Pháp được tồn tại bền vững lâu dài trong Phật Giáo nhất là trên đất nước quốc giáo Thái Lan.



**GIÁO TRÌNH VẤN ĐÁP  
TIỂU HỌC THẮNG PHÁP  
PHẦN SƠ CẤP TÂM  
(Cittaparamattha)**

**1. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau:*

Sammāsambuddhamatulaṃ Sasaddhammaganaṭṭamaṃ  
Abhivādiya bhāsissaṃ Abhidhammatthasaṅgahaṃ

**Đáp:** (Ngài giáo thọ sư Anuruddha) Con xin cung kính đảnh lễ Đức Phật! bậc tự mình giác ngộ vạn pháp không ai sánh bằng với cùng Giáo Pháp và Chư Tăng là bậc tối thượng. Con sẽ soạn bộ kinh có tên là Thắng Pháp Tập Yếu Luận (Abhidhammasaṅgaha) là chơn pháp gồm có 5 phần:

1- Saṅkhāra: 81 tâm, 52 tâm sở, 18 sắc thành tựu (nipphanna).

2- Vikāra: 3 sắc đặc biệt.

3- Lakkhaṇa: 4 sắc đại hiển

4- Nibbāna: Trạng thái tịch tịnh.

5- Paññatti: Danh chế định và nghĩa chế định.

2. **Vấn:** *Kệ ngôn thứ nhất này có ý nghĩa như thế nào?*

**Đáp:** Kệ ngôn này trình bày đến sự lễ bái, tức biểu lộ lòng cung kính đối với Tam Bảo và xác chứng sự cố tâm sáng tác bộ kinh này cho hoàn tất.

3. **Vấn:** *Sự biểu lộ lòng cung kính đánh lễ đối với Tam Bảo của thầy giáo thọ trước khi sáng tác bộ kinh này có lợi ích như thế nào?*

**Đáp:** Người bắt đầu biên soạn kinh bắt buộc phải biểu lộ sự cung kính đối với Tam Bảo trước, để được sự hộ trì và ngăn ngừa những chướng ngại có thể xảy ra cản trở trong thời gian sáng tác bộ kinh đó.

4. **Vấn:** *Trong kệ ngôn này ngài giáo thọ sư Anuruddha nói lên nguyện vọng sáng tác bộ kinh này và biểu lộ sự cung kính đánh lễ đối với Tam Bảo bằng pāli như thế nào?*

**Đáp:**

Ngài giáo thọ sư Anuruddha nói lên nguyện vọng sáng tác bộ kinh bằng pāli “Bhāssisaṃ abhidhammatthasaṅgahaṃ”.

Rồi biểu lộ sự cung kính đánh lễ đối với Tam Bảo bằng pāli “Sammāsambuddhamatulaṃ sasaddhammaganaṭṭamaṃ abhivādiya”.

5. **Vấn:** *Chánh Pháp có bao nhiêu loại?*

**Đáp:** Chánh Pháp có 3 loại:

- Pháp học gồm có pāli và sớ giải.

- Pháp hành gồm có sự trì giới, thọ trì đầu đà, tu tiến chỉ tịnh nghiệp xứ và tu tiến minh quán nghiệp xứ.

- Pháp thành tức Đạo, Quả, Níp Bàn, thiền định, thắng trí.

**6. Vấn:** *Chơn đế (paramattha) nghĩa là gì và có bao nhiêu loại?*

**Đáp:** Chơn đế là thực tánh của danh sắc. Là pháp cao quý không sai lệch, không thay đổi và là pháp trọng yếu của nghĩa chế định và danh chế định.

Pháp chơn đế có 4 loại: Tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn.

**7. Vấn:** *Hãy trình bày và giải thích về tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn.*

**Đáp:**

\*Tâm: Pháp biết cảnh (arammaṇavijāṇanalakkhaṇaṃ).

Giải thích: Nhận thức cảnh thường xuyên nên gọi là biết cảnh. Như định nghĩa: “Ārammaṇaṃ cintetīti = Cittam”. Pháp biết cảnh, thường xuyên nhận thức cảnh, gọi là tâm.

\* Tâm sở: Pháp nương vào tâm mà sanh lên (cittanissitalakkhaṇaṃ).

Giải thích: Tâm sở nương vào tâm sanh lên, khác với cây cối nương vào đất sanh lên. Tâm là nơi nương, tâm sở là pháp nương sanh giống như trò nương vào thầy. Bởi vì tất cả tâm sở biết cảnh được do nương vào

tâm là pháp dẫn đầu. Nếu không có tâm thì tâm sở sẽ không biết cảnh được. Như định nghĩa: “Cetasi bhavaṃ = Cetasikaṃ”, “Cetasi niyuttaṃ = Cetasikaṃ”. Pháp sanh lên nơi tâm gọi là tâm sở, hoặc pháp thường đồng sanh với tâm gọi là tâm sở.

\* Sắc pháp: Pháp có sự thay đổi, suy tàn, biến hoại (ruppanalakkhaṇaṃ).

Giải thích: Sắc pháp là pháp có sự thay đổi, suy tàn, biến hoại vì xúc chạm với nhân chướng nghịch. Nhân chướng nghịch đó gọi là virodhipaccaya, tức sự nóng lạnh, đói khát, muỗi, ruồi, mối, nắng, gió, rắn rít, bò cạp... Như định nghĩa: “Situṇhādivirodhipaccayehi ruppatīti = Rūpaṃ”. Pháp biến hoại suy tàn bởi duyên chướng nghịch (virodhipaccaya) như lạnh, nóng... gọi là sắc pháp.

\* Níp Bàn: Pháp tịch tịnh, vắng lặng, xa lìa năm uẩn (santilakkhaṇaṃ).

Giải thích: Níp Bàn là pháp thoát khỏi ái dục hoàn toàn. Do nhân này các bậc A La Hán khi đã vô dư Níp Bàn thì các khổ như sanh, lão, bệnh, tử... cũng diệt mất không còn dư sót. Như định nghĩa: “Vānato nikkhantanti = Nibbānaṃ” và “Nibbāyanti sabbe vaṭṭadukkhasantāpā etasminti = Nibbānaṃ” và “Nibbāyanti ariyajana etasminti = Nibbānaṃ”. Pháp thoát khỏi ái dục (vanā) trói buộc trong sanh hữu lớn nhỏ làm cho liên kết nhau chằng chịt, gọi là Níp Bàn.

Hoặc khổ luân hồi và nhiệt não sai biệt thường không có trong Níp Bàn. Do đó, pháp diệt tất khổ luân hồi và nhiệt não sai biệt đó gọi là Níp Bàn.

Hoặc các bậc Thánh khi ngũ uẩn Níp Bàn thì diệt tắt rỗng không, tức vô sanh bất tử. Pháp triệt tiêu chấm dứt sự sanh tử gọi là Níp Bàn.

**8. Vấn:** *Hãy cho biết tâm có bao nhiêu loại và nêu pāli lên trình bày?*

**Đáp:** Tâm có 4 loại: Tâm dục giới, tâm sắc giới, tâm vô sắc giới, tâm siêu thế.

Có pāli trình bày: “Tattha cittaṃ tāva catubbhidhaṃ hoti kāmāvacaraṃ rūpāvacaraṃ arūpāvacaraṃ lokuttaraṇceti”.

**9. Vấn:** *Tâm bất thiện nghĩa là gì và có bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm bất thiện là tâm tội lỗi và cho quả trái nghịch lại tâm thiện tức tâm đồng sanh với tâm sở bất thiện.

Tâm bất thiện có 3 loại: Tâm tham, tâm sân, tâm si.

**10. Vấn:** *Hãy trình bày ý nghĩa của các tâm sau đây:*

- 1) Tâm si.
- 2) Tâm quả bất thiện.
- 3) Tâm vô nhân.
- 4) Tâm đại thiện.
- 5) Tâm đại quả.
- 6) Tâm đại tố.
- 7) Tâm dục giới.

**Đáp:**

Tâm si: Tâm sanh lên có tâm sở si làm gốc.

Tâm quả bất thiện: Dị thực quả sanh từ 12 pháp bất thiện như sự thấy, nghe, ngửi, nếm... không tốt.

Tâm vô nhân: Tâm không có 6 nhân đồng sanh.

Tâm đại thiện: Tâm không có tội lỗi và cho quả an lạc.

Gọi là đại là vì có thể làm cho sanh lên nhiều quả hơn mình. Gọi là thiện vì là giai đoạn đầu của thiền định, thắng trí, Đạo, Quả. Khi gom ý của cả hai câu này thì gọi là đại thiện.

Tâm đại quả: Tâm quả của đại thiện.

Bởi vì nói về thọ, tương ứng, trợ cũng giống như các tâm đại thiện. Do đó gọi là đại quả.

Tâm đại tố: Tâm đại tố cũng như tâm đại thiện nhưng chỉ sinh diễn trong cơ tánh của bậc A La Hán nên được gọi là đại tố.

Tâm dục giới: Tâm thường sinh diễn trong 11 cõi dục.

**11. Vấn:** *Hãy phân tích 12 tâm bất thiện theo thọ, tương ứng, trợ?*

**Đáp:**

\* 12 tâm bất thiện phân theo thọ:

Đồng sanh với hỷ có  $4 = 4$  tâm tham thọ hỷ.

Đồng sanh với ưu có  $2 = 2$  tâm sân.

Đồng sanh với xả có  $6 = 4$  tâm tham thọ xả, 2 tâm si.

\* 12 tâm bất thiện phân theo tương ứng:

Tương ứng có  $8 = 4$  tâm tham tương ứng kiến, 2 tâm sân tương ứng phần uất, 1 tâm si tương ứng nghi, 1 tâm

si tương ứng phóng dật.

Bất tương ứng có 4 = 4 tâm tham bất tương ứng kiến.

\* 12 tâm bất thiện phân theo trợ:

Vô trợ có 7 = 4 tâm tham vô trợ, 1 tâm sân vô trợ, 2 tâm si vô trợ

Hữu trợ có 5 = 4 tâm tham hữu trợ, 1 tâm sân hữu trợ.

**12. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây: “Aṭṭhadhā lobhamūlāni... dvādasā kusalā siyumuṃ”.*

**Đáp:** 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si, gom 12 tâm này lại gọi là tâm bất thiện.

**13. Vấn:** *Hãy phân tích tâm vô tịnh hảo theo giống, thọ, tương ứng?*

**Đáp:**

\* Tâm vô tịnh hảo phân theo giống:

Giống bất thiện có 12

Giống quả có 15

Giống tố có 3

\* Tâm vô tịnh hảo phân theo thọ:

Đồng sanh với lạc có 1

Đồng sanh với khổ có 1

Đồng sanh với hỷ có 6

Đồng sanh với ưu có 2

Đồng sanh với xả có 20

\* Tâm vô tình hảo phân theo tương ứng:

Tương ứng có 8

Bất tương ứng có 22

**14. Vấn:** *Tâm tịnh hảo đồng sanh với xả thọ bất tương ứng hữu trợ có số lượng bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm tịnh hảo đồng sanh với xả thọ bất tương ứng hữu trợ có 3 tâm là tâm đại thiện thứ 8, tâm đại quả thứ 8 và tâm đại tố thứ 8.

**15. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa tâm đồng sanh lạc với tâm đồng sanh hỷ và tâm đồng sanh khổ với tâm đồng sanh ưu?*

**Đáp:** Sự khác biệt giữa tâm đồng sanh lạc với tâm đồng sanh hỷ và tâm đồng sanh khổ với tâm đồng sanh ưu như sau:

Tâm đồng sanh với lạc: Là sự lạc thân.

Tâm đồng sanh với hỷ: Là sự lạc tâm.

Tâm đồng sanh với khổ: Là sự khổ thân.

Tâm đồng sanh với ưu: Là sự khổ tâm.

**16. Vấn:** *Ông B biết rõ rằng sát sanh, trộm cắp là bất thiện nhưng một ngày nọ, vợ của ông B không được khỏe nên muốn dùng canh gà, bà ta xúi ông B đi trộm gà về làm thịt cho mình dùng. Ông B miễn cưỡng phải đi trộm gà rồi giết con gà đó. Nhưng*

trong lúc ông B đang trộm gà và giết chết con gà đó thì tâm của ông không hề có sự hài lòng. Hãy cho biết tâm nào sanh lên với ông B trong lúc đó?

**Đáp:** Trong lúc ông B đi trộm gà thì tâm tham thứ 8 sanh lên. Khi giết gà thì tâm sân thứ 2 sanh lên.

**17. Vấn:** Trong tâm dục giới thì tâm thọ hỷ bất tương ứng hữu trợ có số lượng bao nhiêu?

**Đáp:** Trong tâm dục giới thì tâm thọ hỷ bất tương ứng hữu trợ có 4 tâm là tâm tham thứ 4, tâm đại thiện thứ 4, tâm đại quả thứ 4 và tâm đại tố thứ 4.

**18. Vấn:** Hãy dịch **pāli** sau đây:

1) Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ.

2) Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ.

3) Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ.

4) Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ.

5) Sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ.

**Đáp:**

1) Tâm vô trợ đồng sanh với hỷ tương ứng kiến.

2) Tâm hữu trợ đồng sanh với xả bất tương ứng kiến.

3) Tâm tương ứng phóng dật đồng sanh với xả.

4) Tâm nhĩ thức đồng sanh với xả.

5) Tâm thân thức đồng sanh với lạc.

**19. Vấn:** Trong 18 tâm vô nhân thì 7 tâm quả bất thiện không cần gọi là tâm quả bất thiện vô nhân. Nhưng 8 tâm quả thiện thì gọi là tâm quả thiện vô nhân do nhân nào?

**Đáp:**

7 tâm quả bất thiện không cần gọi là tâm quả bất thiện vô nhân. Bởi vì tâm quả bất thiện chỉ có vô nhân, không có hữu nhân. Do nhân này, nên không bắt buộc phải gọi là tâm quả bất thiện vô nhân.

Còn quả sanh lên từ thiện có 2 loại là quả vô nhân và quả hữu nhân. Quả vô nhân là 8 tâm quả thiện như tâm nhãn thức... Quả hữu nhân là tâm đại quả, tâm quả đáo đại, tâm quả siêu thế. Vì để phân biệt nên bắt buộc phải gọi quả của thiện vô nhân là 8 tâm quả thiện vô nhân.

**20. Vấn:** Hãy trình bày sự khác biệt giữa nhãn thức quả bất thiện với nhãn thức quả thiện và khai ngũ môn với khai ý môn.

**Đáp:**

\* Sự khác biệt giữa nhãn thức quả bất thiện với nhãn thức quả thiện: Nhãn thức quả bất thiện là sự thấy cảnh không tốt như nhìn thấy người đánh nhau, thấy ma, thấy người tật nguyền... Còn nhãn thức quả thiện là sự thấy cảnh tốt như thấy người có dáng vóc cân đối, màu da sáng đẹp...

\* Sự khác biệt giữa tâm khai ngũ môn với tâm khai ý môn: Tâm khai ngũ môn có chức năng nhận định cảnh

ngũ đang sanh lên trong ngũ môn. Tâm khai ý môn có chức năng nhận định 6 cảnh, 3 thời và thời giải thoát trong ý môn và khi sát na sanh lên trong ngũ môn thì có phạm sự phán đoán cảnh ngũ là cảnh tốt hay không tốt.

**21. Vấn:** Ông T là người có niềm tin nơi Phật Giáo, ông Đ thì có niềm tin với một tôn giáo khác, hai người đến từ quốc gia khác nhau. Một ngày nọ, họ cùng nhau đi viếng chùa Phật Ngọc, khi đứng trước kim thân Phật, ông T hoan hỷ cung kính đảnh lễ tức thì. Còn ông Đ thì nghĩ “**Đây là kiến trúc mỹ thuật của Thái Lan mà thôi**”. Do đó, khi thấy bạn mình cung kính đảnh lễ, ông Đ nghĩ “**Nếu ta không cung kính đảnh lễ theo phong tục thì mọi người đang có mặt sẽ chỉ trích ta**”. Thế là ông Đ chấp tay đảnh lễ với tâm thản nhiên. Hãy cho biết tâm nào sanh lên với mỗi ông trong lúc đó?

**Đáp:** Ông T đảnh lễ kim thân Phật lúc đó tâm đại thiện thứ 1 hoặc thứ 3 sanh lên. Còn ông Đ thì tâm đại thiện thứ 8 sanh lên.

**22. Vấn:** Bà mẹ dạy đứa con khoảng ba hoặc bốn tuổi đảnh lễ và cách cầm vật thực đặt bát khi Chư Tăng đến nhận bát. Đứa con vâng lời làm đúng như lời mẹ dạy với tâm tràn ngập hoan hỷ. Hãy cho biết lúc ấy tâm nào sanh lên với đứa trẻ ấy?

**Đáp:** Đó là tâm đại thiện thứ 4 sanh lên.

**23. Vấn:** Hãy trình bày sự khác biệt nhau của tâm sau đây:

Asaṅkhārikacitta với Sasaṅkhārikacitta.

Sampayuttacitta với Vippayuttacitta.

Ahetukakusalavipākacitta với Mahāvīpākacitta

Ahetukakiriyaṅcitta với Mahākiriyaṅcitta.

### **Đáp:**

\* Sự khác biệt giữa Asaṅkhārikacitta (tâm vô trợ) với Sasaṅkhārikacitta (tâm hữu trợ):

- Tâm vô trợ: Tâm sanh lên không có sự thúc đẩy, lôi kéo. Khi cho quả cũng cho quả lớn mạnh (tức lâu dài). Và trong cơ tánh của người đó tâm vô trợ thường sanh lên dễ dàng trong kiếp kế tiếp trở đi.

- Tâm hữu trợ: Tâm sanh lên có sự thúc đẩy, lôi kéo. Khi cho quả thì cho quả yếu hơn tâm vô trợ và không lớn mạnh. Và trong cơ tánh của người đó tâm hữu trợ thường sanh lên trong kiếp kế tiếp trở đi.

\* Sự khác biệt giữa Sampayuttacitta (tâm tương ứng) với Vippayuttacitta (tâm bất tương ứng):

- Tâm tương ứng: Tâm tương ứng với 5 loại tâm sở như tâm sở tà kiến, tâm sở hoài nghi, tâm sở phóng dật, tâm sở sân, tâm sở trí tuệ. Khi cho quả thì cho quả lớn mạnh, và trong cơ tánh của người đó tâm tương ứng thường sanh lên dễ dàng trong những kiếp kế tiếp.

- Tâm bất tương ứng: Tâm không tương ứng với 5 loại tâm sở như tâm sở tà kiến, tâm sở hoài nghi, tâm sở phóng dật, tâm sở sân, tâm sở trí tuệ. Khi cho quả thì cho quả yếu hơn tâm tương ứng và cho quả không lớn mạnh. Trong cơ tánh của người đó tâm bất tương ứng sẽ thường sanh lên dễ dàng trong những kiếp kế tiếp.

\* Sự khác biệt giữa Ahetukavipākacitta (tâm quả vô nhân) với Mahāvipākacitta (tâm đại quả):

- Tâm quả vô nhân: Tâm quả của đại thiện nhưng không đồng sanh với nhân. Khi sanh lên bất cảnh cũng không vững chắc và sanh lên được trong cõi dục giới và cõi sắc giới.

- Tâm đại quả: Tâm quả của đại thiện đồng sanh với nhân. Khi sanh lên bất cảnh vững chắc và chỉ sanh lên ở cõi dục giới.

\* Sự khác biệt giữa Ahetukakiriyācitta (tâm tố vô nhân) với Mahākiriyācitta (tâm đại tố):

- Tâm tố vô nhân: Tâm không đồng sanh với nhân là 2 tâm khai môn là tâm dẫn đầu trong việc hành động, nói năng, suy nghĩ, tâm khai ý môn là tâm có chức năng phán quyết cảnh, tâm Ứng Cúng vi tiểu là tâm chỉ làm việc mỉm cười của bậc A La Hán. Ngoài những việc trên, ba tâm này không có thể làm cho thành tựu hành động thiện hạnh cũng như ác hạnh được.

- Tâm đại tố: Tâm đồng sanh với nhân là tâm làm cho thành tựu hành động, lời nói, suy nghĩ của các bậc A La Hán.

**24. Vấn:** *Hãy phân tích 81 tâm hiệp thế theo giống, lãnh vực, tịnh hảo, nhân, thiện định?*

**Đáp:**

\* *81 tâm hiệp thế phân theo giống:*

12 tâm bất thiện thuộc giống bất thiện: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

17 tâm thuộc giống thiện: 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại.

15 tâm quả vô nhân: 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện vô nhân.

17 tâm thuộc giống quả hữu nhân: 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại.

3 tâm tố vô nhân: Tâm khai ngũ môn, tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu.

17 tâm thuộc giống tố hữu nhân: 8 tâm đại tố, 9 tâm tố đáo đại.

*\* 81 tâm hiệp thế phân theo lãnh vực:*

54 tâm thuộc lãnh vực dục giới: 12 tâm bất thiện, 18 tâm vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo.

15 tâm thuộc lãnh vực sắc giới: 3 tâm sơ thiền, 3 tâm nhị thiền, 3 tâm tam thiền, 3 tâm tứ thiền, 3 tâm ngũ thiền.

12 tâm thuộc lãnh vực vô sắc giới: 3 tâm không vô biên xứ, 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm vô sở hữu xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ.

*\* 81 tâm hiệp thế phân theo tịnh hảo:*

30 tâm vô tịnh hảo: 12 tâm bất thiện, 18 tâm vô nhân.

51 tâm tịnh hảo: 24 tâm dục giới tịnh hảo, 27 tâm đáo đại.

*\* 81 tâm hiệp thế phân theo nhân:*

18 tâm vô nhân: 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện vô nhân, 3 tâm tố vô nhân.

63 tâm hữu nhân: 12 tâm bất thiện, 24 tâm dục giới, 27 tâm đáo đại.

*\* 81 tâm hiệp thế phân theo thiên định:*

54 tâm phi thiên: 12 tâm bất thiện, 18 tâm vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo.

27 tâm thiên: 15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới.

**25. Vấn:** Trong 67 tâm thiên thì có bao nhiêu tâm thuộc giống quả, giống thiện, giống tố?

**Đáp:** Trong 67 tâm thiên có 29 tâm thuộc giống thiện, 29 tâm thuộc giống quả và 9 tâm thuộc giống tố.

**26- Vấn:** Hãy trình bày ý nghĩa của tên gọi sau đây:

1- Tâm vô tịnh hảo (asobhanacitta).

2- Tâm sắc giới (rūpāvacaracitta).

3- Tâm đáo đại (mahaggatacitta).

4- Tâm hiệp thế (lokiyacitta).

5- Tâm siêu thế (lokuttaracitta).

6- Tâm thiên (jhānacitta).

**Đáp:**

1) Tâm vô tịnh hảo: Tâm ngoài ra tâm tịnh hảo, hoặc là tâm không đồng sanh với tâm sở tịnh hảo.

2) Tâm sắc giới: Tâm sinh diễn trong cõi sắc giới là nơi sanh lên của sắc vật và phiền não sắc.

Sắc vật (vatthurūpa) là 15 tâm sắc giới và 35 tâm sở.

Phiền não sắc (kilesarūpa) tức ái dục hay sự thỏa thích trong thiên sắc giới, cõi sắc giới, thắng trí.

3) Tâm đáo đại: Tâm đạt đến sự rộng lớn và cao quý.

4) Tâm hiệp thế: Nhóm tâm thường sinh diễn trong cõi dục giới, cõi sắc giới, và cõi vô sắc giới (tam giới).

5) Tâm siêu thế: Nhóm tâm biết cảnh vượt thoát khỏi tam giới.

6) Tâm thiên: Tâm đồng sanh với năm chi thiên như tâm, tứ...

**27. Vấn:** *Trong tâm dục giới, tâm sắc giới, tâm vô sắc giới đều có thiện, quả và tố, nhưng tâm siêu thế chỉ có thiện và quả, không có tố bởi do nhân nào?*

**Đáp:** Trong tâm dục giới, tâm sắc giới, tâm vô sắc giới có cả thiện, quả, tố nhưng trong tâm siêu thế chỉ có tâm thiện và quả, bởi vì liên quan đến thiện. Tức thiện dục giới, thiện sắc giới, thiện vô sắc thường sanh lên được nhiều lần trong một người. Còn thiện siêu thế chỉ sanh lên một lần duy nhất trong một người mà thôi. Do nhân này, thiện dục giới, thiện sắc giới, thiện vô sắc giới khi sanh lên trong cơ tánh của phàm nhân và ba bậc Thánh hữu học được gọi là thiện. Nhưng nếu sanh lên trong cơ tánh của bậc A La Hán thì gọi là tố. Còn đối với tâm thiện siêu thế thì không sanh lên trở lại nữa trong cơ tánh của bậc A La Hán. Chính vì thế mà tâm siêu thế không có tâm tố.

**28. Vấn:** *Hãy cho biết sự khác biệt khi tâm tính theo tóm tắt có 89 và tính theo chi tiết thì có 121? Và tâm thiền có hai chi thiền có bao nhiêu?*

**Đáp:**

Số lượng tâm theo tóm tắt có 89, theo chi tiết có 121 khác biệt nhau ở phần tâm siêu thế. Tức khi nói theo tóm tắt thì có 8 tâm siêu thế, nói theo chi tiết thì có 40 tâm siêu thế.

Tâm thiền có hai chi thiền có 34 tâm. Là 11 tâm tứ thiền và 23 tâm ngũ thiền.

**29. Vấn:** *Hãy phân tích 121 tâm theo giống, thọ, tịnh hảo?*

**Đáp:**

\* 121 tâm phân theo giống:

Giống bất thiện có 12 tâm: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

Giống thiện có 37 tâm: 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm thiện siêu thế.

Giống quả vô nhân có 15 tâm: 7 tâm quả bất thiện, 8 tâm quả thiện vô nhân.

Giống quả hữu nhân có 37 tâm: 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 20 tâm quả siêu thế.

Giống tố vô nhân có 3 tâm: Tâm khai ngũ môn, tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu.

Giống tố hữu nhân có 17 tâm: 8 tâm đại tố, 9 tâm tố đáo đại.

\* 121 tâm phân theo thọ:

Tâm thọ lạc: 1 tâm thân thức thọ lạc.

Tâm thọ khổ: 1 tâm thân thức thọ khổ.

Tâm thọ hỷ có 62 tâm : 4 tâm tham thọ hỷ, 1 tâm quan sát thọ hỷ, 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu thọ hỷ, 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 11 tâm sơ thiền, 11 tâm nhị thiền, 11 tâm tam thiền, 11 tâm tứ thiền.

Tâm thọ xả có 55 tâm: 6 tâm bất thiện thọ xả, 14 tâm vô nhân thọ xả, 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ xả, 23 tâm ngũ thiền thọ xả.

Thọ ưu có 2 tâm sân.

\* 121 tâm phân theo tịnh hảo:

Tâm vô tịnh hảo có 30 : 12 tâm bất thiện, 18 tâm vô nhân.

Tâm tịnh hảo có 91 : 24 tâm dục giới tịnh hảo, 27 tâm đạo đại, 40 tâm siêu thế.

**30. Vấn:** *Hãy thêm vào pāli ... tiếp theo đây:*

Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ...  
kusalacittaṃ.

Vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ... vipākacittaṃ.

Pīti sukha ekaggatāsahitaṃ... kiriyacittaṃ.

Sukha ekaggatāsahitaṃ... kusala-cittaṃ.

Upekkhā ekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna ...

**Đáp:**

Vitakka vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna  
kusalacittaṃ.

Vicāra pīti sukha ekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna vipākacittaṃ.

Pīti sukha ekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna kiriyacittaṃ.

Sukha ekaggatāsahitaṃ cattutthajjhāna kusalacittaṃ.

Upekkhā ekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna kusalacittaṃ vipākacittaṃ kiriyacittaṃ.

**31. Vấn:** Kể từ sơ thiền... tứ thiền là tâm đồng sanh với hỷ có điều nào làm cho biết được không?

**Đáp:** Có thể nhận biết tâm sơ thiền... tứ thiền là tâm đồng sanh với hỷ là do chi thiền tức thiền nào đồng sanh với chi thiền lạc thì được gọi là đồng sanh với hỷ.

**32. Vấn:** Hãy dịch **pāli** sau đây:

Ekādasavidhaṃ tasmā Paṭhamādikamīritaṃ

Jhānamekekamante tu Tevīsatividhaṃ bhava.

**Đáp:** “1 tâm thiền như tâm sơ thiền chẳng hạn có 11 tâm, riêng tâm ngũ thiền có 23 tâm”.

**33. Vấn:** Hãy phân tích tâm thiền có 2 chi thiền theo giống, thế gian, thọ?

**Đáp:**

\* Tâm thiền có 2 chi thiền phân theo giống được 34 tâm: 14 giống thiện, 14 giống quả, 6 giống thọ.

\* Tâm thiền có 2 chi thiền phân theo thế gian (loka) được 34 tâm: 18 tâm hiệp thế, 16 tâm siêu thế.

\* Phân tích tâm thiền có 2 chi theo thọ có 34 tâm: 11 tâm đồng sanh với hỷ, 23 tâm đồng sanh với xả.

**34. Vấn:** *Hãy trình bày kệ ngôn pāli phân tích 89 tâm theo giống:*

**Đáp:** Kệ ngôn phân tích 89 tâm theo giống:

Dvādasākusalānevam Kusalānekavīsati

Chattiseva vipākāni Kiriyaṅcittāni vīsati

**35. Vấn:** *Tương ứng (sampayuttam) có bao nhiêu loại? Và tâm không có tương ứng trí (ñāṇasampayuttam) nhưng tính vào tương ứng trí được bao nhiêu? Và tâm không có ngũ thiện (pañcamajjhāna) nhưng gom vào ngũ thiện được có bao nhiêu? Do nhân nào?*

**Đáp:** Tương ứng có 5 loại:

- Tương ứng kiến (diṭṭhigatasampayuttam).
- Tương ứng phần uất (paṭighasampayuttam).
- Tương ứng nghi (vicikicchāsampayuttam).
- Tương ứng phóng dật (uddhaccasampayuttam).
- Tương ứng trí (ñāṇasampayuttam).

Tâm không có trí tương ứng nhưng tính vào tương ứng trí được có 67 tâm = 27 tâm đáo đại và 40 tâm siêu thế.

Tâm không có ngũ thiện nhưng gom vào ngũ thiện được có 12 tâm = 12 tâm vô sắc.

Gom lại như vậy được bởi vì có hai chi thiện đồng nhau là xả và định.

## Kết Thúc Phần Vấn Đáp Tâm

# TÂM SỞ

## (Cetasikaparamattha)

1. **Vấn :** *Hãy trình bày 4 tướng trạng của tâm sở và nêu dẫn chứng pali?*

**Đáp:** Bốn tướng trạng của tâm sở:

1- Đồng sanh (ekuppāda): Tâm sở luôn đồng sanh với tâm. Nghĩa là khi tâm sanh lên thì tâm sở cũng cùng sanh lên, không thể có được tâm sanh lên trước tâm sở sanh lên sau hoặc tâm sở sanh lên trước tâm sanh lên sau.

2- Đồng diệt (ekanirodha): Tương tự như vậy, khi tâm diệt thì tâm sở cùng diệt. Không có pháp nào diệt trước hoặc diệt sau.

3- Đồng biết cảnh (ekālambana): Cảnh mà tâm biết cũng như cảnh của tâm sở biết. Cũng vậy, cảnh mà tâm sở biết cũng như cảnh của tâm biết. Như tâm biết cảnh màu trắng thì tâm sở cũng biết cảnh màu trắng.

4- Đồng nương vật (ekavatthuka): Nơi nương sanh của tâm sở cũng là nơi nương sanh của tâm. Như tâm nương vào mắt sanh lên thì tâm sở cũng nương vào mắt sanh lên, tâm nương vào trái tim sanh lên thì tâm

sở cũng nương vào trái tim mà sanh lên.

Có palī trình bày như sau:

“Ekuppādanirodhā ca Ekāmbanavattukā  
Cetoyuttā dvipaññāsa Dhammā cetasikā matā”.

2. **Vấn:** *Cơ thể chúng sanh lớn nhỏ khác nhau nhưng nếu không có danh pháp tức tâm, tâm sở đồng sanh thì cơ thể này cũng không thể làm thành tựu phận sự nào được cả. Cho dù có tâm nhưng nếu không có tâm sở cùng đồng sanh hoặc có tâm sở nhưng nếu không có tâm cùng đồng sanh cũng không thể làm thành tựu phận sự nào được, sự việc này do nhân nào?*

**Đáp:** Tất cả chúng sanh dù có cơ thể tròn vẹn nhưng nếu không có danh pháp tức tâm và tâm sở đồng sanh thì cũng không thể làm thành tựu lợi ích nào được. Và ngược lại, nếu chỉ có tâm sở sanh lên mà không có tâm đồng sanh cũng không thể làm thành tựu lợi ích nào được cả. Sự việc này do thực tánh của tâm và tâm sở là pháp phải đồng sanh, đồng diệt, đồng biết cảnh và đồng nương vật mà sanh lên. Ví như dây dẫn điện nếu chỉ có một sợi thì không thể phát ra điện được.

3. **Vấn:** *52 tâm sở nói theo số lượng có bao nhiêu và có bao nhiêu nhóm?*

**Đáp:** 52 tâm sở theo số lượng có 3 nhóm:

- 1- Tâm sở tợ tha (aññasamānarāsīcetasika).
- 2- Tâm sở bất thiện (akusalarāsīcetasika).
- 3- Tâm sở tịnh hảo (sobhaṇarāsīcetasika).

\* Tâm sở tợ tha có 13: 7 tâm sở biến hành (sabbacittasādhāraṇacetāsika), 6 tâm sở biệt cảnh (paṭiṇṇakacetāsika).

\* Tâm sở bất thiện có 14: 4 tâm sở si phần, 3 tâm sở tham phần, 4 tâm sở sân phần, 2 tâm sở hôn phần, 1 tâm sở hoại nghi.

\* Tâm sở tịnh hảo có 25: 19 tâm sở tịnh hảo biến hành, 3 tâm sở ngàn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần, 1 tâm sở trí tuệ.

**4. Vấn:** *Hãy trình bày ý nghĩa tên của nhóm tâm sở này:*

a) Tâm sở biến hành (sabbacittasādhāraṇacetāsika).

b) Tâm sở biệt cảnh (paṭiṇṇakacetāsika).

c) Tâm sở bất thiện biến hành  
(sabbākusalasādhāraṇacetāsika).

d) Tâm sở sân phần (docatukacetāsika).

e) Tâm sở tịnh hảo biến hành  
(Sobhanasādhāraṇacetāsika).

f) Tâm sở vô lượng phần (appamaññācetāsika).

**Đáp:** Ý nghĩa của nhóm tâm sở:

a. Tâm sở biến hành: Tâm sở đồng sanh với tất cả tâm.

b. Tâm sở biệt cảnh: Tâm sở đồng sanh riêng rẽ với một số tâm hiệp thế, tâm siêu thế, tâm tịnh hảo, tâm vô tịnh hảo, tâm thiện, tâm bất thiện, tâm quả, tâm tố.

c. Tâm sở bất thiện biến hành: Tâm sở đồng sanh với tất cả tâm bất thiện.

d. Tâm sở sân phần: Bốn tâm sở có tâm sở sân làm gốc.

e. Tâm sở tịnh hảo biến hành: Tâm sở đồng sanh với tất cả tâm tốt đẹp không tội lỗi.

f. Tâm sở vô lượng phần: Tâm sở sanh lên do nương vào sự khổ đau và an lạc của tất cả chúng sanh không hạn lượng.

**5. Vấn:** *Hãy trình bày thực tánh của tâm sở: Xúc, thọ, tư, tác ý, tầm, thắng giải, hỷ, dục, si, tham, sân, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, bi, tùy hỷ?*

**Đáp:**

- Xúc: Pháp xúc chạm cảnh.

- Thọ: Pháp hưởng thụ cảnh.

- Tư: Pháp đôn đốc và thúc đẩy pháp tương ứng cùng làm phận sự theo mình đến cảnh.

- Tác ý: Pháp hướng đến và dẫn dắt pháp tương ứng đến cảnh.

- Tầm: Pháp suy nghĩ cảnh tức đem pháp tương ứng đến cảnh.

- Thắng giải: Pháp phán quyết cảnh.

- Hỷ: Pháp có sự hân hoan và vui thích trong cảnh.

- Dục: Pháp mong muốn cảnh.

- Si: Pháp che đậy thực tánh thật của cảnh tức sự mê muội.

- Tham: Pháp mong cầu dính mắc cảnh ngũ dục.

- Sân: Pháp hủy diệt cảnh.
- Chánh ngữ: Lời nói tránh xa bốn ngũ ác hạnh không liên quan việc làm nuôi mạng.
- Chánh nghiệp: Việc làm tránh xa ba thân ác hạnh không liên quan việc làm nuôi mạng.
- Chánh mạng: Sự nuôi mạng tránh xa bốn ngũ ác hạnh ba thân ác hạnh.
- Bi: Pháp thương hại chúng sanh đau khổ, như đang bị đau khổ hoặc sẽ bị đau khổ trong tương lai.
- Tùy hỷ: Pháp hài lòng với sự an lạc của chúng sanh, như đang nhận được sự an lạc hoặc sẽ nhận được sự an lạc trong tương lai.

**6. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa các tâm sở:*

- a) Tư với tác ý.
- b) Tâm với tứ.
- c) Dục với tham.
- d) Hôn trầm với thụ miên.

**Đáp:**

*\* Sự khác biệt giữa tư và tác ý:*

Thực tánh của tâm sở tư là pháp thúc đẩy lôi kéo pháp tương ứng cùng làm phận sự với mình đến cảnh. Thực tánh của tâm sở tác ý là pháp hướng đến và dẫn dắt pháp tương ứng đến cảnh. Hai tâm sở này có thực tánh giống và khác nhau như, tư làm phận sự thúc đẩy còn tác ý làm phận sự dẫn dắt. Ví như chiếc xe chạy

được vũng vàng phải nương vào bốn bánh xe. Trong bốn bánh xe đó thì hai bánh xe sau làm phận sự lăn bánh và đẩy chiếc xe đi trên đường muốn đi. Điều này cũng như tâm sở tư có phận sự thúc đẩy và lôi kéo tâm và tâm sở đồng sanh cùng làm phận sự của mình cho thành tựu, giống như hai bánh xe sau. Và tâm sở tác ý làm phận sự dẫn dắt tâm và tâm sở đồng sanh cùng với mình hướng đến trước cảnh, giống như hai bánh xe trước.

*\* Sự khác nhau giữa tâm và tứ:*

Thực tánh tâm là pháp suy nghĩ cảnh và đem pháp đồng sanh đến cảnh còn thực tánh của tứ là pháp bám sát cảnh. Sự khác nhau của hai tâm sở này được ví dụ như, tiếng chuông vang lên đầu tiên giống như tâm làm phận sự đem tâm và tâm sở đồng sanh với mình đến cảnh, tiếng chuông ngân chưa dứt đó giống như tứ làm phận sự diu dắt tâm và tâm sở đồng sanh lên với mình bám sát cảnh không cho tiêu mất.

*\* Sự khác biệt giữa dục và tham:*

Thực tánh dục là pháp mong muốn cảnh còn thực tánh của tham là pháp mong cầu dính mắc trong cảnh ngũ dục. Hai tâm sở này có thực tánh tương tự nhau, nhưng sự mong muốn trong cảnh của dục là thực tánh không có chấp thủ, còn sự mong cầu là thực tánh của tham có sự chấp thủ trong cảnh. So sánh ví dụ của hai tâm sở này thì sự mong muốn của dục giống như người bệnh muốn uống và chích thuốc, sự mong muốn loại này thật bình thản không có hấp lực mạnh mẽ. Còn sự mong muốn của tham giống như một người đói khát muốn vật thực, sự mong muốn loại này có sự hấp lực mạnh mẽ.

*\* Sự khác biệt giữa hôn trầm và thụy miên:*

Thực tánh hôn trầm là pháp làm cho tâm uể oải, lể mề với cảnh. Còn thụy miên có phận sự làm cho tâm và tâm sở đồng sanh lên với mình lười sụt với cảnh. Nhưng cả hai tâm sở này cũng vẫn là pháp thối lùi như nhau. Ví như ngọn lửa với ánh sáng, khi ngọn lửa giảm xuống thì ánh sáng giảm xuống. Sự giảm xuống của ngọn lửa giống như hôn trầm, sự giảm xuống của ánh sáng giống như thụy miên.

**7. Vấn:** *Hãy kể tên các pháp sau đây:*

- a) Pháp ghi nhận cảnh.
- b) Pháp vắng lặng làm cho pháp tương ứng an trú trong một cảnh.
- c) Pháp bảo tồn pháp tương ứng.
- d) Pháp bám sát cảnh.
- e) Pháp thấy sai trong cảnh.
- f) Pháp tự cao chấp ta.
- g) Pháp có sự bứt rứt ác hạnh đã làm và thiện hạnh không làm.

**Đáp:**

- a. Pháp ghi nhận cảnh là tâm sở tưởng.
- b. Pháp vắng lặng làm cho pháp tương ứng an trú trong nhất cảnh là tâm sở nhất hành.
- c. Pháp bảo tồn pháp tương ứng là tâm sở mạng quyền.

- d. Pháp bám sát cảnh là tâm sở tứ.
- e. Pháp thấy sai trong cảnh là tâm sở tà kiến.
- f. Pháp tự cao chấp ta là tâm sở ngã mạn.
- g. Pháp có sự bứt rứt ác hạnh đã làm và thiện hạnh không làm là tâm sở hối.

**8. Vấn:** *Hãy giải thích hoài nghi như thế nào gọi là vicikicchā và sự hoài nghi môn học đang học tập cũng như hoài nghi tên người, tên của đồ vật không từng biết có phải là hoài nghi không?*

**Đáp:** Sự hoài nghi gọi là vicikicchā là sự hoài nghi:

- Không tin ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng, ân đức cha mẹ, ân đức thầy tổ... như ân đức của các bậc đó có hay không?

- Không tin thiện nghiệp, bất thiện nghiệp có thật hay không?

- Không tin quả của thiện nghiệp, quả của bất thiện nghiệp có thật hay không?

- Không tin đời này, đời sau có thật hay không?

- Không tin địa ngục, thiên giới có thật hay không?

Còn hoài nghi trong môn học đang học hay hoài nghi tên đồ vật không từng biết *không gọi là vicikicchā*. Đó chỉ là tâm thiện, tâm bất thiện, tâm tố có tầm tứ dẫn đầu hay không có tầm tứ dẫn đầu mà thôi. Nếu là phàm nhân và Thánh hữu học thì tâm thiện, tâm bất thiện. Nếu là bậc A La Hán thì tâm tố.

**9. Vấn:** Trong 19 tâm sở tịnh hảo biến hành, kể từ tâm sở tín... tâm sở hành xả không trình bày thành cặp. Nhưng 6 cặp tâm sở còn lại như tâm sở tịnh thân, tâm sở tịnh tâm... tâm sở chánh thân, tâm sở chánh tâm lại trình bày thành từng cặp. Như vậy có ngụ ý gì và do nhân nào lại trình bày như thế?

**Đáp:** Trong 19 tâm sở tịnh hảo biến hành, kể từ tâm sở tín... tâm sở hành xả, Đức Phật không thuyết thành cặp do thực tánh của nhóm tâm sở này chỉ diễn tiến riêng rẽ theo danh pháp và sắc biểu tri mà không phổ biến khắp thân thể. Còn 6 cặp tâm sở còn lại như tâm sở tịnh thân, tâm sở tịnh tâm... tâm sở chánh thân, tâm sở chánh tâm thì trạng thái an tịnh, trạng thái nhẹ nhàng... có thể làm cho lan tỏa khắp cùng thân thể được. Đức Phật khẳng định rằng nương vào mãnh lực của 6 cặp tâm sở này cả danh và sắc luôn có trạng thái hiện hữu như nhau nên ngài mới thuyết giảng loại tâm sở này thành từng cặp với nhau.

**10. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây:*

Terasaññasamānā ca Cuddasākusalātathā  
Sobhaṇā pañcavīsāti Dvipaññāsa pavuccare.

**Đáp:** “52 tâm sở là 13 tâm sở tợ tha, 14 tâm sở bất thiện, 25 tâm sở tịnh hảo”.

**11. Vấn:** *Hãy dịch và giải thích kệ ngôn sau đây:*

Satta sabbattha yujjanti Thayāyogaṃ pakiṇṇakā  
Cuddasākusalesveva Sobhaṇesveva sobhaṇā.

**Đáp:** “7 tâm sở biến hành luôn đồng sanh với tất cả tâm, 6 tâm sở biệt cảnh chỉ đồng sanh được một số tâm, 14 tâm sở bất thiện chỉ đồng sanh trong 12 tâm bất thiện, 25 tâm sở tịnh hảo thì đồng sanh trong 59 hoặc 91 tâm tịnh hảo”.

Giải thích: Kệ ngôn này trình bày nguyên tắc tương ứng theo tóm tắt để cho học viên nắm giữ nguyên tắc trước, rồi sau đó sẽ giảng rộng cách tương ứng theo chi tiết.

**12. Vấn:** *Tâm sở đồng sanh được với tất cả tâm hiệp thế có bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm sở đồng sanh được với tất cả tâm hiệp thế có 7 tức là 7 tâm sở biến hành.

**13. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng tâm đồng sanh được và không được với các tâm sở: Tầm, thắng giải, cần, hỷ, dục?*

**Đáp:**

- Tâm đồng sanh được với tầm có 55 tâm và không đồng sanh được là 66 tâm.

- Tâm đồng sanh được với thắng giải có 110 tâm và không đồng sanh được là 11 tâm.

- Tâm đồng sanh được với cần có 105 tâm và không đồng sanh được là 16 tâm.

- Tâm đồng sanh được với hỷ có 51 tâm và không đồng sanh được là 70 tâm.

- Tâm đồng sanh được với dục có 101 tâm và không đồng sanh được là 20 tâm.

**14. Vấn:** *Tâm thọ hỷ không đồng sanh với hỷ được có bao nhiêu? Hãy cho biết do nhân nào không đồng sanh được?*

**Đáp:** Tâm thọ hỷ không đồng sanh với hỷ được có 11 tâm tứ thiền, bởi vì hỷ không thích hợp với cơ tánh của người đắc tứ thiền. Nghĩa là người đắc tam thiền khi tu tiến để vượt khỏi tam thiền thì nhìn thấy nguy hại của hỷ, mới nhàm chán hỷ. Do đó, khi tiếp tục tu tiến thiền rồi đắc tứ thiền thì hỷ không đồng sanh được.

**15. Vấn:** *Hãy trình bày tâm quả đồng sanh với tâm sở: Xúc, thọ, tứ, cần, hỷ.*

**Đáp:**

- Tâm quả đồng sanh với tâm sở xúc được tất cả tâm quả.

- Tâm quả đồng sanh với tâm sở thọ được tất cả tâm quả.

- Tâm quả đồng sanh với tâm sở tứ được: 23 tâm = 2 tâm tiếp thân, 3 tâm quan sát, 8 tâm đại quả, 5 tâm quả sơ thiền, 5 tâm quả nhị thiền.

- Tâm quả đồng sanh với tâm sở cần được: 37 tâm = 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 20 tâm quả siêu thế.

- Tâm quả đồng sanh với tâm sở hỷ được: 20 tâm = 1 tâm quan sát thọ hỷ, 4 tâm đại quả thọ hỷ, 5 tâm quả sơ thiền, 5 tâm quả nhị thiền, 5 tâm quả tam thiền.

**16. Vấn:** Tâm theo tóm tắt có 89 tâm thì tâm sở tầm đồng sanh được bao nhiêu tâm? Và hãy dịch kệ ngôn sau đây:

Sabbāpuññesu cattāro Lobhamūle tayo gatā

Dosaṃūlesu cattāro Sasañkhāre dvāyaṃ tathā.

**Đáp:** Tâm nói theo tóm tắt có 89 tâm thì tâm sở tầm đồng sanh được 55 tâm = 44 tâm dục giới, 3 tâm sơ thiền hiệp thế, 8 tâm siêu thế.

Dịch kệ ngôn trên như sau:

Câu 1: 4 tâm sở si phần đồng sanh được 12 tâm bất thiện.

Câu 2: Tâm sở tham, tà kiến, ngã mạn đồng sanh được 8 tâm bất thiện.

Câu 3: 4 tâm sở sân phần đồng sanh được 2 tâm sân.

Câu 4: 2 tâm sở hôn phần đồng sanh được 5 tâm bất thiện hữu trợ.

**17. Vấn:** Tâm nói theo tóm tắt có 89 tâm thì tâm sở hỷ đôi khi đồng sanh được 27 tâm đôi khi đồng sanh được 35 tâm. Bất định như vậy do nhân nào và 27 tâm và 35 tâm là tâm nào?

**Đáp:** Tâm nói theo tóm tắt có 89 tâm thì tâm sở hỷ đôi khi đồng sanh được 27 tâm, đôi khi đồng sanh được 35 tâm bất định như vậy bởi vì sự đồng sanh với thọ của tâm siêu thế bất định. Nghĩa là nếu tâm siêu thế đồng sanh với thọ xả thì hỷ không đồng sanh với tâm

siêu thế, do đó tâm đồng sanh được 27 tâm. Nếu tâm siêu thế đồng sanh với thọ hỷ thì hỷ đồng sanh được với tâm siêu thế, nên đồng sanh được 35 tâm.

- 27 tâm là 18 tâm dục giới đồng sanh với hỷ, 3 tâm sơ thiền hiệp thế, 3 tâm nhị thiền hiệp thế, 3 tâm tam thiền hiệp thế.

- 35 tâm là 18 tâm dục giới đồng sanh với hỷ, 3 tâm sơ thiền hiệp thế, 3 tâm nhị thiền hiệp thế, 3 tâm tam thiền hiệp thế, 8 tâm siêu thế.

**18. Vấn:** *Hãy giải thích tâm theo sau đây:*

a) Tâm đồng sanh với tầm nhưng không đồng sanh với cần.

b) Tâm đồng sanh với cần nhưng không đồng sanh với tầm.

c) Tâm vừa đồng sanh với tầm cũng vừa đồng sanh với cần.

d) Tâm vừa không đồng sanh với tầm cũng vừa không đồng sanh với cần.

e) Tâm đồng sanh với ngăn trừ phần mà không đồng sanh với vô lượng phần.

f) Tâm đồng sanh với vô lượng phần mà không đồng sanh với ngăn trừ phần.

g) Tâm vừa đồng sanh với ngăn trừ phần cũng vừa đồng sanh với vô lượng phần.

h) Tâm vừa không đồng sanh với ngăn trừ phần cũng vừa không đồng sanh với vô lượng phần.

## Đáp:

a. Tâm đồng sanh với tầm mà không đồng sanh với cần có 6 tâm = 2 tâm tiếp thân, 3 tâm quan sát, 1 tâm khai ngũ môn.

b. Tâm đồng sanh với cần mà không đồng sanh với tầm có 56 tâm = 11 tâm nhị thiền, 11 tâm tam thiền, 11 tâm tứ thiền, 23 tâm ngũ thiền.

c. Tâm vừa đồng sanh với tầm cũng vừa đồng sanh với cần có 49 tâm = 12 tâm bất thiện, 1 tâm khai ý môn, 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu, 24 tâm dục giới tịnh hảo, 11 tâm sơ thiền.

d. Tâm vừa không đồng sanh với tầm cũng vừa không đồng sanh với cần là 10 tâm ngũ song thức.

e. Tâm đồng sanh với ngăn trừ phần nhưng không đồng sanh với vô lượng phần có 8 hoặc 40 tâm siêu thế.

f. Tâm đồng sanh với vô lượng phần nhưng không đồng sanh với ngăn trừ phần có 20 tâm = 8 tâm đại tố, 3 tâm sơ thiền sắc giới, 3 tâm nhị thiền sắc giới, 3 tâm tam thiền sắc giới, 3 tâm tứ thiền sắc giới.

g. Tâm vừa đồng sanh với ngăn trừ phần cũng vừa đồng sanh với vô lượng phần là 8 tâm đại thiện.

h. Tâm vừa không đồng sanh với ngăn trừ phần cũng vừa không đồng sanh với vô lượng phần có 53 tâm = 30 tâm vô tịnh hảo, 8 tâm đại quả, 15 tâm ngũ thiền hiệp thế.

**19. Vấn:** *Hãy trình bày kệ ngôn mà tâm không đồng sanh được với 6 tâm sở biệt cảnh?*

**Đáp:** Kệ ngôn trình bày số lượng tâm không đồng sanh được với 6 tâm sở biệt cảnh:

Chasaṭṭhi pañcapaññāsa      Ekādasa ca soḷasa  
Sattati vīsati ceva              Pakiṇṇakavivajjitā.

**20. Vấn:** *Tâm sở đồng sanh được với tất cả tâm bất thiện có bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm sở đồng sanh được với tất cả tâm bất thiện có 14 = 7 tâm sở biến hành, 1 tâm sở tầm, 1 tâm sở tứ, 1 tâm sở cần, 4 tâm sở si phần.

**21. Vấn:** *Tâm sở bất thiện đồng sanh riêng biệt với tâm tham có bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm sở bất thiện đồng sanh riêng biệt với tâm tham có 3: Tham, tà kiến, ngã mạn.

**22. Vấn:** *Hãy giải thích do nhân nào mà tâm sở tà kiến với tâm sở ngã mạn không sanh lên cùng trong một tâm được?*

**Đáp:** Tâm sở tà kiến và tâm sở ngã mạn không cùng sanh lên trong một tâm được bởi vì tâm sở tà kiến có sự thấy rằng danh sắc ngũ uẩn là thân ta... gọi là ngã kiến (attaḅbha). Còn tâm sở ngã mạn có quan kiến rằng danh sắc ngũ uẩn đây là ta, palī gọi là chấp ta (ahaṃgāha).

Sự chấp thủ cả hai loại này đều nương vào danh sắc ngũ uẩn mà sanh lên, nhưng thực tánh của sự

chấp thủ khác nhau nên không thể sanh lên cùng nhau trong một tâm được.

Ví dụ như nơi thực hành chỉ tịnh và nơi thực hành minh quán. Hai nơi này đều được gọi là nơi thực hành nghiệp xứ nhưng vị lãnh đạo của hai trú xứ thường chấp thủ: “*Phận sự mà ta thực hành và ta chỉ dạy là thù thắng, không có phận sự nào khác so sánh bằng*”. Do quan kiến của vị lãnh đạo trú xứ mỗi bên như đã đề cập ở trên, nên cả hai vị lãnh đạo trú xứ đó không thể đồng quan kiến được.

**23. Vấn:** *Tâm sở bất thiện đồng sanh trong tâm tương ứng mà không đồng sanh trong tâm bất tương ứng có bao nhiêu?*

**Đáp:** Tâm sở bất thiện đồng sanh trong tâm tương ứng mà không đồng sanh trong tâm bất tương ứng có 6 = 1 tâm sở tà kiến, 4 tâm sở sân phần, 1 tâm sở hoài nghi.

**24. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sở bất thiện đồng sanh với: 1 tâm, 2 tâm, 3 tâm, 4 tâm, 5 tâm, 6 tâm, 7 tâm, 8 tâm?*

**Đáp:**

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 1 tâm là tâm sở hoài nghi.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 2 tâm là 4 tâm sở sân phần.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 3 tâm không có.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 4 tâm là tâm sở tà kiến và tâm sở ngã mạn.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 5 tâm là tâm sở hôn trầm và tâm sở thụy miên.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 6 tâm không có.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 7 tâm không có.

- Tâm sở bất thiện đồng sanh với 8 tâm là tâm sở tham.

**25. Vấn:** *Hãy phân tích tâm sở tịnh hảo đồng sanh được với tất cả tâm tịnh hảo và đồng sanh theo riêng biệt?*

**Đáp:**

- Tâm sở tịnh hảo đồng sanh được với tất cả tâm tịnh hảo là 19 tâm sở tịnh hảo biến hành.

- Tâm sở tịnh hảo đồng sanh được với tâm tịnh hảo theo riêng biệt là 3 tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần và 1 tâm sở trí tuệ.

**26. Vấn:** *Hãy trình bày sự đồng sanh của 3 tâm sở ngăn trừ phần trong sát na đồng sanh với tâm hiệp thế và tâm siêu thế có trạng thái khác nhau như thế nào?*

**Đáp:** Trạng thái khác nhau của tâm sở ngăn trừ phần đồng sanh với tâm hiệp thế và tâm siêu thế:

- Sự đồng sanh của tâm sở ngăn trừ phần trong tâm đại thiện bất định không đồng sanh hết, gọi là bất định đi riêng aniyata (và) nānākadāci.

- Sự đồng sanh trong tâm siêu thế của tâm sở ngăn

trừ phần nhất định đồng sanh hết, gọi là nhất định đi chung (niyataekato).

**27. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng tâm đồng sanh với 2 tâm sở vô lượng phần theo lý của **Samānavāda** và **Kecivāda**. Và hãy giải thích cả hai lời nói đó bên nào là đúng?*

**Đáp:**

\* Số lượng tâm đồng sanh với 2 tâm sở vô lượng phần theo lý Samānavāda: 28 tâm = 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 12 tâm sắc giới (trừ 3 tâm ngũ thiền).

\* Số lượng tâm đồng sanh với 2 tâm sở vô lượng phần theo lý Kecivāda: 20 tâm = 4 tâm đại thiện đồng sanh hỷ + 4 tâm đại tố đồng sanh hỷ + 12 tâm sắc giới (trừ 3 tâm ngũ thiền).

Sự đồng sanh của hai tâm sở vô lượng phần có 2 lý:

Bên Samānavāda gồm lời nói của các ngài giáo thọ sư chú giải như ngài giáo thọ sư Anuruddha... đề cập: Hai tâm sở vô lượng phần đồng sanh được 28 tâm. Nhưng Kecivāda tức quan niệm của một số ngài giáo thọ sư trình bày: Hai tâm sở vô lượng phần chỉ đồng sanh được 20 tâm mà thôi. Bởi vì vihiṃsa tức sự hãm hại người khác có chi pháp là tâm sở sân mà thực tánh của bi lại đối nghịch với sân.

Arati tức là sự không hoan hỷ, không vừa lòng với sự tốt đẹp của người khác, chi pháp là thọ ưu có ganh tỵ dẫn đầu. Do đó, bi và tùy hỷ phải đồng sanh với tâm thọ hỷ không thể đồng sanh với tâm thọ xả.

Nhưng Samānavāda tức các ngài giáo thọ sư chú giải đề cập rằng quan niệm của các giáo thọ sư này đúng một phần sai một phần. Đúng một phần tức người đang tu tiến đề mục nghiệp xứ bi, tùy hỷ thì giai đoạn đầu khi còn là chuẩn bị tu tiến (parikammabhāvana) và chuẩn bị tướng (parikammanimitta) chưa đạt đến thủ trì tướng (uggahanimitta) thì bi, tùy hỷ không sanh lên được, cho nên bi, tùy hỷ phải đồng sanh với tâm thọ hỷ. Nhưng khi tu tiến nghiệp xứ bi, tùy hỷ tiếp tục cho đến khi thủ trì tướng sanh lên rồi thì tâm của hành giả tu tiến nghiệp xứ đó thuần thực trong nghiệp xứ bi, tùy hỷ. Do đó, trong sát na tu tiến xứ nghiệp xứ bi, tùy hỷ thì thủ trì tướng có sức mạnh sanh lên, tâm của hành giả thuần thực nên có thể đồng sanh với hỷ thọ cũng được hoặc xả thọ cũng được không bắt buộc phải luôn là hỷ thọ. Vì vậy, nói rằng bi, tùy hỷ mà không sanh lên được với tâm thọ xả là không chuẩn xác.

**28. Vấn:** *Tâm hiệp thế thọ hỷ đồng sanh với tâm sở trí tuệ có bao nhiêu và hãy trình bày ý nghĩa 16 tâm sở tương ứng theo tóm tắt?*

**Đáp:** Tâm hiệp thế thọ hỷ đồng sanh với tâm sở trí tuệ có 18 tâm = 2 tâm đại thiện, 2 tâm đại quả, 2 tâm đại tố, 3 tâm sơ thiền, 3 tâm nhị thiền, 3 tâm tam thiền, 3 tâm tứ thiền.

Trình bày 16 cách tương ứng theo tóm tắt:

\* 13 tâm sở tợ tha có 7 cách tương ứng:

7 tâm sở biến hành tính thành 1 cách tương ứng và 6 tâm sở biệt cảnh tính thành 6 cách tương ứng.

\* 14 tâm sở bất thiện có 5 cách tương ứng:

- 4 tâm sở si phần đồng sanh với 12 tâm bất thiện, tính thành 1 cách tương ứng.

- Tâm sở tham, tà kiến, ngã mạn đồng sanh với 8 tâm tham, tính vào 1 cách tương ứng.

- 4 tâm sở sân phần đồng sanh với 2 tâm sân, tính thành 1 cách tương ứng.

- 2 tâm sở hôn phần đồng sanh với 5 tâm bất thiện hữu trợ, tính thành 1 cách tương ứng.

- 1 tâm sở hoài nghi đồng sanh với tâm hoài nghi, tính thành 1 cách tương ứng.

\* 25 tâm sở tịnh hảo có 4 cách tương ứng:

- 19 tâm sở tịnh hảo biến hành đồng sanh với 59 hoặc 91 tâm tịnh hảo, tính thành 1 cách tương ứng.

- 3 tâm sở ngăn trừ phần đồng sanh với 16 hoặc 48 tâm, tính thành 1 cách tương ứng.

- 2 tâm sở vô lượng phần đồng sanh với 28 tâm, tính thành 1 cách tương ứng.

- Tâm sở trí tuệ đồng sanh với 47 hoặc 79 tâm, tính thành 1 cách tương ứng.

**29. Vấn:** *Hãy dịch cả hai kệ ngôn sau:*

a) Ekūnavāsati dhammā      Jāyantekūnasatṭhisu  
Tayo soḷasa cittesu      Aṭṭhavāsatiyaṃ dvayaṃ.

b) Paññā pakāsitā satta-      Cattāḷisavidhesupi  
Sampayuttā catudhevaṃ      Sobhaṇesveva sobhaṇā.

**Đáp:** Dịch là:

a. 19 tâm sở tịnh hảo biến hành đồng sanh với 59 hoặc 91 tâm tịnh hảo tính thành 1 cách.

3 tâm sở ngăn trừ phần đồng sanh được với 16 hoặc 48 tâm tính thành 1 cách.

2 tâm sở vô lượng phần đồng sanh với 28 tâm tính thành 1 cách.

b. Tâm sở trí tuệ đồng sanh với 47 hoặc 79 tâm tính thành 1 cách.

25 tâm sở tịnh hảo luôn đồng sanh với 59 hoặc 91 tâm tịnh hảo tính thành 1 cách.

Phân ra làm 5 cách như vậy.

**30. Vấn:** *Hãy giải thích kệ ngôn sau đây:*

Issā maccherakukkucca- Viratīkaruṇādayo

Nānā kadāci mano ca Thīnamiddham tathā saha.

**Đáp:** Kệ ngôn này trình bày đến tâm sở đồng sanh bất định gọi là aniyatayogīcetasika.

Phân tâm sở đồng sanh bất định ra thành 3 nhóm:

- Bất định đi riêng (nānākadāci) có 8 là ganh tỵ (tật), bồng xển (lận), hối, 3 ngăn trừ phần, 2 vô lượng phần.

- Bất định đi chung (sahakadāci) có 2 là hôn trầm và thụ miên.

- Bất định là không chắc chắn (kadāci) có 1 tức là ngã mạn.

**31. Vấn:** *Tâm sở bất định (aniyatayogīcetasika) nghĩa là gì và có bao nhiêu? Hãy trình bày số lượng từng nhóm tâm sở này phân tích theo giống?*

**Đáp:** Tâm sở bất định đồng sanh với tâm có 11 tâm sở tức tâm sở ngã mạn, tâm sở tật, tâm sở lận, tâm sở hối, 2 tâm sở hôn phần, 3 tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần.

*Nhóm tâm sở này phân theo giống:*

a. Giống bất thiện có 6 tâm sở: Tâm sở ngã mạn, tâm sở tật, tâm sở lận, tâm sở hối, 2 tâm sở hôn phần,

b. Giống thiện có 5 tâm sở: 3 tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần.

c. Giống quả có 5 tâm sở: 3 tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần.

d. Giống tố có 2 tâm sở: 2 tâm sở vô lượng phần.

**32. Vấn:** *Hãy phân tích nhóm tâm sở bất định này theo nānākadāci, sakadāci, kadāci và nêu dẫn chứng bằng pāli?*

**Đáp:**

Tâm sở bất định đi riêng (nānākadāci) có 8 tâm sở là tật, lận, hối, 3 ngăn trừ phần, 2 vô lượng phần.

Tâm sở bất định đi chung (sakadāci) có 2 tâm sở là hôn trầm và thụ miên.

Tâm sở bất định không chắc chắn (kadāci) có 1 tâm sở là ngã mạn.

Có pāli dẫn chứng như sau:

Issā maccherakukkucca- Viratīkaruṇādayo  
Nānā kadāci mano ca Thīnamiddham tathā saha.

**33. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sở sau đây:*

- a) Tâm sở bất định chắc chắn.
- b) Tâm sở bất định không chắc chắn.
- c) Tâm sở nhất định chắc chắn.
- d) Tâm sở nhất định không chắc chắn.

**Đáp:**

a. Tâm sở bất định chắc chắn có 8 tâm sở là tật, lặn, hối, vô lượng phần, ngã mạn, hôn trầm, thụ miên.

b. Tâm sở bất định không chắc chắn có 3 tâm sở ngăn trừ phần.

c. Tâm sở nhất định chắc chắn có 41 tâm sở (trừ 11 tâm sở bất định).

d. Tâm sở nhất định không chắc chắn có 3 tâm sở ngăn trừ phần.

**34. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng tâm sở đồng sanh với tâm:*

- a) Tâm tham thứ nhất.
- b) Tâm tham thứ tư.
- c) Tâm tham thứ năm.
- d) Tâm tham thứ tám.
- e) Tâm si thứ nhất.

**Đáp:**

a. Tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ nhất có 19 tâm sở.

b. Tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ tư có 21 tâm sở.

c. Tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ năm có 18 tâm sở.

d. Tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ tám có 20 tâm sở.

e. Tâm sở đồng sanh với tâm si thứ nhất có 15 tâm sở.

**35. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây:*

Chattimsānuttare dhammā Pañcatiṃsa mahaggate  
Aṭṭhatiṃsāpi labbhanti Kāmāvacarasobhaṇe  
Sattavīsati puññaṃhi Dvādasāhetuketi ca  
Yathāsambhavayogena Pañcadhā tattha sangaho.

**Đáp:** {Phương pháp yếu hiệp tức tính số lượng tâm sở đồng sanh với 89 hoặc 121 tâm, có 5 trường hợp:

- Tâm siêu thế có 36 tâm sở đồng sanh tức là 13 tâm sở tợ tha, 23 tâm sở tịnh hảo (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

- Tâm đáo đại có 35 tâm sở đồng sanh tức 13 tâm sở tợ tha, 22 tâm sở tịnh hảo (trừ 3 tâm sở ngăn trừ phần).

- Tâm dục giới có 38 tâm sở đồng sanh tức 13 tâm sở tợ tha, 25 tâm sở tịnh hảo.

- Tâm bất thiện có 27 tâm sở đồng sanh tức 13 tâm sở tợ tha, 14 tâm sở bất thiện.

- Tâm vô nhân có 12 tâm sở đồng sanh tức 12 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở dục)}.

**36. Vấn:** *Hãy trình bày tâm bất thiện có số lượng tâm sở đồng sanh: 15, 18, 19, 20, 21, 22.*

**Đáp:**

- Tâm bất thiện có 15 tâm sở đồng sanh là 2 tâm si.
- Tâm bất thiện có 18 tâm sở đồng sanh là tâm tham thứ năm và thứ bảy.
- Tâm bất thiện có 19 tâm sở đồng sanh là tâm tham thứ nhất và thứ ba.
- Tâm bất thiện có 20 tâm sở đồng sanh là tâm tham thứ sáu và thứ tám, tâm sân thứ nhất.
- Tâm bất thiện có 21 tâm sở đồng sanh là tâm tham thứ hai và thứ tư.
- Tâm bất thiện có 22 tâm sở đồng sanh là tâm sân thứ hai.

**37. Vấn:** *Hãy phân tích tâm sở đồng sanh với tâm sân theo bất định và nhất định?*

**Đáp:** Trong số lượng 20 tâm sở đồng sanh với tâm sân thứ nhất có 3 tâm sở bất định và 17 tâm sở nhất định.

Trong số lượng 22 tâm sở đồng sanh với tâm sân thứ hai có 5 tâm sở bất định và 17 tâm sở nhất định.

**38. Vấn:** *Tâm sở liên hệ bất thiện có bao nhiêu? Hãy trình bày dẫn chứng pali.*

**Đáp:** Tâm sở liên hệ bất thiện có 14 tức 4 si phân, 10 tâm sở tợ tha (trừ thắng giải, hỷ, dục) như dẫn chứng pali:

Sādhāraṇā ca cattāro Samānā ca dasāpare

Cuddasete pavuccanti Sabbākusalayogino.

**39. Vấn:** Trong 18 tâm vô nhân, tâm nào có tâm sở đồng sanh nhiều nhất và tâm nào có tâm sở đồng sanh ít nhất?

**Đáp:** Trong 18 tâm vô nhân thì tâm Ứng Cúng vi tiểu có tâm sở đồng sanh nhiều nhất, và tâm có tâm sở đồng sanh ít nhất là tâm ngũ song thức.

**40. Vấn:** Hãy trình bày tâm vô nhân không đồng sanh với tâm sở: Xúc, tầm, cần, dục?

**Đáp:**

- Tâm vô nhân không đồng sanh với xúc không có.
- Tâm vô nhân không đồng sanh với tầm là tâm ngũ song thức.
- Tâm vô nhân không đồng sanh với cần là 15 tâm quả vô nhân, tâm khai ngũ môn.
- Tâm vô nhân không đồng sanh với dục là 18 tâm vô nhân.

**41. Vấn:** Hãy trình bày số lượng tâm sở đồng sanh với tâm: 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại quả, 8 tâm đại tố, 3 tâm nhị thiên sắc giới, 3 tâm tứ thiên sắc giới.

**Đáp:**

- Tâm sở đồng sanh với 8 tâm đại thiện có 38.
- Tâm sở đồng sanh với 8 tâm đại quả có 33.
- Tâm sở đồng sanh với 8 tâm đại tố có 35.
- Tâm sở đồng sanh với 3 tâm nhị thiên sắc giới có 34.
- Tâm sở đồng sanh với 3 tâm tứ thiên sắc giới có 32.

**42. Vấn:** *Hãy phân tích tâm sở đồng sanh với tâm sau đây theo nhất định và bất định: Tâm tham thứ 3, tâm tham thứ 8, tâm đại thiện thứ 1, tâm đại tố thứ 8, 3 tâm sơ thiện hiệp thế, 8 tâm ngũ thiện siêu thế?*

**Đáp:**

a. Trong số lượng 19 tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ 3: Nhất định có 18 tâm sở, bất định có 1 tâm sở.

b. Trong số lượng 20 tâm sở đồng sanh với tâm tham thứ 8: Nhất định có 17 tâm sở, bất định có 3 tâm sở.

c. Trong số lượng 38 tâm sở đồng sanh với tâm đại thiện thứ 1: Nhất định có 33 tâm sở, bất định có 5 tâm sở.

d. Trong số lượng 33 tâm sở đồng sanh với tâm đại tố thứ 8: Nhất định có 31 tâm sở, bất định có 2 tâm sở.

e. Trong số lượng 35 tâm sở đồng sanh với 3 tâm sơ thiện hiệp thế: Nhất định có 33 tâm sở, bất định có 2 tâm sở.

f. Trong số lượng 33 tâm sở đồng sanh với 8 tâm ngũ thiện siêu thế đều là nhất định cả.

**43. Vấn:** *Hãy trình bày tâm tịnh hảo có số lượng tâm sở đồng sanh sau đây: 36 - 35 - 34 - 33 - 32 - 31 - 30?*

**Đáp:**

\* *Tâm tịnh hảo có 36 tâm sở đồng sanh được 10 tâm:* Tâm đại thiện thứ 7, tâm đại thiện thứ 8, 8 tâm sơ thiện siêu thế.

\* *Tâm tịnh hảo có 35 tâm sở đồng sanh được 13 tâm:* Tâm đại tố thứ 1, tâm đại tố thứ 2, 3 tâm sơ thiện sắc giới, 8 tâm nhị thiện siêu thế.

\* *Tâm tịnh hảo có 34 tâm sở đồng sanh được 15 tâm:* Tâm đại tố thứ 3 - 4 - 5 - 6, 3 tâm nhị thiên sắc giới, 8 tâm tam thiên siêu thế.

\* *Tâm tịnh hảo có 33 tâm sở đồng sanh được 23 tâm:* Tâm đại quả thứ 1, tâm đại quả thứ 2, tâm đại tố thứ 7 - 8, 3 tâm tam thiên sắc giới, 8 tâm tứ thiên siêu thế.

\* *Tâm tịnh hảo có 32 tâm sở đồng sanh được 7 tâm:* Tâm đại quả thứ 3 - 4 - 5 - 6, 3 tâm tứ thiên sắc giới.

\* *Tâm tịnh hảo có 31 tâm sở đồng sanh được 2 tâm:* Tâm đại quả thứ 7 - 8.

\* *Tâm tịnh hảo có 30 tâm sở đồng sanh được 15 tâm:* 3 tâm ngũ thiên sắc giới, 12 tâm vô sắc giới.

**44. Vấn:** *Hãy trình bày tóm tắt số lượng yếu hiệp trong tâm:*

- a) 12 tâm bất thiện.
- b) 18 tâm vô nhân.
- c) 8 tâm đại thiện.
- d) 12 tâm vô sắc giới.
- e) 40 tâm siêu thế.

**Đáp:**

a. Trong 12 tâm bất thiện có 7 cách yếu hiệp = 19, 21, 18, 20, 17, 19, 15 tâm sở.

b. Trong 18 tâm vô nhân có 4 cách yếu hiệp = 7, 10, 11, 12 tâm sở.

c. Trong 8 tâm đại thiện có 4 cách yếu hiệp = 31, 32, 33, 34 tâm sở.

- d. Trong 12 tâm vô sắc giới có 1 cách yếu hiệp = 30.  
e. Trong 40 tâm siêu thế có 4 cách yếu hiệp = 36, 35, 34, 33 tâm sở.

**45. Vấn:** *Hãy trình bày ý nghĩa theo cách tương ứng (sampayutta) và yếu hiệp (saṅgaha)?*

**Đáp:** Cách tương ứng và yếu hiệp có ý nghĩa như sau:

Cách tương ứng tức là nêu tâm sở lên làm trọng yếu, rồi trình bày số lượng tâm mà tâm sở đồng sanh có bao nhiêu.

Cách yếu hiệp là nêu tâm lên làm trọng yếu, rồi trình bày số lượng tâm sở đồng sanh với tâm có bao nhiêu.

Hoặc nói cách khác:

- Tương ứng là tính số lượng tâm mà tâm sở đồng sanh được.
- Yếu hiệp là tính số lượng tâm sở mà tâm đồng sanh được.

**46. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng tâm sở đồng sanh với các tâm sở: Thọ, tầm, thắng giải, hỷ, dục, si, tà kiến, lận, hôn trầm, hoài nghi, tín, bi?*

**Đáp:**

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở thọ có 51 tâm sở (trừ tâm sở thọ).
- Tâm sở đồng sanh với tâm sở tầm có 51 tâm sở (trừ tâm sở tầm).
- Tâm sở đồng sanh với tâm sở thắng giải có 50 tâm sở (trừ tâm sở thắng giải, tâm sở hoài nghi).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở hỷ có 46 tâm sở (trừ 4 tâm sở sân phần, tâm sở hỷ, tâm sở hoài nghi).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở dục có 50 tâm sở (trừ tâm sở dục, tâm sở hoài nghi).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở si có 26 tâm sở (trừ tâm sở si, 25 tâm sở tịnh hảo).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở tà kiến có 20 tâm sở (trừ tâm sở tà kiến, tâm sở ngã mạn, 4 tâm sở sân phần, 1 tâm sở hoài nghi, 25 tâm sở tịnh hảo).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở lạn có 19 tâm sở (trừ tâm sở lạn, 3 tâm sở tham phần, 3 tâm sở sân phần, 1 tâm sở hoài nghi, 25 tâm sở tịnh hảo).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở hôn trầm có 25 tâm sở (trừ tâm sở hôn trầm, tâm sở hoài nghi, 25 tâm sở tịnh hảo).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở hoài nghi có 14 tâm sở (trừ tâm sở hoài nghi, tâm sở dục, tâm sở thắng giải, tâm sở hỷ, 2 tâm sở hôn phần, 3 tâm sở tham phần, 4 tâm sở sân phần, 25 tâm sở tịnh hảo).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở tín có 37 tâm sở (trừ tâm sở tín, 14 tâm sở bất thiện).

- Tâm sở đồng sanh với tâm sở bi có 33 tâm sở (trừ tâm sở bi, tâm sở tùy hỷ, 3 tâm sở ngăn trừ phần 14 tâm sở bất thiện).

**47. Vấn:** Bà Vàng là bậc Thánh Nhập Lưu, một hôm bà đi ngang qua rạp chiếu phim, nhìn thấy bảng quảng cáo thì có sự muốn xem khởi lên bà liền vào xem. Hãy cho biết trong lúc đó tâm sở nào dẫn đầu và có

*bao nhiêu tâm sở khác đồng sanh?*

**Đáp:**

Trong lúc đó tâm sở tham dẫn đầu và có 17 tâm sở đồng sanh là 13 tâm sở tợ tha và 4 tâm sở si phần.

Hoặc trong lúc đó tâm sở tham dẫn đầu và có 18 tâm sở đồng sanh là 13 tâm sở tợ tha, 4 tâm sở si phần, 1 tâm sở ngã mạn.

**48. Vấn:** *Khi vừa biết rằng đứa con trai thi rớt, người cha không rầy la. Nhưng sau đó, vào một ngày nọ, nghe thầy giáo bảo là đứa con trai của ông không chuyên tâm học hành, không thường xuyên đến trường, người cha nổi giận tức thì. Hãy cho biết lúc đó tâm sở nào dẫn đầu và có bao nhiêu tâm sở khác đồng sanh?*

**Đáp:** Lúc đó tâm sở sân dẫn đầu và có 16 tâm sở khác đồng sanh: 12 tâm sở tợ tha và 4 tâm sở si phần.

**49. Vấn:** *Khi vừa đọc lên câu hỏi về thắng pháp thì biết câu giải đáp ngay tức thì. Hãy cho biết trong lúc đó tâm sở nào dẫn đầu và có bao nhiêu tâm sở khác đồng sanh?*

**Đáp:** Trong lúc đó tâm sở trí tuệ dẫn đầu và có 34 tâm sở khác đồng sanh: 13 tâm sở tợ tha, 19 tâm sở tịnh hảo biến hành, 2 tâm sở vô lượng phần.

**50. Vấn:** *Hãy trình bày theo chi tiết nhóm tâm sở: Xúc, tứ, hỷ, phóng dật, ngã mạn, thụy miên, sân, hoài nghi, vô sân, chánh ngữ, tùy hỷ, trí tuệ đồng sanh được bao nhiêu tâm?*

## **Đáp:**

- Tâm sở xúc tương ứng được 121.
- Tâm sở tứ tương ứng được  $66 = 44$  tâm dục giới (trừ 10 tâm ngũ song thức), 11 tâm sơ thiên, 11 tâm nhị thiên.
- Tâm sở hỷ tương ứng được  $51 = 18$  tâm dục giới thọ hỷ, 33 tâm thiên đồng sanh với hỷ.
- Tâm sở phóng dật tương ứng được  $12 = 8$  tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.
- Tâm sở ngã mạn tương ứng được có  $4 = 4$  tâm tham bất tương ứng kiến.
- Tâm sở thùy miên tương ứng được có  $5 = 4$  tâm tham hữu trợ, 1 tâm sân hữu trợ.
- Tâm sở sân tương ứng được  $2 = 2$  tâm sân.
- Tâm sở hoài nghi tương ứng được  $1 = 1$  tâm si hoài nghi.
- Tâm sở vô sân tương ứng được  $91 = 51$  tâm tịnh hảo hiệp thế, 40 tâm siêu thế.
- Tâm sở chánh ngữ tương ứng được  $48 = 8$  tâm đại thiện, 40 tâm siêu thế.
- Tâm sở tùy hỷ tương ứng được  $28 = 8$  tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 12 tâm thiên sắc giới đồng sanh với hỷ.
- Tâm sở trí tuệ tương ứng được  $79 = 12$  tâm dục giới tịnh hảo tương ứng trí, 67 tâm thiên.

## **Kết Thúc Phần Vấn Đáp Tâm Sở**

## SẮC PHÁP (Rūpaparamattha)

1. **Vấn:** *Sắc pháp chơn để phân ra bao nhiêu cách? Hãy giảng giải ý nghĩa của các cách đó?*

**Đáp:** Sự trình bày sắc pháp chơn để này được phân ra thành 5 cách:

- a. Trình bày sắc theo tóm tắt (rūpasamuddesanaya).
- b. Trình bày sắc theo chi tiết (rūpavibhāganaya).
- c. Trình bày sở sanh của sắc (rūpasamuṭṭhānaya).
- d. Trình bày sắc sanh lên thành từng đoàn (rūpakalāpanaya).
- e. Trình bày sự sanh diệt của sắc theo tuần tự (rūpapavattikamanaya).

2. **Vấn:** *Hãy trình bày tên gọi và số lượng của nhóm sắc pháp?*

**Đáp:** Sắc pháp có 28:

Đất, nước, lửa, gió.

Thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ, thần kinh tỷ, thần kinh thiệt, thần kinh thân.

Cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị.

Nữ tánh, nam tánh.

Sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc vật thực, sắc giao giới.

Thân biểu tri, ngữ biểu tri.

Sắc khinh, sắc nhu, sắc thích nghiệp.

Sắc sinh, sắc tiến, sắc dị, sắc diệt.

**3. Vấn:** *28 sắc pháp nếu xếp thành loại lớn có bao nhiêu? Và khi xếp thành loại nhỏ thì có bao nhiêu?*

**Đáp:**

28 sắc pháp nếu xếp thành loại lớn có 2: 18 sắc thành tựu (nipphanna) và 10 sắc phi thành tựu (anipphanna).

Nếu xếp thành loại nhỏ có 11: 4 sắc tứ đại, 5 sắc thanh triệt, 7 hoặc 4 sắc cảnh giới, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền, 1 sắc vật thực, 1 sắc giao giới, 2 sắc biểu tri, 3 hoặc 5 sắc đặc biệt, 4 sắc tướng.

**4. Vấn:** *Hãy phân tích 28 sắc pháp chơn đế thật và giả. Và hãy trình bày ý nghĩa tên của các sắc pháp sau: Sắc thực tính (sabhāvarūpa), sắc phi thực tính (asabhāvarūpa), sắc hữu tướng (salakkhaṇarūpa), sắc phi hữu tướng (asalakkhaṇarūpa), sắc thành tựu (nipphannarūpa), sắc phi thành tựu (anipphannarūpa), sắc biến hoại (rūparūpa), sắc phi biến hoại (arūparūpa), sắc thẩm quán (sammasanarūpa), sắc phi thẩm quán (asammasanarūpa)?*

## Đáp:

- Sắc chơn để thật có 18 sắc: 4 sắc tứ đại, 5 sắc thân kinh, 7 hoặc 4 sắc cảnh giới, 2 sắc tánh, 2 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền.

- Sắc chơn để giả có 10: 1 sắc giao giới, 2 sắc biểu tri, 3 hoặc 5 sắc đặc biệt, 4 sắc tướng.

Ý nghĩa tên gọi của sắc:

- Sắc thực tánh (sabhāvarūpa): Sắc có thực tánh riêng của mình.

- Sắc phi thực tánh (asabhāvarūpa): Sắc không có thực tánh riêng của mình.

- Sắc có tướng trạng vô thường, khổ, vô ngã (salakkhaṇarūpa).

- Sắc phi tướng trạng vô thường, khổ, vô ngã. (asalakkhaṇarūpa).

- Sắc sanh từ nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực (nipphannarūpa).

- Sắc không sanh từ nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực (anipphannarūpa).

- Sắc suy tàn, biến hoại (rūparūpa).

- Sắc phi suy tàn, biến hoại (arūparūpa).

- Sắc mà hành giả quán xét theo vô thường, khổ, vô ngã (sammasanarūpa).

- Sắc mà hành giả không quán xét theo vô thường, khổ, vô ngã (asammasanarūpa).

5. **Vấn:** *Hãy trình bày ý nghĩa của từ sắc đại hiển (mahābhūtarūpa), sắc y sinh (upadāyarūpa) cùng với định nghĩa. Và hãy trình bày ý nghĩa tóm tắt của các sắc: Đất, nước, lửa, gió, sắc thần kinh, sắc cảnh sắc, sắc cảnh xúc, sắc nữ tánh, sắc mạng quyền, sắc thân biểu tri, sắc khinh, sắc sanh, sắc diệt?*

**Đáp:**

\* Sắc đại hiển là nói đến sắc lớn và hiển lộ rõ ràng. Như định nghĩa: “Upādinnānupādinnaśāntānesu salakkhaṇato, sasambhārato ca mahantāni hutvā bhavanti pātubhavanti: Mahābhūtāni”. Sắc nào lớn và biểu lộ rõ ràng bởi thực tướng của mình và hình tướng của mình trong cơ tánh của đối tượng có mạng quyền và vô mạng quyền, nhóm sắc đó gọi là sắc đại hiển (mahābhūtarūpa).

\* Sắc y sinh là nói đến sắc nương vào sắc đại hiển mà sanh lên. Như định nghĩa: “Mahābhūtānaṃ upādāya pavattaṃ rūpanti: Upadāyarūpaṃ”. Sắc sanh lên nương vào sắc đại hiển, nhóm sắc đó gọi là sắc y sinh (upadāyarūpa).

Ý nghĩa của sắc theo tóm tắt:

- Đất là sắc cứng và mềm.
- Nước là sắc rỉ chảy và quên tụ.
- Lửa là sắc lạnh và nóng.
- Gió là sắc lay động và căn phồng.
- Thần kinh nhãn là sắc trong ngần có thể bắt cảnh sắc.

- Thần kinh nhĩ là sắc trong ngằn có thể bắt cảnh thính.
- Thần kinh tỷ là sắc trong ngằn có thể bắt cảnh khí.
- Thần kinh thiệt là sắc trong ngằn có thể bắt cảnh vị.
- Thần kinh thân là sắc trong ngằn có thể bắt cảnh xúc.

- Sắc cảnh sắc là các màu sắc.
- Sắc cảnh thính là các âm thanh.
- Sắc cảnh khí là các mùi.
- Sắc cảnh vị là các vị.
- Sắc cảnh xúc là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dùn.
- Sắc nữ tánh là sắc làm nhân hiện bày nữ giới.
- Sắc nam tánh là sắc làm nhân hiện bày nam giới.
- Sắc mạng quyền là sắc bảo tồn tất cả sắc nghiệp.
- Sắc thân biểu tri là sắc chuyển động của thân.
- Sắc khinh là sự nhẹ nhàng của sắc thành tựu (nipphannārūpa).

- Sắc sanh là sự sanh lên lần đầu và sự sanh lên lần sau cho đến khi đầy đủ sắc thích hợp sanh lên của sắc thành tựu.

- Sắc diệt là sự diệt của sắc thành tựu.

**6. Vấn:** *Hãy trình bày sự sanh lên của 28 sắc pháp trong thân thể chúng sanh?*

**Đáp:** Trong thân thể chúng sanh có thể quán xét sự sanh lên của 28 sắc pháp từ mỗi loại sắc như:

1. Sắc tứ đại sanh trong khắp thân thể.
2. Sắc thần kinh nhãn sanh nơi mắt.
3. Sắc thần kinh nhĩ sanh nơi lỗ tai.
4. Sắc thần kinh tỷ sanh nơi lỗ mũi.
5. Sắc thần kinh thiệt sanh nơi lưỡi.

- |   |   |  |
|---|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> <li>6. Sắc thần kinh thân</li> <li>7. Sắc cảnh sắc</li> <li>8. Sắc cảnh khí</li> <li>9. Sắc cảnh vị</li> <li>10. Sắc cảnh xúc</li> </ol> | } | <p>Sanh lên<br/>trong khắp thân thể.</p> |
|---|---|--|

11. Sắc cảnh tinh sanh lên được trong khắp thân thể.

12. Sắc nữ tánh sanh lên được trong khắp thân thể nữ giới.

13. Sắc nam tánh sanh lên được trong khắp thân thể nam giới.

14. Sắc ý vật sanh nơi trái tim.

- |   |   |  |
|---|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> <li>15. Sắc mạng quyền</li> <li>16. Sắc vật thực</li> <li>17. Sắc giao giới</li> </ol> | } | <p>Sanh lên<br/>trong khắp thân thể.</p> |
|---|---|--|

18. Sắc thân biểu tri sanh lên được trong khắp thân thể.

19. Sắc ngữ biểu tri sanh lên được nơi miệng.

20. 3 sắc đặc biệt sanh lên được trong khắp thân thể.

21. 4 sắc tướng nương sanh trong khắp thân thể.

7. **Vấn:** *Hãy trình bày thực tướng và giải thích tóm tắt các sắc: Đất, nước, lửa, gió và nguyên tố nước, nguyên tố lửa, nguyên tố gió phân ra có bao nhiêu loại?*

**Đáp:** Giải thích thực tướng của sắc:

1. Nguyên tố đất (pathavī) có trạng thái cứng (kakkhaḷakkhaṇā). Tức là khi so sánh với ba sắc đại hiện thì nguyên tố đất có trạng thái cứng. Nếu một vật chất nào chủ yếu có nguyên tố đất nhiều thì trạng thái cứng hiển lộ như sắt, đá, cây... và nếu một vật chất nào có nguyên tố đất ít thì trạng thái cứng không hiển lộ rõ. Khi xúc chạm nhận thức là trạng thái mềm nghĩa là nguyên tố cứng ít mới làm cho nhận thức là mềm.

Lại nữa, nguyên tố đất là nền tảng nương tựa cho sắc khác, nếu loại bỏ nguyên tố đất thì thân thể, dáng vóc, màu da cho đến sự nhận thức sai khác cũng không hiển lộ được.

Như định nghĩa: “Sahajātarūpāni pathanti patitṭhahanti etthāti = Pathavī”. *Các sắc đồng sanh thường tồn tại nơi pháp nào, pháp làm nền tảng nương tựa cho nhóm sắc pháp đồng sanh pháp đó, gọi là đất.*

2. Nguyên tố nước (āpo) có trạng thái loang chảy và quển tụ (paggharaṇalakkhaṇa hoặc abandhanalakkhaṇa). Nguyên tố nước này nếu hiện hữu nhiều trong vật chất nào thì thường làm cho vật chất đó loang lỏng ra và rĩ chảy. Nếu ít thì làm cho vật chất đó quển tụ lại thành khối, thành đông. Giống như chất keo có thể làm cho vật chất kết dính lại với nhau được như thế nào thì nguyên

tổ nước cũng có thể làm dính nguyên tố đất cho quện tụ lại thành các hình dạng được cũng như thế đó.

Trong vật chất nào có nguyên tố nước nhiều hơn nguyên tố đất thì chính năng lực của nguyên tố nước làm cho nguyên tố đất giảm năng lực xuống. Đây chính nhân làm cho vật chất đó mềm ra và loang chảy. Như nước mà ta thấy, nước đó chảy đi được là do nguyên tố nước nhiều, nguyên tố đất ít. Khi nguyên tố đất ít thì chính nguyên tố đất ấy loang chảy do nương vào nguyên tố nước là pháp làm cho loang chảy, chứ không phải nguyên tố nước loang chảy như ta thường hiểu. Bởi vì nguyên tố nước không thấy được bằng mắt hoặc xúc chạm bằng thân mà chỉ nhận biết bằng tâm. Và trong vật chất nào có nguyên tố nước ít hơn nguyên tố đất thì năng lực của nguyên tố nước cũng làm cho nguyên tố đất quện tụ lại thành khối, thành đồng.

Như định nghĩa trình bày: “Āpeti sahajātarūpesu byāpetvā tiṭṭhatīti = Āpo”. *Pháp làm loang chảy quện tụ các sắc pháp đồng sanh với mình và được tồn tại trong nhóm sắc pháp, được gọi là nước.*

Nguyên tố nước phân ra làm 2 loại:

a. Nguyên tố nước có trạng thái loang chảy (paggharaṇalakkhaṇa) nếu nguyên tố nước (thủy đại) nằm trong nước bị lửa lạnh thì trạng thái quện tụ (ābandhanalakkhaṇa) sẽ hiện bày.

b. Nguyên tố nước có trạng thái quện tụ (ābandhanalakkhaṇa) nếu nguyên tố nước trong kim loại vàng, sáp, mật ong bị lửa nóng thì trạng thái loang chảy (paggharaṇalakkhaṇa) sẽ hiện bày.

3. Nguyên tố lửa (tejo) có trạng thái nóng và lạnh. Trạng thái nóng gọi là uṇahatejo, trạng thái lạnh gọi là sītatejo. Hai loại lửa này có hơi (uṇahattalakkhaṇā) là trạng thái, nghĩa là lửa nóng có hơi nóng, lửa lạnh có hơi lạnh. Và cả hai nguyên tố lửa này có chức năng làm cho vật chất được chín và mềm mại. Như có một số loại vật thực được làm chín do sự nóng, một số loại vật thực được làm chín bởi sự lạnh.

Như định nghĩa: “Tejeti paripācetīti = Tejo”. *Pháp làm cho chín, được gọi là lửa.*

Nguyên tố lửa có 5 loại:

a. Nguyên tố lửa thường ở trong thân của tất cả chúng sanh (usamātejo).

b. Nguyên tố lửa có sự nóng nhiều (santappanatejo).

c. Nguyên tố có sự nóng cao độ có thể thiêu đốt làm cho thân thể khủng hoảng (dahanatejo).

d. Nguyên tố lửa làm cho thân thể tiêu tụy (jiraṇatejo).

e. Nguyên tố lửa có chức năng làm cho vật thực tiêu hóa nát vụn (pācakatejo).

4. Nguyên tố gió (vāyo) có thực tánh căng phồng và lay động (vitthambanalakkhaṇā hoặc samīraṇalakkhaṇā):

Nguyên tố gió có trạng thái căng phồng gọi là vitthambanavāyo. Như trong thân thể ta nếu trạng thái căng phồng hiển lộ sẽ cảm nhận sự căng thẳng, mệt mỏi. Và trong các vật chất mà tồn tại vững chắc được cũng do năng lực của nguyên tố gió có trạng thái căng phồng, như bong bóng mà được bơm khí vào.

Như định nghĩa: “Vāyati sahaḥjātadhamme apatamāne katvā vahatīti: Vāyo”. Nguyên tố làm cho sắc đồng sanh với mình được vững chắc không sê dịch, được gọi là gió.

Nguyên tố gió có thực tánh lay động gọi là samīraṇavāyo, gió này làm cho sắc đồng sanh với mình lay động. Như tất cả chúng sanh di chuyển... hoặc vật thể biến đổi khác trước khi chuyển động được bởi do năng lực của nguyên tố gió có thực tánh lay động.

Như định nghĩa: “Vāyati desantaruppatti hetubhāvena bhūtasamghātaṃ pāpetīti: Vāyo”. Nguyên tố làm cho nhóm sắc đại hiển đồng sanh với mình di chuyển đi nơi khác, do nhân làm phát sanh sự di chuyển từ nơi này đến nơi khác, gọi nguyên tố đó là gió.

Nguyên tố gió có 6 loại:

- a. Nguyên tố gió thổi lên trên (uddhaṅgamavāyo).
- b. Nguyên tố gió thổi xuống dưới (adhagamavāyo).
- c. Nguyên tố gió thổi trong bụng (kucchiṭṭhavāyo).
- d. Nguyên tố gió nằm lẫn lộn trong ruột già (koṭṭhasayavāyo).
- e. Nguyên tố gió nằm khắp thân thể (aṅgamāṅanusārīvāyo).
- f. Hơi thở ra vô (assāsapassāsavāyo).

**8. Vấn:** *Hãy trình bày định nghĩa và giải thích các sắc pháp: Thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ, thần kinh tỷ, thần kinh thiệt, thần kinh thân?*

## Đáp:

\* Thần kinh nhãn có định nghĩa:

“Cakkhuvīññāṇadhiṭṭhitam hutvā samavisamaṃ cakkhati ācikkhantaṃ viya hotīti = Cakkhu”. Sắc làm nền tảng cho nhãn thức và có trạng thái giống như báo cho nhãn thức biết được “*Cảnh này tốt, cảnh kia không tốt*”, được gọi là nhãn tức thần kinh nhãn.

Thần kinh nhãn là một loại pháp sanh từ nghiệp, có sự trong ngần như tấm gương soi. Là vật bắt cảnh sắc định vị nơi tròng đen, nằm giữa 7 lớp màng con mắt giống như dầu mè thấm ướt 7 lớp bông gòn, to khoảng đầu con chí. Có chức năng làm cho thành tựu 2 phận sự:

1. Là vật làm nơi nương cho tâm nhãn thức.
2. Là môn làm nơi phát sanh cho lộ tâm nhãn môn.

Nói rằng thần kinh nhãn có thực tánh giống như báo cho nhãn thức nhận biết được trong cảnh là để so sánh cho hiểu chớ sự nhận biết cảnh tốt hoặc không tốt là chức năng của lộ tâm ý môn.

\* Thần kinh nhĩ có định nghĩa: “Sotaviññāṇadhiṭṭhitam hutvā saddaṃ suṇātīti = Sotaṃ”. Sắc làm nền tảng cho tâm nhĩ thức luôn nghe được âm thanh, được gọi là nhĩ tức là thần kinh nhĩ. Điều này được trình bày theo cách gián tiếp (tḥānayūpacāranaya).

Một lý khác nữa “Saddaṃ suṇanti etenāti: Sotaṃ (vā) Sadde suyanti etenāti = Sotaṃ”. Tâm và tâm sở thường nghe được âm thanh do nương vào sắc nào, sắc làm nhân cho sự nghe của tâm, tâm sở đó gọi là nhĩ tức thần kinh nhĩ. Hoặc tất cả chúng sanh nghe được âm

thanh do nương vào sắc nào, sắc làm nhân cho sự nghe của chúng sanh đó, gọi là nhĩ hay thần kinh nhĩ. Điều thứ hai này được trình bày theo cách trực tiếp (mukhayanaya).

Thần kinh nhĩ là một loại pháp sanh từ nghiệp, có sự trong ngần là pháp tiếp nhận các âm thanh, được định vị bên trong lỗ tai, có hình dáng giống như chiếc nhẫn khoan tròn mọc lên thành hàng lông đỏ mịn, thần kinh nhĩ lan rộng khắp vùng đó. Có chức năng làm cho thành tựu 2 phạm sự:

1. Là vật làm nền tảng cho tâm nhĩ thức sanh lên.
2. Là môn làm nơi phát sanh lộ tâm nhĩ môn.

\* Thần kinh tử có định nghĩa: “Ghāyatīti: Ghānaṃ” Sắc thường ngửi mùi được gọi là tử, tức thần kinh tử. Định nghĩa này trình bày theo gián tiếp (ṭhānayūpacāranaya). Bởi vì thần kinh tử không có khả năng ngửi mùi được, chỉ tâm tử thức nương riêng biệt vào thần kinh tử là pháp ngửi mùi mà thôi.

Một lý khác nữa được trình bày: “Ghāyanti etenāti: Ghānaṃ (và) Ghāyīyanti etenāti = Ghānaṃ” Tất cả chúng sanh thường ngửi mùi được bằng sắc nào, sắc làm nhân cho sự ngửi mùi của tất cả chúng sanh đó, gọi là tử. Hoặc tất cả chúng sanh phải ngửi mùi bằng sắc nào, sắc làm nhân cho việc phải ngửi mùi của tất cả chúng sanh, gọi là tử. Hai cách định nghĩa này trình bày theo trực tiếp (mukhayanaya).

Thần kinh tử là loại pháp sanh từ nghiệp, có sự trong ngần là pháp thu nhận mùi sai khác định vị trong mũi,

có hình dáng như móng chân dê. Có chức năng làm cho thành tựu 2 phạm sự:

1. Là vật làm nền tảng cho tâm tử thức sanh lên.
2. Là môn làm nơi phát sanh tâm lộ tử môn.

\* Thần kinh thiết có định nghĩa: “Jīvitam avhāyatīti: Jīvhā” Sắc có thực tánh giống như nếm vị là nhân làm cho trường thọ, được gọi là thiết.

Jīvhā phân ra làm hai câu: “Jīvita + avhā”. Jīvita dịch là thọ mạng. Nhưng trong nơi đây dịch là vị vì thọ mạng được duy trì phải nương vào vị. Tức dùng vật thực như chua, ngọt... thì thọ mạng mới tồn tại được dài lâu. Do vậy, mới nêu jīvita lên làm tên gọi của thọ mạng là thành quả của vị (rasa). Nêu vị lên làm nhân rồi gọi các vị... là thọ mạng nhưng chỉ gọi theo bằng cách gián tiếp (phalūpacāranaya).

Avhā dịch là hội tập khi gom lại với jīvita thì nói đến sự hội tập các vị. Bởi vì pháp thần kinh thiết này thường nghiêng về các vị là pháp thích nghi với thiết thức.

Khi gom từ jīvita với từ avhā lại với nhau thì thành jīvhā. Thần kinh thiết này là một loại pháp sanh từ nghiệp, có sự trong sạch là pháp thấu nhận cảnh vị sai khác. Định vị ở giữa lưỡi, có hình dáng giống như cánh hoa sen. Có chức năng làm cho thành tựu 2 phạm sự:

1. Làm nền tảng cho tâm thiết thức sanh lên.
2. Là môn làm nơi phát sanh lộ tâm thiết môn.

\* Thần kinh thân có định nghĩa: “Kucchitānam kesādīnam pāpadhammāñca āyoti = Kāyo”. Sắc nào

là nơi hội hợp các bộ phận sai biệt như tóc, lông,... là nơi không sạch sẽ không đáng ưa chuộng và là nơi hội tập các bất thiện pháp. Sắc đó gọi là thân tức toàn thân thể.

Riêng thần kinh thân gọi là thân do trình bày theo cách gián tiếp (ekadesayūpacāranaya). Nêu từ kāya lên làm tên gọi của toàn thân thể, mà thần kinh thân chỉ là một phần của thân thể.

Hoặc một lý khác nữa, thần kinh thân gọi là thân do trình bày theo cách gián tiếp (ṭhānayupacāranaya). Tức nêu từ kāya lên để gọi tên của thân thể là nơi phát sanh của thần kinh thân, hay nương vào thân mà thần kinh thân sanh lên.

Thần kinh thân là một loại pháp sanh từ nghiệp, có sự trong ngần là pháp đụng chạm các cảnh xúc như lạnh, nóng, cứng, mềm, căng, dùn... Thần kinh thân sanh trong khắp thân thể chỉ trừ đầu ngọn tóc, lông, móng, răng, lớp da dày. Có chức năng làm cho thành tựu 2 phận sự:

1. Làm nền tảng cho tâm thân thức sanh lên.
2. Là môn làm nơi phát sanh của lộ tâm thân môn.

**9. Vấn:** *Do nhân nào sắc sai biệt gọi là cảnh sắc? Khí sai biệt gọi là cảnh khí?*

**Đáp:**

\* Màu sắc sai biệt gọi là cảnh sắc bởi vì các sắc hiện bày cho biết được: “*Người đó đang vui vẻ, phấn chấn*”

*hay đang buồn phiền, tuyệt vọng, ...*” Nhận biết được như vậy cũng do chính cảnh sắc hiện bày, sự cảm giác của người đó mới biểu lộ lên.

Hoặc một nghĩa khác nữa, vật chất sai biệt cũng như hình tướng của đối tượng hữu thức và vô thức hiển lộ cho hiểu, cho biết được cũng do nương vào cảnh sắc. Cảnh sắc là pháp làm cho các đối tượng hữu thức và vô thức hiện bày làm cho người khác nhận biết được cũng do các màu sắc. Như định nghĩa: “Rūpayati hadayaṅgatabhāvaṃ pakāsetīti = Rūpaṃ”. Sắc hằng làm cho sự cảm giác của tâm cho hiển lộ, được gọi là cảnh sắc. Hoặc “Rūpayati dabbāṃ pakāsetīti = Rūpaṃ”. Sắc thường hiện bày hình dáng của vật chất cho hiển lộ, được gọi là cảnh sắc.

\* Mùi sai biệt gọi là cảnh khí bởi vì là sắc trình bày đến vật chất hiển lộ cho mình nương vào đó để nhận biết được. Như hương thơm của hoa hay mùi thơm của nước hoa... các thứ này khi cảnh khí có cơ hội hòa quyện lan tỏa thường làm cho mọi người nhận biết được: “*Đây là hương thơm của hoa, đây là mùi thơm nước hoa*”. Như định nghĩa: “Gandhayati attano vatthūṃ sūcetīti = Gandho”. Sắc thường hiện bày do nương vào mình mà hiển lộ, được gọi là cảnh khí.

Các mùi hiện bày làm cho nhận biết được: “*Mùi bông hoa hoặc nước hoa đang ở nơi nào*”. Là do cảnh khí phối hợp với nguyên tố gió lan tỏa đi thì mọi người mới nhận biết được: “*Bông hoa đang ở nơi kia, nước hoa đang ở nơi đó*”. Do nhân này, các ngài giáo thọ sư hậu số giải mới giải câu: “Sūceti vā idamettha atthīti

pesuññaṃ karontaṃ viya hoti”. Cảnh khí có thực tánh giống như xuyên thủng từ chỗ này đến chỗ kia.

**10. Vấn:** *Hãy trình bày và giải thích: 2 sắc tánh, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc vật thực, sắc giao giới?*

**Đáp:**

\* Sắc nữ tánh có định nghĩa: “Itthiyā bhāvo = Pumabhāvo” Sắc làm nhân hiện bày nữ giới, được gọi là nữ tánh.

\* Sắc nam tánh có định nghĩa: “Pumassa bhāvo = Pumabhāvo” Sắc làm nhân hiện bày nam giới, được gọi là nam tánh.

Nhận biết được nữ giới hoặc nam giới cũng do 4 pháp thể hiện:

1. Sắc tướng như tay, chân, sắc mặt, dáng điệu... (liṅga).
2. Dấu hiệu như râu... (nimitta).
3. Tánh tình như việc sở thích, việc làm... (kutta).
4. Cử chỉ như việc đi, đứng, ngồi, nằm, ăn uống, nói, cười... (ākappa).

Bốn pháp này hiện bày cho nhận biết được thường hiển lộ theo cả hai sắc tánh (bhāvarūpa). Nếu cả bốn pháp này sanh lên nương vào sắc nữ cai quản thì thường có hình dáng, tính nết, cử chỉ... như là nữ giới; nếu nương vào sắc nam tánh cai quản thì cũng có hình dáng, tác phong, dấu hiệu... như là nam giới.

\* Sắc ý vật có định nghĩa: “Hadanti sattā taṃtaṃattham vā anāttham vā pūrenti etenāti = Hadayam”. Tất cả chúng sanh thường tạo điều lợi ích và không lợi ích sanh lên do nương vào sắc nào, sắc đó gọi là sắc ý vật. Sở hành của tất cả chúng sanh hàng ngày, nếu làm điều tốt có lợi ích thì gọi là thiện nghiệp, nếu làm điều không tốt không có lợi ích thì gọi là bất thiện nghiệp. Dù là thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp cũng phải nương vào sắc ý vật mà sanh lên.

Sắc làm nhân cho tất cả chúng sanh tạo điều lợi ích và không lợi ích đó, gọi là sắc ý vật. Riêng về cõi ngũ uẩn, nếu không có sắc ý vật thì từ suy nghĩ đến việc làm của chúng sanh cũng không làm thành tựu được, giống như là hình nộm. Do vậy, sắc làm nhân cho thành tựu các công việc như đã đề cập trên, gọi là sắc ý vật.

\* Sắc mạng quyền có định nghĩa: “Jīvanti saha-jātadhammā etenāti = Jīvitam”. Tất cả sắc đồng sanh luôn được sinh tồn do nương vào sắc nào, sắc làm nhân đồng sanh với tất cả sắc được sinh tồn, được gọi là sắc mạng quyền.

Sắc đồng sanh trong nơi đây tức sắc nghiệp, tất cả sắc nghiệp sanh lên nối tiếp nhau và tồn tại được cũng do có sắc mạng quyền bảo tồn. Cho dù sắc nghiệp là sắc sanh lên từ nghiệp, nhưng nghiệp không bảo tồn được vì nghiệp là sở sanh của nhóm sắc này đã qua trong quá khứ, nên không có năng lực bảo tồn sắc sanh lên từ mình được. Do đó, phải có sắc đặc biệt bảo tồn, sắc đó chính là sắc mạng quyền.

Còn sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực không cần phải có sắc đặc biệt bảo tồn để sanh lên nối tiếp nhau cũng tồn tại được tuổi thọ của mình. Bởi vì nhóm sắc này có pháp sở sanh của mình và chính pháp sở sanh đó bảo tồn.

\* Sắc vật thực có định nghĩa: “Kabaḷaṃ kariyatīti = Kabaḷikāro”. Vật mà người làm thành miếng hoặc làm vật dùng để ăn, được gọi là thức ăn.

“Āharīyātīti = Āhāro”. Thức ăn mà người ta nhai nuốt, thức ăn đó gọi là vật thực.

“Kabaḷikāro ca so āhāro cāti = Kabaḷikārāhāro”. Vật thực mà người ta làm thành miếng nhai nuốt, được gọi là đoàn thực.

Đoàn thực này là tên gọi của các loại vật thực. Nhưng nơi đây đang trình bày đến sắc vật thực. Do đó, đoàn thực (kabaḷikārāhāro) tức là chất dưỡng tố trong các vật thực.

Định nghĩa từ Ojā (chất dưỡng tố) “Attano udayānantaraṃ rūpaṃ janetīti = Ojā” Pháp duy trì sắc pháp được sanh lên tiếp nối nhau đồng sanh với mình, được gọi là dưỡng tố. Sắc dưỡng tố này khi vào trong thân thể của chúng sanh rồi, thì làm cho sắc vật thực sanh lên ngay. Nghĩa là sắc dưỡng tố này giúp cho thân thể của tất cả chúng sanh có sức mạnh và tăng trưởng lên được. Thân thể của chúng sanh tăng trưởng đến khi đầy đủ rồi thì chất dưỡng tố này có phận sự làm cho thân thể kiện toàn và sanh tồn.

\* Sắc giao giới có định nghĩa: “Na kassatīti akāso, akāso yeva akāso”. Nơi nào không viết lên được nơi đó

gọi là hư không. Chính nơi không viết lên được gọi là hư không tức khoảng trống không gian.

Hư không có 4 loại:

1. Khoảng hư không (ajātākāsa), phía dưới (hạ tầng hư không) tính từ mặt địa cầu và lớp nước nâng đỡ địa cầu trở xuống, phía trên (thượng tầng hư không) tính từ cõi vô sắc trở lên.

2. Khoảng trống có ranh giới ấn định (paricchinnākāsa) như khoảng trống cánh cửa, khoảng trống lỗ mũi, khoảng trống của miệng, khoảng hư không giữa cõi người với cõi trời tứ đại thiên vương...

3. Khoảng hư không mà chú niệm từ 9 đề mục biến xứ (kaṣiṇugghātimākāsa).

4. Khoảng trống ngăn chia giữa các bộn sắc với nhau (paricchadākāsa), gọi là sắc giao giới.

Khoảng hư không, phía dưới (hạ tầng hư không) tính từ mặt địa cầu và lớp nước nâng đỡ địa cầu trở xuống, phía trên (thượng tầng hư không) tính từ cõi vô sắc trở lên; khoảng trống có ranh giới ấn định như khoảng trống cánh cửa, khoảng trống lỗ mũi, khoảng trống của miệng, khoảng hư không giữa cõi người với cõi trời tứ đại thiên vương,...; khoảng hư không mà chú niệm từ 9 đề mục biến xứ thường có khoảng trống ngăn chia giữa các bộn sắc với nhau, đây chính là sắc giao giới.

Tất cả sắc hữu thức và vô thức nếu không có sắc giao giới thì số lượng bộn sắc sẽ không có được và sự tận cùng của bộn sắc pháp cũng không thể có. Ranh giới của sắc cũng không thể có được vì nhóm sắc đó sẽ dính chùm với nhau thành một thể liên kết. Nếu như

vậy, thì sanh diệt tuệ và hoại diệt tuệ liên quan đến sắc pháp cũng không sanh lên được vì không thể thấy sự sanh diệt của sắc.

**11. Vấn:** Hai sắc biểu tri (**viññattirūpa**) phân ra có bao nhiêu? Hãy trình bày ý nghĩa và dịch định nghĩa sau đây:

Kāyena viññatti = Kāyaviññatti

Viseso ākāro = Vikāro

Lahuno bhāvo = Lahutā

Rupassa lahutā = Rūpalahutā

Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ

**Đáp:** Hai sắc biểu tri phân ra có 4 loại:

1- Sự chuyển động của thân để cho người khác biết được ý muốn của mình (bodhanakāyaviññatti).

2- Sự chuyển động bình thường của thân không có ý định làm cho người khác biết được ý muốn của mình (pavattanakāyaviññatti).

3- Lời nói có ngụ ý làm cho người khác biết được ý muốn của mình (bodhanavacīviññatti).

4- Lời nói không có ý định làm cho người khác biết được ý muốn của mình (pavattanavacīviññatti).

Định nghĩa:

Câu: “Kāyena viññatti = Kāyaviññatti”. Cử chỉ thể hiện ý muốn bằng sự chuyển động của thân, gọi là thân biểu tri.

Câu: “Viseso ākāro = Vikāro”. Dấu hiệu đặc biệt của sắc thành tựu (nipphanarūpa), gọi là sắc kỳ dị.

Câu: “Lahunō bhāvo = Lahutā”. Trạng thái nhẹ nhàng gọi là khinh.

Câu: “Rupassa lahutā = Rūpalahutā”. Trạng thái nhẹ nhàng của sắc thành tựu, gọi là sắc khinh.

Câu: “Lakkhīyanti vinicchīyanti dhammā ime saṅkhatāti etenāti = Lakkhaṇaṃ”. Các pháp hữu vi (saṅkhata) mà bậc trí nhận xét được bởi nương vào sắc nào, sắc làm nhân cho sự phân biệt đó, gọi là sắc tướng”.

**12. Vấn:** *28 sắc pháp gọi theo thực tánh có bao nhiêu? Hãy trình bày ý nghĩa của tên gọi đó?*

**Đáp:** 28 sắc pháp gọi theo thực tánh có 8 tên gọi:

1. Không đồng sanh với nhân (ahetuka).
2. Có bốn duyên (sapaccaya).
3. Thành cảnh của lậu (sāsava).
4. Bị tạo tác bởi bốn duyên (saṅkhata).
5. Pháp trợ giúp vào trong hữu vi giới (lokīya).
6. Cảnh của dục ái (kamāvacara).
7. Không thể biết cảnh (anārammaṇa).
8. Không phải là pháp đáng đoan trừ (appahātabba).

**13. Vấn:** *Sắc nội phần (ajjhattikarūpa), sắc vật (vatthurūpa), sắc môn (dvārarūpa), sắc quyền (indriyarūpa), sắc thô (olārikarūpa) sanh lên từ nơi đâu có bao nhiêu? Hãy trình bày riêng biệt theo từng sắc?*

**Đáp:**

\* Sắc nội phần sanh lên từ nơi đầu có 5 sắc tức 5 sắc thần kinh.

\* Sắc vật sanh lên từ nơi đầu có 5 sắc tức 5 sắc thần kinh.

\* Sắc môn sanh lên từ nơi đầu có 7 sắc tức 5 sắc thần kinh và 2 sắc biểu tri.

\* Sắc quyền sanh lên từ nơi đầu có 7 sắc tức 5 sắc thần kinh, 1 nữ tánh hoặc nam tánh, sắc mạng quyền.

\* Sắc thô sanh lên từ nơi đầu có 12 sắc tức 5 sắc thần kinh và 7 sắc cảnh giới.

**14. Vấn:** *Hãy phân tích 28 sắc pháp theo sắc thô và sắc tế, sắc thủ và sắc phi thủ, sắc bất ly và sắc hữu ly (vinibbhogarūpa)?*

**Đáp:**

\* Sắc thô là sắc hiển lộ rõ ràng có 12 sắc là 5 sắc thần kinh và 7 sắc cảnh giới.

\* Sắc tế là sắc hiển lộ không rõ ràng có 16 sắc là 16 sắc còn lại.

\* Sắc thủ tức là sắc sanh lên từ nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thế có 18 sắc tức 18 sắc nghiệp.

\* Sắc phi thủ tức là sắc không sanh lên từ nghiệp bất thiện và nghiệp thiện hiệp thế có 40 sắc tức 15 sắc tâm, 13 sắc quý tiết, 12 sắc vật thực.

\* Sắc bất ly có 8 sắc tức 4 sắc đại hiển, sắc cảnh sắc, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị, sắc vật thực.

Sắc hữu ly có 20 sắc tức 20 sắc còn lại.

**15. Vấn:** *Hãy phân tích 7 sắc môn theo sanh môn (uppattidvāra) và nghiệp môn (kammadvāra) cùng với lời giải thích?*

**Đáp:** Trong 7 sắc môn thì 5 sắc thân kinh là sanh môn, còn 2 sắc biểu tri là nghiệp môn.

Sự sanh lên của lộ trình tâm cũng như sự sanh lên của thân nghiệp và ngũ nghiệp phải nương vào 7 sắc môn làm nhân để sanh lên. Do đó, 5 sắc thân kinh mới được gọi là sanh môn (uppattidvāra). Còn hành động thiện hạnh hay ác hạnh nếu loại trừ thân biểu tri ra thì các hành động đó sẽ không sanh lên được. Và lời nói ác hay thiện phải nương vào ngũ biểu tri, nếu loại trừ ngũ biểu tri ra thì lời nói sai biệt cũng không hiện khởi được. Do đó, cả hai sắc biểu tri này mới được gọi là nghiệp môn. Tức sắc làm nhân cho thân nghiệp, ngũ nghiệp sanh lên.

**16. Vấn:** *Sắc thân cảnh (gocaraggāhakarūpa) nghĩa là gì? Hãy nêu ví dụ trình bày theo tóm tắt và hãy phân tích nhóm sắc thân cảnh theo sắc thân cảnh không chạm (asampattagocaraggāhakarūpa) và sắc thân cảnh chạm (sampattagocaraggāhakarūpa) cùng với lời giải thích?*

**Đáp:** Sắc thân cảnh tức là sắc bắt lấy được 5 cảnh. Ví dụ như thân kinh nhãn bắt lấy cảnh sắc làm cho phát sanh sự thấy, thân kinh nhĩ bắt lấy cảnh thanh làm cho phát sanh sự nghe...

Phân tích nhóm sắc thái cảnh theo sắc thái cảnh không chạm và sắc thái cảnh chạm:

1. Sắc thái cảnh không chạm tức sắc bắt cảnh chưa đến gần là thần kinh nhẵn, thần kinh nhĩ.

2. Sắc thái cảnh chạm tức sắc bắt cảnh đến gần là thần kinh tử, thần kinh thiệt, thần kinh thân.

\* Thần kinh nhẵn bắt được chỉ riêng cảnh sắc chưa đến mà thôi, nếu cảnh sắc đến gần thì thần kinh nhẵn không thể bắt cảnh sắc đó được. Như ta không thể nhìn thấy khi ta đưa bàn tay lên sát ngay trước mặt. Nhưng nếu ở cự ly thích hợp thì ta sẽ nhìn thấy được bàn tay. Thần kinh nhĩ cũng giống như vậy, thường chỉ bắt được âm thanh khi sóng âm thanh chưa vào gần, nhưng nếu âm thanh vào sát thần kinh nhĩ rồi thì thần kinh nhĩ cũng không bắt lấy âm thanh đó được. Chỉ nghe được khi âm thanh đó không đến gần sát thần kinh nhĩ, tức âm thanh đó phải ở vào cự ly thích hợp. Do đó, cả hai sắc thái thần kinh này mới được gọi là sắc thái cảnh không chạm.

\* Thần kinh tử, thần kinh thiệt, thần kinh thân đều là sắc phải bắt cảnh đến gần. Như thần kinh tử thì cảnh khí lan đến gần mới tiếp nhận mùi được, nếu cảnh khí chưa xúc chạm với thần kinh tử thì không thể nhận thức được mùi. Thần kinh thiệt và thần kinh thân cũng như vậy, nghĩa là cảnh vị và cảnh xúc phải tiếp chạm với sắc thái thần kinh lúc đó sự nhận thức cảnh mới khởi hiện. Do đó, cả ba sắc thái thần kinh này mới gọi là sắc thái cảnh chạm.

**17. Vấn:** 5 sắc thân kinh và bảy 7 sắc cảnh giới được gọi là sắc hữu đối chiếu (**sappaṭigharūpa**) nghĩa là gì? Hãy giải thích sắc quyền nghĩa là gì và có bao nhiêu? Hãy nêu một sắc lên ví dụ?

**Đáp:**

\* 5 sắc thân kinh và 7 sắc cảnh giới gom lại thành 12 sắc gọi là sắc hữu đối chiếu (sappaṭigharūpa). Tức sắc đối xúc nhau theo thực tánh như thân kinh nhãn đối xúc với cảnh sắc, thân kinh nhĩ đối xúc với cảnh thanh, thân kinh tỷ đối xúc với cảnh khí, thân kinh thiệt đối xúc với cảnh vị, thân kinh thân đối xúc với cảnh xúc. Do đó, nhóm sắc này mới gọi là sắc hữu đối xúc.

\* Sắc quyền tức sắc làm trưởng cai quản trong sự thấy... gồm có 5 sắc thân kinh, 2 sắc tánh, sắc mạng quyền.

Sự thấy sanh lên được không thể thiếu thân kinh nhãn mà phải nương vào thân kinh nhãn làm trưởng cai quản để sanh lên. Sự thấy rõ hay không rõ, thấy được xa hay không xa cũng từ mãnh lực của thân kinh nhãn. Nếu thân kinh nhãn tốt có sức mạnh nhiều thì vật nhỏ xíu ở xa cũng có thể nhìn thấy rõ được. Do đó, thân kinh nhãn này làm trưởng trong việc thấy rõ nên mới được gọi là sắc quyền.

**18. Vấn:** *Hãy giải thích sắc bất ly và sắc hữu ly để sự hiểu đúng theo căn bản?*

**Đáp:** 4 sắc đại hiển, sắc cảnh sắc, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị, sắc vật thực gom chung 8 sắc này lại gọi

là sắc bất ly. Bởi vì nhóm sắc này không bao giờ tách rời nhau được mà phải luôn sanh chung với nhau. Cho dù sắc nhỏ như hạt nguyên tử cũng phải hội đủ 8 sắc bất ly.

Tóm lại, tất cả sắc pháp trong thế gian dù cực nhỏ cũng phải có đầy đủ 8 sắc bất ly.

Riêng 20 sắc còn lại là sắc hữu ly vì khi tách rời nhau cũng sanh lên được. Như thần kinh nhãn sanh lên được nhưng riêng biệt trong nhóm của mình mà thôi, không sanh chung với thần kinh nhĩ... được. Do đó, 20 nhóm sắc này mới gọi là sắc hữu ly. Nhưng nhóm sắc hữu ly này luôn phải sanh chung với 8 sắc bất ly. Như bọn nhãn thập sắc (cakkhudasakakalāpa) phải có sắc thần kinh, sắc mạng quỳên và 8 sắc bất ly.

**19. Vấn:** *Hãy trình bày sắc pháp sau đây:*

- 1- Sắc làm quỳên nhưng không làm sắc tế.
- 2- Sắc làm sắc tế nhưng không làm sắc quỳên.
- 3- Sắc vừa làm sắc quỳên cũng vừa làm sắc tế.
- 4- Sắc vừa không làm sắc quỳên cũng vừa không làm sắc tế.
- 5- Sắc làm sắc thủ nhưng không làm sắc hữu ly.
- 6- Sắc làm sắc hữu ly nhưng không làm sắc thủ.
- 7- Sắc vừa làm sắc thủ cũng vừa làm sắc hữu ly.
- 8- Sắc vừa không làm sắc thủ, vừa không làm sắc hữu ly.

**Đáp:**

1- Sắc làm quyền nhưng không làm sắc tế: 5 sắc thân kinh.

2- Sắc làm sắc tế nhưng không làm sắc quyền: Nước, sắc ý vật, sắc vật thực, sắc giao giới, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tướng.

3- Sắc vừa làm sắc quyền cũng vừa làm sắc tế: 2 sắc tánh, sắc mạng quyền.

4- Sắc vừa không làm sắc quyền cũng vừa không làm sắc tế: Đất, lửa, gió, sắc cảnh sắc, sắc cảnh thính, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị.

5- Sắc làm sắc thủ nhưng không làm sắc hữu ly: 8 sắc bất ly sanh từ nghiệp.

6- Sắc làm sắc hữu ly nhưng không làm sắc thủ: Sắc cảnh thính, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tướng, sắc giao giới sanh từ sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực.

7- Sắc vừa làm sắc thủ cũng vừa làm sắc hữu ly: 5 sắc thân kinh, 2 sắc tánh, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc giao giới sanh từ nghiệp.

8- Sắc vừa không làm sắc thủ, vừa không làm sắc hữu ly: 8 sắc bất ly sanh từ sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực.

**20. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng của tâm, quý tiết, vật thực mà có thể làm cho sắc sanh lên được. Và nghiệp, tâm mà không thể làm cho sắc sanh lên được gồm có loại nghiệp nào và loại tâm nào?*

## **Đáp:**

1- Nghiệp làm cho sắc nghiệp sanh lên: 25 nghiệp tức tư trong 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 5 tâm thiện sắc giới.

2- Tâm làm cho sắc tâm sanh lên: 75 tâm (trừ ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc, tâm tái tục của tất cả chúng sanh và tâm tử của vị A La Hán), 52 tâm sở trong kiếp hiện tại, tính từ sát na tâm của tâm hữu phần đầu tiên sau tâm tái tục.

3- Quý tiết làm cho sắc quý tiết sanh lên: Lửa lạnh (sītaṭejo), lửa nóng (uṇahatejo) bên trong và bên ngoài chúng sanh.

4- Vật thực làm cho sắc sanh lên: Dưỡng tố (oja) trong các vật thực.

Còn nghiệp không thể làm cho sắc nghiệp sanh lên: 4 thiện nghiệp vô sắc, 4 thiện nghiệp siêu thế vì 4 thiện nghiệp vô sắc là nghiệp sanh lên do nương vào việc tu tiến nghiệp xứ loại tu tiến ly sắc ái (rūpavirāgabhāvanā). Tức ly sự thỏa thích trong sắc bằng năng lực của việc tu tiến ly sắc ái này, nên không làm cho sắc nghiệp sanh lên.

Còn 4 nghiệp siêu thế là nghiệp sanh lên do nương vào loại tu tiến nghiệp xứ liễu tri tam tướng trong danh sắc ngũ uẩn là nghiệp triệt tiêu sanh hữu, mà sắc nghiệp là hiện thân của sanh hữu. Do đó, 4 thiện nghiệp siêu thế không làm cho sắc nghiệp sanh lên được.

Tâm không thể làm cho sắc tâm sanh lên: 14 tâm là 10 tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc, tâm tái tục của tất cả chúng sanh, tâm tử của bậc A La Hán.

Việc loại trừ 14 tâm này ra bởi vì:

Tâm ngũ song thức có sức mạnh nhỏ nhoi không thể làm cho sắc tâm sanh lên được.

Bốn tâm quả vô sắc là quả sanh lên từ tâm thiện vô sắc và tái tục được trên cõi vô sắc. Do đó, nên không thể làm cho sắc tâm sanh lên được.

Còn tâm tái tục của tất cả chúng sanh và tất cả tâm tử của bậc A La Hán không có số lượng tâm riêng biệt mà chỉ nhắm vào sát na làm phạm sự tái tục và tử mà thôi. Tâm làm phạm sự tái tục có 19 là 2 tâm quan sát xả thọ, 8 tâm đại quả, 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới. Riêng 4 tâm quả vô sắc giới đã giải thích rồi, còn 15 tâm tái tục trong sát na tâm sanh lên đầu tiên trong kiếp sống mới vẫn còn rất yếu nên không thể làm cho sắc tâm sanh lên được.

Tâm tử của bậc A La Hán có 13 tâm là 4 đại quả tương ứng trí, 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới. Bốn tâm quả vô sắc giới đã giải thích rồi, 9 tâm tử còn lại là tâm tử của bậc A La Hán đã chấm dứt phiền não hoàn toàn. Do đó, nên không làm cho sắc tâm sanh lên, nhưng 9 tâm này nếu làm phạm sự tâm tử cho người khác thì có thể làm cho sắc tâm sanh lên được.

**21. Vấn:** *Sắc sanh lên từ tâm sở diệt đi rồi cũng có, sắc sanh lên từ tâm sở mới sanh lên cũng có. Cả hai bọn sắc này là loại sắc nào và tại sao Đức Phật không có ý gọi là sắc tâm sở?*

**Đáp:** Sắc sanh lên từ tâm sở diệt đi rồi cũng có, sắc sanh lên từ tâm sở mới sanh lên cũng có. Sắc sanh lên

từ tâm sở diệt đi rồi là sắc nghiệp bởi vì sanh lên từ tâm sở tư là hiện thân của nghiệp trong 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 5 tâm thiện sắc giới. Còn sắc sanh lên từ tâm sở mới sanh lên là sắc tâm phải luôn luôn đồng sanh với tâm sở. Do đó, khi tâm làm cho sắc sanh lên thì tâm sở cũng tháp tùng làm phận sự này, nếu chỉ duy nhất có tâm thì không thể làm cho sắc tâm sanh lên được.

Hai bợn sắc này không gọi là sắc tâm sở bởi cho dù sắc nghiệp sanh lên từ tư bất thiện và tư thiện nhưng nhóm tư này Đức Phật gọi là nghiệp. Có Phật Ngôn: “Cetanāhaṃ bikkhave kammaṃ vadāmi”. Nay các tỳ kheo! ta nói rằng: “*Chính tâm sở tư là hiện thân của nghiệp*”. Do nhân này, sắc sanh lên từ 12 tâm bất thiện và 13 tư thiện hiệp thể mới không gọi là sắc tâm sở mà gọi là sắc nghiệp.

Còn sắc tâm sanh lên từ tâm và tâm sở hiện tại nhưng không gọi là sắc tâm sở vì trong sát na tâm và tâm sở đang bắt cảnh, thì tâm là pháp làm chủ dẫn đầu chớ không phải tâm sở. Do nhân này, mới không gọi là sắc tâm sở mà gọi là sắc tâm.

**22. Vấn:** *Dưỡng tố (ojā) làm cho sắc vật thực sanh lên có bao nhiêu loại? Và loại dưỡng tố nào làm cho sắc vật thực sanh lên trực tiếp, loại nào chỉ trợ giúp, ủng hộ?*

**Đáp:** Dưỡng tố làm cho sắc vật thực sanh lên có 2 loại:

- 1- Dưỡng tố ngoại (bahiddhaojā).
- 2- Dưỡng tố nội (ajjhataojā).

Dưỡng tố ngoại là dưỡng tố trong các loại vật thực và trong một số thuốc như các chất vitamin... Dưỡng tố ngoại làm cho sắc vật thực sanh lên gọi là mãnh lực trợ sanh (janakasatti).

Dưỡng tố nội là dưỡng tố nghiệp và dưỡng tố quý tiết trong thân thể của chúng sanh. Dưỡng tố nội làm phận sự trợ giúp cho sắc vật thực sanh lên gọi là mãnh lực ủng hộ (upathambhakasatti).

Dưỡng tố nghiệp có phận sự quan trọng trong việc trợ giúp cho sắc vật thực sanh lên nhiều hơn dưỡng tố quý tiết.

**23. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau:*

Atthārasa paṇṇarasa    Terasa dvādasāti ca  
Kammacittotukāhāra    Jāni honti yathākkamaṃ

*Và hãy phân tích 18 sắc nghiệp theo sắc nội phần (ajjāttikarūpa), sắc vật (vatthurūpa), sắc môn (dvārarūpa), sắc quyền (indriyarūpa), sắc thô (olārikarūpa)?*

**Đáp:** “Sắc sanh từ nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực có số lượng: 18 sắc nghiệp, 15 sắc tâm, 13 sắc quý tiết, 12 sắc vật thực”.

Sắc nghiệp có 18: 5 sắc thần kinh là sắc nội phần, sắc vật, sắc môn, sắc quyền, sắc thô.

Sắc quyền: 2 sắc tánh và sắc mạng quyền.

Sắc vật: Sắc ý vật.

Sắc thô: 6 sắc cảnh giới (trừ sắc cảnh thính).

**24. Vấn:** *Hãy phân tích sắc pháp sau đây theo 4 nhân sở sanh:*

- 16 sắc tế.

- 11 sắc theo 1 nhân sở sanh.

- 1 sắc theo 2 nhân sở sanh.

- 3 sắc theo 3 nhân sở sanh.

- 9 sắc theo 4 nhân sở sanh.

**Đáp:**

**1)- 16 sắc tế:**

2 sắc tánh, sắc ý vật, sắc mạng quyền có nghiệp làm sở sanh.

2 sắc biểu tri có tâm làm sở sanh.

3 sắc đặc biệt có tâm, quý tiết, vật thực làm sở sanh.

Thủy đại, sắc vật thực, sắc giao giới có 4 nhân làm sở sanh.

4 sắc tướng không sanh lên từ một loại sở sanh nào cả (nakutocisamuṭṭhānanikarūpa).

**2)- 11 sắc theo 1 nhân sở sanh:**

5 sắc thần kinh, 2 sắc tánh, sắc ý vật, sắc mạng quyền sanh lên từ nghiệp.

2 sắc biểu tri sanh lên từ tâm.

**3)- 1 sắc theo 2 nhân sở sanh:**

Sắc cảnh thính sanh lên từ tâm và quý tiết.

**4)- 3 sắc theo 3 nhân sở sanh:**

Sắc đặc biệt sanh lên từ tâm, quý tiết, vật thực.

5)- 9 sắc theo 4 nhân sở sanh: 4 sắc đại hiển, sắc cảnh sắc, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị, sắc vật thực, sắc giao giới sanh lên từ nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực.

**25. Vấn:** *Ngài nói rằng 4 sắc tướng không sanh lên từ một loại sở sanh nào cả. Nếu như vậy thì có thể đề nói: “Cả 4 sắc tướng này sanh lên do thượng đế là vị sáng tạo chủ” được không?*

**Đáp:** 4 sắc tướng không sanh lên từ một loại sở sanh nào nhưng thực tánh pháp của 18 sắc thành tựu (nipphanarūpa) sanh lên từ cả 4 nhân sở sanh. Khi sắc thành tựu sanh lên nương vào một loại nhân sở sanh nào thì cả 4 sắc tướng cũng dính liền theo trong sát na sanh, trụ, diệt của sắc đó. Giống như thân thể khi sanh ra thường có 4 tướng trạng dính liền theo, tức sự sanh ra, sự trưởng thành, sự già và sự chết. Những dấu hiệu này không tự sanh lên mà phải nương vào thân thể người hoặc thú mới hiển lộ được. Thân thể người hoặc thú cũng giống như 4 sắc tướng. Do đó, cả 4 sắc tướng này sanh lên không do thượng đế là vị sáng tạo chủ tạo nên.

**26. Vấn:** *4 loại sắc quý tiết nào sanh lên trong thân thể của chúng sanh? Hãy trình bày ý nghĩa của sắc quý tiết đó?*

**Đáp:** 4 loại sắc quý tiết sanh lên trong thân thể của chúng sanh:

1. Sắc quý tiết đồng nghiệp sanh (kammappaccayautujarūpa):  
Sắc sanh lên từ quý tiết có nghiệp làm sở sanh.

2. Sắc quý tiết do tâm sanh (cittapaccayautujarūpa):  
Sắc sanh lên từ quý tiết có tâm làm sở sanh.

3. Sắc quý tiết do quý tiết sanh (utupaccayautujarūpa):  
Sắc sanh lên từ quý tiết có quý tiết làm sở sanh.

4. Sắc quý tiết do vật thực sanh (āhārapaccayautujarūpa):  
Sắc sanh lên từ quý tiết có vật thực làm sở sanh.

**27- Vấn:** *Hãy trình bày tâm trợ cho sắc tâm:*

1. *Sắc tâm thông thường.*

2. *Sắc tâm liên quan sự cười.*

3. *Sắc tâm liên quan sự khóc.*

4. *Sắc tâm liên quan sự chuyển động tiểu oai nghi.*

5. *Sắc tâm liên quan sự nói.*

6. *Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.*

7. *Sắc tâm liên quan sự kèm giữ thẳng bằng 4 đại oai nghi.*

**Đáp:**

1. Tâm trợ cho sắc tâm sanh lên: 75 tâm (trừ tâm ngũ song thức, 4 tâm quả vô sắc, tâm tái tục của tất cả chúng sanh, tâm tử của bậc A La Hán).

2. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan sự cười có 13 tâm: 4 tâm tham hỷ thọ, 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ.

3. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan sự khóc: 2 tâm sân.

4. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan sự chuyển động

tiểu oai nghi có 32 tâm: Tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông.

5. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan sự nói sanh lên gồm có 32 tâm: Tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông.

6. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi sanh lên gồm có 32 tâm: Tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 2 tâm thông.

7. Tâm trợ cho sắc tâm liên quan sự kềm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi sanh lên gồm có 58 tâm: Tâm khai ý môn, 29 tâm đồng lực dục giới, 26 tâm đồng lực kiên cố, 2 tâm thông (tính 2 tâm thông riêng biệt ra, bởi vì 2 tâm thiện và tố ngũ thiện sắc giới là loại tâm thông thường không có sự thấu đạt đặc thù cũng có, có sự thấu đạt đặc thù cũng có).

**28. Vấn:** *Hãy trình bày sắc tâm sanh lên từ tâm sau đây: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si, 1 tâm khai ý môn, 1 tâm Uṅg Cúṅg vi tiếu, 8 tâm đại thiện, 5 tâm thiện sắc giới (trừ 2 tâm thông), 5 tâm quả sắc giới, 2 tâm thông, 4 tâm tố vô sắc, 4 tâm quả siêu thế?*

**Đáp:**

\* *Sắc tâm sanh lên từ 4 tâm tham hỷ thọ có 6 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm liên quan đến sự cười.
3. Sắc tâm chuyển động.
4. Sắc tâm liên quan đến sự nói.

5. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.

6. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 4 tâm tham xả thọ có 5 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.

2. Sắc tâm chuyển động.

3. Sắc tâm liên quan đến sự nói.

4. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.

5. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 2 tâm sân có 6 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.

2. Sắc tâm liên quan đến sự khóc.

3. Sắc tâm chuyển động.

4. Sắc tâm liên quan đến sự nói.

5. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.

6. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 2 tâm si có 5 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.

2. Sắc tâm chuyển động.

3. Sắc tâm liên quan đến sự nói.

4. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.

5. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ tâm khai ý môn có 5 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm chuyển động.
3. Sắc tâm liên quan đến sự nói.
4. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.
5. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ tâm Ứng Cúng vi tiểu có 6 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm liên quan đến sự cười.
3. Sắc tâm chuyển động.
4. Sắc tâm liên quan đến sự nói.
5. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.
6. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ tâm đại thiện hỷ thọ có 6 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm liên quan đến sự cười.
3. Sắc tâm chuyển động.
4. Sắc tâm liên quan đến sự nói.
5. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.
6. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ tâm đại thiện xả thọ có 5 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm chuyển động.
3. Sắc tâm liên quan đến sự nói.
4. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.
5. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 5 tâm thiện sắc giới có 2 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm làm cho 3 đại oai nghi sanh lên theo sau tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 1 tâm thông thiện được kiên cố bền vững.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 5 tâm quả sắc giới có 1 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 2 tâm thông có 5 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm chuyển động.
3. Sắc tâm liên quan đến sự nói.
4. Sắc tâm liên quan đến cả 4 đại oai nghi.
5. Sắc tâm liên quan đến kiểm giữ thăng bằng 4 đại oai nghi.

*\* Sắc tâm sanh lên từ 4 tâm tố vô sắc giới có 2 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.
2. Sắc tâm làm cho 3 đại oai nghi sanh lên theo sau

tâm khai ý môn, 8 tâm đại tố, 1 tâm thông tố được kiên cố bền vững.

\* *Sắc tâm sanh lên từ 4 tâm quả siêu thế có 2 loại:*

1. Sắc tâm thông thường.

2. Sắc tâm làm cho 3 đại oai nghi sanh lên theo sau tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu, 2 tâm thông được kiên cố bền vững.

**29. Vấn:** *Hãy phân tích 13 tâm đồng sanh với hỷ làm cho sự cười sanh lên theo 3 hạng người?*

**Đáp:** 13 tâm đồng sanh hỷ làm cho sự cười sanh lên theo 3 hạng người:

1- Phạm tam nhân cười bằng 8 tâm là 4 tâm tham đồng sanh hỷ, 4 tâm đại thiện đồng sanh hỷ.

2- Ba bậc Thánh hữu học cười bằng 6 tâm là 2 tâm tham bất tương ưng kiến đồng sanh hỷ, 4 tâm đại thiện đồng sanh hỷ.

3- Bậc A La Hán cười bằng 5 tâm là 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu, 4 tâm đại tố đồng sanh hỷ.

**30. Vấn:** *Bọn (kalāpa) nghĩa là gì và bọn sắc (rūpakalāpa) có bao nhiêu?*

**Đáp:** Đoàn, nhóm, bọn, đồng gọi là Kalāpa Do đó, nhóm sắc, bọn sắc, đoàn sắc là rūpakalāpa. Và trong một bọn sắc phải có thực tánh hiện hữu ba sự đồng (sahavutti):

1. Đồng sanh (ekuppāda).

2. Đồng diệt (ekanirodhā).

3. Đồng nương (ekadissaya), có 1 nơi nương tức sắc đại hiển.

Khi hiện hữu 3 sự đồng rồi mới gọi là bọn sắc.

Và bọn sắc có 23 bọn:

9 bọn sắc nghiệp.

8 bọn sắc tâm.

4 bọn sắc quý tiết.

2 bọn sắc vật thực.

Như dẫn chứng palī trình bày:

Kammacittotukāhāra Samuṭṭhānā yathākkamaṃ

Navatṭha caturo dveti Kalāpā hi tevisati.

“Bọn sắc có nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực làm sở sanh, khi nói về số lượng thì có 9 bọn sắc nghiệp, 8 bọn sắc tâm, 4 bọn sắc quý tiết, 2 bọn sắc vật thực, gom lại thành 23 bọn”.

**31. Vấn:** *Tại sao ngài giáo thọ sư Anuruddha đề cập sắc đồng sanh cùng bọn với nhau phải có ba sự đồng (sahavutti). Nếu nhiều hay ít hơn ba sự đồng không được sao?*

**Đáp:** Ngài giáo thọ sư Anuruddha đề cập sắc đồng sanh cùng bọn với nhau gọi là phải có ba sự đồng không thể ít hơn hoặc nhiều hơn ba sự đồng được. Cả ba tướng trạng này giống như bốn tướng trạng của tâm sở, chỉ khác nhau là không có đồng biết một cảnh (ekāmbana) mà thôi. Nghĩa là cũng có đồng sanh,

đồng diệt, hoặc đồng nương vật sanh lên. Do đó, nếu bạn sắc pháp có nhiều hơn ba sự đồng thì có nghĩa là phải có một sự đồng nữa tức đồng biết cảnh. Nhưng “đồng biết cảnh” không thể là chi phần của bạn sắc pháp, bởi vì sắc pháp sanh lên không nương vào cảnh mà chỉ sanh lên từ nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực. Dù nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực này hiện thân làm cảnh nhưng chỉ làm cảnh cho tâm và tâm sở mà thôi. Vì vậy, “đồng biết cảnh” không là chi phần của bạn sắc được. Do nhân này, chi phần của bạn sắc không thể có nhiều hơn ba sự đồng cũng không thể có ít hơn ba sự đồng. Bởi vì thông thường sắc sanh lên nơi cơ tánh của tất cả chúng sanh rất nhiều và luôn sanh diệt không ngừng nghỉ giống như sự liên tục chảy của dòng nước.

Trong nhóm sắc này, sắc đồng sanh cũng có, sắc đồng diệt cũng có, sắc không đồng sanh cũng có, sắc không đồng diệt cũng có, không nương vào sắc đại hiển cùng loại cũng có. Ví như, ngay cùng thời điểm thần kinh nhãn sanh lên trong mắt của người nào thì cũng có vô số các sắc khác sanh lên. Các sắc này so với số lượng thần kinh nhãn luôn luôn nhiều hơn hàng trăm, hàng triệu ngàn lần. Thần kinh nhãn đồng sanh, đồng diệt từ sắc đại hiển là nơi nương sanh mà không đồng loại với nhau cũng có. Nên mới gọi bạn sắc không cùng loại với nhau và sắc đại hiển sanh lên đồng bạn sắc với nhau có nhiều loại. Tức bạn sắc nghiệp tứ đại, bạn sắc tâm tứ đại, bạn sắc quý tiết tứ đại, bạn sắc vật thực tứ đại.

Trong 4 sắc đại hiển này đồng sanh cũng có, đồng diệt cũng có nhưng khác nhau nơi nương sanh, bởi vì

bọn sắc nghiệp tứ đại phải nương vào bọn sắc nghiệp tứ đại, bọn sắc tâm tứ đại phải nương vào bọn sắc tâm tứ đại,... thì mới cùng bọn với nhau được. Dù cùng là sắc tứ đại với nhau nhưng sở sanh khác nhau cũng không thể cùng bọn được. Như đất là đất của bọn sắc nghiệp, nước là nước của bọn sắc tâm, lửa là lửa của bọn sắc quý tiết, gió là gió của bọn sắc vật thực, cả 4 sắc đại hiển này cũng không thể đồng bọn với nhau được, đừng nói chi là khác sở sanh với nhau.

Cho dù là cùng đồng sanh, đồng diệt nhưng nếu nơi nương khác nhau thì cũng không thể cùng bọn với nhau được. Như sắc tứ đại sanh lên từ nghiệp có hai bọn giống nhau, cả hai bọn này đồng sanh, đồng diệt nhưng nơi nương khác nhau. Tức nơi nương của đất trong bọn sắc thứ nhất phải là nước, lửa, gió ở cùng bọn thứ nhất, còn nước, lửa, gió trong bọn thứ hai không phải là nơi nương của đất trong bọn thứ nhất được. Ngược lại, nước, lửa, gió trong bọn thứ nhất cũng không thể là nơi nương của đất trong bọn thứ hai. Do đó, cả hai bọn sắc này mới không thể cùng bọn sắc với nhau được. Giống như hai người sanh cùng ngày, chết cùng ngày nhưng mỗi người có mẹ khác nhau nên không thể gọi hai người này là anh em ruột được như thế nào thì sắc ở trong cùng bọn sắc với nhau cũng như thế đó. Do nguyên nhân đã giải thích trên cho thấy rằng chi phần của bọn sắc không thể ít hay nhiều hơn ba sự đồng được.

**32. Vấn:** *Sắc khác cũng là chi phần của bọn sắc được, nhưng tại sao sắc giao giới và sắc tứ tướng không là chi phần của bọn sắc được?*

**Đáp:** Sắc giao giới không là chi phần của bợn sắc được vì sắc giao giới là sắc làm tách rời bợn sắc với bợn sắc. Hay nói cách khác là các bợn sắc được tách rời ra là do có sắc giao giới. Sắc giao giới được hình dung như lần ranh giữa bợn sắc với bợn sắc. Chính vì thế sắc giao giới không được tính vào chi phần của bợn sắc.

Còn sắc tứ tướng là sắc làm tướng trạng của bợn sắc, nên cũng không được tính vào chi phần của bợn sắc.

Như có kệ ngôn trình bày như sau:

Kalāpāṇaṃ pariccheda Lakkhaṇattā vicakkaṇā

Na kalāpaṅgamiccāhu Ākāsaṃ lakkhaṇāni ca.

Các bậc hiền trí không trình bày sắc giao giới và sắc tứ tướng làm chi phần của bợn sắc, bởi vì cả năm sắc này chỉ là phần phân định và là tướng trạng (dấu hiệu) của bợn sắc mà thôi.

**33. Vấn:** *Hãy trình bày 9 bợn sắc nghiệp cùng với ý nghĩa và chi pháp?*

**Đáp:** Ý nghĩa và chi pháp của 9 bợn sắc nghiệp:

1. Bợn nhãn thập sắc (cakkhudasaakalāpa): Bợn nhãn sắc có 10, có thần kinh nhãn làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc thần kinh nhãn.

2. Bợn nhĩ thập sắc (sotadasakalāpa): Bợn nhĩ sắc có 10, có thần kinh nhĩ làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc thần kinh nhĩ.

3. Bọn tử thập sắc (ghānadasakakalāpa): Bọn tử sắc có 10, có thần kinh tử làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc thần kinh tử.

4. Bọn thiệt thập sắc (jivhādasakakalāpa): Bọn thiệt sắc có 10, có thần kinh thiệt làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc thần kinh thiệt.

5. Bọn thân thập sắc (kāyadasakakalāpa): Bọn thân sắc có 10, có thần kinh thân làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc thần kinh thân.

6. Bọn nữ tánh thập sắc (itthībhāvadasakakalāpa): Bọn sắc nữ có 10, có nữ tánh làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc nữ tánh.

7. Bọn nam tánh thập sắc (purisabhāvadasakakalāpa): Bọn sắc nam có 10, có nam tánh làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc nam tánh.

8. Bọn vật thập sắc (vatthudasakakalāpa): Bọn sắc vật có 10, có sắc ý vật làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền, sắc ý vật.

9. Bọn mạng quyền cửu sắc (jīvitānavakakalāpa): Bọn sắc mạng quyền có 9, có sắc mạng quyền làm chánh yếu.

Chi pháp: 8 sắc bất ly, sắc mạng quyền.

**34. Vấn:** Trong thân người bạn sắc nghiệp sanh lên nhiều nhất được bao nhiêu bạn? Và bạn nữ tánh thân sắc với bạn nam tánh thân sắc cùng đồng sanh lên trong một người được hay không? Hãy giải thích và phân tích sắc nghiệp có được trên ba phần của thân thể?

**Đáp:** Trong mỗi con người bạn sắc nghiệp sanh lên nhiều nhất được 8 bạn. Bạn nữ tánh thập sắc với bạn nam tánh thập sắc cả hai bạn này không đồng sanh lên trong một con người được, bởi vì bạn nữ thập sắc là bạn chỉ hiện bày nữ giới và bạn nam tánh thập sắc là bạn chỉ hiện bày nam giới. Do đó, nếu là nữ nhân thì phải trừ bạn nam tánh thập sắc ra nếu là nam nhân thì phải trừ bạn nữ tánh thập sắc ra, nên cả hai bạn sắc nghiệp này không thể đồng sanh lên trong cùng một con người được.

Bạn sắc nghiệp trên 3 phần của thân thể:

1- Phần trên tính từ cổ trở lên đầu (uparimakāya) có được 7 bạn sắc nghiệp:

- a. Bạn nhãn thập sắc.
- b. Bạn nhĩ thập sắc.
- c. Bạn tỷ thập sắc.
- d. Bạn thiệt thập sắc.
- e. Bạn thân thập sắc.
- f. Bạn tánh thập sắc.
- g. Bạn mạng quyền cửu sắc.

2- Phần giữa thân tính từ cổ xuống rốn (majjhimakāya) có 4 bạn sắc nghiệp:

- a. Bọn thân thập sắc.
- b. Bọn tánh thập sắc.
- c. Bọn ý vật thập sắc.
- d. Bọn mạng quyền cửu sắc.

3- Phần thân dưới tính từ rốn xuống đến chân (hetṭhimakāya) có được 3 bọn sắc nghiệp:

- a. Bọn thân thập sắc.
- b. Bọn tánh thập sắc.
- c. Bọn mạng quyền cửu sắc.

**35. Vấn:** *Hãy trình bày tên gọi của 8 bọn sắc tâm theo tuần tự và hãy giải thích bọn thính cửu sắc (saddanavakakalāpa) và bọn khinh thính kỳ dị (saddalahutādidvādasakakalāpa)?*

**Đáp:** 8 bọn sắc tâm:

1. Bọn bát thuần (suddhaṭṭhakakalāpa).
2. Bọn thính bát thuần (saddanavakakalāpa).
3. Bọn thân biểu cửu sắc (kāyaviññattinavakakalāpa).
4. Bọn ngũ thính thập sắc (vacīviññattisaddadasakakalāpa).
5. Bọn kỳ dị thập nhất sắc (lahutādiekādasakakalāpa).
6. Bọn thính kỳ dị (saddalahutādidvādasakakalāpa).
7. Bọn thân biểu kỳ dị thập nhị sắc (kāyaviññattilah utādidvādasakakalāpa).
8. Bọn ngũ thính kỳ dị thập tam sắc (vacīviññattisad dalahutāditerasakakalāpa).

Bộ thanh cửu sắc sanh lên khi có âm thanh hiển lộ, không liên quan đến sự nói và sanh lên trong lúc tâm yếu đuối, chán nản. Như âm thanh sanh lên từ hơi thở ra vào, tiếng ho, nhảy mũi, ngáp ngất quăng, khàn đục không rõ ràng.

Bộ thanh cửu sắc khi có 3 sắc kỳ dị (vikāra) đồng sanh thì gọi là bộ thanh kỳ dị sanh trong lúc tâm an lạc, mãnh mẽ. Có âm thanh giống như bộ thanh cửu sắc nhưng âm thanh đó trong trẻo và rõ ràng hơn.

**36- Vấn:** Kể từ cổ trở xuống rốn bộ sắc tâm sanh lên có bao nhiêu? Và cả 8 bộ sắc tâm đó mỗi bộ sắc có bao nhiêu?

**Đáp:** Kể từ cổ trở xuống rốn có 4 bộ sắc tâm sanh lên:

1. Bộ thuần bát sắc.
2. Bộ thân biểu cửu sắc.
3. Bộ kỳ dị thập nhất sắc.
4. Bộ thân biểu kỳ dị thập nhị sắc.

Trong 8 bộ sắc tâm có 14 sắc tâm là 8 sắc bất ly, sắc tinh, 5 sắc đặc biệt.

**37- Vấn:** 13 sắc quý tiết khi xếp thành bộ sắc thì được bao nhiêu bộ? Hãy phân tích nhóm sắc quý tiết đó sanh lên trong nội phần và ngoại phần?

**Đáp:** 13 sắc quý tiết khi xếp vào thành bộ sắc thì được 4 bộ:

1. Bọn bát thuần (suddhaṭṭhakakalāpa).
2. Bọn thỉnh bát thuần (saddanavakakalāpa).
3. Bọn kỳ dị thập nhất sắc (lahutādiekādasakakalāpa).
4. Bọn thỉnh kỳ dị thập nhị sắc (saddalahutādidvādasakakalāpa).

Cả 4 bọn sắc quý tiết này đều sanh lên được trong nội phần của chúng sanh. Còn ngoại phần như vật vô thức thì chỉ có bọn bát thuần và bọn thỉnh bát thuần sanh lên.

**38. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa tiếng hát và tiếng nhạc, giữa bọn tâm bát thuần (cittajasuddhaṭṭhakakalāpa) và bọn quý tiết bát thuần (utujasuddhaṭṭhakakalāpa)?*

**Đáp:** Sự khác biệt giữa tiếng hát và tiếng nhạc:

Tiếng hát sanh lên do nương vào tâm, tiếng nhạc sanh lên do nương vào quý tiết. Tiếng hát được 2 bọn sắc tâm là bọn ngữ thỉnh và bọn ngữ thỉnh kỳ dị. Tiếng nhạc được 1 sắc quý tiết là bọn bát thuần.

Tiếng hát sanh lên từ đối tượng hữu thức cũng được như tiếng người hát, sanh lên từ đối tượng vô thức cũng được như tiếng hát phát ra từ đĩa nhạc hoặc radio. Còn tiếng nhạc chỉ sanh lên từ một nhạc cụ hay sự phối hợp của nhiều nhạc cụ tức đối tượng vô thức.

Sự khác biệt giữa bọn tâm bát thuần và bọn quý tiết bát thuần:

1. Bọn tâm bất thuần chỉ sanh lên với đối tượng hữu thức, bọn quý tiết bất thuần sanh lên với đối tượng hữu thức hay vô thức cũng được.

2. Bọn tâm bất thuần không tự hiển lộ được mà phải luôn nương vào sắc quý tiết mới hiển lộ được. Còn quý tiết bất thuần hiển lộ riêng biệt được, như thân thể con người, loài thú, cây cối, đồi núi, nơi chốn...

**39. Vấn:** *Hãy giải thích theo sự hiểu biết cho đúng theo căn bản về cả hai bọn sắc vật thực sanh lên bên ngoài chúng sanh được hay không?*

**Đáp:** Cả hai bọn sắc vật thực không sanh lên bên ngoài chúng sanh được, bởi vì bọn sắc vật thực sanh lên được phải nhờ dưỡng tố nghiệp (kammaojā) trong thân của chúng sanh từ chất dinh dưỡng của dưỡng tố ngoại. Tức chất dinh dưỡng nằm trong các vật thực, sau đó trở thành sắc vật thực, sắc vật thực đó nuôi dưỡng lại thân thể. Do đó, bọn sắc nằm trong vật thực nếu chưa được dùng vào thì chưa gọi là bọn sắc vật thực mà chỉ gọi là bọn sắc quý tiết.

Cây cối phát triển rồi đơm hoa kết trái được cũng nhờ vào đất, nước, phân bón làm cho bọn sắc quý tiết sanh lên, chớ không phải do bọn vật thực làm cho sanh lên. Bởi vì cây cối không dùng vật thực như chúng sanh được.

Thường thì đất, nước và phân bón thấm vào thân cây được phải qua đường rễ mà ta thường quen nói là cây ăn phân chớ không nói theo thực trạng của nó. Vì cây cối không có dưỡng tố nghiệp là chất dinh dưỡng làm

cho đất, nước và phân bón ấy trở thành bốn sắc vật thực được. Do đó, cả hai bốn sắc vật thực này chỉ sanh lên được bên trong chúng sanh hữu thức mà thôi.

**40. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau:*

Aṭṭhavīsati kāmesu      Honti tevīsa rūpisu  
Sattarasevasaññīnaṃ      Arūpe natthi kiñcipi.

**Đáp:** “Trong 11 cõi dục giới thường có 28 sắc pháp sanh lên, trong 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng) có 23 sắc (trừ tử, thiệt, thân, 2 sắc tánh) sanh lên, trong cõi vô tưởng có 17 sắc sanh lên được (trừ 5 sắc thần kinh, sắc cảnh tinh, 2 sắc tánh, sắc ý vật, 2 sắc biểu tri), trong cõi vô sắc thì không có sắc nào sanh lên”.

**41. Vấn:** *Ngài đề cập rằng sắc nghiệp sanh lên trong cõi phạm thiên sắc giới chỉ có 4 bợn là bợn nhãn thập sắc, bợn nhĩ thập sắc, bợn ý vật thập sắc, bợn mạng quyền cứu sắc. Nếu như vậy thì trên vùng đầu của vị phạm thiên sắc giới chỉ có nhãn và nhĩ mà thôi, không có tử, thiệt hay sao? Và hãy giải thích sự việc phạm thiên sắc giới có nhãn, nhĩ sanh lên được do nhân nào?*

**Đáp:** Trên vùng đầu của vị phạm thiên sắc giới không phải chỉ có nhãn và nhĩ mà tử và thiệt cũng có. Vì trong nơi đây không nhắm đến hình tướng của tử, thiệt mà nhắm đến sắc thần kinh sanh lên trong nhóm sắc đó. Do đó, sự việc mà phạm thiên không có tử, thiệt là ám chỉ đến thần kinh tử, thần kinh thiệt không có đối với nhóm phạm thiên sắc giới. Tức là phạm thiên

không nhận thức được mùi sai khác, không nếm được vị sai khác, nhưng hình tướng của tử và thiết cũng có giống như chư thiên và nhân loại.

Phạm thiên có nhãn, và nhĩ cũng do có thần kinh nhãn, thần kinh nhĩ sanh lên để nhìn thấy và lắng nghe, vì cả hai nhãn nhĩ này không có tác hại mà lại có nhiều lợi ích. Tức nhãn để chiêm ngưỡng bậc cao quý như bậc Chánh Đẳng Giác... gọi là được thấy cao thượng (dassanānuttariyaṇa), nhĩ để nghe chánh pháp của bậc Chánh Đẳng Giác... gọi là được nghe cao thượng (savanānuttariyaṇa). Do nhân này nhãn và nhĩ mới sanh lên với nhóm phạm thiên sắc giới.

**42. Vấn:** *Sắc sanh lên với phạm thiên vô tướng có bao nhiêu loại? Sắc sanh lên trong thân của nhân loại có bao nhiêu loại? Và sắc sanh lên từ nghiệp trong cõi dục giới tính theo chi tiết có bao nhiêu?*

**Đáp:**

Sắc sanh lên với phạm thiên vô tướng có 2 loại là sắc nghiệp, sắc quý tiết.

Sắc sanh lên trong thân của nhân loại có 4 loại sắc là sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực.

Sắc sanh lên từ nghiệp nếu tính theo chi tiết có 86 sắc gồm 18 sắc nghiệp trong đó có 17 sắc thành tựu (nipphanarūpa), trong 17 sắc thành tựu này mỗi sắc hội đủ 4 sắc tướng. Do đó, sắc tướng mới có 68 sắc, 68 sắc tướng cộng với 18 sắc nghiệp thành bộn 86 sắc nghiệp theo chi tiết.

Sắc sanh lên từ tâm nếu tính theo chi tiết có 51 sắc gồm 15 sắc tâm trong đó có 9 sắc thành tựu (nipphannarūpa), trong 9 sắc thành tựu này mỗi sắc hội đủ 4 sắc tướng. Do đó, sắc tướng mới có 36 sắc, 36 sắc tướng cộng với 15 sắc tâm thành bốn 51 sắc tâm theo chi tiết.

Sắc sanh lên từ quý tiết nếu tính theo chi tiết có 49 sắc. gồm 13 sắc quý tiết trong đó có 9 sắc thành tựu (nipphannarūpa), trong 9 sắc thành tựu này mỗi sắc hội đủ 4 sắc tướng. Do đó, sắc tướng mới có 36 sắc, 36 sắc tướng cộng với 13 quý tiết thành bốn 49 quý tiết theo chi tiết.

Sắc sanh lên từ vật thực nếu tính theo chi tiết có 44 sắc gồm 12 sắc vật thực trong đó có 8 sắc thành tựu (nipphannarūpa), trong 8 sắc thành tựu này mỗi sắc hội đủ 4 sắc tướng. Do đó, sắc tướng mới có 32 sắc, 32 sắc tướng cộng với 12 sắc vật thực thành bốn 44 sắc vật thực theo chi tiết.

Sắc sanh lên trong cõi dục giới theo chi tiết có 230 sắc: 86 sắc nghiệp, 51 sắc tâm, 49 sắc quý tiết, 44 sắc vật thực.

**43. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau:*

Saddo vikāro jaratā

Maraṇaṅcopapattiyam

Na labbhanti pavattetu

Na kiñcipi na labbhati.

**Đáp:** “Sắc cảnh thanh, 5 sắc kì dị, sắc dị, sắc diệt. 8 sắc này không sanh lên trong thời tái tục được tức ngay sát na sanh của tâm tái tục, còn trong thời bình nhật thì không có một sắc nào mà không sanh lên được”.

44. **Vấn:** *Sắc sanh lên trong sát na tái tục gồm có loại sắc nào và có bao nhiêu? Hãy phân tích bốn sắc nghiệp sanh lên trong sát na tái tục của loại thấp sanh (saṃsedaja) thai sanh (gabbhaseyyaka), hóa sanh (opapātika) trong cõi dục giới (trừ cõi vô tưởng).*

**Đáp:** Sắc sanh lên trong sát na tái tục gồm có 18 sắc nghiệp tức 8 sắc bất ly, 5 sắc thần kinh, 2 sắc tánh, sắc mạng quyền, sắc giao giới nhưng sanh lên tùy theo lãnh vực.

Sắc nghiệp sanh lên trong sát na tái tục của loài thấp sanh được 7 bốn sắc nghiệp:

1. Bốn nhãn thập sắc.
2. Bốn nhĩ thập sắc.
3. Bốn tử thập sắc.
4. Bốn thiệt thập sắc.
5. Bốn thân thập sắc.
6. Bốn tánh thập sắc.
7. Bốn ý vật thập sắc.

Trong sát na tái tục của loài thai sanh được 3 bốn sắc nghiệp:

1. Bốn thân thập sắc.
2. Bốn ý vật thập sắc.
3. Bốn tánh thập sắc.

Loài hóa sanh trong cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng) được 4 bốn sắc nghiệp:

1. Bốn nhãn thập sắc.

2. Bọn nhĩ thập sắc.
3. Bọn ý vật thập sắc.
4. Bọn mạng quyền cửu sắc.

**45. Vấn:** *Bọn sắc nghiệp mà khiếm khuyết với người thuộc loài thấp sanh và thai sanh thì được bao nhiêu loại sắc nghiệp? Hãy trình bày thời điểm mà bọn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, mạng quyền sanh lên nơi thân thể?*

**Đáp:** Bọn sắc nghiệp mà khiếm khuyết với người thuộc loài thấp sanh và thai sanh là bọn nhãn thập sắc, bọn nhĩ thập sắc, bọn tỷ thập sắc, bọn tánh thập sắc.

Thời điểm mà cả 4 bọn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt sanh lên trong thân thuộc thai sanh vào tuần lễ thứ 11 tức giữa 70 đến 77 ngày. Nhưng việc sanh lên của cả 4 bọn này không nhất định bọn nào sanh trước, bọn nào sanh sau. Bởi vì cả 9 bọn sắc nghiệp Đức Phật thuyết không theo lý tuần tự sanh khởi (uppattikamanaya) mà thuyết theo lý tuần tự thuyết giáo (desanākamanaya) giống như thuyết về ngũ uẩn và tứ đế.

Như trong số giải về vật (vatthuattakathā) có trình bày: “Sesāni cattāri sattasattati rattimhi jāyanti”. Ngoài thân, tánh, ý vật, mạng quyền ra thì 4 bọn sắc nghiệp còn lại thường sanh lên trong khoảng 77 ngày tức tuần lễ thứ 11, còn bọn mạng quyền cửu sắc sanh lên trong tuần lễ đầu tiên sau tâm tái tục tức trong giữa 7 ngày.

**46. Vấn:** *Chúng sanh sanh ra lớn liền lập tức có bao nhiêu nhóm? Hãy trình bày sự phát triển thân thể*

*tính từ sát na tục sinh cho đến khi đầy đủ bộ phận thân thể.*

**Đáp:** Chúng sanh sanh ra lớn liền lập tức có 24 nhóm:

1. Chúng sanh địa ngục.
2. Ngạ quỷ nijjāmatanika.
3. Chư thiên tứ thiên vương (trừ chư thiên địa cầu), 5 cõi chư thiên sắc giới tầng trên, 16 cõi phạm thiên sắc giới.

*Sự phát triển của thai sanh theo tuần tự kể từ sát na tâm tục sinh cho đến khi đầy đủ bộ phận thân thể như sau:*

- Tuần lễ đầu tiên khi tục sinh thì sắc kalala sanh lên như giọt dầu mè trong suốt.

- Tuần lễ thứ hai sanh lên sắc abbuda có hình dáng giống như bọt nước sền sệt màu như nước rửa thịt.

- Tuần lễ thứ ba sanh lên sắc pesi có hình dáng giống như cục thịt bầy nhầy màu đỏ.

- Tuần lễ thứ tư sanh lên sắc ghana có hình dáng như khối tròn giống như trứng gà.

- Tuần lễ thứ năm sanh lên sắc pañcasākhā tức sắc phân ra thành 5 nhánh.

- Sau đó trong giữa tuần lễ thứ 12 đến tuần thứ 42 thì tóc, lông, móng hiện bày.

**47. Vấn:** *Hãy trình bày sự sanh lên lần đầu tiên và lần cuối cùng của sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực?*

## Đáp:

\* Sắc nghiệp sanh lên *lần đầu tiên* kể từ sát na sanh của tâm tái tục và sanh lên *lần cuối cùng* vào sát na sanh của tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở lại.

\* Sắc tâm sanh lên *lần đầu tiên* là từ sát na sanh của tâm hữu phần thứ nhất và sanh lên *lần cuối cùng* vào sát na sanh của tâm tử.

Riêng bậc A La Hán sắc tâm sanh lên *lần cuối cùng* vào sát na sanh của tâm thứ hai tính từ tâm tử trở lại.

\* Sắc quý tiết sanh lên *lần đầu tiên* vào sát na trụ của tâm tái tục và sanh lên mãi cho dù chúng sanh đó chết thành tử thi, bộ xương, tro bụi hay đất đi nữa cũng vẫn sanh lên cho đến khi thế gian bị tiêu hoại.

\* Sắc vật thực *sanh lên* kể từ khi dưỡng tố được hấp thụ thấm nhuần toàn thân (trong tuần lễ thứ 2 - 3) và sanh lên *lần cuối cùng* vào sát na diệt của tâm tử.

**48. Vấn:** *Sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực sanh lên trong thân sẽ diệt đi vào thời điểm nào? Hãy trình bày theo từng phần riêng biệt. Các vị giáo thọ sư hậu sơ giải đề cập rằng trong cõi nhân loại dùng vật thực một lần thì sống được 7 ngày, trong cõi chư thiên dùng vật thực một lần thì sống được một tháng hoặc 2 tháng, nhưng ngài giáo thọ sư Anuruddha lại nói rằng nhân loại không dùng vật thực cũng sống được 7 tháng hoặc 10 tháng. Hãy cho biết nhân loại này thuộc nhóm nhân loại nào và sống được do nương vào đâu?*

## **Đáp:**

Sự sanh diệt của cả 4 sắc như sau:

- Sắc nghiệp thì diệt vào sát na diệt của tâm tử.
- Sắc tâm của phàm nhân hoặc 3 bậc Thánh hữu học khi mệnh chung thì sắc tâm sẽ tồn tại bằng với 16 sát na tâm mới diệt đi.
- Sắc quý tiết sẽ diệt khi thế gian bị tiêu hoại.
- Sắc vật thực khi mệnh chung vẫn tồn còn tại bằng với 17 sát na tâm nhưng không đầy đủ, tức chỉ bằng 50 sát na tiểu rồi diệt đi.

Theo ngài giáo thọ sư Anuruddha đề cập thì nhân loại không dùng vật thực cũng sống được 7 hoặc 10 tháng tức hài nhi trong thai bào người mẹ do nương vào vật thực của người mẹ dùng vào.

### **49. Vấn:** *Hãy giải thích hai điều palī sau đây:*

1. Maraṇakāle pana cuticittoparisattarasamacittassa  
ṭhiṭṭikālamupadāya kammajarūpāni na uppajjanti  
puretaramuppannāni ca kammajarūpāni  
cuticittasamakālameva pavattitvā nirujjhanti.

2. Tato paraṃ cittajāhārajarūpañca vocchijjati.

## **Đáp:**

Điều palī thứ 1: “Maraṇakāle pana... nirujjhanti” được giải thích:

Sắc nghiệp bắt đầu sanh lên từ sát na sanh của tâm tái tục sau đó thì sanh lên tiếp nối nhau mãi trong

mỗi sát na tâm suốt cho đến khi chúng sanh đó mệnh chung. Thời điểm chúng sanh đó gần mệnh chung thì sắc nghiệp sanh lên lần cuối cùng vào sát na sanh của tâm thứ 17 kể từ tâm tử đếm trở lại rồi cũng không sanh lên tiếp tục nữa. Đối với sắc nghiệp sanh lên lần cuối thì tuổi thọ bằng với 17 sát na tâm rồi cũng diệt đi, do đó sắc nghiệp mới đồng diệt với tâm tử.

Sự việc sắc nghiệp sanh lên lần cuối cùng vào sát na sanh của tâm thứ 17 là bởi vì thông thường mỗi sắc có tuổi thọ bằng với 17 tâm rồi cũng diệt đi. Do đó, tâm tử và sắc nghiệp cũng phải đồng diệt nên mới gọi là chúng sanh đó mệnh chung. Tâm tử không thể sanh lên rồi diệt đi trước sắc nghiệp, nếu sắc nghiệp chưa diệt thì tâm tử cũng không sanh lên. Đó là sự diễn tiến thường nhiên theo thực tánh, không có một đối tượng nào có thể bức ép cho sai khác được. Do nhân này, việc sanh lên lần cuối cùng của sắc nghiệp phải sanh đúng vào sát na sanh của tâm thứ 17 kể từ tâm tử đếm trở lại.

Điều pali thứ 2: “Tato param... vocchijjatī” được giải thích:

Ngoài tâm tử của bậc A La Hán, thì tâm tử của phàm nhân và ba bậc Thánh hữu học thường làm cho sắc tâm sanh lên được. Do đó, sự sanh lên lần cuối của sắc tâm mới sanh lên vào sát na sanh của tâm tử. Còn đối với bậc A La Hán thì sắc tâm sanh lên lần cuối vào sát na sanh của tâm thứ hai kể từ tâm tử đếm trở lại. Điều này cho thấy rằng: “Cho dù tâm tử diệt đi tức người đó đã mệnh chung thì sắc tâm vẫn còn tiếp tục tồn tại tương đương với 16 sát na tâm mới diệt đi”. Còn

bậc A La Hán khi viên tịch Níp Bàn thì sắc tâm vẫn còn tồn tại tiếp tục bằng với 15 sát na tâm thì mới viên tịch.

Sự đề cập này dựa theo thực tánh của lộ tâm, lộ sắc mà thôi, nếu đề cập theo chế định thông thường tức khi mệnh chung thì sắc tâm cũng đồng diệt theo. Bởi vì thời gian 15 sát na tâm hoặc 16 sát na tâm được ước tính chưa bằng 1/100 của 1 giây.

Còn sắc vật thực như đã đề cập sanh lên trong mỗi sát na tâm cho đến sát na diệt của tâm tử thì sắc vật thực vẫn còn sanh lên được lần cuối khi tâm tử đã diệt. Đối với người cõi dục thì sắc vật thực sanh lên lần cuối vẫn còn tồn tại được tương đương với 17 sát na tâm nhưng không đầy đủ, tức chỉ bằng 50 sát na tiểu của tâm.

Còn chư phạm thiên không có sắc vật thực sanh lên. Do đó, không cần phải đề cập.

**50- Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây:*

Icevaṃ matasattānaṃ Punadeva bhavantare  
Paṭisandhimupādāya Tathārūpaṃ pavattati.

*Trong 31 cõi diễn tiến theo kệ ngôn này được hay không?*

**Đáp:** “Trong cơ tánh của tất cả chúng sanh, khi mệnh chung từ thế gian này thì cả 4 loại sắc vẫn sanh lên được nữa trong sanh hữu mới, kể từ tâm tái tục... giống như kiếp này”.

Trong 31 cõi không diễn tiến theo kệ ngôn này được, bởi vì cả 31 cõi thì có một vài cõi 4 loại sắc này không sanh lên đủ:

Nếu là chúng sanh trong 11 cõi dục thì sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực thường sanh lên đầy đủ.

Nếu sanh trong 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng) thì sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết sanh lên được.

Nếu sanh lên trong cõi vô tưởng thì chỉ có sắc nghiệp, sắc quý tiết sanh lên được.

Nếu sanh trong 4 cõi vô sắc giới thì cả 4 loại sắc này không sanh lên được.

Do đó, 31 cõi diễn tiến theo kệ ngôn chỉ thích hợp với một số cõi mà thôi.

## **Kết Thúc Phần Vấn Đáp Sắc Pháp**

# NÍP BÀN

## (Nibbānaparamattha)

1. **Vấn:** Do nhân nào pháp vắng lặng khỏi phiền não và ngũ uẩn gọi là Níp Bàn? Níp Bàn thuộc vào nhóm nào, liễu tri bằng tuệ nào, là cảnh trực tiếp của nhóm pháp nào? Hãy giải thích và nêu dẫn chứng kết hợp với lời dịch?

**Đáp:** Pháp vắng lặng khỏi phiền não và ngũ uẩn gọi là Níp Bàn bởi vì giải thoát khỏi ái dục. Níp Bàn thuộc pháp siêu thế được liễu tri được bằng tuệ trong 4 tâm đạo và là cảnh trực tiếp của 8 tâm siêu thế và 36 tâm sở hợp.

Ngài giáo thọ sư Anuruddha trình bày trong Thắng Pháp Tập Yếu Luận (abhidhammatthasaṅgahapakaṇa): “Nibbānaṃ pana lokuttarasañkhātāṃ catumaggañāṇena sacchikātabbaṃ maggaphalānamārammaṇabhūtaṃ vānasañkhātāya taṇhāya nikkhantattā nibbānanti pavuccati”. Níp Bàn là pháp siêu thế cần phải tác chứng bằng cả 4 đạo tuệ, cảnh của đạo quả là Níp Bàn bởi vì giải thoát khỏi ái dục gọi là vāna.

2. **Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây cùng lời giải thích riêng từng phần:*

Padamaccutamaccantam Asaṅkhatamanuttaram  
Nibbānamiti bhāsanti Vānamuttā mahesayo.

**Đáp:** Chư Phật Chánh Đẳng Giác là bậc đã tâm cầu ân đức tối thượng tức giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn. Bậc thoát khỏi ái dục trói buộc và tuyên thuyết lên sự chứng đạt loại thực tánh pháp hiện hữu đặc thù không liên hệ đến pháp tạo tác. Là pháp bất tử tối thượng cùng tột, tức Níp Bàn.

Giải thích:

*Trong kệ ngôn ngài giáo thọ sư Anuruddha diễn giải và trình bày về ân đức của Níp Bàn thế nào?*

Ân đức của Níp Bàn trong kệ ngôn này có 5 câu: Padam, accutam, accantam, asaṅkhatam và anuttaram, gom 5 từ này lại thành thực tánh của Níp Bàn. Vì thế, pháp nào có 5 thực tánh như đã đề cập thì chính pháp đó gọi là Níp Bàn mà chư Phật Chánh Đẳng Giác đã thuyết giáo.

Padam là một chi phần tức một loại thực tánh pháp được tác chứng hiện hữu riêng biệt, không liên quan đến pháp tạo tác, gọi là Níp Bàn.

Accutam là pháp bất tử tức vô sanh bất diệt, đó là Níp Bàn. Bởi vì sự chết mà có được cũng do có sự sanh, khi không có sự sanh thì tức nhiên không có sự chết.

Accantam là pháp thoát khỏi ngũ uẩn, quá khứ, vị lai, đó là Níp Bàn. Ý là Níp Bàn vượt thoát khỏi ngũ

uẩn đã diệt (pubbantakhandha) và vượt khỏi vòng luân sanh của ngũ uẩn trong tương lai (aparantakhandha). Mặc dù không trình bày đến sự vượt khỏi vòng luân sanh của ngũ uẩn hiện tại, nhưng khi đã trình bày sự vượt khỏi vòng luân sanh của ngũ uẩn, quá khứ, vị lai thì coi như cũng đã trình bày sự vượt khỏi vòng luân sanh của ngũ uẩn hiện tại. Bởi vì ngũ uẩn hiện tại này cũng do ngũ uẩn quá khứ làm duyên và sẽ là ngũ uẩn vị lai.

Accantaṃ cũng được gọi là pháp giải thoát khỏi 3 thời tức thời giải thoát (kālavimutti). Cả luôn pháp giải thoát khỏi ngũ uẩn tức uẩn giải thoát (khandhavimutti).

Asaṅkhatam là pháp không bị tạo tác bởi 4 duyên tức Níp Bàn. Níp Bàn là pháp không phải tâm, tâm sở, sắc pháp bởi vì nhóm tâm, tâm sở, sắc pháp này sanh lên được chính do 4 duyên tức nghiệp, tâm, quý tiết, vật thực tạo tác. Dù chỉ có một duyên hay hai, ba, bốn duyên cũng là pháp tạo tác (saṅkhatadhamma). Khi nói theo chế định thì pháp không bị tạo tác (asaṅkhatadhamma) cũng được gọi là chế định. Nhưng trong nơi đây trình bày về pháp chơn đế là pháp chắc thật, nên pháp phi tạo tác (asaṅkhatadhamma) trong nơi đây ám chỉ đến Níp Bàn.

Anuttaram dịch là pháp tối vô thượng tức Níp Bàn, nghĩa là không có pháp nào khác tối vô thượng hơn Níp Bàn. Như vậy pháp tối vô thượng khác cũng có nhưng trong nơi đây ám chỉ pháp tối vô thượng (anuttaradhamma) là Níp Bàn cũng tức là 8 tâm siêu thế, 36 tâm sở hợp. Bởi vì kệ ngôn đã đề cập trên chỉ trình bày đến Níp Bàn.

3. **Vấn:** *Nibbāna* nếu phân câu ra có bao nhiêu? Hãy trình bày ý nghĩa của mỗi câu đó và hãy dịch định nghĩa sau đây:

“Vinati saṃsibbatīti: Vānaṃ

Vānato nikkhantanti: Nibbānaṃ”.

**Đáp:** *Nibbāna* phân ra có 2 câu tức: Ni + vāna

Ni nghĩa là giải thoát khỏi, vāna là vật trói buộc vương vấn, ám chỉ đến giải thoát khỏi ái dục.

“Vinati saṃsibbatīti: Vānaṃ” Pháp trói buộc vương vấn, gọi là vāna tức ái dục.

“Vānato nikkhantanti: Nibbānaṃ” Pháp giải thoát khỏi sự trói buộc vương vấn tức ái dục, gọi là Níp Bàn.

4. **Vấn:** *Ái dục* gọi là **vāna** do nhân nào? Việc đặt tên *Níp Bàn* xét ra thì không đáng gọi là pháp cao quý vì nêu *ái dục* lên làm chính trong việc gọi tên, nhưng tại sao lại gọi là *Níp Bàn* là pháp cao quý?

**Đáp:** *Ái dục* tức là sự thỏa thích nhiễm đắm trong các cảnh sai biệt. Chính vì sự thỏa thích nhiễm đắm trong các cảnh đó là pháp trói buộc chúng sanh không cho thoát khỏi sự chết. Giống như những khúc vải được người thợ may kết dính liền nhau, thì ở đây chúng sanh luân chuyển ví như những khúc vải, *ái dục* như những đường kết dính tinh xảo trói buộc cho kiếp sống cũ tiếp liền kiếp sống mới không xác định được khi nào mới chấm dứt. Do nhân này, *ái dục* mới gọi là vāna.

Còn *Níp Bàn* là pháp giải thoát khỏi *ái dục* nên mới được gọi là “nivāna”.

“Vāna” là tên của pháp không tốt đẹp (bất thiện), nhưng khi có “ni” làm tiếp đầu ngữ thì trở thành tên của pháp siêu việt giống như người được gọi là bậc vô lậu (khīṇāsava).

“Khīṇāsava” khi phân ra được 2 câu là khīṇa + āsava.

Khīṇa là chấm dứt, āsava là pháp nhuộm ướp, ngâm tẩm trong 31 cõi tức tham, tà kiến, ngã mạn.

Āsava là tên gọi pháp bất thiện nhưng nếu thêm vào tiếp đầu ngữ khīṇa thì trở thành pháp thiện. Nói về người gồm có các bậc A La Hán như bậc Chánh Đẳng Giác...

**5. Vấn:** *Níp Bàn nói theo thực tánh có bao nhiêu? Hãy trình bày ý nghĩa của mỗi thực tánh đó?*

**Đáp:** Níp Bàn chỉ có một thực tánh duy nhất là tịch tịnh ám chỉ vắng lặng khỏi phiền não và ngũ uẩn.

**6. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa hữu dư y Níp Bàn (saupādisesanibbāna) và vô dư y Níp Bàn (anupādisesanibbāna)? Cùng phân tích cả hai loại Níp Bàn này theo người?*

**Đáp:**

\* Hữu dư y Níp Bàn là Níp Bàn còn tồn tại ngũ uẩn tức dị thực quả và sắc nghiệp còn dư sót lại từ các phiền não. Nếu nói theo người tức bậc A La Hán còn sanh tồn.

\* Vô dư y Níp Bàn là Níp Bàn không còn ngũ uẩn tức là dị thực quả và sắc nghiệp không còn dư sót lại. Nếu nói về người là bậc A La Hán đã viên tịch.

**7. Vấn:** “Upādi” trong câu “saupādisesanibbāna” (hữu dư y Níp Bàn) chi pháp là gì? Được xếp vào ngũ uẩn nào?

**Đáp:** “Upādi” trong câu “saupādisesanibbāna” có chi pháp là dị thực quả và sắc nghiệp. Được xếp vào cả ngũ uẩn.

**8. Vấn:** Hãy trình bày ý nghĩa trong cả hai Níp Bàn, hiện tại Níp Bàn (**diṭṭhadhammanibbāna**) và hậu lai Níp Bàn (**samparāyikanibbāna**)?

**Đáp:**

\* Hiện tại Níp Bàn là ám chỉ các bậc A La Hán liễu tri Níp Bàn nhưng còn sanh mạng.

\* Hậu lai Níp Bàn là nói đến bậc A La Hán khi viên tịch mới đạt đến Níp Bàn.

**9. Vấn:** Hãy cho biết trạng thái và trình bày ý nghĩa của Níp Bàn theo tóm tắt?

**Đáp:** Trạng thái Níp Bàn có 3 loại:

1. Không tánh Níp Bàn (**suññatanibbāna**): Trạng thái hiện hữu của Níp Bàn rỗng không khỏi phiền não và ngũ uẩn.

2. Vô tướng Níp Bàn (**animittanibbāna**): Trạng thái hiện hữu của Níp Bàn không có hiện tượng hình tướng, màu sắc.

3. Phi thuộc lụy Níp Bàn (**appaṇihitanibbāna**): Trạng thái hiện hữu của Níp Bàn không có cảnh mong muốn

do mãnh lực của tham và không có ái dục là hiện thân mong cầu trong Níp Bàn.

**10. Vấn:** *Các bậc trí tuệ cho rằng người còn thỏa thích trong việc tái sanh không nên ước nguyện Níp Bàn. Một số bậc hiền trí đề cập rằng người chưa nhàm chán trong thân xác của mình và của người khác cũng không nên ước nguyện Níp Bàn. Và một số bậc trí giả cũng có nói rằng người có sự thỏa thích trong sắc, thanh, khí, vị, xúc, suy tư cũng chưa nên ước nguyện Níp Bàn? Hãy giải thích các điều này theo từng phần riêng biệt và cho biết nguyên nhân?*

**Đáp:**

Các bậc trí tuệ cho rằng người còn thỏa thích trong việc tái sanh không nên ước nguyện Níp Bàn, bởi vì người còn thỏa thích trong việc tái sanh chứng tỏ rằng phiền não còn nhiều và còn mong muốn ngũ uẩn. Nhưng thực tánh của Níp Bàn thì rỗng không khỏi phiền não và không còn dư sót ngũ uẩn, nên gọi là không tánh Níp Bàn. Do nhân này, người còn thỏa thích trong việc tái sanh mới không nên ước nguyện Níp Bàn.

Một số bậc hiền trí đề cập rằng người chưa nhàm chán trong thân xác của mình và của người khác cũng không nên ước nguyện Níp Bàn, bởi vì thân xác hiển lộ, thì hiện tượng, hình tướng, màu sắc hiển lộ. Nhưng thực tánh Níp Bàn không có dấu hiệu hay hiện tượng, nên gọi là vô tướng Níp Bàn. Do nhân này, người chưa nhàm chán thân xác mới không nên ước nguyện Níp Bàn.

Một số bậc trí giả cũng có nói rằng người có sự thỏa thích trong sắc, thanh, khí, vị, xúc, suy tư cũng chưa nên ước nguyện Níp Bàn, bởi vì sắc, thanh, khí, vị, xúc, suy tư là pháp tạo tác (saṅkhatadhamma) mà pháp tạo tác là sắc, là danh thường có thực tánh là ước muốn (paṇihita), là cảnh đáng ưa thích do tham hay do ái dục hay do cả hai. Nhưng thực tánh của Níp Bàn không có cảnh đáng ưa thích bởi mãnh lực của tham và không có ái dục nên gọi là phi thuộc lụy Níp Bàn. Do đó, người nào có sự thỏa thích như đã đề cập trên mới không nên ước nguyện Níp Bàn.

**11- Vấn:** *Tâm và tâm sở không có hình tướng màu sắc giống như thân thể chúng sanh. Do đó, nhóm tâm, tâm sở này gọi là vô tướng Níp Bàn được hay không?*

**Đáp:** Cho dù tâm, tâm sở (4 danh uẩn) không hiển lộ thành hình tướng, màu sắc giống như sắc uẩn. Nhưng sự sanh lên nối tiếp nhau của 4 danh uẩn này được bậc Chánh Đẳng Giác và bậc đắc tha tâm thông thấy được bằng trí tuệ giống như có hình tướng và màu sắc. Vì có hiện tượng có dấu hiệu nên 4 danh uẩn này không gọi là vô tướng Níp Bàn được.

**12- Vấn:** *Tâm tứ quả (A La Hán) và nhóm tâm sở đồng sanh là pháp giải thoát khỏi tam giới không phải là cảnh của ái dục, không đồng sanh với ái dục và người có tâm đó cũng không còn phiền não, nhưng tại sao tâm tứ quả không được gọi là phi nội Níp Bàn?*

**Đáp:** Tâm tứ quả và nhóm tâm sở đồng sanh cho dù không có cảnh đáng ưa thích do mãnh lực của tham và

không đồng sanh với ái dục, nhưng cũng chưa giải thoát khỏi pháp thuộc lụy (paṇihitadhamma). Vì tâm tứ quả và nhóm tâm sở đồng sanh ấy là pháp còn đang sanh lên bên trong người, Níp Bàn thì không sanh lên trong nội phần con người. Do đó, không gọi tâm tứ quả và nhóm tâm sở đồng sanh là phi thuộc lụy Níp Bàn được.

**13- Vấn:** *Trong sát na đang nhập thiền quả có cảm giác như được thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, suy nghĩ hay không? Hãy giải thích theo nhận thức đúng theo căn bản?*

**Đáp:** Trong sát na đang nhập thiền quả thì một trong bốn tâm quả thường sanh lên nối tiếp nhau và có cảnh là Níp Bàn. Mà thực tánh của Níp Bàn là không tánh (suññata) tức rỗng không, thoát khỏi phiền não và ngũ uẩn, là vô tướng (animitta), không có hiện tượng hay dấu hiệu và là phi thuộc lụy (appaṇihita) không có cảnh đáng ước muốn do tham và không có ái dục.

Nói tóm lại, thực tánh của Níp Bàn không có cái gì ngoài thực tánh chấm dứt tất cả ngũ uẩn. Do đó, trong sát na đang nhập thiền quả không có sự cảm giác giống như thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và suy nghĩ.

**14- Vấn:** *Hãy trình bày chi pháp trong câu sau đây:*

1. *Rỗng không* (suññata).
2. *Hiện tướng* (nimitta).
3. *Thuộc lụy* (paṇihita).

**Đáp:**

1. Rỗng không chi pháp là Níp Bàn.

2. Hiện tướng chi pháp là ngũ uẩn.

3. Thuộc lụy chi pháp là ngũ uẩn.

**15- Vấn:** *Hãy giải thích sự ước nguyện Níp Bàn được liệt vào phi hữu ái (vibhavataṇhā) là như thế nào?*

**Đáp:** Sự ước nguyện Níp Bàn được liệt vào phi hữu ái do người không hiểu biết được thực tánh hiện hữu của Níp Bàn hoàn chỉnh. Nên khi được nghe “*Níp Bàn hoàn toàn không có sự khổ thân, khổ tâm mà chỉ có sự an lạc và là pháp siêu xuất khỏi thế gian*” thì phát sanh sự mong cầu bởi vì muốn được an thân, lạc tâm do không dính dấp đến thế gian và không muốn sự sanh, già, bệnh, chết mà không suy xét đến thực tánh về sự vô sanh của Níp Bàn. Không biết rằng sự an lạc thật sự không liên quan gì đến sự an thân lạc tâm thông thường trong cõi nhân loại, chư thiên, phạm thiên. Do đó, sự ước nguyện Níp Bàn của nhóm người này được liệt vào phi hữu ái.

## **Kết Thúc Phần Vấn Đáp Níp Bàn**

## ĐẶC TÍNH CỦA BẬC HIỀN TRÍ

Nayaṃ nayati medhāvī adhurāyaṃ na yuñjati  
Sunayo seyyaso hoti sammā vutto na kuppati  
Vinayaṃ so pajānāti sādhu tena samāgamoti

Dịch là:

1. Bậc hiền trí thường không chỉ dẫn trong điều không đáng chỉ dẫn.
2. Không làm điều không phải phận sự của mình.
3. Chỉ hướng dẫn điều tốt theo đức tánh của bậc hiền trí.
4. Bậc hiền trí không nóng giận khi người khác nhắc nhở.
5. Khéo hướng dẫn vào đường lối chân chánh.

Tóm lại: Sự thân cận với bậc hiền trí là đạo lộ hướng thượng tốt nhất hướng đến sự tiến hóa.

(Theo bốn sanh Akiti trong Terasanipāta của 40 điều hạnh phúc).

### **Kết Thúc Phần Vấn Đáp Sơ Cấp**

**GIÁO TRÌNH VẤN ĐÁP**  
**TIỂU HỌC THẮNG PHÁP**  
**PHẦN TRUNG CẤP CHƯƠNG 3**  
**THỌ TẬP YẾU**  
**(Vedanāsaṅgaha)**

1. **Vấn:** *Chương 3 gọi là linh tinh tập yếu (pakiṇṇakasāṅgaha) do nhân nào? Hãy trình bày cả 6 mẫu đề cùng với nội dung?*

**Đáp:** Chương 3 gọi là linh tinh tập yếu bởi vì trình bày tâm và tâm sở bằng cách toàn diện. Tức trình bày bằng cách gom tâm và tâm sở theo thọ, theo nhân, theo sự, theo môn, theo cảnh, theo vật.

Nội dung 6 mẫu đề:

1. Thọ tập yếu (vedanāsaṅgaha) là cách gom tâm và tâm sở theo 3 thọ hoặc 5 thọ.

2. Nhân tập yếu (hetusaṅgaha) là cách gom tâm và tâm sở theo 6 nhân.

3. Sự yếu hiệp (kiccaṅgaha) tức cách gom tâm và tâm sở theo sự hoặc 10 sở.

4. Môn yếu hiệp (dvārasaṅgaha) tức cách gom tâm và tâm sở theo 6 môn.

5. Cảnh yếu hiệp (ārammaṇasaṅgaha) tức cách gom tâm và tâm sở theo 6 cảnh.

6. Vật yếu hiệp (vatthusaṅgaha) tức cách gom tâm và tâm sở theo 6 vật.

**2. Vấn:** 53 thực tánh (nāmatepaññāsa) là gì? Và hãy trình bày đặc tánh của thọ theo 2 cách?

**Đáp:** Tất cả tâm nói theo trạng thái được tính thành 1 và 52 tâm sở nên được tính thành 53 thực tánh.

Đặc tánh của thọ theo 2 cách:

1. Đặc tánh thụ hưởng cảnh (ārammaṇānubhavanalakkhaṇanaya).

2. Làm trưởng cai quản (indriyabhedanaya).

**3. Vấn:** Hãy giải thích đặc tánh của 3 thọ hoặc 5 thọ và dịch kệ ngôn sau đây:

Sukhaṃ dukkhamupekkhāti tividhā Tattha vedanā

Somanassaṃ domanassa- Miti bhedena pañcadhā

**Đáp:**

\* Đặc tánh của 3 thọ: Tất cả chúng sanh cảm thọ cảnh thường có 3 loại:

1. Trong lúc đang cảm thọ cảnh cảm giác an lạc sanh khởi gọi là lạc thọ (sukhavedanā).

2. Trong lúc đang cảm thọ cảnh cảm giác không an lạc sanh khởi gọi là khổ thọ (dukhavedanā).

3. Trong lúc đang cảm thọ cảnh cảm giác bình thản, phi khổ phi lạc sanh khởi gọi là xả thọ (upekkhāvedanā).

\* Sự cảm giác của tất cả chúng sanh theo 5 thọ:

1. Sự cảm giác an lạc liên quan đến thân do tâm sở thọ cai quản làm trưởng đồng sanh với tâm thân thức, gọi là lạc thọ.

2. Sự cảm giác không an lạc liên quan đến thân do tâm sở thọ cai quản làm trưởng đồng sanh với tâm thân thức, gọi là khổ thọ.

3. Sự cảm giác an lạc liên quan đến tâm do tâm sở thọ cai quản làm trưởng trong tâm đồng sanh hỷ, gọi là hỷ thọ.

4. Sự cảm giác không an lạc liên quan đến tâm do tâm sở thọ cai quản làm trưởng trong tâm đồng sanh ưu, gọi là ưu thọ.

5. Sự cảm giác bình thản liên quan đến tâm do tâm sở thọ cai quản làm trưởng trong tâm đồng sanh xả, gọi là xả thọ.

Kệ ngôn này dịch theo thọ tập yếu ārammaṇānubhavanalakkhaṇa tức đặc tánh cảm thọ cảnh có 3 là lạc thọ, khổ thọ và xả thọ. Nói theo quyền có 5 là lạc thọ, khổ thọ, hỷ thọ, ưu thọ và xả thọ.

**4. Vấn:** *Hãy trình bày 62 tâm đồng sanh hỷ thọ và 55 tâm đồng sanh xả thọ theo tuần tự và phân tích 121 tâm theo 3 thọ?*

**Đáp:**

62 tâm đồng sanh hỷ thọ: 4 tâm tham hỷ thọ, 1 tâm

quan sát hỷ thọ, 1 tâm Ung Cúng vi tiểu, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại quả hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ, 12 tâm sắc giới hỷ thọ, 32 tâm siêu thế hỷ thọ.

55 tâm đồng sanh xả: 6 tâm bất thiện xả thọ, 14 tâm vô nhân xả thọ, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại quả xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ, 3 tâm sắc giới xả thọ, 12 tâm vô sắc xả thọ, 8 tâm siêu thế xả thọ.

*Phân tích 121 tâm theo 3 thọ:*

1. Tâm đồng sanh lạc thọ có  $63 = 1$  tâm thân thức đồng sanh lạc, 62 tâm đồng sanh hỷ.

2. Tâm đồng sanh khổ thọ có  $3 = 1$  tâm thân thức đồng sanh khổ, 2 tâm sân.

3. Tâm đồng sanh xả thọ có 55 là 55 tâm đồng sanh xả.

5- Vấn: Hãy trình bày số lượng tâm sở sau đây:

1. Tâm sở đồng sanh chỉ 1 thọ.

2. Tâm sở đồng sanh 2 thọ.

3. Tâm sở đồng sanh 3 thọ.

4. Tâm sở đồng sanh 4 thọ.

5. Tâm sở đồng sanh 5 thọ.

6. Tâm sở không đồng sanh với thọ.

7. Tâm sở đồng sanh với hỷ thọ nhưng không đồng sanh với xả thọ.

8. Tâm sở đồng sanh với xả thọ nhưng không đồng sanh với hỷ thọ.

9. Tâm sở vừa đồng sanh với hỷ thọ cũng vừa đồng sanh với xả thọ.

10. Tâm sở vừa không đồng sanh hỷ thọ vừa không đồng sanh với xả thọ.

**Đáp:**

1. Tâm sở chỉ đồng sanh được 1 thọ có 6: Tâm sở hỷ, 4 tâm sở sân, tâm sở hoài nghi.

2. Tâm sở đồng sanh được 2 thọ có 28: 3 tâm sở tham phần và 25 tâm sở tịnh hảo.

3. Tâm sở đồng sanh được 3 thọ có 11: 5 tâm sở biệt cảnh (trừ tâm sở hỷ), 4 tâm sở si phần, 2 tâm sở hôn phần.

4. Tâm sở đồng sanh được 4 thọ không có.

5. Tâm sở đồng sanh được 5 thọ có 6: 6 tâm sở biến biến hành (trừ tâm sở thọ).

6. Tâm sở không đồng sanh với thọ có 1 là tâm sở thọ.

7. Tâm sở đồng sanh với hỷ thọ nhưng không đồng sanh với xả thọ tức tâm sở hỷ.

8. Tâm sở đồng sanh với xả thọ nhưng không đồng sanh với hỷ thọ tức tâm sở hoài nghi.

9. Tâm sở vừa đồng sanh với hỷ thọ cũng vừa đồng sanh với xả thọ tức 45 tâm sở (trừ tâm sở thọ, tâm sở hỷ, 4 tâm sở sân phần và tâm sở hoài nghi).

10. Tâm sở vừa không đồng sanh hỷ thọ vừa không đồng sanh với xả thọ tức 4 tâm sở sân phần.

**6. Vấn:** Trong tất cả 4 giống tâm sau:

1. Giống tâm thiện đồng sanh được bao nhiêu thọ?
2. Giống tâm bất thiện đồng sanh được bao nhiêu thọ?

3. Giống tâm quả đồng sanh được bao nhiêu thọ?

4. Giống tâm tố đồng sanh được bao nhiêu thọ?

Và tâm sở thọ không đồng sanh được với thọ nào, do nhân gì?

**Đáp:** Trong tất cả 4 giống tâm này:

1. Giống tâm thiện đồng sanh được 2 thọ là hỷ thọ và xả thọ.

2. Giống tâm bất thiện đồng sanh được 3 thọ là hỷ thọ, ưu thọ và xả thọ.

3. Giống tâm quả đồng sanh được 4 thọ là lạc thọ, khổ thọ, hỷ thọ và xả thọ.

4. Giống tâm tố đồng sanh được 2 thọ là hỷ thọ và xả thọ.

\* Tâm sở thọ không đồng sanh được với 1 loại thọ nào hết, vì sự cảm giác cảnh đều có sự liên quan đến thân và liên quan đến tâm. Là thực tánh pháp của tất cả tâm sở thọ nên nếu loại trừ tâm sở thọ ra thì không có thực tánh nào khác có thể làm cho cảm giác cảnh được.

Do đó:

- Tâm sở thọ cảm giác cảnh tốt liên quan đến thân gọi là lạc thọ.

- Tâm sở thọ cảm giác cảnh không tốt liên quan đến thân gọi là khổ thọ.

- Tâm sở thọ cảm giác cảnh tốt liên quan đến tâm gọi là hỷ thọ.

- Tâm sở thọ cảm giác cảnh không tốt liên quan đến tâm gọi là ưu thọ.

- Tâm sở thọ cảm giác cảnh thân nhiên liên quan đến tâm gọi là xả thọ.

Do nhân này, tâm sở thọ mới không đồng sanh với thọ khác nữa.

**7. Vấn:** *Hãy trình bày kệ ngôn nói về 3 và 5 thọ?*

**Đáp:**

*Kệ ngôn phân tích về 3 thọ và 5 thọ:*

Sukhaṃ dukkhamuppekkhāti Tividhā tattha vedanā  
Samanassaṃ domanassa- Miti bhedenā pañcadhā.

*Kệ ngôn phân tích tâm theo 5 thọ:*

Sukhamekattha dukkhañca Domanassaṃ dvaye ṭhitam  
Dvāsaṭṭhīsu somanassaṃ Pañcapaññāsaketara.

**Chấm Dứt Thọ Tập Yếu.**

## NHÂN TẬP YẾU (Hetusaṅgaha)

**8. Vấn:** *Vì sao gọi là nhân tập yếu? Việc 6 tâm sở như tham, sân... được gọi là nhân do ý nghĩa nào? Pháp chơn đế khác ngoài 6 tâm sở đó không làm nhân được do nhân nào?*

**Đáp:** Gọi là nhân tập yếu bởi vì gom tâm, tâm sở lại theo nhân. Gọi là nhân tập yếu bởi vì 6 tâm sở như tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si là pháp làm cho quả sanh lên và còn làm cho pháp quả đó vững chắc trong cảnh cùng tăng trưởng lên được.

Ngoài 6 tâm sở đó các pháp chơn đế khác không là nhân được, bởi vì nhân trong tập yếu phải là pháp làm căn gốc cho tâm, tâm sở, sắc pháp được.

**9. Vấn:** *Hãy phân tích 6 nhân theo tịnh hảo, giống, cội. Và hãy trình bày nhân sanh lên với người như sau:*

1. Nhân sanh lên được với bậc A Na Hàm nhưng không sanh lên được với bậc A La Hán.

2. Nhân sanh lên được với bậc A La Hán nhưng không sanh lên được với bậc A Na Hàm.

3. Nhân vừa sanh lên được với bậc A Na Hàm cũng vừa sanh lên được với bậc A La Hán.

4. Nhân sanh vừa không sanh lên được với bậc A Na Hàm cũng vừa không sanh lên được với bậc A La Hán.

**Đáp:**

\* *Phân 6 nhân theo tịnh hảo:*

Nhân vô tịnh hảo có 3: Tham, sân, si.

Nhân tịnh hảo có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

Nhân siêu thế có 3: vô tham, vô sân, vô si.

\* *Phân 6 nhân theo giống:*

Giống bất thiện có 3: Tham, sân, si.

Giống thiện có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

Giống quả có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

Giống tố có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

\* *Phân 6 nhân theo cõi:*

Nhân dục giới có 6 tức 6 nhân.

Nhân sắc giới có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

Nhân vô sắc giới có 3: Vô tham, vô sân, vô si.

1. Nhân sanh lên được với bậc A Na Hàm nhưng không sanh lên được với bậc A La Hán là nhân tham và nhân si.

2. Nhân sanh lên được với bậc A La Hán nhưng không sanh lên được với bậc A Na Hàm, không có.

3. Nhân sanh vừa sanh lên được với bậc A Na Hàm cũng vừa sanh lên được với bậc A La Hán là nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

4. Nhân vừa không sanh lên được với bậc A Na Hàm cũng vừa không sanh lên được với bậc A La Hán là nhân vô sân.

**10. Vấn:** *Hãy trình bày pháp vững chắc và tăng trưởng lên được trong cảnh do nương vào nhân?*

**Đáp:**

Nhân làm cho pháp quả vững chắc trong cảnh: Khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... tâm suy nghĩ thì tâm bất thiện hoặc tâm thiện thường sanh lên và bám giữ các cảnh đó một cách vững chắc, tâm thiện và tâm bất thiện này là quả vững chắc trong cảnh sanh lên từ nhóm nhân (6 nhân).

Nhân làm cho pháp quả sanh lên được: Khi tâm bám giữ lấy cảnh thì sức mạnh được tăng trưởng dần dần, tức tham cũng có, sân cũng có hoặc đức tin... cũng có. Lúc đầu sanh lên vẫn còn yếu, chưa phạm đến ác hạnh hoặc thành tựu thiện hạnh được. Nhưng khi sức mạnh tăng lên nhiều rồi thường có thể làm cho người đó tạo ác hạnh trong thập ác hạnh hoặc thiện hạnh trong thập thiện hạnh. Chính hành động tạo ác hạnh hoặc thiện hạnh là quả tăng trưởng lên do nương vào nhóm nhân (6 nhân).

**11. Vấn:** *Hãy tính số lượng nhân theo kệ ngôn sau:*

Lobho doso ca moho ca	Hetū akusalā tayo
Alobhādosāmoho ca	Kusalābyākatā tathā

Và hãy tính 89 tâm theo tâm vô nhân, tâm hữu nhân, tâm nhất nhân, tâm nhị nhân, tâm tam nhân cùng nêu lên kệ ngôn mà không cần phải dịch?

**Đáp:**

\* Số lượng nhân theo kệ ngôn này có 9:

Nhân bất thiện có 3: Nhân tham, nhân sân, nhân si.

Nhân thiện có 3: Nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

Nhân vô ký có 3: Nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

\* Phân 89 tâm theo tâm vô nhân, tâm hữu nhân, tâm nhất nhân, tâm nhị nhân, tâm tam nhân:

*Tâm vô nhân có 18:*

7 tâm quả bất thiện vô nhân.

8 tâm quả thiện vô nhân .

3 tâm tố vô nhân

*Tâm hữu nhân có 71:*

12 tâm bất thiện.

24 tâm dục giới tịnh hảo.

27 tâm đáo đại.

8 tâm siêu thế.

*Tâm nhất nhân có 2: 2 tâm si.*

*Tâm nhị nhân có 22:*

8 tâm tham.

2 tâm sân.

12 tâm dục giới bất tương ưng trí.

*Tâm tam nhân có 47:*

12 tâm dục giới tương ưng trí.

27 tâm đáo đại

8 tâm siêu thế.

*\* Có kệ ngôn trình bày như sau:*

Ahetukāṭṭhāraseka                      Hetukā dve dvāvīsati

Dvihetukā mahā satta-                      Cattālīsa tihetukā

**12. Vấn:** *Hãy trình bày tâm có nhân như sau:*

1. *Tâm bất thiện có nhân tham nhưng không có nhân sân.*

2. *Tâm bất thiện có nhân sân nhưng không có nhân tham.*

3. *Tâm bất thiện vừa có nhân tham cũng vừa có nhân sân.*

4. *Tâm bất thiện vừa không có nhân tham cũng vừa không có nhân sân.*

5. *Tâm thiện có nhân vô tham nhưng không có nhân vô si.*

6. *Tâm thiện có nhân vô si nhưng không có nhân vô tham.*

7. *Tâm thiện vừa có nhân vô tham cũng vừa có nhân vô si.*

8. *Tâm thiện vừa không có nhân vô tham cũng vừa không có nhân vô si.*

**Đáp:**

1. Tâm bất thiện có nhân tham nhưng không có nhân sân là 8 tâm tham.

2. Tâm bất thiện có nhân sân nhưng không có nhân tham là 2 tâm sân.

3. Tâm bất thiện vừa có nhân tham cũng vừa có nhân sân, không có.

4. Tâm bất thiện vừa không có nhân tham cũng vừa không có nhân sân là 2 tâm si.

5. Tâm thiện có nhân vô tham nhưng không có nhân vô si là 4 tâm đại thiện bất tương ưng trí.

6. Tâm thiện có nhân vô si nhưng không có nhân vô tham, không có.

7. Tâm thiện vừa có nhân vô tham cũng vừa có nhân vô si: 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 9 tâm thiện đáo đại, 4 hoặc 20 tâm đạo.

8. Tâm thiện vừa không có nhân vô tham cũng vừa không có nhân vô si, không có.

**13. Vấn:** *Khi phân tích tâm theo 6 nhân thì chỉ có tâm vô nhân, tâm nhất nhân, tâm nhị nhân, tâm tam nhân mà không có tâm tứ nhân, tâm ngũ nhân, tâm lục nhân, do nhân nào? Hãy trình bày sự khác biệt giữa tâm vô nhân và tâm hữu nhân?*

**Đáp:**

\* Sự việc mà không có tâm tứ nhân, tâm ngũ nhân, tâm lục nhân bởi vì bất thiện chỉ có 3, nhân thiện và

nhân vô ký cũng chỉ có 3. Thông thường nhân bất thiện, nhân thiện và nhân vô ký không cùng đồng sanh với nhau trong một tâm được. Do đó, nên không có tâm tứ nhân, tâm ngũ nhân, tâm lục nhân.

\* Sự khác biệt giữa tâm vô nhân và tâm hữu nhân:

1. Tâm vô nhân (ahetukacitta) có sức mạnh yếu không vững chắc trong việc bắt cảnh. Còn tâm hữu nhân (sahetukacitta) có sức mạnh dũng mãnh và vững chắc trong việc bắt cảnh.

2. Tâm vô nhân nói theo giống chỉ có 2 là giống quả và giống tố. Còn tâm hữu nhân nói theo giống thì có 4 là giống bất thiện, giống thiện; giống quả, giống tố.

3. Tâm vô nhân chỉ có trong nhóm dục giới. Còn tâm hữu nhân có được trong cả 3 nhóm là dục giới, đáo đại, siêu thế.

4. Tâm vô nhân chỉ có trong hiệp thế. Còn tâm hữu nhân có trong cả hiệp thế lẫn siêu thế.

**14. Vấn:** *Hãy phân tích 52 tâm sở theo phi hợp đồng (agahitaggahananaya):*

1. Tâm sở vô nhân.
2. Tâm sở nhất nhân.
3. Tâm sở nhị nhân.
4. Tâm sở tam nhân.
5. Tâm sở tứ nhân.
6. Tâm sở ngũ nhân.
7. Tâm sở lục nhân.

Và hãy trình bày tên gọi của nhân theo số lượng nhân đó?

**Đáp:** Số lượng 52 tâm sở theo phi hợp đồng:

1. *Tâm sở vô nhân*, không có.

2. *Tâm sở nhất nhân có 3:*

- Tâm sở tham, tâm sở sân, tâm sở hoài nghi có 1 nhân là nhân si.

3. *Tâm sở nhị nhân có 9:*

- Tâm sở si có 2 nhân là nhân tham và nhân sân.

- Tâm sở tà kiến, tâm sở ngã mạn có 2 nhân là nhân tham và nhân si.

- Tâm sở tật, tâm sở lận, tâm sở hối có 2 nhân là nhân sân và nhân si.

- Tâm sở vô tham có 2 nhân là nhân vô sân và nhân vô si.

- Tâm sở vô sân có 2 nhân tức nhân vô tham và nhân vô si.

- Tâm sở vô si có 2 nhân tức nhân vô tham và nhân vô sân.

4. *Tâm sở tam nhân có 27:*

- Tâm sở vô tà, tâm sở vô quý, tâm sở phóng dật, tâm sở hôn trầm, tâm sở thụ miên có 3 nhân là nhân tham, nhân sân, nhân si.

- 22 tâm sở tịnh hảo (trừ tâm sở vô tham, vô sân, trí tuệ) có 3 nhân là nhân vô tham, nhân vô sân và nhân vô si.

5. *Tâm sở tứ nhân*, không có.

6. *Tâm sở ngũ nhân có 1*: Tâm sở hỷ có 5 nhân là nhân tham, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

7. *Tâm sở lục nhân có 12*: 12 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở hỷ) có 6 nhân là nhân tham, nhân sân, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

**15. Vấn:** *Tâm sở vô nhân có bao nhiêu? Hãy trình bày theo hợp đồng (gahitaggahananaya) và hãy phân tích tâm sở đồng sanh với 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si thành tâm sở vô nhân, tâm sở nhất nhân...?*

**Đáp:**

Tâm sở vô nhân theo hợp đồng có 13 tâm sở:

12 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở dục) đồng sanh với 18 tâm vô nhân.

Tâm sở si đồng sanh với 2 tâm si.

\* Trong tất cả 22 tâm sở đồng sanh với 8 tâm tham:

Tâm sở vô nhân không có.

Tâm sở 1 nhân có 2 là tâm sở tham có 1 nhân là nhân si, tâm sở si có 1 nhân là nhân tham.

Còn lại 20 tâm sở là tâm sở 2 nhân có 2 nhân là nhân tham và nhân si.

\* Trong tất cả 22 tâm sở đồng sanh với 2 tâm sân:

Tâm sở vô nhân không có.

Tâm sở 1 nhân có 2 là tâm sở sân có 1 nhân là nhân si, tâm sở si có 1 nhân là nhân sân.

Còn lại 20 tâm sở là tâm sở 2 nhân có 2 nhân là nhân sân và nhân si.

\* Trong tất cả 16 tâm sở đồng sanh với 2 tâm si:

Tâm sở si là tâm sở vô nhân tức không có nhân nào khác đồng sanh.

15 tâm sở còn lại là tâm sở 1 nhân là nhân si.

**16. Vấn:** *Vô tham, vô sân đồng sanh với tâm bất tương ứng trí thì thuộc nhóm tâm sở nào? Vô tham, vô sân đồng sanh với tâm tương ứng trí thì thuộc nhóm tâm sở nào? Và 35 tâm sở mà có 3 nhân gồm có tâm sở nào và 3 nhân đó là nhân nào? Hãy trình bày theo hợp đồng?*

**Đáp:**

Vô tham, vô sân đồng sanh với tâm bất tương ứng trí thì thuộc nhóm tâm sở 1 nhân.

Vô tham, vô sân đồng sanh với tâm tương ứng trí thì thuộc nhóm tâm sở 2 nhân.

35 tâm sở mà có 3 nhân tức 13 tâm sở tợ tha, 22 tâm sở tịnh hảo (trừ tâm sở vô tham, vô sân, trí tuệ) khi đồng sanh với tâm tương ứng trí, 3 nhân đó là nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

**17. Vấn:** *Hãy trình bày số lượng nhân bất thiện, nhân thiện và nhân duy tác theo chi tiết và hãy phân tích nhóm nhân đó cho rõ ràng?*

**Đáp:**

\* Nhân bất thiện có 22:

- Nhân tham trong 8 tâm tham.
- Nhân sân trong 2 tâm sân.
- Nhân si trong 12 tâm bất thiện.

*\* Nhân thiện có 107:*

- Nhân vô tham trong 37 là 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm đạo.

- Nhân vô sân trong 37 tâm là 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm đạo.

- Nhân vô si trong 33 tâm là 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 9 tâm thiện đáo đại, 20 tâm đạo.

*\* Nhân duy tác có 47 tâm:*

- Nhân vô tham trong 17 tâm tức 8 tâm đại tố và 9 tâm tố đáo đại.

- Nhân vô sân trong 17 tâm là 8 tâm đại tố và 9 tâm tố đáo đại.

- Nhân vô si trong 13 tâm là 4 tâm đại tố tương ưng trí và 9 tâm tố đáo đại.

## **Chấm Dứt Nhân Yếu Hiệp.**

## SỰ TẬP YẾU (Kiccasaṅgaha)

**18. Vấn:** *Sự trong sự tập yếu nghĩa là gì? Là tên gọi của pháp nào và sự có bao nhiêu?*

**Đáp:** Sự trong sự tập yếu là việc làm của tâm, tâm sở. Gọi là sự là gọi tên theo chức năng của tâm, tâm sở.

Sự có 14:

1. Sự tục sinh (paṭisandhikicca) có chức năng tiếp nối kiếp sống mới.

2- Sự hữu phần (bhavaṅgakicca) có chức năng giữ gìn kiếp sống.

3- Sự khai môn (dvāravajjanakicca) có chức năng nhận định cảnh mới.

4- Sự thấy (dassanakicca) có chức năng thấy.

5- Sự nghe (savanakicca) có chức năng nghe.

6- Sự ngửi (ghāyanakicca) có chức năng ngửi.

7- Sự nếm (sayanakicca) có chức năng nếm.

8- Sự đụng (phassanakicca) có chức năng đụng.

9- Sự tiếp thâu (sampaticchannakicca) có chức năng nhận lãnh cảnh.

10- Sự quan sát (santīranakicca) có chức năng xem xét cảnh.

11- Sự phán đoán (voṭṭhabbanakicca) có chức năng khẳng định cảnh.

12- Sự đồng lực (javanakicca) có chức năng hưởng cảnh.

13- Sự na cảnh (tadārammabaṇakicca) có chức năng tiếp nhận cảnh từ đồng lực.

14- Sự tử (cutikicca) có chức năng chấm dứt kiếp sống cũ.

**19. Vấn:** *Sự có 14 nhưng sở của nhóm sự chỉ có 10 là do nhân nào? Hãy trình bày sở theo chi tiết có số lượng bao nhiêu? Và hãy nêu dẫn chứng pali?*

**Đáp:** Sự có 14 nhưng sở của nhóm sự chỉ có 10 bởi vì sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự đụng cả 5 phải định vị giữa tâm khai ngũ môn và tâm tiếp thâu, không thể định vị nơi khác được nên sở mới gọi là sở ngũ (pañcaviññāṇaṭṭhāna). Do nhân này sở chỉ có 10.

Sở theo chi tiết có 25:

Sở tục sinh có 1.

Sở hữu phần có 6.

Sở khai môn có 2.

Sở ngũ có 1.

Sở tiếp thân có 1.

Sở quan sát có 1.

Sở phán đoán có 2.

Sở đồng lực có 6.

Sở na cảnh có 2.

Sở tử có 3.

Như trình bày dẫn chứng palī sau đây:

Sandhi ekam cha bhavaṅgaṃ

Dvāvajjanaṃ pañcādyekaṃ

Dve vo jo ca tadādvēti

Cutīti pañcavīsati

**20. Vấn: Hãy trình bày sự khác biệt giữa sự và sở?  
Hãy cho biết 1 sở tục sinh, 6 sở hữu phần định vị  
nơi nào?**

**Đáp:** Sự khác biệt giữa sự và sở: Phận sự của tâm như tâm tục sinh... gọi là sự, nơi làm việc của tâm gọi là sở. Khi tâm thứ 1 diệt đi (tâm tử) và tâm thứ 3 chưa sanh lên là thời điểm dành cho tâm thứ 2 sanh lên làm phận sự tục sinh... chính trong khoảng giữa tâm thứ 1 và thứ 3 này gọi là sở.

Thí dụ: Việc làm của mọi người giống như sự, nơi làm việc sai khác giống như sở.

Sở tục sinh có 1 là giữa tâm tử với tâm hữu phần.

Sở hữu phần có 6 tức giữa tâm tục sinh với tâm khai môn, tâm na cảnh với tâm khai môn, tâm đồng lực với

tâm khai môn, tâm phán đoán với tâm khai môn, tâm na cảnh với tâm tử, tâm đồng lực với tâm tử.

**21. Vấn:** *Hãy phân tích 14 sự theo 89 tâm? Và hãy phân tích 89 tâm theo 14 sự?*

**Đáp:**

*\* Phân 14 sự theo 89 tâm như sau:*

- Tâm làm sự tục sinh, hữu phần, tử có 19 tâm: 2 tâm quan sát xả thọ, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại.

- Tâm làm sự khai môn có 2 tâm: Tâm khai ngũ môn và tâm khai ý môn.

- Tâm làm sự thấy có 2 tâm: 2 tâm nhãn thức.

- Tâm làm sự nghe có 2 tâm: 2 tâm nhĩ thức.

- Tâm làm sự ngửi có 2 tâm: 2 tâm tỷ thức.

- Tâm làm sự nếm có 2 tâm: 2 tâm thiệt thức.

- Tâm làm sự đụng có 2 tâm: 2 tâm thân thức.

- Tâm làm sự tiếp xúc có 2 tâm: 2 tâm tiếp xúc.

- Tâm làm sự quan sát có 3 tâm: 3 tâm quan sát.

- Tâm làm sự phán đoán có 1 tâm: Tâm khai ý môn.

- Tâm làm sự đồng lực có 55 tâm: 12 tâm bất thiện, tâm Ưng Cúng vi tiểu, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại, 8 tâm siêu thế.

- Tâm làm sự na cảnh có 11: 3 tâm quan sát, 8 tâm đại quả.

*\* Phân 89 tâm theo 14 sự như sau:*

- 2 tâm quan sát xả thọ làm 5 sự: Sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự quan sát, sự na cảnh.

- 8 tâm đại quả làm 4 sự: Sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự na cảnh.

- 9 tâm quả đáo đại làm 3 sự: Sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ làm 2 sự: Sự quan sát, sự na cảnh.

- 1 tâm khai ý môn làm 2 sự: Sự phán đoán, sự khai môn.

- 1 tâm khai ngũ môn làm sự khai môn.

- 2 tâm nhãn thức làm sự thấy.

- 2 tâm nhĩ thức làm sự nghe.

- 2 tâm tỷ thức làm sự ngửi.

- 2 tâm thiệt thức làm sự nếm.

- 2 tâm thân thức làm sự đụng.

- 2 tâm tiếp xúc làm sự tiếp xúc.

- Tâm làm sự đồng lực: 12 tâm bất thiện, 1 tâm Ưng cúng vi tiểu, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại, 8 tâm siêu thế.

**22- Vấn:** *Hãy trình bày định nghĩa từ sau đây: Sự (kicca), sở (tḥāna), tục sinh (paṭisandhi), hữu phần (bhavaṅga), khai môn (āvajjana), tiếp xúc (sampaṭicchana), quan sát (santīraṇa), phán đoán (voṭṭhabbana), đồng lực (javana), na cảnh (tadārammaṇa), tử (cutti)?*

## **Đáp:**

Định nghĩa từ Kicca: “Karaṇaṃ = Kiccaṃ” Việc làm gọi là sự.

Định nghĩa từ Tḥāna: “Tiṭṭhati pavattaticittaṃ eṭṭhāti = Tḥānaṃ” Tâm tục sinh... sanh lên định vị giữa tâm đầu và tâm sau vì vậy gọi là sở.

Định nghĩa từ Paṭisandhi: “Paṭisandhānaṃ = Paṭisandhi” Sự nối tiếp kiếp sống mới gọi là tục sinh.

Định nghĩa từ Bhavaṅga: “Bhavassa aṅgaṃ = Bhavaṅgaṃ” Tâm sanh lên làm cho đời sống không bị gián đoạn, gọi là hữu phần.

Định nghĩa từ Āvajjana: “Avajjiyate = Āvajjanaṃ” (và) Āvatṭiyate = Āvajjanaṃ” Sự nhận định cảnh mới gọi là khai môn (hoặc) làm cho sự tiếp diễn của dòng hữu phần dừng lại, gọi là khai môn.

Định nghĩa từ Sampatičchana: “Sampatičchīyate = Sampatičchanaṃ” Sự chứa đựng 5 cảnh, gọi là tiếp thâu.

Định nghĩa từ Santīrana: “Sammattīraṇaṃ = Santīraṇaṃ” Sự thẩm xét 5 cảnh chuẩn xác gọi là quan sát.

Định nghĩa từ Voṭṭhabbana: “Vavatthāpiyate = Voṭṭhabbanaṃ” Sự xác định khẳng quyết 5 cảnh là cảnh tốt hoặc không tốt, gọi là phán đoán.

Định nghĩa từ Javana: “Javatīti = Javanaṃ” Pháp sanh lên có sức mạnh dũng mạnh, có khả năng hưởng cảnh, gọi là đồng lực.

Định nghĩa từ Tadārammaṇa: “Tassa ārammaṇaṃ ārammaṇaṃ yassāti = Tadārammaṇaṃ” Cảnh của tâm

thuộc cảnh của đồng lực. Vì vậy, tâm có cảnh của đồng lực, gọi là na cảnh.

Định nghĩa từ Cuti: “Cavanam = Cuti” Sự chuyển lìa khỏi kiếp hiện tại, gọi là tử.

**23. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn sau đây:*

Atthasatthi tathā dve ca Navāttha dve yathākkamaṃ  
Eka dvi ti catu pañca Kiccaṭṭhānāni niddise

**Đáp:** Kệ ngôn này trình bày số lượng “sự” và “sở” theo tuần tự :

Tâm làm 1 sự và 1 sở có 68 tâm.

Tâm làm 2 sự và 2 sở có 2 tâm.

Tâm làm 3 sự và 3 sở có 9 tâm.

Tâm làm 4 sự và 4 sở có 8 tâm.

Tâm làm 5 sự và 5 sở có 2 tâm.

Giải thích:

*\* Tâm làm 1 sự và 1 sở có 68 tâm:*

- Tâm khai ngũ môn làm sự khai môn và sở khai môn.
- 2 tâm tiếp thô làm sự tiếp thô và sở tiếp thô.
- 2 tâm nhãn thức làm sự thấy và sở ngũ.
- 2 tâm nhĩ thức làm sự nghe và sở ngũ.
- 2 tâm tỷ thức làm sự ngửi và sở ngũ.
- 2 tâm thiệt thức làm sự nếm và sở ngũ.
- 2 tâm thân thức làm sự đụng và sở ngũ.

*\* Tâm làm 2 sự và 2 sở có 2 tâm:*

Tâm quan sát hỷ thọ làm sự quan sát, sự na cảnh và sở quan sát, sở na cảnh.

*\* Tâm làm 3 sự và 3 sở có 9 tâm:*

9 tâm quả đáo đại làm sự tục sinh, hữu phần, tử và sở tục sinh, hữu phần, tử.

*\* Tâm làm 4 sự và 4 sở có 8 tâm:*

8 tâm đại quả làm sự tục sinh, hữu phần, tử, na cảnh và sở tục sinh, hữu phần, tử và na cảnh.

*\* Tâm làm 5 sự và 5 sở có 2 tâm:*

2 tâm quan sát thọ xả làm sự tục sinh, hữu phần, tử, quan sát, na cảnh và sở tục sinh, hữu phần, tử, quan sát và na cảnh.

**24. Vấn:** *Hãy cho biết vị trí của các sở sau: 2 sở khai môn, 1 sở ngũ, 1 sở tiếp thâu, 1 sở quan sát, 2 sở phán đoán, 6 sở đồng lực, 2 sở na cảnh, 3 sở tử.*

**Đáp:**

*Sở khai môn có 2:*

Giữa hữu phần và ngũ song thức trong lộ tâm ngũ môn.

Giữa hữu phần với đồng lực trong lộ tâm ý môn.

*Sở ngũ có 1:*

Giữa tâm khai môn và tâm tiếp thâu trong lộ tâm ngũ môn.

*Sở tiếp thâu có 1:*

Giữa ngũ song thức và tâm quan sát trong lộ tâm ngũ môn.

*Sở quan sát có 1:*

Giữa tâm tiếp thân với tâm phán đoán trong lộ tâm ngũ môn.

*Sở phán đoán có 2:*

Giữa tâm quan sát và đồng lực trong lộ tâm ngũ môn thuộc chặng na cảnh và đồng lực.

Giữa tâm quan sát và hữu phần trong lộ tâm ngũ môn thuộc chặng phán đoán.

*Sở đồng lực có 6 :*

Giữa phán đoán và na cảnh trong lộ tâm ngũ môn thuộc chặng na cảnh.

Giữa phán đoán với hữu phần trong lộ tâm ngũ môn thuộc chặng đồng lực.

Giữa phán đoán với tử trong lộ tâm ngũ môn cận tử thuộc chặng đồng lực.

Giữa khai ý môn với na cảnh trong lộ tâm ý môn đồng lực dục giới thuộc chặng na cảnh.

Giữa khai ý môn với hữu phần trong lộ tâm ý môn đồng lực dục giới thuộc chặng đồng lực.

Giữa khai ý môn với tử trong lộ tâm ý môn cận tử thuộc chặng đồng lực (javanavāra).

*Sở na cảnh có 2:*

Giữa đồng lực với hữu phần trong lộ ngũ môn và lộ ý môn thuộc chặng na cảnh.

Giữa đồng lực với tử trong lộ cận tử thuộc chặng

na cảnh.

*Sở tử có 3:*

Giữa na cảnh với tục sinh trong lộ tâm cận tử thuộc chạng na cảnh.

Giữa đồng lực với tục sinh trong lộ cận tử thuộc chạng đồng lực.

Giữa hữu phần với tục sinh trong lộ cận tử.

**25. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sở làm phạm sự: Phạm sự bảo tồn kiếp sống, phạm sự mệnh chung từ kiếp sống cũ, phạm sự nhận định cảnh, phạm sự thấy, phạm sự xúc chạm, phạm sự tiếp nhận cảnh, phạm sự thẩm xét cảnh, phạm sự phán quyết cảnh, phạm sự hưởng cảnh, phạm sự nhận lãnh cảnh từ đồng lực?*

**Đáp:**

Tâm sở làm phạm sự sanh lên trong kiếp sống mới, có 35 tâm sở: 13 tâm sở tợ tha, 22 tâm sở tịnh hảo (trừ tâm sở ngăn trừ phần) trong sát na đồng sanh với tâm tục sinh.

Tâm sở làm phạm sự bảo tồn kiếp sống có 35 tâm sở: 13 tâm sở tợ tha, 22 tâm sở tịnh hảo trong sát na đồng sanh với hữu phần.

Tâm sở làm phạm sự mệnh chung từ kiếp sống cũ có 35 tâm sở: 13 tâm sở tợ tha, 22 tâm sở tịnh hảo trong sát na đồng sanh với tâm tử.

Tâm sở làm phạm sự nhận định cảnh mới bằng đường ngũ môn có 10 tâm sở: 10 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở cần, tâm sở hỷ, tâm sở dục) đồng sanh với tâm khai ngũ môn.

Tâm sở nhận định cảnh mới bằng ý môn có 11 tâm sở tức 11 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở hỷ, tâm sở dục) đồng sanh với tâm khai ý môn.

Tâm sở làm phạm sự thấy có 7 tâm sở là 7 tâm sở biến hành đồng sanh với 2 tâm nhãn thức.

Tâm sở làm phạm sự xúc chạm có 7 tâm sở: 7 tâm sở biến hành đồng sanh với 2 tâm thân thức.

Tâm sở làm phạm sự tiếp nhận cảnh có 10 tâm sở: 10 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở cần, tâm sở hỷ, tâm sở dục) đồng sanh với 2 tâm tiếp thân.

Tâm sở làm phạm sự thẩm xét cảnh có 11 tâm sở: 11 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở cần, tâm sở dục) đồng sanh với 3 tâm quan sát.

Tâm sở làm phạm sự phán quyết cảnh có 11 tâm sở: 11 tâm sở tợ tha (trừ tâm sở hỷ, tâm sở dục) đồng sanh với tâm khai ý môn.

Tâm sở làm phạm sự hưởng cảnh có 52 tâm sở đồng sanh với 55 tâm đồng lực.

Tâm sở làm phạm sự tiếp nhận cảnh từ đồng lực có 33: 13 tâm sở tợ tha, 20 tâm sở tịnh hảo (trừ tâm sở ngăn trừ phần, tâm sở vô lượng phần) đồng sanh với 11 tâm na cảnh.

**26. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sở có số lượng phạm sự như sau: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 phạm sự và hãy trình bày từng phạm sự đó?*

**Đáp:**

- Tâm sở làm 1 phạm sự có 17: 14 tâm sở bất thiện, 3 tâm sở ngăn trừ phần, làm 1 sự đồng lực.

- Tâm số làm 2 - 3 phạm sự không có.
- Tâm số làm 4 phạm sự có 2: 2 tâm số vô lượng phần, làm 4 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử và sự đồng lực.
- Tâm số làm 5 phạm sự có 21: 19 tâm số tịnh hảo biến hành, 1 tâm số trí tuệ, 1 tâm số dục, làm 5 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự đồng lực, sự na cảnh.
- Tâm số làm 6 phạm sự có 1: Tâm số hỷ, làm 6 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự đồng lực, sự quan sát, sự na cảnh.
- Tâm số làm 7 phạm sự có 1: Tâm số cần, làm 7 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự khai môn, sự phán đoán, sự đồng lực, sự na cảnh.
- Tâm số làm 8 phạm sự không có.
- Tâm số làm 9 phạm sự có 3: Tâm số tầm, tâm số tứ, tâm số thắng giải làm 7 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự khai môn, sự tiếp thu, sự quan sát, sự phán đoán, sự đồng lực, sự na cảnh.
- Tâm số làm 10, 11, 12, 13 phạm sự không có.
- Tâm số làm 14 phạm sự có 7: 7 tâm số biến hành, làm 14 sự là sự tục sinh, sự hữu phần, sự tử, sự khai môn, sự tiếp thu, sự quan sát, sự phán đoán, sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự đụng, sự đồng lực, sự na cảnh.

## **Chấm Dứt Sự Tập Yếu.**

## MÔN TẬP YẾU (Dvārasaṅgaha)

**27. Vấn:** Môn tập yếu nghĩa là gì? Môn trong nơi đây nghĩa là gì và có bao nhiêu? Hãy trình bày chi pháp của từng môn?

**Đáp:** Môn tập yếu (dvārasaṅgaha): Là cách gom lại tâm, tâm sở theo môn.

Môn trong nơi đây có nghĩa là cánh cửa là nơi xuất phát các lộ tâm tựa như khung cửa dành cho tất cả mọi người ra vào.

Môn có 6 loại:

1. Nhãn môn: Chi pháp là thần kinh nhãn.
2. Nhĩ môn: Chi pháp là thần kinh nhĩ.
3. Tỷ môn: Chi pháp là thần kinh tỷ.
4. Thiệt môn: Chi pháp là thần kinh thiệt.
5. Thân môn: Chi pháp là thần kinh thân.
6. Ý môn: Chi pháp là 19 tâm hữu phần.

**28. Vấn:** Ngài giáo thọ sư hậu sơ giải trình bày rằng trong tất cả chúng sanh có 2 loại môn:

1. Hư không môn (ākāśadvāra).

2. Tinh môn (maṇḍadvāra).

*Hãy cho biết hư không môn và tinh môn là loại môn nào?*

**Đáp:**

1. Hư không môn: Lỗ trống hư không hình thành môn, là 2 khoảng trống của con mắt, 2 lỗ trống của tai, 2 lỗ của mũi, 1 lỗ đại tiện, 1 lỗ tiểu tiện, 980 000 (chín trăm tám mươi ngàn) lỗ chân lông.

2. Tinh môn: Chất tinh anh hình thành môn là 5 sắc thân kinh, 19 tâm hữu phần.

Giải thích:

*\* Lỗ trống hư không hình thành môn:*

Khoảng trống của mắt gọi là môn vì là nơi ứa ra ghen và nước mắt.

Khoảng trống của tai gọi là môn vì là nơi thải ra cứt rái.

Lỗ trống của mũi gọi là môn vì là nơi chảy ra nước mũi.

Lỗ trống của miệng gọi là môn vì là nơi khạc ra đàm và chảy ra nước miếng.

Lỗ đại tiện gọi là môn vì là nơi thải ra phân.

Lỗ tiểu tiện gọi là môn vì là nơi thoát ra nước thải của thận.

980 000 (chín trăm tám mươi ngàn) lỗ chân lông gọi là môn vì là nơi rịn ra mồ hôi và tỏa ra hơi ấm.

Do đó, khoảng trống của mắt... mới gọi là hư không môn.

*\* Nhóm 5 sắc thân kinh và 19 tâm hữu phần gọi là tinh môn, vì từ maṇḍa ám chỉ đến sự tinh anh:*

Thần kinh nhãn có sắc tinh anh có thể bắt lấy các màu sắc và các màu sắc... cũng hiển lộ trong thần kinh nhãn.

Thần kinh nhĩ có sắc tinh anh có thể thu bắt các âm thanh và các âm thanh... cũng hiển lộ trong thần kinh nhĩ.

Thần kinh tỷ có sắc tinh anh có thể tiếp nhận các mùi và các mùi... cũng hiển lộ trong thần kinh tỷ.

Thần kinh thiệt có sắc tinh anh có thể tiếp nhận các vị và các vị... cũng hiển lộ trong thần kinh thiệt.

Thần kinh thân có sắc tinh anh tiếp xúc lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dùn đượ và lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dùn cũng hiển lộ trong thần kinh thân.

Tâm hữu phần có sự tinh anh tức không phiền não.

Như Đức Phật thuyết trong Tăng Chi Kinh: “Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ” Đây các tỳ kheo! Tâm hữu phần có sự tinh anh giống như vật chiếu sáng. Vì vậy, nên có thể tiếp nhận 6 cảnh đượ, và 6 cảnh cũng hiển lộ trong tâm hữu phần đượ.

**29. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sanh trong các môn: Tâm nhãn môn, tâm nhĩ môn, tâm tỷ môn, tâm thiệt môn, tâm thân môn, tâm ý môn, tâm giải thoát môn? Và hãy phân tích tâm nhãn môn, tâm ý môn và tâm ngoại môn theo bất định và nhất định?*

**Đáp:**

*Tâm sanh lên trong các môn như sau:*

- Tâm nhãn môn có 46 tâm: 46 tâm dục giới (trừ 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 thân thức).

- Tâm nhĩ môn có 46 tâm: 46 tâm dục giới (trừ 2 tâm nhãn thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức).

- Tâm tỷ môn có 46 tâm: 46 tâm dục giới (trừ 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức).

- Tâm thiệt môn có 46 tâm: 46 tâm dục giới (trừ 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thân thức).

- Tâm thân môn có 46 tâm: 46 tâm dục giới (trừ 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức).

- Tâm ý môn có 67 hoặc 99 tâm: 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới), 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại, 8 hoặc 40 tâm siêu thế.

- Tâm ngoại môn có 19 môn: 2 tâm quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại trong sát na làm sự tái tục, hữu phần, tử.

*Phân tích tâm nhãn môn theo bất định và nhất định:*  
2 tâm nhãn thức sanh lên trong nhãn môn nhất định, 44 tâm còn lại sanh lên trong nhãn môn bất định.

*Phân tích tâm ý môn theo bất định và nhất định:*  
26 hoặc 58 tâm đồng lực kiên cố sanh lên trong ý môn nhất định, 41 tâm dục giới sanh lên trong ý môn bất định.

*Phân tích tâm ngoại môn theo bất định và nhất định:*  
9 tâm quả đại là ngoại môn nhất định, 2 tâm quan sát xả thọ, 8 đại quả là ngoại môn bất định.

**30. Vấn:** *Hãy trình bày tâm sanh lên trong môn và ngoại môn theo nhất định và bất định như sau:*

1. Tâm chỉ sanh lên trong 1 môn.
2. Tâm sanh lên trong 5 môn.
3. Tâm sanh lên trong 6 môn.
4. Tâm sanh lên ngoại 6 môn.

1- Ekadvārikacittāni	Pañca cha dvārikāni ca
Chadvārikavimuttāni	Vimuttāni ca sabbathā
2- Chattimsati tathā tīṇi	Ekattimsayathākkamaṃ
Dasadhā navadhā ceti	Pañcadhā paridīpaye

**Đáp:**

1. Tâm chỉ sanh lên trong 1 môn nhất định có 36 hoặc 68 tâm: 10 tâm ngũ song thức, 26 hoặc 58 đồng lực kiên cố. Theo bất định có 44 tâm (trừ ngũ song thức).

2. Tâm sanh lên trong 5 môn nhất định có: 3 tâm ý giới. Theo bất định có 41 tâm (trừ ngũ song thức và 3 ý giới).

3. Tâm sanh lên trong 6 môn nhất định có 31 tâm: Tâm quan sát thọ hỷ, tâm khai ý môn, 29 đồng lực dục giới. Theo bất định có 10 tâm tức 2 tâm quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả.

4. Tâm sanh lên ngoại 6 môn nhất định có 9 tâm:

9 tâm quả đại. Theo bất định có 10 tâm tức 2 tâm quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả.

Kệ ngôn này dịch: “Tâm chỉ sanh lên trong 1 môn, tâm sanh lên trong 5 môn, tâm sanh lên trong 6 môn, tâm đôi khi sanh lên trong 6 môn đôi khi sanh lên ngoài 6 môn, tâm sanh lên ngoài 6 môn thường có số lượng tuần tự như sau: 36 - 3 - 31 - 10 - 9”.

**31. Vấn:** *Tâm sở sanh lên bất cứ lúc nào cũng phải sanh lên trong một môn có bao nhiêu và do nhân nào? Và tâm sở không sanh lên ngoài môn được mà phải luôn sanh trong môn có bao nhiêu, do nhân nào?*

**Đáp:**

Tâm sở lúc nào cũng phải sanh lên duy nhất trong một môn có 2 là 2 tâm sở vô lượng phần. Vì 2 tâm sở vô lượng phần này sanh lên bắt lấy chúng sanh chế định làm cảnh, mà lộ tâm bắt lấy chúng sanh chế định làm cảnh phải là lộ tâm sanh lên bằng ý môn, ám chỉ 2 tâm sở vô lượng phần đồng sanh với tâm đại thiện, tâm đại tố, tâm thiện sắc giới, tâm tố sắc giới.

Nếu 2 tâm sở vô lượng phần đồng sanh với tâm quả sắc giới thì là ngoại môn.

Do đó, 2 tâm sở vô lượng phần chỉ sanh lên riêng trong ý môn mà thôi.

Tâm sở không sanh lên ngoài môn được mà phải sanh lên nương môn có 17: 14 tâm sở bất thiện, 3 tâm sở ngăn trừ phần. Vì 14 tâm sở bất thiện đồng sanh với 12 tâm bất thiện là tâm sanh lên nương vào 1 trong

6 môn, 3 tâm sở ngăn trừ phần thì đồng sanh với tâm đại thiện thì cũng nương vào 1 trong 6 môn, 3 tâm sở ngăn trừ phần khi đồng sanh với tâm siêu thế thì nương ý môn.

Do đó, 17 tâm sở này mới sanh lên nương môn nhất định.

**32. Vấn:** *Tâm sở trong nhãn môn, tâm sở trong ngũ môn, tâm sở trong ngoại môn, cả 3 loại tâm sở này không có nhất định do nhân nào? Và tâm sở trí tuệ sanh lên không bằng đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý có hay không? Nếu có là tâm sở trí tuệ nào?*

**Đáp:** Tâm sở trong nhãn môn, tâm sở trong ngũ môn, tâm sở trong ngoại môn cả 3 loại tâm sở này không có nhất định, vì không có tâm sở đồng sanh riêng biệt với tâm nhãn thức, không có tâm sở đồng sanh riêng biệt với 3 ý giới, cũng không có tâm sở đồng sanh riêng biệt với 9 tâm quả đáo đại.

Và tâm sở trí tuệ sanh lên không bằng đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là tâm sở đồng sanh với 4 tâm đại quả tương ưng trí trong sát na làm phạm sự tái tục, hữu phần, tử và trí tuệ đồng sanh với 9 tâm quả đáo đại.

## **Chấm Dứt Môn Tập Yếu**

## CẢNH TẬP YẾU (Ārammaṇasaṅgaha)

**33. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa từ “ārammaṇa” với từ “ālabhana”. Và cảnh có bao nhiêu? hãy trình bày chi pháp của cảnh đó theo từng phần riêng biệt?*

**Đáp:** Sự khác biệt giữa từ “ārammaṇa” với từ “ālabhana” như sau:

\* Ārammaṇa: Là nơi vui thích của tất cả tâm và tâm sở, giống như vườn hoa là nơi vui chơi của tất cả mọi người.

\* Ālabhana: Là vật bám víu của tất cả tâm và tâm sở, giống như cây gậy hoặc sợi dây là vật bám víu của người già và kẻ tàn tật.

Có 6 loại cảnh:

1. Cảnh sắc: Chi pháp là các màu sắc.
2. Cảnh thính: Chi pháp là các âm thanh.
3. Cảnh khí: Chi pháp là các mùi.
4. Cảnh vị: Chi pháp là các vị.

5. Cảnh xúc: Chi pháp là lạnh, nóng, mềm, cứng, căng dùn.

6. Cảnh pháp: Chi pháp là tâm, tâm sở, sắc thân kinh, sắc tế, Níp Bàn và chế định.

**34. Vấn:** *Khi nhận xét chi pháp của 6 cảnh sẽ thấy rằng từ cảnh sắc cho đến cảnh xúc đều là chơn đế và là sắc pháp, cả số lượng chi pháp cũng ít. Còn cảnh pháp có đủ cả chơn đế và tục đế, cả danh và sắc, cả tâm, tâm sở, sắc pháp và Níp Bàn vậy điều này do nhân nào?*

**Đáp:** Kể từ cảnh sắc cho đến cảnh xúc đều là sắc chơn đế, vì chi pháp của 5 nhóm cảnh này là pháp có thật như :

Các màu sắc như trắng, đỏ... gọi là cảnh sắc.

Các âm thanh như tiếng người, tiếng loài vật, tiếng nước chảy, tiếng trời gầm... gọi là cảnh thính.

Các mùi vị như mùi thơm, mùi hôi... gọi là cảnh khí.

Các vị như vị chua, vị ngọt, vị cay, vị mặn... gọi là cảnh vị.

Vật xúc chạm như nóng, lạnh, mềm, cứng, căng, dùn... gọi là cảnh xúc.

Nhóm cảnh này luôn hiện hữu trên thế gian bất cứ ai cũng có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, cảm nhận được. Do đó, mới gọi là chơn đế là pháp có thật.

Chi pháp của 5 cảnh không phải là thực tánh danh pháp, bởi vì danh pháp là thực tánh có thể hưởng đến

các cảnh như pháp hữu thức, vô thức và các sự việc được. Còn cảnh sắc, cảnh thính... không thể hướng đến vật hoặc sự việc được. Do đó, cả 5 nhóm cảnh sắc này đều là sắc pháp.

Chi pháp của 5 nhóm này có số lượng ít bởi vì trong 28 sắc pháp thì sắc mà gọi là cảnh sắc tức chỉ có một loại màu sắc, 27 sắc còn lại không gọi là cảnh sắc. Sắc gọi là cảnh thính cũng chỉ có một loại âm thanh, 27 sắc còn lại không gọi là cảnh thính. Sắc gọi là cảnh khí cũng chỉ có một loại mùi, 27 sắc còn lại không gọi là cảnh khí. Sắc gọi là cảnh vị cũng chỉ có một loại vị, 27 sắc còn lại không gọi là cảnh vị. Sắc gọi là cảnh xúc cũng chỉ có một loại tức lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dòn, 27 sắc còn lại không gọi là cảnh xúc. Do đó, chi pháp từ cảnh sắc cho đến cảnh xúc chỉ có 7 thứ sắc này nên mới nói là có ít.

Còn cảnh pháp có cả chơn đế lẫn tục đế, cả sắc lẫn danh, lẫn tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn. Bởi vì pháp làm cho nhận thức tất cả các cảnh không phải chỉ biết riêng các cảnh sắc, thính, khí, vị, xúc mà thôi. Pháp chơn đế còn lại là tâm, tâm sở, 21 sắc, Níp Bàn và tục đế cũng là pháp làm cảnh cho nhận thức được, nhưng nhóm cảnh này có thực tánh vi tế hơn 5 cảnh đã đề cập. Vì vậy, nhóm pháp này gọi là cảnh pháp.

Lại nữa, thực tánh của nhóm cảnh pháp này không hiển lộ bằng đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Lộ tâm sanh lên bằng đường nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thì nhóm này cũng không hội đủ yếu tố để biết được cảnh pháp. Bởi nhóm cảnh pháp chỉ hiển lộ được bằng đường tâm

mà thôi. Do đó, lộ ý môn mới nhận thức được cảnh pháp nhưng nhận thức được nhiều hay ít cũng tùy theo sự hiện bày của cảnh pháp đó.

Đối với tâm của bậc Chánh Đẳng Giác thì cảnh pháp thường hiển lộ được tròn vẹn không dư sót, chính vì thế mà lộ ý môn của bậc Toàn Giác mới có thể biết cảnh pháp được một cách hoàn toàn. Nếu hiển lộ bằng đường tâm của người nào khác thì không hiển lộ hết, cho nên lộ ý môn của người khác mới không biết cảnh pháp được hoàn toàn. Do nhân này cảnh pháp mới có đầy đủ cả chơn đế lẫn tục đế, cả sắc lẫn danh, cả tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn.

**35. Vấn:** *Hãy phân tích tâm hữu môn và ngoại môn sau theo cảnh và thời:*

1. Tâm nhãn môn.
2. Tâm nhĩ môn.
3. Tâm tỷ môn.
4. Tâm thiệt môn.
5. Tâm thân môn.
6. Tâm ý môn.
7. Tâm ngoại môn.

*Và Níp Bàn với tục đế cả hai vượt thoát khỏi 3 thời, gọi là cảnh ngoại thời do nhân nào?*

**Đáp:**

1. Tâm nhãn môn có 46 thứ tâm (54 tâm dục giới trừ 4 đôi tâm nhĩ môn, tỷ môn, thiệt môn, thân môn),

chỉ biết cảnh sắc hiện tại.

2. Tâm nhĩ môn có 46 thứ tâm (54 tâm dục giới trừ 4 đôi tâm nhãn môn, tử môn, thiết môn, thân môn), chỉ biết cảnh thanh hiện tại.

3. Tâm tử môn có 46 thứ tâm (54 tâm dục giới trừ 4 đôi tâm nhãn môn, nhĩ môn, thiết môn, thân môn), chỉ biết cảnh khí hiện tại.

4. Tâm thiết môn có 46 thứ tâm (54 tâm dục giới trừ 4 đôi tâm nhãn môn, nhĩ môn, tử môn, thân môn), chỉ biết cảnh vị hiện tại.

5. Tâm thân môn có 46 thứ tâm (54 tâm dục giới trừ 4 đôi tâm nhãn môn, nhĩ môn, tử môn, thiết môn), chỉ biết cảnh xúc hiện tại.

6. Tâm ý môn có 67 hoặc 99 tâm, biết cả 6 cảnh hiện tại, quá khứ, vị lai và ngoại thời theo tương ứng với cảnh.

7. 19 tâm ngoại môn biết 6 cảnh: Cảnh nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng, hiện tại, quá khứ và chế định mà cả 6 môn của đồng lực cận tử bắt lấy từ kiếp trước, khi cận tử.

Níp Bàn và chế định vượt khỏi ngoài thời gian gọi là cảnh ngoại thời, bởi vì hai nhóm pháp này gọi là phi tạo tác (asaṅkhatadhamma) tức không bị tạo tác bởi 4 duyên. Do đó, Níp Bàn và chế định không có sự sanh lên, khi không có sự sanh thì không thể nói rằng: “*Nhóm Níp Bàn hoặc chế định này là cảnh hiện tại, quá khứ, vị lai*”. Mà phải gọi là cảnh ngoại thời.

**36. Vấn:** *Tâm ngoại môn không bắt được cảnh của đồng lực cận tử trong kiếp trước, khi cận tử có hay không? Nếu có là tâm ngoại môn của nhóm người nào, gồm có tâm nào và cảnh của tâm ngoại môn bắt được từ đồng lực cận tử là đồng lực cận tử sanh lên trong môn nào?*

**Đáp:** Không có tâm ngoại môn không bắt được cảnh của đồng lực cận tử trong kiếp trước, khi cận tử. Nếu có, thì là 1 trong 8 tâm đại quả nào của người hoặc chư thiên chết từ cõi vô tướng. Và 1 trong 4 tâm đại quả tương ứng trí có nghiệp tướng và thú tướng là sắc pháp của người và chư thiên mà chết từ cõi vô sắc.

Và cảnh của tâm ngoại môn mà bắt được từ đồng lực cận tử là đồng lực cận tử sanh lên 1 trong 6 môn.

**37- Vấn:** *Hãy phân tích nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng theo 6 cảnh? Và tâm ngoại môn không bắt được loại cảnh nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng này có hay không? Hãy nêu nguyên nhân và trình về cảnh của tâm ngoại môn này là hiện tại cũng có, quá khứ cũng có, ngoại thời cũng có. Hãy cho biết rằng nhóm tâm ngoại môn nào có cảnh hiện tại, nhóm nào có cảnh quá khứ, nhóm nào có cảnh ngoại thời? Hãy giải thích và nêu chi pháp của 3 cảnh này?*

**Đáp:** Phân tích nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng theo 6 cảnh như sau:

- Cảnh nghiệp được 1 cảnh là cảnh pháp.
- Cảnh nghiệp tướng và thú tướng được 6 cảnh.

Và không có sự việc tâm ngoại môn không bắt được cảnh nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng bởi vì tâm ngoại môn là 19 tâm làm sự tục sinh, hữu phần, tử. Và tâm của 3 loại cảnh này luôn có cảnh giống nhau suốt một kiếp sống. Nghĩa là tâm tục sinh có cảnh nào thì tâm hữu phần và tâm tử cũng có cảnh đó.

Như Ngài giáo thọ sư Anuruddha trình bày:

Paṭisandhi bhavaṅgañca            Tathā cavanamānaṃ  
Ekameva tattheveka-            Visayañcekajātiyaṃ

Trong một kiếp sống tâm tục sinh, hữu phần và tử cùng loại với nhau và cảnh của tâm tục sinh, hữu phần, tử cũng giống nhau.

Tâm tục sinh của tất cả chúng sanh, dù khổ cảnh hay lạc cảnh, phàm nhân hoặc Thánh nhân cũng có 1 trong 3 cảnh nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng bắt lấy từ đồng lực cận tử trong kiếp quá khứ, khi cận tử nên đều giống nhau cả. Do đó, không có việc tâm ngoại môn không bắt được cảnh nghiệp, cảnh nghiệp tướng hoặc cảnh thú tướng.

Tất cả 19 tâm ngoại môn thì:

\* 2 tâm quan sát xả thọ, 8 đại quả. 10 tâm này có cảnh hiện tại.

Chi pháp cảnh hiện tại là 18 sắc thành tựu (nippahannarūpa).

Giải thích: Trong lộ cận tử của người cõi dục nếu có sắc thành tựu hiện tại làm cảnh, đến lúc tâm tử diệt thì cảnh chưa diệt. Do đó, 2 tâm quan sát xả thọ, 8 đại quả

làm sự tục sinh, hữu phần nhiều nhất 6 sát na sanh lên trong kiếp sống mới cũng có cảnh hiện tại.

\* 2 tâm quan sát xả thọ, 8 tâm đại quả, 1 tâm quả thức vô biên xứ, 1 tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ. 12 tâm này có cảnh quá khứ.

Chi pháp của cảnh quá khứ là 54 tâm dục giới, 52 tâm sở hợp, 28 sắc pháp và tâm thiện không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp, tâm thiện vô sở hữu xứ và 30 tâm sở hợp.

Giải thích:

- Trong lộ cận tử của người cõi dục nếu có 6 cảnh là quá khứ thì tâm tục sinh, hữu phần, tử của người cõi dục trong kiếp sống mới cũng có cảnh quá khứ.

Nơi đây chi pháp của cảnh quá khứ là 54 tâm dục giới, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.

- Trong lộ cận tử của người cõi dục cho dù có sắc thành tựu hiện tại (paccupannanipphannarūpa) làm cảnh, nhưng nhóm cảnh này đồng diệt với tâm tử cho nên tâm tục sinh, hữu phần, tử của người cõi dục trong kiếp sống mới cũng có cảnh quá khứ.

Nơi đây chi pháp của cảnh quá khứ là 18 sắc thành tựu.

- Còn tâm thức vô biên xứ và tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ, có cảnh pháp là nghiệp tướng quá khứ.

Nơi đây chi pháp của cảnh quá khứ là tâm không vô biên xứ và 30 tâm sở hợp, tâm vô sở hữu xứ và 30 tâm sở hợp.

\* 5 tâm quả sắc giới, tâm quả không vô biên xứ, tâm quả vô sở hữu xứ có cảnh ngoại thời.

Chi pháp của cảnh ngoại thời là 10 đề mục biến xứ (kasina), 10 đề mục bất tịnh (tử thi), 1 đề mục thể trước, 1 đề mục hơi thở, 1 đề mục hư không, 1 đề mục vô hữu chế định (natthibhāvapaññatti), 1 đề mục chúng sanh.

Giải thích: Trong lộ cận tử người đắc thiền thường có cảnh pháp nghiệp tướng là ngoại thời nhất định. Do đó, 5 tâm quả sắc giới, tâm quả không vô biên xứ, tâm quả vô sở hữu xứ làm nhiệm vụ tục sinh, hữu phần, tử của phạm thiên sắc giới và phạm thiên vô sắc giới trong kiếp sống mới cũng phải có cảnh ngoại thời.

**38. Vấn:** *Hãy phân tích nhóm tâm ngoại môn theo nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng và 6 cảnh, tâm tục sinh dục giới của người mệnh chung từ cõi vô sắc giới có sắc làm cảnh thì có thể nói cảnh này từ đồng lực cận tử sanh lên trong kiếp quá khứ khi cận tử không?*

**Đáp:** Phân tích nhóm tâm ngoại môn theo nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng và 6 cảnh như sau:

Trong 19 tâm ngoại môn thì:

\* 2 tâm quan sát xả thọ, 8 tâm đại quả, bắt được cả 3 tướng là nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng. Cả 3 tướng này khi xếp vào 6 cảnh thì nghiệp chỉ là cảnh pháp, còn nghiệp tướng và thú tướng được cả 6 cảnh.

\* Tâm quả sắc giới, tâm quả không vô biên xứ, tâm quả vô sở hữu xứ, chỉ bắt lấy nghiệp tướng chế định, khi xếp vào 6 cảnh thì được liệt vào cảnh pháp.

\* Tâm quả thức vô biên xứ, tâm quả phi tướng phi phi tướng xứ chỉ bắt lấy nghiệp tướng đáo đại, khi xếp vào 6 cảnh thì được liệt vào cảnh pháp.

\* Tâm tục sinh dục giới của người mệnh chung, nếu có sắc pháp làm cảnh thì có thể nói cảnh này không bắt lấy từ đồng lực cận tử của cõi vô sắc trong kiếp sống trước, khi cận tử. Bởi vì tâm ngoại môn của người hoặc chư thiên mệnh chung từ cõi vô sắc giới này nếu có cảnh nghiệp, nghiệp tướng hoặc thú tướng thì là cảnh danh pháp hoặc cảnh chế định thì cảnh của nhóm tâm ngoại môn này có từ kiếp thứ hai là cõi vô sắc khi cận tử. Nhưng nếu tâm ngoại môn của nhóm người này có cảnh nghiệp, thú tướng thuộc cảnh sắc thì biết được rằng không nhận được từ kiếp thứ hai là cõi vô sắc mà phải nhận được từ kiếp thứ ba trở đi lúc làm người, chư thiên hoặc phạm thiên sắc giới, bởi vì tâm lộ của nhóm phạm thiên vô sắc không nhận được cảnh sắc.

**39. Vấn:** *Hãy trình bày tâm đồng sanh với cảnh theo số lượng trình bày trong kệ ngôn: Pañcavīsa, cha, ekavīsa, aṭṭha, vīsa, pañca, cha ?*

**Đáp:** Việc trình bày tâm đồng sanh với cảnh theo số lượng trình bày trong kệ ngôn:

\* Pañcavīsa gồm có 25 tâm là 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm ý giới, 11 tâm na cảnh, 1 Ứng Cúng vi tiểu, biết được 6 cảnh dục giới.

\* Cha gồm có 6 tâm là 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ, biết cảnh pháp đáo đại.

\* Ekavīsa gồm có 21 tâm là 15 tâm sắc giới (trừ 2 tâm thông), 3 tâm không vô biên xứ, 3 tâm vô sở hữu xứ, biết cảnh pháp chế định.

\* Aṭṭha gồm có 8 tâm là tâm siêu thế, biết cảnh pháp Níp Bàn.

\* Vīsa gồm có 20 tâm là 12 tâm bất thiện, 4 tâm đại thiện bất tương ưng trí, 4 tâm đại tố bất tương ưng trí, biết được 6 cảnh thuộc hiệp thế và chế định.

\* Pañca gồm có 5 tâm là 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 1 tâm thông thiện, biết được 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định (trừ tâm đạo A La Hán và tâm quả A La Hán).

\* Cha gồm có 6 tâm là tâm khai ý môn, 4 tâm đại tố tương ưng trí, 1 tâm thông tố, biết được 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định không dư sót.

**40. Vấn:** *Pháp chơn đế và pháp chế định khi xếp vào cảnh theo chi tiết có bao nhiêu? Hãy trình bày chi pháp của từng cảnh đó?*

**Đáp:** Pháp chơn đế và pháp chế định khi xếp vào cảnh theo chi tiết có 21 loại cảnh:

1. Cảnh dục giới. Chi pháp 54 tâm dục giới, 52 tâm sở, 28 sắc pháp.
2. Cảnh đạo đại. Chi pháp 27 tâm đạo đại, 35 tâm sở.
3. Cảnh Níp Bàn. Chi pháp là Níp Bàn.
4. Cảnh danh pháp. Chi pháp 121 tâm, 52 tâm sở, Níp Bàn.
5. Cảnh sắc pháp. Chi pháp là 28 sắc pháp.
6. Cảnh hiện tại. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp.
7. Cảnh quá khứ. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp.

8. Cảnh vị lai. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp.
  9. Cảnh ngoại thời. Chi pháp Níp Bàn, chế định.
  10. Cảnh chế định. Chi pháp danh chế định, nghĩa chế định.
  11. Cảnh chơn đế. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn.
  12. Cảnh nội phần. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp.
  13. Cảnh ngoại phần. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn, chế định.
  14. Cảnh nội ngoại phần. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc pháp.
  15. Cảnh ngũ. Chi pháp 7 sắc cảnh giới.
  16. Cảnh sắc. Chi pháp tất cả màu.
  17. Cảnh thanh. Chi pháp tất cả âm thanh.
  18. Cảnh khí. Chi pháp tất cả mùi.
  19. Cảnh vị. Chi pháp tất cả vị.
  20. Cảnh xúc. Chi pháp lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dòn.
  21. Cảnh pháp. Chi pháp tâm, tâm sở, sắc thân kinh, sắc tế, Níp Bàn, chế định.
- 41. Vấn:** *Hãy trình bày tâm, tâm sở biết cảnh nhất định như sau:*
1. Cảnh dục giới.
  2. Cảnh đáo đại.
  3. Cảnh Níp Bàn.

4. Cảnh danh pháp.
5. Cảnh sắc pháp.
6. Cảnh hiện tại.
7. Cảnh quá khứ.
8. Cảnh ngoại thời.
9. Cảnh chế định.
10. Cảnh chơn đế.
11. Cảnh nội phần.
12. Cảnh ngoại phần.

Và hãy trình bày tâm và tâm sở biết cảnh bất định như sau:

1. Cảnh dục giới.
2. Cảnh đáo đại.
3. Cảnh hiện tại.
4. Cảnh quá khứ.
5. Cảnh vị lai.
6. Cảnh ngoại thời.
7. Cảnh chế định.
8. Cảnh chơn đế.
9. Cảnh ngũ.
10. Cảnh pháp
11. Cảnh sắc pháp.
12. Cảnh danh pháp.
13. Cảnh nội phần.

14. Cảnh ngoại phần.

15. Cảnh Níp Bàn.

**Đáp:**

\* Trình bày tâm, tâm sở biết cảnh nhất định như sau:

1. Tâm biết cảnh dục giới nhất định có 25 tâm là 10 tâm ngũ song thức, 3 ý giới, 11 tâm na cảnh, 1 tâm Ứng Cúng vi tiểu.

Tâm sở dục giới biết cảnh nhất định không có.

2. Tâm biết cảnh đạo đại nhất định có 6 là 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tâm sở biết cảnh đạo đại nhất định không có.

3. Tâm biết cảnh Níp Bàn nhất định có 8 hoặc 40 tâm siêu thế.

Tâm sở biết cảnh Níp Bàn nhất định không có.

4. Tâm biết cảnh danh pháp nhất định có 14 là 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ, 8 tâm siêu thế.

Tâm sở biết cảnh danh pháp nhất định không có.

5. Tâm biết cảnh sắc pháp nhất định có 13 tức 10 tâm ngũ song thức, 3 ý giới.

Tâm sở biết cảnh sắc pháp nhất định không có.

6. Tâm biết cảnh hiện tại nhất định có 13 tức 10 tâm ngũ song thức, 3 ý giới.

Tâm sở biết cảnh hiện tại nhất định không có.

7. Tâm biết cảnh quá khứ nhất định có 6 là 3 tâm

thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tâm sở biết cảnh quá khứ nhất định không có.

8. Tâm biết cảnh ngoại thời nhất định có 29 là 15 tâm sắc giới (trừ 2 tâm thông), 3 tâm không vô biên xứ, 3 tâm vô sở hữu xứ, 8 tâm siêu thế.

Tâm sở biết cảnh ngoại thời nhất định có 2 là 2 tâm sở vô lượng phần.

9. Tâm biết cảnh chế định nhất định có 21 là 15 tâm sắc giới (trừ 2 tâm thông), 3 tâm không vô biên xứ, 3 tâm vô sở hữu xứ.

Tâm sở biết cảnh chế định nhất định có 2 là 2 tâm sở vô lượng phần.

10. Tâm biết cảnh chơn đế nhất định có 39 là 10 tâm ngũ song thức, 3 ý giới, 11 tâm na cảnh, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ, 8 tâm siêu thế.

Tâm sở biết cảnh chơn đế nhất định có 3 là 3 tâm sở ngăn trừ phần.

11. Tâm biết cảnh nội phần nhất định có 6 là 3 tâm thức vô biên xứ, 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tâm sở biết cảnh nội phần nhất định không có.

12. Tâm biết cảnh ngoại phần nhất định có 26 là 15 tâm sắc giới (trừ 2 tâm thông), 3 tâm không vô biên, 8 tâm siêu thế.

Tâm sở biết cảnh ngoại phần nhất định có 3 là tâm sở tạt, 2 tâm sở vô lượng phần.

\* Trình bày tâm và tâm sở biết cảnh bất định như sau:

1. Tâm biết cảnh dục giới bất định có 31 là tâm khai ý môn, 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh dục giới bất định có 50 tâm sở (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

2. Tâm biết cảnh đạo đại bất định có 31 tâm giống như cảnh dục giới.

Tâm sở biết cảnh đạo đại bất định có 47 tâm sở (trừ 3 tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần).

3. Tâm biết cảnh hiện tại bất định có 43 tâm là 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới), 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh hiện tại bất định có 50 tâm sở (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

4. Tâm biết cảnh quá khứ bất định có 43 tâm giống như cảnh hiện tại.

Tâm sở biết cảnh quá khứ bất định có 47 tâm sở (trừ tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần).

5. Tâm biết cảnh vị lai bất định có 43 tâm giống như cảnh hiện tại.

Tâm sở biết cảnh vị lai bất định có 50 tâm sở (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

6. Tâm biết cảnh ngoại thời bất định có 31 là tâm khai ý môn, 12 tâm bất thiện, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh ngoại thời bất định có 50 tâm sở (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

7. Tâm biết cảnh chế định bất định có 31 tâm giống như cảnh ngoại thời.

Tâm sở biết cảnh chế định bất định có 47 tâm sở (trừ tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần).

8. Tâm biết cảnh chơn đế bất định có 31 tâm giống như cảnh ngoại thời.

Tâm sở biết cảnh chơn đế bất định có 47 tâm sở (trừ tâm sở ngăn trừ phần, 2 tâm sở vô lượng phần).

9. Tâm biết cảnh ngũ.

10. Tâm biết cảnh pháp.

11. Tâm biết cảnh sắc pháp.

12. Tâm biết cảnh danh pháp.

Bất định có 43 tâm là 41 tâm dục giới (trừ 10 tâm ngũ song thức, 3 tâm ý giới), 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh ngũ, cảnh pháp, cảnh sắc pháp, cảnh danh pháp bất định có 50 tâm sở giống nhau (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

13. Tâm biết cảnh nội phần.

14. Tâm biết cảnh ngoại phần.

Bất định có 56 tâm là 54 tâm dục giới, 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh nội phần, cảnh ngoại phần bất định có 49 tâm sở giống nhau (trừ tâm sở tột, 2 tâm sở vô lượng phần).

15. Tâm biết cảnh Níp Bàn bất định có 11 tâm là tâm khai ý môn, 4 tâm đại thiện tương ưng trí, 4 tâm đại tố tương ưng trí, 2 tâm thông.

Tâm sở biết cảnh Níp Bàn bất định có 36 tâm sở là 13 tâm sở tột, 23 tâm sở tịnh hảo (trừ 2 tâm sở vô lượng phần).

*Ghi chú:*

Cảnh của giới ngăn ngừa (sampattivirati) và giới sát trừ (samucchadavirati) được các bậc giáo thọ sư có

đồng quan điểm, tức giới ngăn ngừa có cảnh hiện tại, giới sát trừ có cảnh ngoại thời.

Còn cảnh của giới nguyện (samādānavirati) thì quan điểm của các bậc giáo thọ sư không giống nhau. Có một nhóm giáo thọ sư có cùng quan điểm với ngài giáo thọ sư trưởng lão Ledī cho rằng giới nguyện có cảnh vị lai, nhưng một số ngài giáo thọ sư có cùng quan điểm với ngài giáo thọ sư Bhāsāṭikā cho rằng giới nguyện có cảnh hiện tại.

**42. Vấn:** *Hãy trình bày tâm và tâm sở làm việc như sau cho thành cảnh:*

1. Sự bức bối.
2. Sự an lạc.
3. Sự nóng giận.
4. Sự vui mừng.
5. Sự ngu si.
6. Sự thông minh.
7. Người đẹp đang ở ngay trước mắt.
8. Tiếng radio đang mở.
9. Sự nóng.
10. Sự lạnh.
11. Người bệnh hoạn.
12. Người giàu sang.
13. Sinh mạng của tất cả chúng sanh.
14. Lời thô tục.
15. Cha mẹ, thầy tổ.

16. Hình dáng sắc mặt của người khác.
17. Hình dáng sắc mặt của chính mình.
18. Tánh tình của người khác.
19. Tánh tình của chính mình.
20. Sự sai lầm của mình.

**Đáp:** Tâm và tâm sở làm việc cho thành cảnh được như sau:

*1. Tâm và tâm sở biết được sự bực bội:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, lận, hối, ngăn trừ phần, tùy hỷ).

*2. Tâm và tâm sở biết được sự an lạc:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

47 tâm sở (trừ tâm sở hối, ngăn trừ phần, bi).

*3. Tâm và tâm sở biết được sự nóng giận:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, lận, hối, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

*4. Tâm và tâm sở biết được sự vui mừng:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

47 tâm sở (trừ tâm sở hối, ngăn trừ phần, bi).

*5. Tâm và tâm sở biết được sự ngu si:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, lận, hối, ngăn trừ phần, tùy hỷ).

*6. Tâm và tâm sở biết được sự thông minh:*

41 tâm dục giới, 2 tâm thông (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

47 tâm sở (trừ tâm sở hối, ngăn trừ phần, bi).

*7. Tâm và tâm sở đang nhìn người đẹp đang ở ngay trước mặt gồm có:*

41 tâm dục giới (trừ 7 tâm quả bất thiện và tâm nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức quả thiện, tâm quan sát thọ xả quả thiện, tâm Ứng Cúng vi tiếu),

47 tâm sở (trừ tâm sở hối, ngăn trừ phần, bi).

*8. Tâm và tâm sở thu nhận tiếng radio đang mở:*

45 tâm dục giới (trừ tâm nhãn, tỷ, thiệt, thân thức, tâm Ứng Cúng vi tiếu).

49 tâm sở (trừ 3 tâm sở ngăn trừ phần).

*9. Tâm và tâm sở xúc chạm với sự nóng:*

45 tâm dục giới (trừ tâm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thức, tâm Ứng Cúng vi tiếu).

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, hối, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

*10. Tâm và tâm sở xúc chạm với sự lạnh:* Chi pháp cũng giống như tâm sở xúc chạm sự nóng...

*11. Tâm và tâm sở đang nhìn người bệnh hoạn:*

45 tâm dục giới (trừ tâm nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, tâm

Ứng Cúng vi tiểu).

46 tâm sở (trừ tâm sở tật, hối, ngăn trừ phần, tùy hỷ).

*12. Tâm và tâm sở đang nhìn người giàu sang:*

45 tâm dục giới (trừ tâm nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, tâm Ứng Cúng vi tiểu).

46 tâm sở (trừ tâm sở lận, hối, ngăn trừ phần, bi).

*13. Tâm và tâm sở đang suy nghĩ đến sự sống của tất cả chúng sanh:*

41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới), 2 tâm thông.

51 tâm sở (trừ tâm sở hối).

*14. Tâm và tâm sở đang nghe lời thô tục:*

33 tâm dục giới (trừ 8 tâm quả thiện vô nhân và nhân, tỷ, thiệt, thân thức quả bất thiện, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 8 tâm đại quả).

44 tâm sở (trừ tâm sở tật, lận, hối, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

*15. Tâm và tâm sở đang nghĩ đến cha mẹ thầy tổ:*

40 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới, tâm Ứng Cúng vi tiểu), 2 tâm thông.

47 tâm sở (trừ tâm sở tật, hối, ngăn trừ phần).

*16. Tâm và tâm sở đang nhìn thấy hình dáng vẻ mặt của người khác:*

46 tâm dục giới (trừ nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức), 2 tâm thông.

48 tâm sở (trừ tâm sở hối, ngăn trừ phần).

17. Tâm và tâm sở đang nhìn thấy hình dáng sắc mặt của chính mình:

45 tâm dục giới (trừ tâm nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, tâm Ứng Cúng vi tiểu).

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, hối, ngăn trừ phần, vô lượng phần), tính tâm thông vào, ám chỉ đến hình dáng sắc mặt của mình trong quá khứ và vị lai.

18. Tâm và tâm sở biết được tánh tình của người khác:

40 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới, tâm Ứng Cúng vi tiểu), 2 tâm thông.

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, hối, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

19. Tâm và tâm sở suy nghĩ đến tánh tình của chính mình:

40 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới, tâm Ứng Cúng vi tiểu), 2 tâm thông.

46 tâm sở (trừ tâm sở tật, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

20. Tâm và tâm sở suy nghĩ đến sự sai quấy của mình:

40 tâm dục giới (trừ ngũ song thức, 3 ý giới, tâm Ứng Cúng vi tiểu), 2 tâm thông.

45 tâm sở (trừ tâm sở tật, lận, ngăn trừ phần, vô lượng phần).

## **Chấm Dứt Cảnh Tập Yếu.**

## VẬT TẬP YẾU (*Vatthusangaha*)

43. **Vấn:** *Vật trong vật tập yếu là gì và vật có bao nhiêu? Hãy trình bày chi pháp của từng vật và hãy dịch kệ ngôn sau đây:*

Chavatthum nissitā kāme Satta rūpe catubbidhā

Tivatthu nissitā rūpe Dhātvekā nissitā matā

**Đáp:** Vật trong vật tập yếu là pháp làm nơi nương cho tâm và tâm sở.

Vật có 6 loại:

1. Nhãn vật. Chi pháp thần kinh nhãn.
2. Nhĩ vật. Chi pháp thần kinh nhĩ.
3. Tỷ vật. Chi pháp thần kinh tỷ.
4. Thiệt vật. Chi pháp thần kinh thiệt.
5. Thân vật. Chi pháp thần kinh thân.
6. Ý vật. Chi pháp sắc ý vật.

Học viên nên hiểu kệ ngôn này như sau:

7 ý thức giới nương vào 6 vật sanh lên trong 11 cõi dục giới.

4 thức giới là nhân giới, nhĩ giới, ý giới và ý thức giới nương vào nhãn vật, nhĩ vật và ý vật sanh lên trong 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng).

Ý thức giới không nương vật sanh lên trong 4 cõi vô sắc.

**44. Vấn:** 7 thức giới là gì? Hãy trình bày chi pháp và thức giới không nương vào vật cũng sanh lên được có hay không? Nếu có là thức giới loại nào, sự sanh lên của thức giới không nương vào vật là thức giới của loài người nào, nương vào đâu để làm duyên sanh lên?

**Đáp:** 7 thức giới:

1. Nhãn thức giới. Chi pháp là 2 tâm nhãn thức.

2. Nhĩ thức giới. Chi pháp là 2 tâm nhĩ thức.

3. Tỷ thức giới. Chi pháp là 2 tâm tỷ thức.

4. Thiệt thức giới. Chi pháp là 2 tâm thiệt thức.

5. Thân thức giới. Chi pháp là 2 tâm thân thức.

6. Ý giới. Chi pháp là 2 tâm tiếp thân, 1 tâm khai ngũ môn.

7. Ý thức giới. Chi pháp 76 hoặc 108 (trừ ngũ song thức, 3 ý giới).

Thức giới không nương vào vật cũng sanh lên được là thức giới thuộc loại ý thức giới. Và ý thức giới không nương vào vật này là của phạm thiên vô sắc. Bởi vì, chỉ nương vào thiện nghiệp vô sắc quá khứ và cảnh làm duyên cho sanh lên mà thôi.

**45. Vấn:** *Hãy trình bày tâm như sau:*

- 1. Tâm sanh lên nương vật nhất định.*
- 2. Tâm sanh lên nương vật bất định.*
- 3. Tâm sanh lên không nương vật nhất định.*
- 4. Tâm sanh lên không nương vật bất định.*

*Hãy phân tích tâm nương vật sanh lên nhất định theo 6 vật?*

**Đáp:**

1. Tâm sanh lên nương vật nhất định có 43 tâm: Tâm ngũ song thức, 3 ý giới, 2 tâm sân, 11 tâm na cảnh, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 15 tâm sắc giới, 1 tâm sơ đạo.

2. Tâm sanh lên nương vật bất định có 42 tâm: 8 tâm tham, 2 tâm si, tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 4 tâm thiện vô sắc, 4 tâm tố vô sắc, 7 tâm siêu thế (trừ tâm sơ đạo).

3. Tâm sanh lên không nương vật nhất định có 4 tâm quả vô sắc.

4. Tâm sanh lên không nương vật bất định có 42 tâm: 8 tâm tham, 2 tâm si, tâm khai ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 4 tâm thiện vô sắc, 4 tâm tố vô sắc, 7 tâm siêu thế (trừ tâm sơ đạo).

Phân tích tâm nương vật sanh lên nhất định theo 6 vật như sau:

2 tâm nhãn thức nương vào nhãn vật. 2 tâm nhĩ thức nương vào nhĩ vật, 2 tâm tỷ thức nương vào tỷ vật,

2 tâm thiệt thức nương vào thiệt vật, 2 tâm thân thức nương vào thân vật.

3 tâm ý giới, 2 tâm sân, 11 tâm na cảnh, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 15 tâm sắc giới, 1 tâm sơ đạo, cả 33 tâm này nương vào ý vật.

**46. Vấn:** *Hãy phân tích tâm nương vật bất định theo 6 vật và người không có trái tim thì sự nóng giận, sự thị hiện thần thông, sự tu tiến minh sát có thể làm cho tâm sơ đạo sanh lên được hay không?*

**Đáp:** Phân tích 42 tâm nương vật bất định theo 6 vật: Khi 42 tâm này sanh lên cõi ngũ uẩn chỉ nương vào sắc ý vật sanh lên mà thôi.

Và người không có trái tim thì giống như 2 nhóm:

1. Phạm thiên vô tưởng.
2. Phạm thiên vô sắc.

Sự nóng giận, sự thị hiện thần thông... là hiện thân của danh pháp và sanh lên được từ danh pháp còn phạm thiên vô tưởng không có danh pháp. Do đó, phạm thiên vô tưởng không liên quan đến sự kiện này.

Còn phạm thiên vô sắc cho dù có danh pháp nhưng thường nhiên phạm thiên không có sân. Do đó, sự nóng giận không sanh lên được. Còn việc biểu hiện thần thông đối với phạm thiên vô sắc không thực hiện được vì thị hiện thần thông sanh lên được phải nương vào ngũ thiền sắc giới. Và sự tu tiến minh sát để chứng đắc sơ đạo cũng không sanh lên được bởi vì thiếu điều (paratoghosapaccaya) không được nghe pháp từ người khác chỉ dạy.

**47. Vấn:** *Hãy phân tích 52 tâm sở theo 6 vật? Việc 4 tâm sở sân phần, 2 tâm sở vô lượng phần phải nương vào vật nhất định để sanh lên do nhân nào?*

**Đáp:** Phân tích 52 tâm sở theo 6 vật:

- 7 tâm sở biến hành nương vào 6 vật để sanh lên cũng được, không nương vào 6 vật sanh lên cũng được.

- 39 tâm sở còn lại (trừ 4 tâm sở sân phần, 2 tâm sở vô lượng phần) nương vào ý vật sanh lên cũng được, không nương vào ý vật sanh lên cũng được.

- 4 tâm sở sân phần, 2 tâm sở vô lượng phần nhất định phải nương vào sắc ý vật sanh lên.

Về việc 4 tâm sở sân phần, 2 tâm sở vô lượng phần phải nương vào sắc ý vật sanh lên nhất định bởi vì 4 tâm sở sân phần này chỉ sanh lên trong cõi dục giới, còn 2 tâm sở vô lượng phần chỉ sanh lên trong cõi ngũ uẩn mà thôi.

## **Chấm Dứt Vật Tập Yếu**

## TỔNG HỢP TẬP YẾU

**48. Vấn:** Tâm có 6 hoặc 5 tâm sở biệt cảnh đồng sanh có bao nhiêu? Và hãy phân tích nhóm tâm sở này theo thọ, nhân, sự, môn, cảnh và vật?

**Đáp:**

Tâm có 6 tâm sở biệt cảnh đồng sanh được 27 tâm: 4 tâm tham hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại quả hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ, 11 tâm sơ thiền.

\* Phân tích theo thọ: 27 tâm này đồng sanh với hỷ thọ.

\* Phân tích theo nhân:

- 4 tâm thọ hỷ có 2 nhân là nhân tham và nhân si.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí hỷ thọ, 2 tâm đại quả tương ưng trí hỷ thọ, 2 tâm đại tố tương ưng trí hỷ thọ, 11 tâm sơ thiền, có 3 nhân: Nhân vô tham, vô sân, vô si.

- 2 tâm đại thiện bất tương ưng trí, 2 tâm đại quả bất tương ưng trí, 2 tâm đại tố bất tương ưng trí có 2 nhân: Nhân vô tham và nhân vô sân.

\* Phân tích theo sự:

- 4 tâm tham hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm

đại tố hỷ thọ, 2 tâm thiện và tố sơ thiên hiệp thế, 8 tâm sơ thiên siêu thế làm: Sự đồng lực.

- 4 tâm đại quả hỷ thọ làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử, na cảnh.

- 1 tâm quả sơ thiên làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử.

*\* Phân tích theo môn:*

- 4 tâm tham hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ sanh lên được theo 6 môn.

- 4 tâm đại quả hỷ thọ sanh lên theo 6 môn cũng được, sanh lên theo ngoại môn cũng được.

- 10 tâm sơ thiên (trừ tâm quả sơ thiên hiệp thế) sanh lên được theo ý môn.

- Tâm quả sơ thiên hiệp thế sanh lên theo ngoại môn.

*\* Phân tích theo cảnh:*

- 4 tâm tham hỷ thọ, 2 tâm đại thiện bất tương ứng trí hỷ thọ, 2 tâm đại tố bất tương ứng trí hỷ thọ có: 6 cảnh thuộc hiệp thế và chế định.

- 2 tâm đại thiện tương ứng trí hỷ có: 6 cảnh thuộc hiệp thế siêu thế và chế định (trừ A La Hán đạo và A La Hán quả).

- 2 tâm đại tố tương ứng trí hỷ thọ có: 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định không còn dư sót.

- 4 tâm đại quả hỷ thọ có: 6 cảnh duy nhất thuộc pháp dục giới.

- 3 tâm sơ thiên hiệp thế có: Cảnh pháp thuộc chế định.

- 8 tâm sơ thiên siêu thế có: Cảnh pháp là Níp Bàn.

\* *Phân tích theo vật:*

- 4 tâm tham hỷ thọ, 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ, 7 tâm sơ thiên siêu thế (trừ tâm sơ đạo sơ thiên): Nếu sanh lên trong cõi ngũ uẩn thì nương sắc ý vật, nếu sanh trong cõi tứ uẩn thì không nương vật.

- 4 tâm đại quả hỷ thọ, 3 tâm sơ thiên, 1 tâm sơ đạo sơ thiên luôn nương sắc ý vật sanh lên.

*Tâm có 5 tâm sở biệt cảnh đồng sanh được 30 tâm:* 4 tâm tham xả thọ, 2 tâm sân, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại quả xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ, 11 tâm nhị thiên.

\* *Phân tích theo thọ:*

- 4 tâm tham xả thọ, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại quả xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ: Đồng sanh với xả thọ.

- 2 tâm sân đồng sanh với ưu thọ.

- Tâm Ứng Cúng vi tiểu, 11 tâm nhị thiên: Đồng sanh với hỷ thọ.

\* *Phân tích theo nhân:*

- 4 tâm tham xả thọ có 2 nhân: Nhân tham và nhân si.

- 2 tâm sân có 2 nhân: Nhân sân và nhân si.

- Tâm Ứng Cúng vi tiểu không có nhân.

- 2 tâm đại thiện tương ưng trí xả thọ, 2 tâm đại quả tương ưng trí xả thọ, 2 tâm đại tố tương ưng trí xả thọ, 11 tâm nhị thiên có 3 nhân: Nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

- 2 tâm đại thiện bất tương trí xả thọ, 2 tâm đại quả bất tương ưng trí xả thọ, 2 tâm đại tố bất tương trí xả thọ có 2 nhân: Nhân vô tham và nhân vô sân.

\* *Phân tích theo sự:*

- 4 tâm tham xả thọ, 2 tâm sân, tâm Ưng Cúng vi tiếu, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ, 2 tâm thiện và 2 tâm tố nhị thiên hiệp thế, 8 tâm nhị thiên siêu thế làm: Sự đồng lực.

- 4 tâm đại quả xả thọ làm: Sự tái tục, hữu phần, tử, na cảnh.

- 1 tâm quả nhị thiên hiệp thế làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử.

\* *Phân tích theo môn:*

- 4 tâm tham xả thọ, 2 tâm sân ưu thọ, tâm Ưng Cúng vi tiếu, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ sanh lên được theo 6 môn.

- 4 tâm đại quả xả thọ sanh lên theo 6 môn cũng được, sanh lên theo ngoại môn cũng được.

- 10 tâm nhị thiên (trừ tâm quả nhị thiên hiệp thế) sanh lên theo ý môn.

- 1 tâm quả nhị thiên hiệp thế sanh lên theo ngoại môn.

- *Phân tích theo cảnh:*

- 4 tâm tham xả thọ, 2 tâm sân, 2 tâm đại thiện bất tương trí xả thọ, 2 tâm đại tố bất tương trí xả thọ có: 6 cảnh thuộc hiệp thế và chế định.

- 2 tâm đại thiện tương ứng trí xả thọ có 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định (trừ A La Hán đạo và A La Hán quả).

- 2 tâm đại tố tương trí xả thọ có 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định không còn dư sót.

- 4 tâm đại quả xả thọ, tâm Ứng Cúng vi tiểu có: 6 cảnh duy nhất thuộc dục giới.

- 3 tâm nhị thiện hiệp thế có cảnh pháp thuộc chế định.

- 8 tâm nhị thiện siêu thế có cảnh pháp là cảnh Níp Bàn.

\* *Phân tích theo vật.*

- 4 tâm tham xả thọ, 4 tâm đại thiện xả thọ, 4 tâm đại tố xả thọ, 7 tâm nhị thiện siêu thế (trừ tâm sơ đạo nhị thiện): Nếu sanh lên trong cõi ngũ uẩn nương sắc ý vật, nếu sanh trong cõi tứ uẩn thì không nương vật.

- 2 tâm sân, tâm Ứng Cúng vi tiểu, 4 tâm đại quả xả thọ, 3 tâm nhị thiện hiệp thế, 1 tâm sơ đạo nhị thiện luôn nương vào sắc ý vật sanh lên.

**49. Vấn:** *Tâm chỉ đồng sanh được 4 - 3 tâm sở biệt cảnh, có bao nhiêu? Hãy phân tích nhóm tâm sở này theo thọ, nhân, sự, môn, cảnh, vật và tâm không đồng sanh được với cả 6 tâm sở biệt cảnh được bao nhiêu? Và phân tích nhóm tâm sở này theo thọ, nhân, sự, môn, cảnh, vật?*

**Đáp:**

*Tâm chỉ đồng sanh được 4 tâm sở biệt cảnh có 14 tâm: 1 tâm si phóng dật, 1 tâm quan sát hỷ thọ, 1 tâm khai ý môn, 11 tâm tam thiên.*

*\* Phân tích theo thọ:*

- 1 tâm si phóng dật, 1 tâm khai ý môn đồng sanh với xả thọ.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ, 11 tâm tam thiên đồng sanh với hỷ thọ.

*\* Phân tích theo nhân:*

- 1 tâm si phóng dật có 1 nhân là nhân si.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ, tâm khai ý môn không có nhân.

- 11 tâm tam thiên có 3 nhân: Nhân vô tham, vô sân, vô si.

*\* Phân tích theo sự:*

- 1 tâm si phóng dật, 2 tâm thiện và tố tam thiên hiệp thế, 8 tâm tam thiên siêu thế làm: Sự đồng lực.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ làm: Sự quan sát, sự na cảnh.

- Tâm khai ý môn làm: Sự khai môn, sự phán đoán.

- 1 tâm quả tam thiên hiệp thế làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử.

*\* Phân tích theo môn:*

- 1 tâm si phóng dật, 1 tâm quan sát hỷ thọ, tâm khai ý môn sanh lên theo ý môn.

- 1 tâm thiện và tố tam thiên hiệp thế, 8 tâm tam thiên siêu thế sanh lên theo ý môn.

- 1 tâm quả tam thiên hiệp thế sanh lên theo ngoại môn.

*\* Phân tích theo cảnh:*

- 1 tâm si phóng dật biết: 6 cảnh thuộc hiệp thế và chế định.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ biết: 6 cảnh thuộc dục giới.

- 1 tâm khai ý môn biết: 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định được hoàn toàn không còn dư sót.

- 3 tâm tam thiên hiệp thế biết: Cảnh pháp thuộc chế định.

- 8 tâm tam thiên siêu thế biết: Cảnh pháp là Níp Bàn.

*\* Phân tích theo vật:*

- 1 tâm si phóng dật, tâm khai ý môn, 7 tâm tam thiên siêu thế (trừ tâm sơ đạo tam thiên): Nếu sanh trong cõi ngũ uẩn thì nương theo sắc ý vật, nếu sanh lên trong cõi tứ uẩn thì không nương vật.

- 1 tâm quan sát hỷ thọ, 3 tâm tam thiên hiệp thế, tâm sơ đạo tam thiên luôn nương vào sắc ý vật.

*Tâm chỉ đồng sanh được 3 tâm sở biệt cảnh có 40 tâm:* Tâm si hoài nghi, 3 ý giới, 2 tâm quan sát xả thọ, 11 tâm tứ thiên, 23 tâm ngũ thiên.

*\* Phân tích theo thọ:*

- 1 tâm si hoài nghi, 3 ý giới, 2 tâm quan sát xả thọ, 23 tâm ngũ thiên đồng sanh với xả thọ.

- 11 tâm tứ thiên đồng sanh với hỷ thọ.

*\* Phân tích theo nhân:*

- 1 tâm si hoài nghi có 1 nhân là nhân si.
- 3 ý giới, 2 tâm quan sát xả thọ không có nhân.
- 11 tâm tứ thiền, 23 tâm ngũ thiền có: 3 nhân tức nhân vô tham, vô sân, vô si.

*\* Phân tích theo sự:*

- 1 tâm si hoài nghi, 2 tâm thiện và tố tứ thiền hiệp thế, 10 tâm thiện và tố ngũ thiền hiệp thế, 8 tâm tứ thiền siêu thế, 8 tâm ngũ thiền siêu thế làm: Sự đồng lực.

- Tâm khai ngũ môn làm: Sự khai môn.

- 2 tâm tiếp thâm làm: Sự tiếp thâm.

- 2 tâm quan sát xả thọ làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử, quan sát, na cảnh.

- 1 tâm quả tứ thiền hiệp thế, 5 tâm quả ngũ thiền hiệp thế làm: Sự tục sinh, hữu phần, tử.

*\* Phân tích theo môn:*

- 1 tâm si hoài nghi sanh lên theo 6 môn.

- 3 ý giới sanh lên theo ngũ môn.

- 2 tâm quan sát xả thọ sanh lên theo ý môn hay sanh lên theo ngoại môn cũng được.

- 2 tâm thiện và tố tứ thiền hiệp thế, 10 tâm thiện và tố ngũ thiền hiệp thế, 8 tâm tứ thiền siêu thế, 8 tâm ngũ thiền siêu thế sanh lên theo ý môn.

- 1 tâm quả tứ thiền hiệp thế, 5 tâm quả ngũ thiền hiệp thế sanh lên theo ngoại môn.

*\* Phân tích theo cảnh:*

- 1 tâm si hoài nghi biết 6 cảnh thuộc hiệp thế và chế định.

- 3 ý giới biết 5 cảnh, 2 tâm quan sát xả thọ biết 6 cảnh dục giới.

- 3 tâm tứ thiền hiệp thế, 3 tâm ngũ thiền sắc giới (trừ tâm thông) có cảnh pháp thuộc chế định.

- Tâm thông thiện biết: 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định (trừ A La Hán đạo và A La Quả đạo).

- Tâm thông tố biết: 6 cảnh thuộc hiệp thế, siêu thế và chế định được hoàn toàn không còn dư sót.

- 3 tâm không vô biên xứ có cảnh pháp thuộc biến xứ hư không chế định (kasinuggahāṭimākāsapaññati).

- 3 tâm thức vô biên xứ có cảnh pháp là không vô biên xứ thiện và tố (akāsānañcāyatana).

- 3 tâm vô sở hữu xứ có cảnh pháp là vô hữu chế định (naṭṭhibhāvapaññatti).

- 3 tâm phi tưởng phi phi tưởng xứ có cảnh pháp là vô sở hữu xứ thiện và tố (akiñcaññāyatana).

- 8 tâm tứ thiền siêu thế, 8 tâm ngũ thiền siêu thế có cảnh pháp là Níp Bàn.

*\* Phân tích theo vật:*

- 1 tâm si hoài nghi, 8 tâm thiện và tố tứ thiền vô sắc, 7 tâm tứ thiền siêu thế, 7 tâm ngũ thiền siêu thế (trừ tâm sơ đạo tứ thiền và tâm sơ đạo ngũ thiền): Nếu sanh trong cõi ngũ uẩn nương theo sắc ý vật, nếu sanh lên trong cõi tứ uẩn thì không nương vật.

- 3 ý giới, 2 tâm quan sát xả thọ, 3 tâm tứ thiền sắc giới, 3 tâm ngũ thiền sắc giới, 1 tâm sơ đạo tứ thiền, 1 tâm sơ đạo ngũ thiền luôn nương vào sắc ý vật.

- 4 tâm quả vô sắc không nương vật.

*Tâm không đồng sanh với 6 tâm sở biệt cảnh có 10 tâm:* 10 tâm ngũ song thức.

*\* Phân tích theo thọ:*

- 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức đồng sanh với xả thọ.

- Tâm thân thức thọ khổ đồng sanh với khổ thọ.

- Tâm thân thức thọ lạc đồng sanh với lạc thọ.

*\* Phân tích theo nhân:* Ngũ song thức không có nhân.

*\* Phân tích theo sự:*

2 tâm nhãn thức làm sự thấy.

2 tâm nhĩ thức làm sự nghe.

2 tâm tỷ thức làm sự ngửi.

2 tâm thiệt thức làm sự nếm.

2 tâm thân thức làm sự đụng.

*\* Phân tích theo môn:*

2 tâm nhãn thức sanh lên trong nhãn môn.

2 tâm nhĩ thức sanh lên trong nhĩ môn,

2 tâm tỷ thức sanh lên trong tỷ môn.

2 tâm thiệt thức sanh lên trong thiệt môn.

2 tâm thân thức sanh lên trong thân môn.

*\* Phân tích theo cảnh:*

2 tâm nhãn thức biết cảnh sắc: Tất cả các màu sắc.

2 tâm nhĩ thức biết cảnh thanh: Tất cả các âm thanh.

2 tâm tỷ thức biết cảnh khí: Tất cả các mùi.

2 tâm thiệt thức biết cảnh vị: Tất cả vị.

2 tâm thân thức biết cảnh xúc: Lạnh, nóng, mềm, cứng, căng, dòn.

*\* Phân tích theo vật:*

2 tâm nhãn thức nương vào nhãn vật.

2 tâm nhĩ thức nương vào nhĩ vật.

2 tâm tỷ thức nương vào tỷ vật.

2 tâm thiệt thức nương vào thiệt vật.

2 tâm thân thức nương vào thân vật.

**50. Vấn:** *Hãy phân tích tâm có số lượng tâm sở bất thiện và tâm sở tịnh hảo đồng sanh sau đây theo thọ cùng với số lượng và tên của tâm?*

a. Tâm được 10 - 8 - 6 - 5 - 4 tâm sở bất thiện đồng sanh.

b. Tâm được 25 - 24 - 22 - 20 - 19 tâm sở tịnh hảo đồng sanh.

**Đáp:**

- Tâm được 10 tâm sở bất thiện đồng sanh có 1 tâm: Tâm sân hữu trợ đồng sanh ưu thọ.

- Tâm được 8 tâm sở bất thiện đồng sanh có 5 tâm: 2 tâm tương ưng kiến hữu trợ, 2 tâm bất tương ưng kiến hữu

trợ, 1 tâm sân vô trợ. Có 2 tâm đồng sanh hỷ thọ, 2 tâm đồng sanh xả thọ, 1 tâm sân vô trợ đồng sanh ưu thọ.

- Tâm được 6 tâm sở bất thiện đồng sanh có 4 tâm: 2 tâm tương ưng kiến vô trợ, 2 tâm bất tương ưng kiến vô trợ. Có 2 tâm đồng sanh hỷ thọ, 2 tâm đồng sanh xả thọ.

- Tâm được 5 tâm sở bất thiện đồng sanh có 1 tâm: Tâm si hoài nghi đồng sanh xả thọ.

- Tâm được 25 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 4 tâm: 4 tâm đại thiện tương ưng trí. Đồng sanh với hỷ thọ có 2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm.

- Tâm được 24 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 4 tâm: 4 tâm đại thiện bất tương ưng trí. Đồng sanh với hỷ thọ có 2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm.

- Tâm được 23 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 8 hoặc 40 tâm siêu thế: 8 tâm siêu thế đồng sanh với hỷ thọ hoặc xả thọ, 40 tâm siêu thế đồng sanh với hỷ thọ có 32 tâm, đồng sanh xả thọ có 8 tâm.

- Tâm được 22 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 16 tâm: 4 tâm đại tố tương ưng trí đồng sanh với hỷ thọ có 2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm, 12 tâm sắc giới (trừ 3 tâm ngũ thiền) đồng sanh với hỷ thọ.

- Tâm được 21 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 4 tâm: 4 tâm đại tố bất tương ưng trí đồng sanh với hỷ thọ có 2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm.

- Tâm được 20 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 19 tâm: 4 tâm đại quả tương ưng trí đồng sanh với hỷ thọ có 2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm, 15 tâm ngũ thiền hiệp thế đồng sanh với xả thọ.

- Tâm được 19 tâm sở tịnh hảo đồng sanh có 4 tâm:  
4 tâm đại quả bất tương ưng trí đồng sanh với hỷ thọ có  
2 tâm, đồng sanh xả thọ có 2 tâm.

## **Chấm Dứt Phần Tổng Hợp Tập Yếu**



### **Kết Thúc Phần Vấn Đáp Sơ Cấp và Trung Cấp Chương 3**

# GIÁO TRÌNH VẤN ĐÁP TIỂU HỌC THẮNG PHÁP PHẦN TRUNG CẤP CHƯƠNG 7 LỜI MỞ ĐẦU

1. **Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn trình bày tóm lược và xác định như Dvāsattati vidhā vuttā... và tính số lượng 72 pháp không cần nêu nguyên nhân?*

**Đáp:** Vatthudhamma là pháp có thực tánh chắc thật, 72 pháp đó tôi đã trình bày rồi. Bây giờ sẽ trình bày samuccayasāṅgaha tức tập yếu tổng hợp và pháp sai biệt của 72 pháp.

72 pháp = Tất cả tâm tính thành 1, 52 tâm sở, 18 sắc thành tựu, Níp Bàn.

2. **Vấn:** **Samuccayasāṅgaha** nghĩa là gì? Ngài giáo thọ sư **Anuruddha** phân tích 72 pháp ra thành bao nhiêu nhóm? Hãy trình bày ý nghĩa của từng nhóm?

**Đáp:** Đây là chương trình bày 4 pháp chơn đế vào thành từng nhóm.

Samuccayaṅgaha có định nghĩa: “Saha uccīyante etthāti = Samuccayo (và) Saṃ piṇḍetvā uccīyante etenāti = Samuccayo”. Chương gọi là samuccaya vì trình bày cả 4 pháp chơn để lại thành từng nhóm với nhau (hoặc) chương gọi là samuccaya vì là nhân của sự tổng hợp thực tánh pháp chơn để lại thành từng nhóm.

Ngài giáo thọ sư Anuruddha phân tích 72 pháp ra thành 4 nhóm:

1. Bất thiện tập yếu (akusalasaṅgaha): Nghĩa là sự tổng hợp các pháp thuộc phần bất thiện lại thành 1 nhóm.

2- Hỗn hợp tập yếu (missakasaṅgaha): Nghĩa là sự tổng hợp các pháp nhân, chi thiền, chi đạo, quyền, lực, trưởng, vật thực lại thành 1 nhóm.

3- Giác phần tập yếu (bodhipakkhiyasaṅgaha): Nghĩa là sự tổng hợp các pháp tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo lại thành 1 nhóm.

4. Hàm tậ tập yếu (sabbasaṅgaha): Nghĩa là sự tổng hợp tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp Bàn lại thành 1 nhóm.

## BẤT THIỆN TẬP YẾU (Akusalasaṅgaha)

**3. Vấn:** Hãy trình bày ý nghĩa cùng với chi pháp của 9 nhóm pháp trong bất thiện tập yếu và trong mỗi nhóm có bao nhiêu pháp?

**Đáp:** 9 nhóm pháp bất thiện tập yếu trong mỗi nhóm đó có số lượng pháp như sau:

1. Lậu hoặc (āsava) có 4:

- Dục lậu: Pháp nhuộm ướp, ngâm tẩm, rỉ chảy trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm Tham

- Hữu lậu: Pháp nhuộm ướp, ngâm tẩm, rỉ chảy trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hoặc thiên hữu sắc, thiên vô sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Kiến lậu: Pháp nhuộm ướp, ngâm tẩm, rỉ chảy trong quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Vô minh lậu: Pháp nhuộm ướp, ngâm tẩm, rỉ chảy trong sự mê muội hôn ám.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện.

2. Bộc (agha) có 4:

- Dục Bộc: Pháp nhận chìm chúng sanh trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Hữu bộc: Pháp nhận chìm chúng sanh trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hoặc thiên hữu sắc, thiên vô sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Kiến bộc: Pháp nhận chìm chúng sanh trong quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Vô minh bộc: Pháp nhận chìm chúng sanh trong si mê, hôn ám.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện

3. Kết (yoga) có 4:

- Dục Kết: Pháp làm cho chúng sanh dán dính vào ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Hữu kết: Pháp làm cho chúng sanh dán dính vào trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hoặc thiên hữu sắc, thiên vô sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ứng kiến.

- Kiến kết: Pháp làm cho chúng sanh dấn dính vào quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

- Vô minh kết: Pháp làm cho chúng sanh dính liền trong sự lầm lạc tối tăm.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện.

4. Phược (gantha) có 4:

- Tham ác thân phược: Pháp cột thắt danh thân, sắc thân vào cảnh ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong hợp 8 tâm tham.

- Sân độc thân phược: Pháp cột thắt danh thân, sắc thân vào sự nóng giận.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Giới thủ thân phược: Pháp cột thắt danh thân, sắc thân chấp thủ trong việc làm sai.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

- Ngã kiến thân phược: Pháp cột thắt danh thân sắc thân chấp thủ trong quan kiến sai lầm của mình là đúng đắn, quan kiến của người khác là sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

5. Thủ (upādāna) có 4:

- Dục thủ: Pháp bám chặt trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Kiến thủ: Pháp bám chặt trong quan kiến sai lầm, ngoài ra giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

- Giới cấm thủ: Pháp bám chặt trong việc làm sai.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

- Ngã chấp thủ: Pháp bám chặt vào trong danh sắc (ngũ uẩn) là thân ta.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

6. Cái (nivāraṇa) có 6:

- Dục dục cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự thỏa thích trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Sân độc cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự nóng giận.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Hôn thụ cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự dã dượi lười sụt.

Chi pháp: Tâm sở hôn trầm và thụ miên hợp trong 5 tâm bất thiện hữu trợ.

- Trạo hối cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự phóng tán bứt rứt.

Chi pháp: Tâm sở phóng dật hợp trong 12 tâm bất thiện và sở hữu hối hợp trong 2 tâm sân.

- Hoài nghi cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự hoài nghi lưỡng lự trong điều đáng nên tin.

Chi pháp: Tâm sở hoài nghi hợp trong tâm si hoài nghi.

- Vô minh cái: Pháp ngăn che thiện pháp hiện bày sự mê muội, lầm lạc không nhận thức đúng sự thật.

Chi pháp: Tâm sở si trong 12 tâm bất thiện.

7. Tiềm miên (anusaya) có 7:

- Dục ái tiềm miên: Pháp nhiễm đắm trong ngũ dục ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Hữu ái tiềm miên: Pháp nhiễm đắm trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hoặc thiên hữu sắc, thiên vô sắc ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Phẫn uất tiềm miên: Pháp nóng nảy giận dữ ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Ngã mạn tiềm miên: Pháp tự cao chấp ta ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở ngã mạn hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Tà kiến tiềm miên: Pháp có quan kiến sai lầm ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ứng kiến.

- Hoài nghi tiềm miên: Pháp phân vân, do dự trong điều đáng tin ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở hoài nghi hợp trong tâm si hoài nghi.

- Vô minh tiềm miên: Pháp mê muội, tầm tối ngũ ngầm trong cơ tánh.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 2 tâm si.

8. Kiết sử (saṃyojana) có 2 loại:

*Kiết sử theo lý Kinh Tạng có 10:*

- Dục ái kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh dính mắc trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Sắc ái kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh dính mắc vào cõi sắc giới hoặc thiên hữu sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ứng kiến.

- Vô sắc ái kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh dính mắc vào cõi vô sắc giới hoặc thiên vô sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ứng kiến.

- Phẫn uất kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong trạng thái nóng nảy giận dữ.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Ngã mạn kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh hiện bày sự tự cao chấp ta.

Chi pháp: Tâm sở ngã mạn hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Tà kiến kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tà kiến.

- Giới cấm thủ kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong việc làm sai.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Hoài nghi kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong trạng thái lưỡng lự ngờ vực trong điều đáng tin.

Chi pháp: Tâm sở hoài nghi hợp trong tâm si hoài nghi.

- Phóng dật kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh hiện bày trạng thái phóng tán.

Chi pháp: Tâm sở phóng dật hợp trong 12 tâm bất thiện.

- Vô minh kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh hôn ám lằm lạc không nhận thức theo sự thật.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện.

*Kiết sử theo lý Thắng Pháp có 10:*

- Dục ái kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh dính mắc trong ngũ dục.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Hữu ái kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh dính mắc trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới hoặc thiên hữu sắc, thiên vô sắc.

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Phẫn uất kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh có trạng thái bực tức giận dữ.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Ngã mạn kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh hiện bày sự tự cao chấp ta.

Chi pháp: Tâm sở ngã mạn hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Tà kiến kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Giới cấm thủ kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh trong việc làm sai quấy.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Hoài nghi kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh ngờ vực lưỡng lự trong điều đáng tin.

Chi pháp: Tâm sở hoài nghi hợp trong tâm si hoài nghi.

- Tật kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh có trạng thái ganh ghét đố kỵ và lợi ích của người khác.

Chi pháp: Tâm sở tật hợp trong 2 tâm sân.

- Lận kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh có trạng thái bồn sển keo kiệt tài sản hoặc đức tánh tốt của mình.

Chi pháp: Tâm sở lận hợp trong 2 tâm sân.

- Vô minh kiết sử: Pháp trói buộc chúng sanh có trạng thái hôn ám mê muội không nhận thức theo sự thật.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện.

#### 9. Phiền não (kilesa) có 10:

- Tham: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho thỏa thích hân hoan trong cảnh hiệp thế,...

Chi pháp: Tâm sở tham hợp trong 8 tâm tham.

- Sân: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho bất bình giận dữ không hài lòng.

Chi pháp: Tâm sở sân hợp trong 2 tâm sân.

- Si: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho lầm lạc mê mờ.

Chi pháp: Tâm sở si hợp trong 12 tâm bất thiện.

- Ngã mạn: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho tự cao chấp ta.

Chi pháp: Tâm sở ngã mạn hợp trong 4 tâm tham bất tương ưng kiến.

- Tà kiến: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho quan kiến sai lầm.

Chi pháp: Tâm sở tà kiến hợp trong 4 tâm tham tương ưng kiến.

- Hoài nghi: Pháp bợn nhơ vẫn đục làm cho phân vân do dự trong điều đáng tin.

Chi pháp: Tâm sở hoài nghi hợp trong tâm si hoài nghi.

- Hôn trầm: Pháp bợn nhớ vẫn đực làm cho dã dưội.

Chi pháp: Tâm sở hôn trầm hợp trong 5 tâm bất thiện hữu trợ.

- Phóng dật: Pháp bợn nhớ vẫn đực làm cho lao chao tán loạn.

Chi pháp: Tâm sở phóng dật hợp trong 12 tâm bất thiện.

- Vô tà: Pháp bợn nhớ vẫn đực làm cho không hổ thẹn đối với ác hạnh.

Chi pháp: Tâm sở vô tà hợp trong 12 tâm bất thiện.

- Vô quý: Pháp bợn nhớ vẫn đực làm cho không ghê sợ đối với ác hạnh.

Chi pháp: Tâm sở vô quý hợp trong 12 tâm bất thiện.

**4. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn trình bày đến chi pháp cả 9 nhóm trong bất thiện tập yếu và định nghĩa "tử" akusalasāṅgaha trình bày theo thứ loại?*

**Đáp:** Kệ ngôn trình bày đến chi pháp cả 9 nhóm trong bất thiện tập yếu như sau:

1. Nhóm lậu, bộc, kết và phược chi pháp chơn đế thì mỗi loại có 3. Thủ chi pháp chơn đế có 2. Cái chi pháp chơn đế có 8.

2. Tiềm miên chi pháp chơn đế có 6. Kiết sử chi pháp chơn đế có 9. Phiền não chi pháp chơn đế có 10.

“Tù” Akusalasaṅgaha được trình bày: “Ekantākusalajātikānaṃ oghacatukkādīnaṃ saṅgahoti = Akusalasaṅgaho”. Tổng hợp nhóm thực tánh pháp như tứ bộc... đều là giống bất thiện nên gọi là bất thiện tập yếu.

**5. Vấn:** *Thường được nghe “Các vị A La Hán không có lậu hoặc, nên được gọi là lậu tận (khīṇāsava) là bậc đoạn tuyệt lậu hoặc”. Vậy hãy giải thích chi tiết về lậu hoặc theo nguyên tắc cơ bản?*

**Đáp:** Lậu hoặc theo nguyên tắc cơ bản có nội dung:

Lậu hoặc là vật bị ngấm ủ, thấm rĩ thời gian thật lâu nhưng không rõ lâu bao nhiêu. Trong nơi đây lậu hoặc tức là tham, tà kiến, si có thực tánh giống như rượu. Bởi vì, rượu là chất rĩ ra từ vật bị ngấm ủ lâu ngày. Do đó, Đức Phật không thuyết giảng tâm sở bất thiện khác làm các lậu hoặc.

**6. Vấn:** *Hãy giải thích bộc và kết cùng nêu định nghĩa lên trình bày?*

**Đáp:**

\* “Bộc” (ogha): Là pháp ngập tràn cuốn trôi tất cả chúng sanh, làm cho tất cả chúng sanh đắm chìm trong vòng luân hồi cho đến đọa xứ giống như dòng nước.

Giải thích: Dòng nước mặc nhiên trôi dạt nhưng khi có vật hoặc chúng sanh nào rơi xuống tức thì dòng nước dấy động làm vật hoặc chúng sanh đó tràn ngập nước và ngay sau đó cuốn trôi đi, làm cho vật hoặc chúng sanh đó đắm chìm không có cơ hội trôi lên được.

Pháp có thực tánh giống như dòng nước có 4 loại:

1. Tham có thực tánh thỏa thích vừa lòng trong cảnh ngũ dục, gọi là dục bặc.

2. Tham có thực tánh thỏa thích vừa lòng trong cõi sắc giới, vô sắc giới, thiên hữu sắc, thiên vô sắc, gọi là hữu bặc.

3. Kiến có thực tánh hiểu sai chấp lầm trong danh sắc ngũ uẩn là thân ta, ta, họ, nữ, nam... gọi là kiến bặc.

4. Si có thực tánh hôn ám không biết được sự thật của danh sắc ngũ uẩn, không phải là thân ta, không phải là ta, không phải là họ, không phải là nữ, không phải là nam... gọi là vô minh bặc.

Do đó, phàm nhân có mạng sống hiện hữu trên thế gian thì vẫn còn sự thỏa thích hài lòng trong ngũ dục, tà kiến và vô minh. Cho dù kiếp này được sanh làm người có địa vị cao sang hay chư thiên cũng vẫn còn đang đắm chìm trong vòng luân hồi. Vẫn phải tái hiện trở lại tiếp tục sanh tử và nguy cơ chìm đắm trong khổ cảnh vẫn còn lăm le phía trước. Còn người đắc thiên, không có sự thỏa thích trong ngũ dục nhưng vẫn còn sự hài lòng trong sự an lạc của thiên. Vị ấy sanh làm phạm thiên nhưng tánh chất tà kiến, vô minh cũng vẫn còn hiện hữu. Vì vậy, người đắc thiên cho dù tự thể sẽ được sanh làm người, chư thiên, phạm thiên nhưng cũng vẫn gọi là người bị chìm đắm trong vòng luân hồi. Khi chưa có cơ hội vượt lên khỏi để chứng đạt Níp Bàn thì kể từ kiếp thứ 3 trở đi, nếu người đó thiếu 5 điều cụ túc (sampatti) vẫn còn nguy cơ đắm chìm trong khổ cảnh nữa.

Cụ túc (sampatti) có 5 điều:

1. Là người đã từng tạo phước để dành khi trước (pubbe ca katapuññatā).
2. Được ở trong nước có chánh pháp và bậc chân nhân (paṭirūpadesavāsa).
3. Được hội ngộ thân cận với bậc chân nhân (sappurisūpanissaya).
4. Được nghe chánh pháp (saddhammasavana).
5. Luôn giữ thân, ngữ, ý theo lẽ chánh (attasammāpaṇidhi).

Tất cả phạm thiên khi mệnh chung, tái sanh lại làm người, chư thiên thì có tà kiến nhiều hơn người thường khó mà sửa đổi hay làm cho chấm dứt được. Do đó, các tà kiến như thường kiến... lan tràn cùng khắp thế gian cũng do nhóm người này hướng dẫn chỉ dạy. Vì vậy, nhân loại hay chư thiên nếu thiếu 5 điều cụ túc, khi mệnh chung rồi cũng trở lại chìm đắm rơi vào khổ cảnh nữa do mãnh lực của tà kiến bực và vô minh bực còn hiện hữu trong cơ tánh.

Còn bậc đã chứng đắc Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm cho dù đã loại trừ tà kiến hoàn toàn nhưng vẫn còn vô minh và vui thích vừa lòng trong ngũ dục (dục bực). Do nhân này, mới chìm đắm trong dòng nước của lạc cảnh dục giới (kāmasugatibhūmi) nhưng không còn chìm đắm trong khổ cảnh.

Còn bậc A Na Hàm cũng vẫn còn lo âu trong sự an lạc liên quan đến thiên và sanh làm phạm thiên (hữu bực) do mãnh lực của bực này, mới làm cho bậc A Na

Hàm tiếp tục chìm đắm trong phạm thiên giới, giống như người bị ngập chìm ven bờ sông nơi mà nước sâu chỉ tới eo lưng.

Theo nội dung đã đề cập thì tham, tà kiến, si mới được gọi là bộc. Như định nghĩa: “Avattharivā hanantīti = Oghā (và) Avahananti osīdāpentīti: oghā, oghāviyāti = Oghā”. Pháp làm tràn ngập cuốn trôi tất cả chúng sanh, gọi là bộc (tức dòng nước). Hoặc pháp làm cho tất cả chúng sanh chìm đắm, gọi là bộc. Pháp tràn ngập cuốn trôi tất cả chúng sanh, làm cho tất cả chúng sanh chìm đắm trong vòng luân hồi và rơi vào khổ cảnh, gọi là bộc (tức tham, tà kiến, si).

\* “Kết” (yoga): Pháp làm cho tất cả chúng sanh dính liền trong khổ luân hồi, không cho thoát khỏi được, gọi là kết.

Giải thích: Tất cả chúng sanh phải luân hồi sanh tử trong khổ luân hồi không có cơ hội thoát khỏi được cũng do mãnh lực của kết:

Kết có 4:

1. Tham có thực tánh thỏa thích trong cảnh ngũ dục, gọi là dục kết.

2. Tham có thực tánh vừa lòng trong cõi sắc giới, vô sắc giới, thiên hữu sắc, thiên vô sắc, gọi là hữu kết.

3. Kiến có thực tánh hiểu sai chấp lầm trong danh sắc ngũ uẩn là thân ta, ta, họ nữ, nam... gọi là kiến kết.

4. Si có thực tánh mê muội không biết sự thật của danh sắc ngũ uẩn không phải là thân ta, không phải là

ta, không phải là họ, không phải là nữ, không phải là nam... gọi là vô minh kết.

Ví như chất keo dán hai vật dính lại không cho tách rời ra được. Tham, tà kiến, si cũng dán tất cả chúng sanh dính liền trong khổ luân hồi không cho thoát được như vậy. Tham, tà kiến, si giống như chất keo, hai vật thì một vật giống như tất cả chúng sanh, một vật nữa giống như những kiếp sống tức luân hồi khổ.

Có một lý khác, như con bò bị kéo xe, dù đi trên bất cứ con đường nào nó cũng phải luôn kéo theo chiếc xe dính liền với nó. Giống như tất cả chúng sanh lòng vòng trong khổ luân hồi không thoát khỏi được cũng do bị tham, tà kiến, si cột trói. Con bò như tất cả chúng sanh, chiếc xe bò như cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới hình thành khổ luân hồi, sợi dây cột dính con bò với chiếc xe giống như tham, tà kiến, si.

Như vậy, sự cột trói tất cả chúng sanh dính liền trong khổ luân hồi của tứ kết cũng diễn tiến tương tự như tứ bộc. Do nhân này, Đức Phật mới thuyết giảng tham, tà kiến, si là kết. Như định nghĩa: “*Vaṭṭasmimṃ satte yojentīti = Yogā*”. Pháp cột trói chúng sanh dính liền trong luân hồi khổ như các cõi sai biệt, gọi là kết.

7. **Vấn:** *Hãy dịch và giải thích định nghĩa: “**Kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā** (và) **Kāyena kāyaṃ ganthentīti = Kāyaganthā**”. Và hãy trình bày sự khác biệt giữa tham ác (**abhiḥjhā**), sân ác (**byāpāda**) thuộc ý ác hạnh với tham ác, sân ác của phược (**gantha**).*

**Đáp:** “Pháp cột thắt vào danh thân, gọi là thân phược. Hoặc pháp cột thắt vào giữa danh thân sắc thân trong kiếp hiện tại với danh thân sắc thân trong kiếp quá khứ, gọi là thân phược”.

Giải thích:

Phược ám chỉ đến vật cột thắt chúng sanh móc vào nhau giống như dây xích sắt. Dây xích sắt được hình thành bởi những cái khoen móc nối nhau, cũng như tham, tà kiến, sân này là danh thân sắc thân móc dính liền vào tất cả chúng sanh.

Sự khác biệt giữa tham ác (abhiijhā) và sân ác (byāpāda) thuộc ý ác hạnh với tham ác và sân ác của phược như sau: Tham ác thuộc ý ác hạnh mà thuộc tham thô... được xếp vào tham ác thân phược (abhiijhākāyagantha), sân ác thuộc ý hạnh mà thuộc sân thô... được xếp vào sân độc thân phược (byāpādakāyagantha).

**8. Vấn:** *Upadāna (thủ) khi phân ra có bao nhiêu câu, có ý nghĩa như thế nào?*

**Đáp:** Upadāna khi phân câu ra được hai câu là Upa + ādāna. Upa là sự chắc chắn, ādāna là sự nắm giữ. Khi gom hai từ lại với nhau là sự nắm giữ chắc chắn (chấp thủ) trong cảnh Như định nghĩa: “Upādīyantīti = Upādānāni” Pháp chấp cứng trong cảnh, gọi là thủ.

**9. Vấn:** *Đa số con người ta thường không hài lòng ưa thích trong việc tạo phược bố thí, trì giới, tu tiến bởi*

*do pháp gì ngăn trở và pháp ngăn án việc làm thiện có bao nhiêu?*

**Đáp:** Người ta thường không hài lòng ưa thích trong việc tạo phước bố thí, trì giới, tu tiến bởi do mãnh lực của pháp các ngăn che là dục dục cái,... và làm cho thiện đã chứng đắc hoại đi.

Pháp ngăn che trong việc làm thiện có 6:

1. Dục dục cái.
2. Sân độc cái.
3. Hôn thụy cái.
4. Trạo hối cái.
5. Hoài nghi cái.
6. Vô minh cái.

Như người không có đức tin đối với Phật Giáo... thì thiện pháp có thể sanh lên thì không có cơ hội sanh lên bởi do tham, sân... là pháp ngăn che thiện pháp. Chính vì vậy tham, sân... mới gọi là triền cái.

**10. Vấn:** *Phiền não không được gọi là tiêm miên (anusaya) có bao nhiêu loại? Và phiền não được gọi là tiêm miên là phiền não loại nào?*

**Đáp:** Phiền não không được gọi là tiêm miên có 2 loại: pariyutthānakilesa (phiền não thô) và vītikkamakilesa (phiền não vi phạm).

Phiền não được gọi là tiêm miên là loại phiền não ẩn tàng trong cơ tánh của tất cả chúng sanh chưa sanh lên thành đồng lực của lộ tâm. Như định nghĩa: “Santāne

anu anu sentīti = Anusayā”. Pháp ngữ ngầm tiếp diễn theo danh sắc, gọi là tiềm miên. Hoặc có nghĩa khác nữa: “Anurūpaṃ kāraṇaṃ labhitvā senti uppajjantīti: Anusayā”. Pháp khi có nhân thích hợp thì thường sanh lên, gọi là tiềm miên.

**11. Vấn:** *Hãy nêu ví dụ so sánh giữa 3 phiền não, như phiền não tiềm miên,... và hãy trình bày thiện có khả năng diệt trừ cả 3 phiền não như phiền não tiềm miên, ...?*

**Đáp:** Phiền não tiềm miên (anusayakilesa), phiền não thô (pariyutṭhānakilesa), phiền não vi phạm (vitikkamakilesa), cả 3 loại được so sánh giống như cây que diêm:

Phiền não tiềm miên giống như diêm sanh trên đầu que diêm. Các cảnh tiếp chạm bằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý giống như lấy que diêm quẹt vào cạnh đánh lửa của hộp quẹt thì phát ra được lửa, lửa này giống như phiền não thô. Và khi đem lửa này đi đốt cháy một vật nào thì giống như phiền não vi phạm.

Thiện có thể diệt trừ cả nhóm phiền não này theo từng phần riêng biệt:

1. Thiện của giới (sīlakusala) có thể diệt trừ phiền não vi phạm.

2. Thiện của định (samādhikusala) có thể diệt trừ phiền não thô.

3. Đạo tuệ (paññamagga) có thể diệt trừ phiền não tiềm miên.

**12. Vấn:** *Do nhân nào gọi là sự thỏa thích (tham), sự nóng giận (sân), sự tự cao (ngã mạn),... là kiết sử (saṃyojana)? Hãy giải thích và nêu định nghĩa lên trình bày?*

**Đáp:** Việc gọi là tham, sân, ngã mạn... là kiết sử bởi vì tham, sân, ngã mạn... hằng cột trói tất cả chúng sanh không cho thoát khỏi luân hồi khổ.

Giải thích:

Trong cơ tánh của tất cả phàm nhân hằng có một loại pháp tánh giống như 10 sợi dây thừng cột trói tất cả chúng sanh không cho thoát khỏi khối đau khổ. Nếu bị một hay hai, ba... trong mười sợi dây đó cột chặt rồi, thì sợi dây đó sẽ dẫn dắt chúng sanh vào cõi liên quan với kiết sử đó, bởi nương vào nghiệp mà chúng sanh đó tạo ra. Như định nghĩa: “Saṃyojenti bandhantīti = Saṃyojanāni”. Pháp trói buộc tất cả chúng sanh, gọi là kiết sử.

**13. Vấn:** *Hãy phân tích và giải thích 10 kiết sử theo hạ phần kiết sử và thượng phần kiết sử theo lý Kinh và lý Thắng Pháp?*

**Đáp:**

\* Phân tích 10 kiết sử theo lý Kinh về hạ phần kiết sử và thượng phần kiết sử:

- Hạ phần kiết sử có 5: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân hận.

- Thượng phần kiết sử có 5: Sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, vô minh.

\* Phân tích 10 kiết sử theo lý Thắng Pháp về hạ phần kiết sử và thượng phần kiết sử:

- Hạ phần kiết sử có 7: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân hận, tật, lận.

- Thượng phần kiết sử có 3: Ngã mạn, hữu ái, vô minh.

Giải thích:

Tất cả phàm nhân không đắc thiên thì dục ái kiết sử luôn trói buộc và nếu người đó tạo ác hạnh thì phần uất kiết sử luôn trói buộc... Mười kiết sử phân ra thành hạ phần kiết sử và thượng phần kiết sử trong paramatthadīpanīmahātīkā trình bày: Kiết sử bị triệt tiêu bởi 3 đạo thấp gọi là hạ phần kiết sử. Kiết sử bị triệt tiêu bởi A La Hán Đạo gọi là thượng phần kiết sử.

**14. Vấn:** *Khi đang ngủ say thì tâm của người đó trong sáng vô tư, hành vi của thân ngữ cũng không có những dấu hiệu đáng ghê tởm, kinh sợ, khinh bỉ. Nhưng khi người đó thức dậy rồi thì tâm cũng biến đổi đôi khi mang dáng vấp của sầu muộn, đôi khi bị sôi động cuộn tràn tạo tác hành vi của thân ngữ có những dấu hiệu làm cho người xung quanh ghê tởm, kinh sợ, khinh rẻ. Sự việc diễn tiến như vậy do mãnh lực của pháp nào? Và nhóm pháp này khi tính theo chi tiết có bao nhiêu và phương cách tính như thế nào?*

**Đáp:** Sự việc này do mãnh lực của phiền não, có 10 phiền não:

1- Phiền não tham.

2- Phiền não sân.

- 3- Phiền não si.
- 4- Phiền não ngã mạn.
- 5- Phiền não tà kiến.
- 6- Phiền não hoài nghi.
- 7- Phiền não hôn trầm.
- 8- Phiền não phóng dật.
- 9- Phiền não vô tà.
- 10- Phiền não vô úy.

Nhóm pháp này khi tính theo chi tiết có 1500 phiền não, phương cách tính như sau:

Cảnh làm nhân cho 10 phiền não sanh lên được có 150 (gồm có 53 danh pháp, 18 sắc thành tựu, 4 sắc tướng = 75; nội thân có 75, cảnh ngoại thân tức vật hữu thức và vô thức có 75 = 150). 150 nhân cho 10 phiền não = 1500 phiền não.

$(53 \text{ danh pháp} + 18 \text{ sắc thành tựu} + 4 \text{ sắc tướng}) \times 2 \text{ loại} \times 10 \text{ phiền não} = 1500 \text{ phiền não.}$

**15. Vấn:** *Hãy trình bày pháp bất thiện sau đây:*

- a) *Pháp thành lậu nhưng không thành phược.*
- b) *Pháp thành phược nhưng không thành lậu.*
- c) *Pháp vừa thành lậu cũng vừa thành phược.*
- d) *Pháp vừa không thành lậu cũng vừa không thành phược.*
- e) *Pháp thành triền cái nhưng không thành kiết sử.*

- f) Pháp thành kiết sử nhưng không thành triển cái.
- g) Pháp vừa thành triển cái cũng vừa thành kiết sử.
- h) Pháp vừa không thành triển cái cũng vừa không thành kiết sử.
- i) Pháp thành tiêm miên nhưng không thành phiền não.
- j) Pháp thành phiền não nhưng không thành tiêm miên.
- k) Pháp vừa thành tiêm miên cũng vừa thành phiền não.
- l) Pháp vừa không thành tiêm miên cũng vừa không thành phiền não.

Và pháp bất thiện thuộc lậu, bặc, kết, phược, thủ, triển cái, tiêm miên, kiết sử, phiền não là gì? Pháp bất thiện không thuộc cả 9 nhóm này là gì?

**Đáp:**

- a) Pháp thành lậu nhưng không thành phược: Tâm sở si
- b) Pháp thành phược nhưng không thành lậu: Tâm sở sân.
- c) Pháp vừa thành lậu cũng vừa thành phược: Tâm sở tham, và tâm sở tà kiến.
- d) Pháp vừa không thành lậu cũng vừa không thành phược: 12 tâm bất thiện và 23 tâm sở (trừ 4 chi pháp).
- e) Pháp thành triển cái nhưng không thành kiết sử: Tâm sở hôn trầm, thụy miên, hối.
- f) Pháp thành kiết sử nhưng không thành triển cái: Tâm sở ngã mạn, tà kiến, tật, lận.

g) Pháp vừa thành triền cái cũng vừa thành kiết sử: Tâm sở tham, sân, si, phóng dật, hoài nghi.

h) Pháp vừa không thành triền cái cũng vừa không thành kiết sử: 12 tâm bất thiện và 15 tâm sở (trừ 12 chi pháp).

i) Pháp thành tiềm miên nhưng không thành phiền não: Không có.

j) Pháp thành phiền não nhưng không thành tiềm miên: Tâm sở Hôn trầm, vô tầm, vô úy, phóng dật.

k) Pháp vừa thành tiềm miên cũng vừa thành phiền não: Tâm sở tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi.

l) Pháp vừa không thành tiềm miên cũng vừa không thành phiền não: 12 tâm bất thiện và 17 tâm sở (trừ 10 chi pháp).

Và pháp bất thiện thuộc lậu, bộc, kết, phược, thủ, triền cái, tiềm miên, kiết sử, phiền não cả 9 nhóm này: Tâm sở tham.

Pháp bất thiện không thuộc cả 9 nhóm này: 12 tâm bất thiện, 13 tâm sở tợ tha đồng sanh với tâm bất thiện.

## **Chấm Dứt Bất Thiện Tập Yếu**

## HỖN HỢP TẬP YẾU (Missakasaṅgaha)

**16. Vấn:** *Trong hỗn hợp tập yếu có bao nhiêu nhóm pháp và nói theo loại thì có bao nhiêu?*

**Đáp:** Trong hỗn hợp tập yếu có 7 nhóm pháp:

1. Nhân.
2. Chi thiên.
3. Chi đạo.
4. Quyền.
5. Lực.
6. Trưởng.
7. Vật thực.

Khi nói theo loại có 64 pháp: 6 nhân, 7 chi thiên, 12 chi đạo, 22 quyền, 9 lực, 4 trưởng, 4 thực.

**17. Vấn:** *Hãy trình bày ý nghĩa và chi pháp của pháp như sau: 6 nhân, 7 chi thiên, 12 chi đạo?*

**Đáp:** Ý nghĩa và chi pháp của nhóm pháp này như sau:

- Nhân có 6: Nhân tham, nhân sân, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

- Chi thiên có 5: Tâm, tứ, hỷ là tâm sở hỷ, tâm sở nhất hành phối hợp trong 79 tâm (trừ ngũ song thức).

- Chi đạo có 12:

Chánh kiến là tâm sở trí tuệ.

Chánh tư duy là tâm sở tầm phối hợp với tâm tịnh hảo.

Chánh ngữ là tâm sở chánh ngữ.

Chánh nghiệp là tâm sở chánh nghiệp.

Chánh mạng là tâm sở chánh mạng.

Chánh tinh tấn là tâm sở cần hợp tâm tịnh hảo.

Chánh niệm là tâm sở niệm.

Chánh định là tâm sở nhất hành hợp tâm tịnh hảo.

Tà kiến là tâm sở tà kiến.

Tà tư duy là tâm sở tầm hợp tâm bất thiện.

Tà tinh tấn là tâm sở cần hợp tâm bất thiện.

Tà định là tâm sở nhất hành hợp 11 tâm bất thiện ngoài si hoài nghi.

**18. Vấn:** *Hãy phân tích 22 quyền theo tâm, tâm sở, sắc pháp và hãy trình bày ý nghĩa của 22 quyền theo từng phần riêng biệt?*

**Đáp:** *Phân tích 22 quyền theo tâm, tâm sở, sắc pháp như sau:*

Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền gom lại thành 7 sắc quyền.

Mạng quyền là tâm sở và sắc pháp.

Ý quyền là tâm.

Lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, vị tri quyền, dĩ tri quyền, cụ tri quyền gom lại thành 13 tâm sở.

*Ý nghĩa của 22 quyền theo từng phần riêng biệt như sau:*

- 1- Nhãn quyền: Pháp cai quản trong sự thấy.
- 2- Nhĩ quyền: Pháp cai quản trong sự nghe.
- 3- Tỷ quyền: Pháp cai quản trong sự ngửi.
- 4- Thiệt quyền: Pháp cai quản trong sự nếm.
- 5- Thân quyền: Pháp chủng cai quản trong sự xúc chạm.
- 6- Nữ quyền: Pháp cai quản giới tánh nữ.
- 7- Nam quyền: Pháp cai quản giới tánh nam.
- 8- Mạng quyền: Pháp cai quản trong việc bảo tồn danh và Sắc.
- 9- Ý quyền: Pháp cai quản trong việc biết cảnh.
- 10- Lạc quyền: Pháp cai quản cảm giác lạc thân.
- 11- Khổ quyền: Pháp cai quản cảm giác khổ thân.
- 12- Ưu quyền: Pháp cai quản cảm giác khổ tâm.
- 13- Hỷ quyền: Pháp cai quản cảm giác lạc tâm.
- 14- Xả quyền: Pháp cai quản cảm giác bình thản.
- 15- Tín quyền: Pháp cai quản trong việc tin tưởng điều đáng tin.

16- Tấn quyền: Pháp cai quản trong sự nỗ lực.

17- Niệm quyền: Pháp cai quản trong việc ghi nhớ đúng.

18- Định quyền: Pháp cai quản trong việc vững trú trong nhất cảnh.

19- Tuệ quyền: Pháp cai quản trong việc nhận thức đúng sự thật.

20- Vị Tri quyền: Pháp cai quản trong việc liễu tri Tứ Thánh Đế mà mình chưa từng biết.

21- Dĩ Tri quyền: Pháp cai quản trong việc liễu tri Tứ Thánh Đế mà mình đã từng biết.

22- Cụ Tri Quyền: Pháp cai quản trong việc liễu tri Tứ Thánh Đế sau cùng.

**19. Vấn:** *Hãy phân tích 9 lực theo tịnh hảo và vô tịnh hảo và trình bày ý nghĩa của từng lực và chi pháp của tứ trường và tứ thực?*

**Đáp:**

*Phân tích 9 lực theo tịnh hảo và vô tịnh hảo như sau:*

Tín lực, niệm lực, tuệ lực, tầm lực, quý lực gom lại thành 5 tịnh hảo.

Vô tầm lực, vô quý lực gom lại thành 2 vô tịnh hảo.

Tấn lực, định lực gom cả 2 lại thành tịnh hảo và vô tịnh hảo.

*Trình bày ý nghĩa của 9 lực như sau:*

1- Tín lực: Pháp không dao động trong việc tin điều đáng tin.

2- Tấn lực: Pháp không dao động trong việc chuyên cần.

3- Niệm lực: Pháp không dao động trong việc ghi nhớ đúng.

4- Định lực: Pháp không dao động trong việc vững trú trong nhất cảnh.

5- Tuệ lực: Pháp không dao động trong việc nhận thức đúng sự thật.

6- Tàm lực: Pháp không dao động trong việc hổ thẹn ác hạnh.

7- Quý lực: Pháp không dao động trong việc ghê sợ ác hạnh.

8- Vô tàm lực: Pháp không dao động trong việc không hổ thẹn đối với ác hạnh.

9- Vô quý lực: Pháp không dao động trong việc không ghê sợ đối với ác hạnh.

*Trình bày chi pháp của tứ trưởng theo tuần tự như sau:*

1. Dục trưởng: Chi pháp là tâm sở dục hợp với 52 hoặc 84 tâm đồng lực đa nhân.

2. Cần trưởng: Chi pháp là tâm sở cần hợp với 52 hoặc 84 tâm đồng lực đa nhân.

3. Tâm trưởng: Chi pháp là 52 hoặc 84 tâm đồng lực đa nhân.

4. Thảm trưởng: Chi pháp là tâm sở trí tuệ hợp với 34 hoặc 66 tâm đồng lực đa nhân.

*Trình bày chi pháp của tứ thực theo tuần tự như sau:*

1. Đoàn thực: Chi pháp là chất bổ trong các thức ăn.

2. Xúc thực: Chi pháp là tâm sở xúc.
3. Tư niệm thực: Chi pháp là tâm sở tư.
4. Thức thực: Chi pháp là tất cả tâm.

**20. Vấn:** *Tâm sở nào trong sát na đồng sanh với một nhóm tâm mà không là chi thiện, chi đạo, quyền, lực? Hãy trình bày tên của nhóm tâm đó cùng với dẫn chứng?*

**Đáp:** Một số tâm sở trong sát na đồng sanh với nhóm tâm mà không là chi thiện, chi đạo, quyền, lực:

a. Tâm sở thọ, tâm sở nhất hành hợp trong ngũ song thức không là chi thiện.

b. Tâm sở nhất hành khi hợp trong:

18 tâm vô nhân không là chi đạo.

16 tâm vô căn không là định quyền và định lực

Tâm si hoài nghi không là tà định, định quyền, định lực.

Tâm sở tầm hợp trong 8 tâm vô nhân (trừ ngũ song thức) không là chi đạo.

Tâm sở cần hợp trong tâm Ứng Cúng vi tiểu, tâm khai môn không là chi đạo.

Như dẫn chứng Palī trình bày: “Pañcaviññāṇesu jhānaṅgāni ahetukesu maggaṅgāni na labbhanti tathā aviriyesu ekaggaṭā indriyabalabhāvaṃ na gacchati vicikicchācitte pana maggabhāvaṃ pi”. “Trong tâm ngũ song thức thường không có chi thiện, trong 18 tâm vô nhân thường không có chi đạo, tâm sở nhất hành hợp

trong 16 tâm vô cần thường không đưa đến định quyền và định lực, tâm sở nhất hành hợp trong tâm si hoài nghi thường không đưa đến tà định, định quyền và định lực”.

**21. Vấn:** *Kệ ngôn trình bày chi pháp trong hỗn hợp tập yếu cả 7 nhóm đó trình bày như thế nào? Khi dịch nội dung thì dịch ra sao?*

**Đáp:** Kệ ngôn trình bày chi pháp cả 7 nhóm trong hỗn hợp tập yếu:

1- Chahetu pañcajhānaṅgā...

2- Cattārohipatī vuttā...

Có nội dung như sau:

1. Nhân khi nói theo chi pháp chơn đế có 6: Nhân tham, nhân sân, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si.

2. Trưởng khi nói theo chi pháp chơn đế có 4: Dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng.

**22. Vấn:** *Hãy trình bày định nghĩa các câu sau đây:*

1. *Hỗn hợp tập yếu* (missakasaṅgaha).

2. *Nhân* (hetu).

3. *Chi thiên* (jhānaṅga).

4. *Chi đạo* (maggasaṅga).

5. *Quyền* (indriya).

6. *Lực* (bala).

7. *Trưởng* (adhipati).

8. *Vật thực* (āhāra).

**Đáp:** Định nghĩa các câu này như sau:

1. “Hỗn hợp tập yếu:

“Kusalākusalābyākataṃissakānaṃ hetuchakkādīnaṃ saṅgahoti = Missakasāṅgaho” Nhóm pháp trợ giúp cho những thực tánh pháp như 6 nhân... thuộc thiện, bất thiện, vô ký tập hợp lại, gọi là hỗn hợp yếu hiệp.

2. “Nhân”:

Hinoti vattati phalaṃ Etehi iti hetavo

Laddhāhetū te thirā Rūbramūlāva pādapā.

Nhóm pháp làm cho thành quả sanh lên, gọi là nhân. Nghĩa là tất cả pháp được hỗ trợ từ nhân thường có thực tánh vững vàng trong cảnh tựa như cây cối có gốc rễ chắc chắn phát triển mạnh mẽ.

3. “Chi thiền”:

Ālambamupanijjhenti Iti jhānāni vuccare

Jhāpentī vā paccanīke Itipi jhānasaññitā”

Nhóm pháp gom tâm vào cảnh như đề mục biến xứ (kasiṇa)... gọi là thiền. Hoặc nhóm pháp hằng thiêu đốt pháp nghịch, gọi là thiền. Gồm có 7 chi thiền.

4. “Chi đạo”:

Sugatyā ca duggatyā ca Nibbānassa ca pāpaṇā

Tesaṅca pathabhūtattā Maggaṅgānīti vuccare

Maggassa vā aṅgānīti Maggaṅgānīti sammatā”

9 chi pháp mà ngài gọi là chi đạo vì là nhân đưa đến nhàn cảnh, khổ cảnh và Níp Bàn và trở thành đạo lộ đưa đến nhàn cảnh, khổ cảnh và Níp Bàn. Lại nữa, 9 chi pháp này ngài gọi là chi đạo vì là mỗi chi phần của đạo.

### 5. “Quyền”:

Indanti paramaissariyaṃ karontīti = Indriyāni. Nhóm pháp cai quản làm cho mình độc lập tự trị, gọi là quyền”.

### 6. “Lực”:

Baliyanti uppanne paṭipakkhadhamme saṃhanti maddantīti = Balāni. Nhóm pháp có sức mạnh trấn áp pháp nghịch và có sự chịu đựng đối kháng hủy diệt pháp nghịch, gọi là lực”.

### 7. “Trưởng”:

Adhinānaṃ pati = Adhipati. Pháp làm chủ các pháp liên quan với mình hoặc làm lớn trội hơn các pháp liên quan với mình, gọi là trưởng.

Lại nữa, Adhiko pati = Adhipati. Pháp làm chủ có sức mạnh hơn hoặc pháp có sức mạnh lớn trội hơn, gọi là trưởng.

### 8. “Vật thực”:

Āharantīti = Āhārā. Pháp đem đến thành quả cho mình, gọi là vật thực”.

**23. Vấn:** “Thiền” nghĩa là gì và pháp đối nghịch lại chi thiền là gì?

**Đáp:** Thiền nghĩa là trụ tâm vào cảnh như đề mục biến xứ (kaṣiṇa)... hoặc thiêu đốt pháp đối nghịch nên gọi là thiền.

Pháp đối nghịch lại chi thiền:

- Hôn thụ cái đối nghịch lại tâm.
- Hoài nghi cái đối nghịch lại tứ.

- Sân độc cái đối nghịch lại hỷ.
- Tham dục cái đối nghịch lại nhất hành.
- Trạo hối cái và ưu thọ cái đối nghịch lại hỷ thọ và xả thọ.
- Hỷ và thọ hỷ đối nghịch lại ưu thọ.

**24. Vấn:** *Hãy giải thích cả 9 chi pháp như trí tuệ... được gọi là Đạo và Đức Phật Ngài thuyết giảng con đường ngoài 12 chi đạo có bao nhiêu và nói theo chi pháp là gì?*

**Đáp:** 9 chi pháp như trí tuệ... được gọi là đạo bởi vì thông thường tất cả chúng sanh luân sanh trong 31 cõi và bậc đã chứng đắc Níp Bàn luôn phải nương vào nhân tức đạo lộ trợ giúp cho chứng đắc.

Pháp làm nhân và cũng là đạo lộ đưa đến các cõi và Níp Bàn gồm có 12 chi đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định.

Đức Phật thuyết con đường ngoài 12 chi đạo, hiện có 4 pháp: Tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm.

Nếu nói theo chi pháp thì:

- Tà ngữ là tâm bất thiện sanh lên liên quan đến ngữ ác hạnh.

- Tà nghiệp là tâm bất thiện sanh lên liên quan đến thân ác hạnh.

- Tà mạng là tâm bất thiện sanh lên liên quan đến sự nuôi mạng trong đường lối sai quấy.

- Tà niệm tức tâm bất thiện sanh lên có tướng dẫn đầu trong việc ghi nhớ đến những điều bất thiện.

**25. Vấn:** *Hãy giải thích “quyền” theo tóm tắt cùng với sự phân tích nhóm quyền đó theo lãnh vực như đã đề cập?*

**Đáp:** “Quyền” là pháp cai quản, có khả năng làm cho thực tánh pháp đồng sanh phải diễn tiến theo mãnh lực của mình như nhãn quyền... làm cho thực tánh pháp có liên quan diễn tiến theo mãnh lực của mình.

Phân tích 22 quyền theo lãnh vực:

1. Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền.

2. Mạng quyền, ý quyền, lạc quyền, khổ quyền.

3. Hỷ quyền là pháp dục giới... ưu quyền, xả quyền, tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền.

4. Vị tri quyền, dĩ tri quyền, cụ tri quyền.

**26. Vấn:** *“Lực” là pháp không dao động có sức mạnh chịu đựng đối kháng được pháp nghịch. Hãy cho biết pháp không dao động là thế nào? Có sức mạnh đối kháng được pháp nghịch là thế nào? Hãy giải thích cùng nêu dẫn chứng **pali** không cần phải dịch?*

**Đáp:** “Lực” là pháp không dao động có sức mạnh chịu đựng đối kháng được pháp nghịch.

Giải thích:

Sự không dao động có 2 loại:

1. Như vị tướng soái không dao động trong phận sự của mình...

2. Có tiềm lực chịu đựng đối kháng được quân thù. Như có palī dẫn chứng: “Asaddhiye kosajje ca... Apuññā pi taṃ nāmikā”.

**27. Vấn:** *Hãy trình bày định nghĩa “trưởng” pháp làm trưởng được trong loại đồng lực nào? Hãy dẫn chứng palī?*

**Đáp:** “Trưởng” có định nghĩa: “Adhinānaṃ pati = Adhipati”. Pháp làm chủ các pháp liên quan với mình hoặc pháp lớn trội hơn các pháp liên quan với mình, gọi là trưởng.

Một lý khác nữa: “Adhiko pati = Adhipati”. Pháp làm chủ có sức mạnh hơn hoặc pháp có sức mạnh lớn trội hơn, gọi là trưởng.

Pháp làm trưởng được phải ở trong đồng lực nhị nhân hoặc tam nhân.

Có palī dẫn chứng: “Dvihetukatihetukajavanesvevay athāsambhavaṃ adhipatiekova labbhata”. Chỉ trong đồng lực nhị nhân và tam nhân mới làm trưởng được mà thôi.

**28. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa pháp làm lớn cai quản của “quyền” với pháp làm lớn cai quản của “trưởng” theo chi tiết?*

**Đáp:** Sự khác biệt giữa pháp làm lớn cai quản của “quyền” với pháp làm lớn cai quản của “trưởng” như sau:

Pháp làm lớn cai quản của quyền là trong sát na sanh lên thường được nhiều quyền đồng sanh với nhau

mà không đối nghịch lại với nhau. Tóm lại pháp làm lớn của quyền đồng sanh cùng trong một sát na làm được nhiều quyền mà không đối nghịch lại với nhau.

Còn pháp làm lớn của trưởng thì trong một sát na chỉ có một trưởng không thể trong một sát na đồng sanh mà có nhiều trưởng được.

**29. Vấn:** *“Pháp nào đem đến thành quả cho mình pháp đó gọi là vật thực”. Hãy giải thích và trình bày sự “đem đến” của tứ thực theo từng phần riêng biệt cùng nêu pali lên dẫn chứng?*

**Đáp:** “Đem đến” trong nơi đây nghĩa là làm cho thành quả sanh lên và ủng hộ trợ giúp cho tồn tại cùng tăng trưởng. Cũng như việc làm được hình thành và phát triển cũng nhờ vào người quản lý tận tụy sắp xếp và hướng dẫn, nếu thiếu người sắp xếp công việc thì việc làm không tiến hành suông sẻ được. Sự sống còn của tất cả chúng sanh cũng tương tự như vậy.

Sự đem đến của tứ thực theo từng phần riêng biệt như sau:

- Đoàn thực (kabalīkārāhāra) đem đến bọn bát tuần sắc vật thực làm cho sanh lên trong cơ tánh của tất cả chúng sanh.

- Xúc thực (phassāhāra) đem đến thọ, như sự cảm giác an lạc, cảm giác đau khổ hay sự thanh thản.

- Tư niệm thực (manosañcetanāhāra) đem đến thức tái tục, như tái sanh làm người, chư thiên, phạm thiên, chúng sanh, khổ cảnh và thức bình nhật như sự thấy, sự nghe, sự ngửi...

- Thức thực (viññāṇāhāra) đem đến tâm sở và sắc nghiệp.

Có palī dẫn chứng:

Ojaṭṭhamakarūpaṃ ye Vedanaṃ paṭisandhikaṃ  
Nāmarūpaṃ āharanti Tasmāhārāti vuccare

Nhóm pháp đem đến bốn vật thực bát thuận (āhārajasuddhaṭṭhakakalāpa), thọ, thức tái tục, tâm sở và sắc nghiệp theo từng phần riêng biệt, gọi là vật thực.

**30. Vấn:** *Hãy trình bày pháp như sau:*

- a. Pháp là chi thiền nhưng không là chi đạo.*
- b. Pháp là chi đạo nhưng không là chi thiền.*
- c. Pháp vừa là chi thiền cũng vừa là chi đạo.*
- d. Pháp vừa không là chi thiền cũng vừa không là chi đạo.*
- e. Pháp là chi đạo nhưng không là lực.*
- f. Pháp là lực nhưng không là chi đạo.*
- g. Pháp vừa là chi đạo cũng vừa là lực.*
- h. Pháp vừa không là chi đạo cũng vừa không là lực.*

**Đáp:**

a. Pháp là chi thiền nhưng không là chi đạo: Tâm sở tứ, hỷ và thọ trong 111 tâm (trừ tâm ngũ song thức), tâm sở tầm trong 8 tâm vô nhân, tâm sở nhất hành trong 8 tâm vô nhân và trong tâm si hoài nghi.

b. Pháp là chi đạo nhưng không là chi thiền: Tâm sở niệm, trí tuệ, 3 ngăn trừ phần, tà kiến và cần trong

103 tâm (trừ tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu).

c. Pháp vừa là chi thiên cũng vừa là chi đạo tức tâm sở tầm trong 47 tâm (trừ 8 tâm vô nhân), tâm sở nhất hành trong 102 tâm (trừ 18 tâm vô nhân, tâm si phóng dật).

d. Pháp vừa không là chi thiên cũng vừa không là chi đạo: 89 tâm, 40 tâm sở (trừ 12 tâm sở là thọ, nhất hành, tầm, tứ, cần, hỷ, tà kiến, niệm, 3 ngăn trừ phần, trí tuệ thuộc chi thiên và chi đạo), thọ, nhất hành và tâm sở hợp trong tâm ngũ song thức, tâm sở cần hợp trong tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu, 28 sắc pháp Níp Bàn.

e. Pháp là chi đạo nhưng không là lực: Tâm sở tầm trong 47 tâm (trừ 8 tâm vô nhân), tà kiến, 3 tâm sở ngăn trừ phần.

f. Pháp là lực nhưng không là chi đạo: Tâm sở tín, tầm, quý, vô tầm, vô quý, cần và nhất hành hợp trong tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu.

g. Pháp vừa là chi đạo cũng vừa là lực: Trí tuệ, niệm và tâm sở cần hợp trong 103 tâm (trừ tâm khai ý môn, tâm Ứng Cúng vi tiếu), tâm sở nhất hành trong 102 tâm (trừ 18 tâm vô nhân, tâm si hoài nghi).

h. Pháp vừa không là chi đạo cũng vừa không là lực: 89 tâm, 38 tâm sở (trừ 14 tâm sở là nhất hành, tầm, cần, vô tầm, vô quý, tà kiến, tín, niệm, tầm, quý, 3 ngăn trừ phần, trí tuệ thuộc chi đạo và lực) và tâm sở nhất hành hợp trong 16 tâm vô cần, tâm si hoài nghi, 28 sắc pháp, Níp Bàn.

## **Chấm Dứt Hỗn Hợp Tập Yếu**

## GIÁC PHẦN TẬP YẾU (Bodhipakkhiyasaṅgaha)

**31. Vấn:** *Hãy phân tích 37 giác phần ra thành từng nhóm và hãy giải thích ý nghĩa cùng với chi pháp trong pháp giác phần sau đây:*

1. Thân tùy quán niệm xứ.
2. Pháp tùy quán niệm xứ.
3. Trừ cần.
4. Thận cần.
5. Dục như ý túc.
6. Thầm như ý túc.
7. Cần quyền.
8. Tín lực.
9. Tuệ lực.
10. Hỷ giác chi.
11. Định giác chi.
12. Chánh tư duy.
13. Chánh định.

## **Đáp:**

37 giác phần được phân ra thành từng nhóm:

Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo.

Ý nghĩa cùng với chi pháp trong giác phần:

1. Thân tùy quán niệm xứ: Sự ghi nhận vững chắc trong việc thường quán thân (sắc uẩn). Như hơi thở ra vào, đại oai nghi, tiểu oai nghi...

Chi pháp: Tâm sở niệm trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

2. Pháp tùy quán niệm xứ: Sự ghi nhận vững chắc trong việc thường quán thực tánh pháp hiện hữu không phải là ta. Như tham, sân, si...

Chi pháp: Tâm sở niệm trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

3. Trừ cần: Sự tinh cần đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh lên.

Chi pháp: Tâm sở cần trong 21 tâm thiện.

4. Thận cần: Sự tinh cần ngăn ngừa bất thiện pháp chưa sanh không cho sanh lên.

Chi pháp: Tâm sở cần trong 21 tâm thiện.

5. Dục như ý túc: Sự ước muốn dũng mãnh giai đoạn đầu làm nền tảng cho việc thành tựu thiền định, đạo, quả.

Chi pháp: Tâm sở dục trong 21 tâm thiện.

6. Thẩ như ý túc: Trí tuệ dũng mãnh, giai đoạn đầu làm nền tảng cho việc thành tựu thiền định, đạo, quả.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ trong 17 tâm thiện.

7. Cần quyền: Sự tinh cần cai quản trong việc nỗ lực đối với điều thích hợp.

Chi pháp: 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

8. Tín lực: Đức tin không giao động lay chuyển trong sự tin tưởng đối với điều đáng tin.

Chi pháp: Tâm sở tín trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

9. Tuệ lực: Trí tuệ không giao động lay chuyển trong việc nhận thức sự thật.

Chi pháp: Tâm sở trí tuệ trong 4 tâm đại thiện tương ứng trí, 4 tâm đại tố tương ứng trí, 26 đồng lực kiên cố.

10. Hỷ giác chi: Sự phỉ lạc là chi phần liễu tri Tứ Thánh Đế.

Chi pháp: Tâm sở hỷ trong 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ, 30 đồng lực kiên cố hỷ thọ hoặc 3 tâm thiện sắc giới, 3 tâm tố sắc giới, 8 tâm siêu thế.

11. Định giác chi: Sự trú vững trong cảnh là chi phần liễu tri Tứ Thánh Đế.

Chi pháp tâm sở nhất hành hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

12. Chánh tư duy: Sự suy nghĩ chơn chánh là đạo lộ đưa đến Đạo, Quả, Níp Bàn.

Chi pháp: Tâm sở tầm trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 10 đồng lực sơ thiền hoặc 1 tâm thiện sắc giới, 1 tâm tố sắc giới, 8 tâm siêu thế.

3. Chánh định: Sự kiên cố chơn chánh là đạo lộ đưa đến đạo, quả, Níp Bàn.

Chi pháp: Tâm sở nhất hành hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

**32. Vấn:** *Hãy dịch kệ ngôn trình bày đến chi pháp trong giác phần tập yếu?*

**Đáp:** Kệ ngôn trình bày đến chi pháp trong giác phần tập yếu như sau:

1. Chando cittamupekkha ca ..... vāyāmo viratittayaṃ

2. Sammāsati samādhīti ..... sattadhā tattha saṅgaho

Nhóm giác phần tập yếu này, nói theo chi pháp chơn đế có 14:

1- Dục.

2- Tâm.

3- Hành xả.

4- Tín.

5- Tĩnh (passaddhi).

6- Trí tuệ.

7- Tầm.

8- Cần.

9- Chánh ngữ.

10- Chánh nghiệp.

11- Chánh mạng.

12- Niệm.

13- Hỷ.

14- Nhất hành.

Việc gom lại thành từng nhóm trong 37 giác phần này có 7 nhóm:

1- Tứ niệm xứ.

2- Tứ chánh cần.

3- Tứ như ý túc.

4- Ngũ quyền.

5- Ngũ lực.

6- Thất giác chi.

7- Bát chánh đạo.

**33. Vấn:** *Hãy trình bày chi pháp của pháp giác phần có 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 chức năng?*

**Đáp:** Chi pháp của giác phần có chức năng:

Làm được 1 chức năng có 9 tâm sở: Tâm sở tầm, tâm sở hỷ, tâm sở tịnh thân, tâm sở hành xả, tâm sở dục, tâm, tâm sở chánh ngữ, tâm sở chánh nghiệp, tâm sở chánh mạng.

Làm được 2 chức năng có 1 tâm sở: Tâm sở tín.

Làm được 3 chức năng: Không có.

Làm được 4 chức năng có 1 tâm sở: Tâm sở nhất hành.

Làm được 5 chức năng có 1 tâm sở: Tâm sở trí tuệ.

Làm được 6 và 7 chức năng: Không có.

Làm được 8 chức năng có 1 tâm sở: Tâm sở niệm.

Làm được 9 chức năng có 1 tâm sở: Tâm sở cần.

**34. Vấn:** *Pháp giác phần này sanh lên trong pháp hiệp thể được hay không? Nếu được thì được trong sát na nào? Hãy nêu Pali dẫn chứng cùng với lời dịch?*

**Đáp:** Pháp giác phần sanh lên trong pháp hiệp thể được sanh lên trong sát na thành tựu cả 6 thanh tịnh (trừ tri kiến thanh tịnh ñāṇadassanavisuddhi). Như dẫn chứng pali: “Lokiyepi yathāyogaṃ chabbisuddhi pavattiyam” Tùy theo trường hợp mà sanh lên trong tâm hiệp thể hay tâm tố.

**35. Vấn:** *Nhóm trí tuệ nào được gọi là “giác ngộ” trong giác phần tập yếu này? Hãy trình bày nguyên do cùng nêu pali dẫn chứng?*

**Đáp:** Trí tuệ được gọi là “giác ngộ” trong giác phần tập yếu là trí tuệ trong cả 4 tâm đạo. Có dẫn chứng pali theo lời thuyết giảng của Đức Phật trong mahānidessa: “Bodhi vuccati catūsu maggesu ñāṇam” Trí tuệ trong cả 4 tâm đạo, gọi là giác ngộ.

Nguyên nhân được nêu lên trình bày trong nơi đây bởi vì muốn nêu lên pháp liễu tri Tứ Thánh Đế. Tương ứng với định nghĩa: “Cattāri saccāni bujjhatīti = Bodhi”. Pháp liễu tri Tứ Thánh Đế, gọi là giác ngộ.

Còn trí tuệ hợp trong tâm tố, tâm quả liên quan đến giác chi chẳng phải là trí tuệ liễu trí Tứ Thánh Đế chỉ là nhân liễu tri Tứ Thánh Đế mà thôi. như định nghĩa: “Bujjhanti etāyāti = bodhi” Tất cả hành giả liễu tri Tứ Thánh Đế bằng nhóm pháp này cho nên nhóm pháp làm nhân cho liễu tri Tứ Thánh Đế gọi là giác ngộ.

Lại nữa, giác ngộ trong giác chi không phải chỉ duy

nhất trí tuệ mà những chi phần khác của pháp giác chi cũng gọi là giác ngộ.

**36. Vấn:** *Giác phần (bodhipakkhiya) nghĩa là gì nếu thêm vào từ saṅgha thì có ý nghĩa như thế nào? Hãy giải thích và nêu pali lên trình bày?*

**Đáp:** Giác phần (bodhipakkhiya) là pháp sanh lên thuộc về phần 4 tuệ đạo, tức 37 pháp giác phần. Như có định nghĩa: “Bodhiyā pakkhe bhavāti = Bodhipakkhiyā”. Nếu thêm từ saṅgha vào nghĩa là sự gom pháp thuộc về phần 4 đạo tuệ gọi là giác phần tập yếu. Có định nghĩa: “Bodhipakkhiyānaṃ saṅgahoti = Bodhipakkhiyasāṅgho”.

**37. Vấn:** *“Niệm xứ” (satipaṭṭhāna) nghĩa là gì, được trình bày định nghĩa như thế nào và tại sao chỉ có tâm sở niệm mà trở thành tứ niệm xứ được?*

**Đáp:** Niệm xứ (satipaṭṭhāna) tức niệm là pháp dẫn đầu cho pháp tương ứng vững chắc trong cảnh như thân... Có định nghĩa trình bày: “Sati eva paṭṭhānanti = Satipaṭṭhānaṃ”. Sự kiện duy nhất chỉ có tâm sở niệm mà trở thành tứ niệm xứ được, bởi vì cảnh là cứ điểm để quán xét có 4, dấu hiệu làm cho ẩn tướng hiển lộ cũng có 4 và triệt tiêu pháp điên đảo cũng có 4. Do nhân này, chỉ có tâm sở niệm mà trở thành tứ niệm xứ được.

Giải thích:

Cảnh làm cứ điểm để quán xét có 4:

1. Sắc uẩn là cảnh để quán xét của niệm, gọi là thân tùy quán niệm xứ.

2. Thọ uẩn là cảnh để quán xét của niệm, gọi là thọ tùy quán niệm xứ.

3. Tâm là cảnh để quán xét của niệm, gọi là tâm tùy quán niệm xứ.

4. Tưởng uẩn, hành uẩn là cảnh để quán xét của niệm, gọi là pháp tùy quán niệm xứ.

Dấu hiệu làm cho ấn tướng hiển lộ có 4 và triệt tiêu điền đảo tướng cũng có 4:

1. Sự thường quán thân làm cho bất mỹ tướng hiển lộ và cũng trong sát na đó triệt tiêu hoàn toàn được tịnh điền đảo pháp.

2. Sự thường quán thọ làm cho khổ tướng hiển lộ và cũng trong sát na đó triệt tiêu hoàn toàn được lạc điền đảo pháp.

3. Sự thường quán tâm làm cho vô thường tướng hiển lộ và cũng trong sát na đó triệt tiêu hoàn toàn được thường điền đảo pháp.

4. Sự thường quán thực tánh pháp tức tưởng và hành làm nhân cho vô ngã tướng hiển lộ và cũng trong sát na đó triệt tiêu hoàn toàn được ngã điền đảo pháp.

**38. Vấn:** *Loại cần nào được gọi là chánh cần và trong sự việc đề cập rằng cần ngoài ra thiện cần không là chánh cần được do nhân nào? Và hãy giải thích đến tứ chánh cần?*

**Đáp:** Cần được gọi là chánh cần phải là cần dũng mãnh. Chính là sự quyết tâm không thối lui cho dù máu và thịt trong thân có khô cạn chỉ còn lại da, gân, xương mà phận sự chưa hoàn thành sẽ không dừng lại sự tinh cần.

Cần bình thường không là chánh cần được.

Trong sự việc *tổ cần* không là chánh cần được, bởi vì các bậc A La Hán đã vượt qua phạm sự liên quan đến việc triệt tiêu bất thiện và làm cho thiện sanh lên. Do đó, cần trong đồng lực tổ mới không gọi là chánh cần. Và cần trong tâm quả cũng giống như vậy, tức không liên quan đến 4 phạm sự vì chính mình là dị thực quả.

Chánh cần có 4:

1. Tinh cần đoạn trừ bất thiện đã sanh lên: Bất thiện pháp đã sanh lên gọi là *uppannapāpaka*, là nói đến bất thiện pháp liên quan đến ác hạnh và tà mạng... Còn sự triệt tiêu bất thiện pháp thuộc trừ cần thì là phạm sự của cần trong thiện đạo (*maggakusala*) sanh lên.

2. Tinh cần không cho bất thiện mới sanh lên: Bất thiện pháp chưa từng sanh lên gọi là *anuppannapāpaka* là nói đến bất thiện pháp liên quan đến ác hạnh và tà mạng... mà có sự cảnh giác ngăn chặn bất thiện pháp được gọi là *thận cần* (*anuppannānaṃ pāpakānaṃ anuppādāya vāyāmo*).

3. Tinh cần làm cho thiện pháp mới sanh lên: Thiện pháp chưa từng sanh lên gọi là *anuppannakusala* là nói đến sự tinh cần làm cho thiện pháp chưa từng sanh được sanh lên với chính mình, gọi là *tu cần* (*anuppannānaṃ kusalānaṃ uppādāya vāyāmo*).

4. Tinh cần làm cho thiện pháp đã sanh được phát triển tăng trưởng lên: Thiện pháp đã sanh lên gọi là *uppannakusala* là nói đến sự tinh cần làm cho thiện pháp đã sanh được thường xuyên sanh lên, nên được gọi là *bảo cần* (*uppannānaṃ kusalānaṃ bhiyyobhāvāya vāyāmo*).

**39. Vấn:** *Sự mong ước học Thẳng Pháp cho hết chương trình để nhận được bằng đại học. Pháp làm cho thành tựu ước muốn ấy? Và nhóm pháp này nếu nằm trong dị thực quả và tố thì được gọi là pháp làm cho thành tựu ước muốn trong việc thiện được hay không?*

**Đáp:** Khi mong ước học cho hết chương trình Thẳng Pháp để nhận được bằng đại học bắt buộc phải có pháp như ý túc (iddhipāda) là pháp làm cho thành tựu ước muốn.

Pháp tứ như ý túc có 4:

1. Dục như ý túc.
2. Cần như ý túc.
3. Tâm như ý túc.
4. Thầm như ý túc.

Nhóm pháp này nếu nằm trong dị thực quả và tố thì không được gọi là pháp làm cho thành tựu ước muốn trong điều thiện (như ý túc), bởi vì dị thực quả là quả của tâm thiện và tâm đạo. Do đó, dù cho có dục, cần, trí tuệ trong tâm quả cũng không được gọi là như ý túc. Còn pháp tố cũng chỉ là pháp sinh diễn thường nhật của bậc A La Hán. A La Hán là bậc đã thành tựu viên mãn sa môn hạnh nên dục, cần, tâm tố và trí tuệ của các bậc A La Hán đó cũng không gọi là như ý túc được.

**40. Vấn:** *“Giác chi” (bojjhaṅga) khi phân ra được bao nhiêu từ? Hãy trình ý nghĩa và chi pháp của từng từ đó?*

**Đáp:** “Giác chi” (bojjhaṅga) khi phân ra được 2 câu: Bodhi + aṅga.

Bodhi là pháp làm nhân liễu tri Tứ Thánh Đế, tức bao gồm chi pháp của thất giác chi như niệm, trí tuệ... Aṅga là pháp làm duyên kiến tạo gồm có chi pháp riêng biệt theo từng giác chi.

**41. Vấn:** *Hãy giải thích ý nghĩa thất giác chi theo chi tiết?*

**Đáp:** Ý nghĩa thất giác chi theo chi tiết:

1. Niệm giác chi: Niệm tu tiến như ghi nhận được sự tiếp nối nhau trong cảnh của tứ niệm xứ theo phạm sự tu tiến. Để triệt tiêu dễ duôi làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi niệm giác chi.

2. Trạch pháp giác chi: Trí tuệ tu tiến như suy nghiệm thẩm xét pháp cả nội phần lẫn ngoại phần trong cảnh của tứ niệm xứ theo phạm sự tu tiến. Để triệt tiêu vô minh làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi trạch pháp giác chi.

3. Căn giác chi: Sự nỗ lực tu tiến trong cảnh của tứ niệm xứ theo phạm sự tu tiến. Để triệt tiêu sự giải đãi làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi căn giác chi.

4. Hỷ giác chi: Sự phỉ lạc do tu tiến trong cảnh của tứ niệm xứ theo phạm sự tu tiến. Để triệt tiêu lười sụt làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi niệm giác chi.

5. Tịnh giác chi: An tịnh do tu tiến trong cảnh của tứ niệm xứ theo phạm sự tu tiến. Để triệt tiêu sự náo động làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi tịnh giác chi.

6. Định giác chi: Sự vững trú tu tiến trong cảnh của tứ niệm xứ theo phận sự tu tiến. Để triệt tiêu phóng tán làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi định giác chi.

7. Xả giác chi: Tu tiến hành xả như làm cho tín với tuệ, tấn với định có sự quân bình không vượt trội, không thối lui hơn nhau. Để triệt tiêu dục dục, hoà nghi, trạo hối, hôn thụy làm cho thành tựu tuệ giác ngộ, tức cả 4 đạo sanh lên nên gọi là xả giác chi.

**42. Vấn:** *Hãy trình bày sự khác biệt giữa “đạo” và “chi đạo” cùng nêu định nghĩa?*

**Đáp:** Sự khác biệt giữa “đạo” và “chi đạo”:

“Đạo” là tên gọi của chi pháp gom lại. Như định nghĩa: “Kilese marentā nibbānaṃ gacchanti etenāti = Maggo”. Pháp triệt tiêu phiền não và chứng đạt Níp Bàn, pháp làm nhân cho sự triệt tiêu phiền não và chứng đạt Níp Bàn, gọi là đạo.

“Chi đạo” là tên gọi riêng biệt của từng chi đạo. Như định nghĩa: “Maggassa aṅgo = Maggaṅgo” Pháp làm nhân kết hợp để triệt tiêu phiền não và chứng đạt Níp Bàn, gọi là chi đạo.

**43. Vấn:** *Tuệ loại nào gọi là chánh kiến đạo (Sammādiṭṭhimagga) và tầm loại nào gọi là chánh tư duy đạo (Sammāsaṅkappamagga)? Hãy giải thích cùng nêu ví dụ trong việc thành tựu phận sự của chánh kiến đạo và hãy phân tích 8 chi đạo theo giới, định, tuệ?*

**Đáp:** Tuệ được gọi là chánh kiến đạo là tuệ liễu tri Tứ Thánh Đế theo 4 phạm sự:

1. Liễu tri khổ đế bằng phạm sự biến tri (dukkheñāṇaṃ).
2. Liễu tri tập đế bằng phạm sự đoạn trừ (dukkhasamudayañāṇaṃ).
3. Liễu tri Níp Bàn là pháp diệt khổ bằng phạm sự tác chứng (dukkhanirodheñāṇaṃ).
4. Liễu tri phương pháp thực hành làm nhân chứng đắc Níp Bàn tức pháp diệt tất mọi khổ đau bằng phạm sự tu tiến (dukkhanirodhagāminīpaṭipadāyañāṇaṃ).

Nhóm này được gọi là tuệ trong chánh kiến đạo.

Giải thích:

Việc hoàn thành phạm sự của 4 chánh kiến đạo được ví như ngọn đèn dầu. Khi ngọn đèn dầu được thắp sáng lên thường làm cho thành tựu 4 phạm sự cùng trong một lúc:

1. Làm cho ánh sáng tỏa ra.
2. Xua đi sự tăm tối.
3. Làm cho tim đèn rụi.
4. Làm cho dầu khô cạn dần dần.

- Làm cho ánh sáng bừng sáng giống như Bát Thánh Đạo đạt đến sự tu tiến.

Do đó, Đức Phật thuyết: “Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāyañāṇaṃ”. Xua đi sự tăm tối giống như quăng bỏ pháp hành, pháp chế định chứng đắc Níp Bàn ngay trước mặt. Nên ngài thuyết: “Dukkhanirodheñāṇaṃ”.

- Làm cho tim đèn rụi giống như thấu hiểu tất cả khổ.  
Do đó, ngài thuyết: “Dukkheñāṇaṃ”.

- Làm cho dầu khô cạn dần dần giống như triệt tiêu ái tập khởi.

Do đó, ngài thuyết: “Dukkhasamudayeñāṇaṃ”.

Tất cả 4 phạm sự này thì “Dukkhanirodhagaminīpaṭipadañāṇaṃ” Liễu tri đạo lộ làm nhân chứng đắc Níp Bàn, tức pháp diệt mọi khổ đau bằng phạm sự tu tiến là phạm sự tối quan trọng. Bởi vì Bát Thánh Đạo đạt đến sự tu tiến trong lúc nào, thì ngay chính lúc đó ba phạm sự kia cũng đồng thành tựu trong cùng một sát na.

Vấn đề tầm được gọi là chánh tư duy đạo thuộc loại tầm có sự suy nghĩ chơn chánh trong cả 3 việc:

1. Suy nghĩ xa lìa dục tăng trưởng (nekkhammasaṅkappa).

2. Suy nghĩ với từ tâm (abyāpādasāṅkappa).

3. Suy nghĩ với bi tâm (avihiṃsasāṅkappa).

Do đó, nhóm này được gọi là tầm trong chánh tư duy.

Phân tích bát chánh đạo theo giới, định, tuệ:

Gới uẩn có 3 chi pháp: Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Định uẩn có 3 chi pháp: Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Tuệ uẩn có 2 chi pháp: Chánh kiến, chánh tư duy.

**44. Vấn:** *Hãy trình bày pháp như sau:*

a. *Pháp thành như ý túc nhưng không thành quyền.*

- b. Pháp thành quyền nhưng không thành như ý túc.
- c. Pháp vừa thành như ý túc cũng vừa thành quyền.
- d. Pháp vừa không thành như ý túc cũng vừa không thành quyền.
- e. Pháp thành giác chi nhưng không thành chi đạo.
- f. Pháp thành chi đạo nhưng không thành giác chi.
- g. Pháp vừa thành giác chi cũng vừa thành chi đạo.
- h. Pháp vừa không thành giác chi cũng vừa không thành chi đạo.

**Đáp:**

a) Pháp thành như ý túc nhưng không thành quyền: Tâm sở dục trong 21 tâm thiện và 21 tâm thiện.

b) Pháp thành quyền nhưng không thành như ý túc: Tín, niệm, nhất hành trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố và tâm sở cần trong 8 tâm đại tố, 9 tâm đạo đại, tâm quả siêu thế, tâm sở trí tuệ trong 4 tâm đại tố tương ứng trí, 9 tâm tố đạo đại, tâm quả siêu thế.

c) Pháp vừa thành như ý túc cũng vừa thành quyền. Tâm sở cần trong 21 tâm thiện, tâm sở trí tuệ trong 17 tâm thiện tương ứng trí.

d) Pháp vừa không thành như ý túc cũng vừa không thành quyền: 68 tâm, 52 tâm sở đồng sanh (trừ 21 tâm thiện) và 32 tâm sở hợp trong 21 tâm thiện, 28 sắc pháp, Níp Bàn (trừ tâm sở tín, cần, niệm, nhất hành, trí tuệ hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố và tâm sở dục hợp trong 21 tâm thiện).

e) Pháp thành giác chi nhưng không thành chi đạo: Tâm sở hỷ hợp trong 4 tâm đại thiện hỷ thọ, 4 tâm đại tố hỷ thọ, 30 đồng lực kiên cố hỷ thọ. Hoặc 3 tâm thiện sắc giới, 3 tâm tố sắc giới, 8 tâm siêu thế và tâm sở tịnh thân, tịnh tâm, tâm sở hành xả hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố.

f) Pháp thành chi đạo nhưng không thành giác chi: Tâm sở tầm hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 10 đồng lực sơ thiền, tâm sở ngăn trừ phần trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm siêu thế.

g) Pháp vừa thành giác chi cũng vừa thành chi đạo: Tâm sở cần, niệm, nhất hành hợp trong 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 26 đồng lực kiên cố và tâm sở trí tuệ hợp trong 4 tâm đại thiện tương ứng trí, 4 tâm đại tố tương ứng trí, 26 đồng lực kiên cố.

h) Pháp vừa không thành giác chi cũng vừa không thành chi đạo: 89 tâm, 49 tâm sở, 28 sắc pháp, Níp Bàn (trừ ngăn trừ phần, niệm, trí tuệ, cần, hỷ, tịnh, nhất hành, hành xả, tầm hợp trong tâm đại thiện, đại tố và đồng lực kiên cố).

## **Chấm Dứt Giác Phần Tập Yếu.**

## HÀM TẬN TẬP YẾU (Sabbasaṅgaha)

**45. Vấn:** Trong hàm tận tập yếu có bao nhiêu nhóm? Nói về loại có số lượng như thế nào? Hãy trình bày ý nghĩa cùng với chi pháp trong nhóm sau đây: 5 uẩn, 5 thủ uẩn, 12 xứ, 18 giới, Tứ Thánh Đế?

**Đáp:** Trong hàm tận tập yếu có 5 nhóm pháp:

1. 5 uẩn.
2. 5 thủ uẩn.
3. 12 xứ.
4. 18 giới.
5. 4 Thánh Đế.

Nói theo loại có 37 loại tức 5 uẩn, 5 thủ uẩn, 12 xứ, 18 giới, 4 Thánh Đế.

Ý nghĩa cùng chi pháp trong mỗi nhóm:

**A- 5 uẩn:** Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

- 1- Sắc uẩn: Nhóm sắc pháp.

Chi pháp: 28 sắc pháp.

2- Thọ uẩn: Nhóm cảm thọ.

Chi pháp: Tâm sở thọ hợp trong 89 hoặc 121 tâm.

3- Tưởng uẩn: Nhóm tưởng.

Chi pháp: Tâm sở tưởng hợp trong 89 hoặc 121 tâm.

4- Hành uẩn: Nhóm hành.

Chi pháp: 50 Tâm sở (trừ tâm sở thọ, tưởng) hợp trong 89 hoặc 121 tâm theo tương ứng.

5- Thức uẩn: Nhóm tâm.

Chi pháp: 89 hoặc 121 tâm.

**B- 5 thủ uẩn:** Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

1- Sắc thủ uẩn: Nhóm sắc pháp làm cảnh cho thủ.

Chi pháp: 28 Sắc pháp.

2- Thọ thủ uẩn: Nhóm cảm thọ làm cảnh cho thủ.

Chi pháp: Tâm sở thọ hợp trong 81 tâm hiệp thế.

3- Tưởng thủ uẩn: Nhóm tưởng làm cảnh cho thủ.

Chi pháp: Tâm sở tưởng hợp trong 81 tâm hiệp thế.

4- Hành thủ uẩn: Nhóm hành làm cảnh cho thủ.

Chi pháp: 50 tâm sở (trừ tâm sở thọ, tưởng) hợp trong 81 tâm hiệp thế.

5- Thức thủ uẩn: Nhóm tâm làm cảnh cho thủ.

Chi pháp: 81 tâm hiệp thế.

**C- 12 xứ:** Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, tinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

1- Nhãn xứ: Nhãn gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Thần kinh nhãn.

2- Nhĩ xứ: Nhĩ gọi là xứ . Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Thần kinh nhĩ.

3- Tỷ xứ: Tỷ gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Thần kinh tỷ.

4- Thiệt xứ: Thiệt gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Thần kinh thiệt.

5- Thân xứ: Thân gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Thần kinh thân.

6- Sắc xứ: Cảnh sắc gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Các màu sắc...

7- Thinh xứ: Cảnh thinh gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Các tiếng ...

8- Khí xứ: Cảnh khí gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Các mùi ...

9- Vị xứ: Cảnh vị gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Các vị...

10- Xúc xứ: Cảnh xúc gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Các vật thể xúc chạm...

11- Ý xứ: Tâm gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: Tất cả tâm.

12- Pháp xứ: thực tánh pháp sai biệt gọi là xứ. Bởi vì làm nhân cho tâm, tâm sở sanh lên.

Chi pháp: 52 tâm sở, 16 sắc tế, Níp Bàn.

**D- 18 giới:** Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, sắc giới, tinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, pháp giới.

1- Nhãn giới: Nhãn gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự trong ngần mà cảnh sắc đến xúc chạm.

Chi pháp: Thần kinh nhãn.

2- Nhĩ giới: Nhĩ gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự trong ngần mà cảnh tinh đến xúc chạm.

Chi pháp: Thần kinh nhĩ.

3- Tỷ giới: Tỷ gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự trong ngần mà cảnh khí đến xúc chạm.

Chi pháp: Thần kinh tỷ.

4- Thiệt giới: Thiệt gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự trong ngần mà cảnh vị đến xúc chạm.

Chi pháp: Thần kinh thiệt.

5- Thân giới: Thân gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự trong ngần mà cảnh xúc đến xúc chạm.

Chi pháp: Thần kinh thân.

6- Sắc giới: Cảnh sắc gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự xúc chạm với thần kinh nhãn.

Chi pháp: Các màu sắc...

7- Thinh giới: Cảnh thinh gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự xúc chạm với thần kinh nhĩ.

Chi pháp: Các tiếng ...

8- Khí giới: Cảnh khí gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự xúc chạm với thần kinh tỷ.

Chi pháp: Các mùi ...

9- Vị giới: Cảnh vị gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự xúc chạm với thần kinh thiệt.

Chi pháp: Các vị ...

10- Xúc giới: Cảnh xúc gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự xúc chạm với thân

Chi pháp: Các vật xúc chạm...

11- Nhãn thức giới: Nhãn thức gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự thấy.

Chi pháp: 2 tâm nhãn thức.

12- Nhĩ thức giới: Nhĩ thức gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự nghe.

Chi pháp: 2 tâm nhĩ thức .

13- Tỷ thức giới: Tỷ thức gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự biết mùi.

Chi pháp: 2 tâm tỷ thức .

14- Thiệt thức giới: Thiệt thức gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự biết vị.

Chi pháp: 2 tâm thiệt thức.

15- Thân thức giới: Thân thức gọi là giới. Bởi vì bảo tồn được sự biết xúc chạm.

Chi pháp: 2 tâm thân thức.

16- Ý giới: 3 tâm gọi là ý giới. Bởi vì bảo tồn được 5 sự biết cảnh thông thường.

Chi pháp: 1 tâm khai ngũ môn, 2 tâm tiếp thân.

17- Ý thức giới: 79 tâm gọi là ý thức giới. Bởi vì bảo tồn được sự biết cảnh loại đặc biệt.

Chi pháp: 76 tâm (trừ 10 tâm ngũ song thức và 3 tâm ý giới).

18- Pháp giới: 69 pháp thực tánh gọi là pháp giới. Bởi vì bảo tồn được thực tướng của mình.

Chi pháp: 52 tâm sở, 16 sắc tế, Níp Bàn.

E- 4 đế: Khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

1- Khổ đế: Khổ là pháp chắc thật mà các bậc Thánh liễu tri.

Chi pháp: 81 tâm hiệp thế, 51 tâm sở (trừ tâm sở tham) 28 sắc pháp.

2- Tập đế: Nhân sanh khổ là pháp chắc thật mà các bậc Thánh liễu tri.

Chi pháp: Tâm sở tham.

3- Diệt đế: Sự diệt khổ là pháp chắc thật mà các bậc Thánh liễu tri.

Chi pháp: Níp Bàn.

4- Đạo đế: Nhân đưa đến diệt khổ là pháp chắc thật mà các bậc Thánh liễu tri.

Chi pháp: 8 chi đạo (tâm sở) như tâm sở trí tuệ ... hợp trong 4 tâm Đạo.

**46. Vấn:** *Hãy dịch cả hai kệ ngôn sau đây:*

1. Rūpañca vedanā saññā ... pañcakkhandhāti bhāsītā.

2. Pañcupādānakkhandhāti ... khandhasaṅgha nissaṭṭam.

**Đáp:** Kệ ngôn này dịch như sau:

1. Các học viên nên trình bày cả 5 pháp tức sắc, thọ, tưởng, 50 tâm sở còn lại là hành, tất cả tâm là thức, nhóm này gọi là ngũ uẩn.

2. Các học viên nên hiểu sắc, thọ, tưởng, hành, thức tái sinh trong 3 cõi là ngũ thủ uẩn còn Níp Bàn là ngoại uẩn bởi vì không có hiện tại, quá khứ, vị lai...

**47. Vấn:** *Trong 4 pháp chơn đế, nếu nói theo xứ thì có 12, nói theo giới thì có 18 do nương vào đâu? Hãy trình bày cùng nêu pāli lên dẫn chứng?*

**Đáp:**

*Trong 4 pháp chơn đế, nếu nói theo xứ thì có 12 bởi vì nương vào thứ loại khác nhau của 6 môn, 6 cảnh.*

Giải thích:

Xứ là pháp làm cho tâm và tâm sở mở rộng ra, tức làm cho lộ tâm phát triển rộng rãi. Do đó, pháp làm cho lộ tâm khai triển rộng có 2 loại là môn và cảnh. Khi xếp thành mỗi loại thì có 12 pháp như sau:

1. Khi cảnh sắc hiện vào trong nhãn môn thì lộ tâm nhãn môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, nhãn môn và cảnh sắc này được liệt vào nhãn xứ và sắc xứ.

2. Khi cảnh thanh âm vang chạm vào trong nhĩ môn thì lộ tâm nhĩ môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, nhĩ môn và cảnh thanh này được liệt vào nhĩ xứ và thanh xứ.

3. Khi cảnh khí lan tỏa chạm vào trong tỷ môn thì lộ tâm tỷ môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, tỷ môn và cảnh khí này được liệt vào tỷ xứ và khí xứ.

4. Khi cảnh vị thấm vào trong thiệt môn thì lộ tâm thiệt môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, thiệt môn và cảnh vị này được liệt vào thiệt xứ và vị xứ.

5. Khi cảnh xúc va chạm vào trong thân môn thì lộ tâm thân môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, thân môn và cảnh xúc này được liệt vào thân xứ và xúc xứ.

6. Khi cảnh pháp xuất hiện vào trong ý môn thì lộ tâm ý môn thường sanh lên hàng nhiều lộ. Do đó, ý môn và cảnh pháp này được liệt vào ý xứ và pháp xứ.

Kể từ nhãn môn với cảnh sắc... thân môn với cảnh xúc, nhóm này được xếp vào xứ trực tiếp.

Nhưng việc xếp ý môn với cảnh pháp thành xứ là xếp theo cách gián tiếp, bởi vì ý môn là 19 tâm hữu

phần, còn ý xứ mới là tất cả tâm. Do đó, ý môn chỉ là một phần của ý xứ. Đây là xếp theo cách chi tiết (ekadesayūpacāranaya).

Còn đối với cảnh pháp thì rộng hơn pháp xứ, bởi vì pháp thuộc pháp xứ chỉ là một phần của cảnh pháp. Do nhân này, xếp cảnh pháp thành pháp xứ là xếp theo cách phương tiện hóa (pariyāyanaya).

*Trong 4 pháp chơn đế, khi nói theo giới có 18 pháp do nương vào 6 môn, 6 cảnh và 6 thức.*

Giải thích:

Giới là pháp bảo tồn đặc tánh của mình không cho biến đổi. Do vậy, nhóm pháp bảo tồn đặc tánh của mình có 3 loại:

1. Môn có đặc tánh bảo tồn sự tiếp nhận cảnh.
2. Cảnh có đặc tánh bảo tồn sự hiện bày sanh lên nơi môn.
3. Thức có đặc tánh bảo tồn sự biết cảnh như sự thấy...

Khi xếp thành mỗi loại thì có 18 pháp như sau:

1. Khi cảnh sắc hiện vào trong nhãn môn thì lộ tâm nhãn thức thường sanh lên lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, nhãn môn, cảnh sắc, nhãn thức này được xếp vào nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới.

2. Khi cảnh thanh âm vang chạm vào trong nhĩ môn thì lộ tâm nhĩ thức thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, nhĩ môn, cảnh thanh, nhĩ thức này được xếp vào nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới.

3. Khi cảnh khí lan tỏa chạm vào trong tử môn thì lộ tâm tử thức thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, tử môn, cảnh khí, tử thức này được liệt vào tử giới, khí giới, tử thức giới.

4. Khi cảnh vị thấm vào trong thiệt môn thì lộ tâm thiệt thức thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, thiệt môn, cảnh vị, thiệt thức này được liệt vào thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới.

5. Khi cảnh xúc va chạm vào trong thân môn thì lộ tâm thân thức thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, thân môn, cảnh xúc, thân thức này được liệt vào thân giới, xúc giới, thân thức giới.

6. Khi cảnh pháp xuất hiện vào trong ý môn thì lộ tâm ý thức thường sanh lên hàng nhiều lộ. Vì vậy, ý môn, cảnh pháp, ý thức này được xếp vào ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Kể từ nhãn môn, cảnh sắc với nhãn thức ... thân môn, cảnh xúc với thân thức, nhóm này được xếp thành giới trực tiếp.

Nhưng việc xếp ý môn, cảnh pháp thành ý giới, pháp giới là xếp theo gián tiếp bởi vì ý môn là 19 tâm hữu phần. Còn ý giới có 3 tâm, tức tâm khai ngũ môn, 2 tâm tiếp thâu, đây là xếp theo cách phương tiện hóa (pariyāyanaya).

Còn đối với cảnh pháp thì rộng hơn pháp giới, bởi vì pháp thuộc pháp giới chỉ là một phần của cảnh pháp. Do nhân này, xếp cảnh pháp thành pháp giới là xếp theo cách phương tiện hóa (pariyāyanaya).

Còn ý thức được xếp thành ý thức giới là xếp theo trực tiếp, nhưng ý thức này chỉ biết cảnh pháp khi vào xúc chạm bằng đường ý môn thì ý thức mới sanh lên được. Đây là đề cập theo tuần tự của môn, cảnh, thức theo riêng biệt từng phần mà thôi.

Như có pāli dẫn chứng trình bày:

Dvārāmbanabhedena Bhavantāyatanāni ca

Dvārāmbataduppanna Pariyāyena dhātuyo

Xứ có 12 pháp bởi vì có thứ loại khác nhau của 6 môn và 6 cảnh. Giới có 18 pháp theo phương thức của 6 môn, 6 cảnh và 6 thức sanh lên nơi môn và cảnh.

**48. Vấn:** *Hãy trình bày kệ ngôn đề cập đến việc tính chi pháp trong Tứ Thánh Đế cùng với lời dịch và pháp ngoại đế có bao nhiêu?*

**Đáp:** Kệ ngôn đề cập đến việc tính chi pháp trong Tứ Thánh Đế như sau:

Dukkhaṃ tebhūmaṃ vaṭṭaṃ Taṇhā samudayo bhava  
Nirodho nāma nibbānaṃ Maggo lokuttaro mato.

Các học viên nên hiểu pháp luân hồi trong ba cõi là khổ đế, ái dục gọi là tập đế và Níp Bàn gọi là diệt đế. 8 chi đạo trong siêu thế đạo gọi là đạo đế và pháp thuộc ngoại đế. Về phần đạo có 29 tức 10 tâm sở tự tha, 18 tâm sở tịnh hảo (trừ 8 chi đạo) khi hợp trong 4 tâm đạo, 4 tâm đạo nếu nói theo thực tánh là 1, nên gọi là 29 tâm đạo sanh lên.

Về phần quả có 37 tức 13 tâm sở tự tha, 23 tâm sở tịnh hảo khi hợp trong 4 tâm quả, 4 tâm quả khi nói

theo thực tánh là 1, nên gọi là 37 tâm quả sanh lên.

**49. Vấn:** *“Hàm tận tập yếu” là gì? Hãy giải thích về uẩn theo palī như sau: “Rāsaṭṭhena rāsiaṭṭhena khandho”?*

**Đáp:** Hàm tận tập yếu là sự trình bày tổng hợp lại tất cả pháp chơn đế.

Giải thích:

Uẩn theo palī: “Rāsaṭṭhena rāsiaṭṭhena khandho”. Gọi là uẩn do ý nghĩa là khối, đồng, nhóm, chùm. Nghĩa là pháp hiện tại, quá khứ, vị lai gom lại thành một khối.

Do nhân này, nên chỉ duy nhất một tâm sở thọ và tâm sở tưởng cũng thành thọ uẩn và tưởng uẩn.

**50. Vấn:** *Ngài thuyết rằng: Níp Bàn là ngoại uẩn, do nhân nào? Hãy nêu nguyên nhân giải thích chi tiết?*

**Đáp:** Níp Bàn là ngoại uẩn bởi vì không có thứ loại sai khác. Tức Níp Bàn không có thứ loại của hiện tại, quá khứ, vị lai mà duy nhất chỉ có ngoại thời. Níp Bàn không có trong ta mà chỉ có ngoài ta, Níp Bàn không là pháp thô mà chỉ là pháp tế, Níp Bàn không là hạ liệt mà là thù thắng, Níp Bàn không là cận mà chỉ là viễn. Do đó, Níp Bàn không gọi là uẩn, nghĩa là Níp Bàn là ngoại thời, ngoài ta, tế, thù thắng, viễn và cũng không gọi Níp Bàn là có 5 loại này mà chỉ duy nhất có một tức Níp Bàn là ngoại thời mà ngoại thời cũng là ngoài ta, tế, thù thắng, viễn.

**51- Vấn:** *Pháp làm vật thực cho khổ như sanh, già, đau, chết... là gì? Nếu pháp làm vật thực cho nhóm khổ*

*này không có thì sanh, già, đau, chết.. sanh lên được hay không?*

**Đáp:** Pháp làm vật thực cho khổ sanh, già, đau, chết... là ngũ uẩn gồm có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Nếu pháp làm vật thực cho nhóm khổ này không có thì sanh, già, đau, chết... cũng không sanh lên được.

**Giải thích:**

Sanh, già, đau, chết là tướng trạng diễn tiến liên lạc của ngũ uẩn, không phải sanh lên riêng lẻ theo từng giai đoạn. Nghĩa là sự hiện khởi của ngũ uẩn gọi là sanh, sự tiếp diễn của ngũ uẩn theo trạng thái tăng trưởng đến hao mòn gọi là già, sự chuyển biến bất thường của sắc gọi là bệnh, sự diệt mất của ngũ uẩn trong mỗi kiếp gọi là chết.

Như định nghĩa: “Anekadukkhehi khajjantīti = Khandhā”. Tất cả các pháp bị khổ sai biệt nhai nghiền, nên gọi là uẩn. Nói đến ngũ uẩn là cứ điểm của sanh, già, đau, chết... nếu không có uẩn thì nhóm khổ sai biệt này không thể sanh lên được.

**52. Vấn:** *Hãy giải thích uẩn (khandhā) theo định nghĩa: “Suññāgāraṃ dhārentīti = Khandhā”?*

**Đáp:** Theo định nghĩa “Suññāgāraṃ dhārentīti = Khandhā”. “Nhóm pháp hiện bày trạng thái rỗng không, không phải là ta, gọi là uẩn”.

Tất cả chúng sanh trên thế gian này, có sự nhận thức về thực tánh vô ngã của danh sắc cũng do nương

vào sức mạnh của trí tuệ theo từng cấp độ. Nghĩa là, mức độ hiểu biết nông sâu tùy vào phước duyên trau dồi của mỗi chúng sanh.

**53. Vấn:** *Do nhân nào Đức Phật lại thuyết ngũ thủ uẩn? Hãy giải thích và trình bày định nghĩa của ngũ thủ uẩn?*

**Đáp:** Việc mà Đức Phật ngài thuyết ngũ thủ uẩn là pháp bắt nguồn từ ngũ uẩn nhằm hướng đến sự lợi ích trong việc tu tiến minh sát. Từ lý do này, nên ngài thuyết ngũ thủ uẩn bằng cách đặc biệt thêm nữa. Như có định nghĩa trình bày: “Upādānānam gocarā khandhā = Upādānakkhandhā” “Uẩn làm cảnh cho chấp thủ, gọi là thủ uẩn”.

**54. Vấn:** *Hãy trình bày quả sanh lên từ 12 xứ theo từng phần riêng biệt và Ngài thuyết rằng thần kinh nhãn... gọi là xứ bởi vì sắc thần kinh có thực tánh dương như có sự nỗ lực để cho thành quả của mình sanh lên. Hãy cho biết sự nỗ lực đó như thế nào?*

**Đáp:**

\* Quả sanh lên từ 12 xứ theo từng phần riêng biệt như sau:

1. Nhãn thức (sự thấy) là thành quả của nhãn xứ và sắc xứ.

2. Nhĩ thức (sự nghe) là thành quả của nhĩ xứ và thanh xứ.

3. Tỷ thức (sự ngửi) là thành quả của tỷ xứ và khí xứ.

4. Thiệt thức (sự nếm) là thành quả của thiệt xứ và

vị xứ.

5. Thân thức (sự đưng) là thành quả của thân xứ và xúc xứ.

6. 76 tâm (trừ ngũ song thức, 3 ý giới) có sự biết cảnh và suy nghĩ tất cả sự việc là thành quả của ý xứ và pháp xứ.

\* Ngài thuyết rằng thân kinh nhãn... gọi là xứ, bởi vì sắc thân kinh có thực tánh dưỡng như có sự nỗ lực để cho thành quả của mình sanh lên.

Giải thích:

Sự nỗ lực của nhóm xứ này là nhân trọng yếu có sức mạnh trong việc thiết lập thành quả cho mình. Như sự thấy, sự nghe.. được sanh lên, nhân với quả này thường diễn tiến theo thực tánh hữu ngã. Nhóm này không có sự nỗ lực sanh lên nhưng thực tánh diễn tiến của các nhóm xứ này giống như có sự nỗ lực tìm cầu để cho thành quả của mình sanh lên.

**55- Vấn:** Ngài thuyết rằng 6 nội xứ, 6 ngoại xứ thường làm cho cả tâm và tâm sở phát triển rộng lớn ra, hãy cho biết rằng 6 nội xứ, 6 ngoại xứ đó là gì? Và làm cho cả tâm và tâm sở phát triển rộng lớn ra do nương vào nhóm xứ nào?

Đáp:

6 nội xứ:

1. Nhãn xứ.

2. Nhĩ xứ.

3. Tỷ xứ.
4. Thiệt xứ.
5. Thân xứ.
6. Ý xứ.

*6 ngoại xứ:*

1. Sắc xứ.
2. Thinh xứ.
3. Khí xứ.
4. Vị xứ.
5. Xúc xứ.
6. Pháp xứ.

Việc mà cả tâm và tâm sở phát triển rộng lớn do nương vào nhóm xứ này. Bởi vì khi nhóm nội xứ và ngoại xứ đối xúc với nhau rồi thì các lộ tâm như lộ nhãn môn... thường sanh lên, lộ tâm sanh lên đó không phải sanh lên chỉ một lộ mà sanh lên hàng nhiều lộ tâm và trong mỗi lộ tâm cũng có hàng nhiều loại tâm cùng nhau sanh. Như thiện cũng có, bất thiện cũng có, quả cũng có hoặc tố cũng có. Do nhiều lộ tâm và nhiều loại tâm sanh lên nên được gọi là tâm và tâm sở phát triển rộng lớn ra. Việc mà tâm và tâm sở phát triển rộng lớn này cũng do nương vào nội xứ và ngoại xứ mà thôi.

Lại nữa, bất thiện pháp như tham, sân,... thiện pháp như tín, niệm, trí tuệ,... nhóm này khi mới vừa sanh lên vẫn còn yếu, nhưng khi lộ tâm thiện hoặc bất thiện này sanh lên hàng nhiều lộ tâm thì sức mạnh của nhóm

thiện hoặc bất thiện này tăng dần lên cho đến khi hình thành thiện hạnh hoặc ác hạnh. Đây cũng gọi là tâm và tâm sở có sự phát triển rộng lớn do nương vào nội xứ và ngoại xứ làm nhân.

**56. Vấn: Hãy giải thích 5 ý nghĩa của từ xứ (āyatana)?**

**Đáp:** Từ xứ (āyatana) có 5 ý nghĩa:

1. Sañjātidesaṭṭha: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... không sanh lên vị trí khác được mà phải sanh lên theo nhóm xứ này.

2. Nivāsaṭṭha: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... nếu có nhân duyên đầy đủ thì mới sanh lên, giống như một lộ tâm nương vào nhóm xứ cùng loại.

3. Ākaraṭṭha: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... dù là người, chư thiên hay bàng sanh cũng đều có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

4. Samosaranaṭṭha: Sắc xứ... việc bắt cảnh của nhóm tâm lộ này, giống như cùng hội tập trong cảnh như cảnh sắc... mà mình đang bắt.

5. Kāraṇaṭṭha: 6 nội xứ và 6 ngoại xứ... nếu không có nhóm xứ này thì lộ tâm không sanh lên được.

**57. Vấn:** *Thần kinh nhãn, ... gọi là “giới” vì không phải là chúng sanh, không phải là sanh mạng chỉ là thực tánh chắc thật nhưng hiện hữu được bằng cách nào? Hãy giải thích và diễn giải từ “giới” (dhātu) theo định nghĩa sau: “Attano sāvhaṃ dhārentīti = Dhātu”?*

**Đáp:** Thần kinh nhãn,... gọi là “giới” (dhātu) vì không phải là chúng sanh, không phải là sanh mạng chỉ là thực tánh chắc thật.

Giải thích:

Tất cả chúng sanh hiện hữu trên thế gian này do tánh chất bảo tồn của 18 giới, nên mới gọi là không phải chúng sanh, không phải người (nisatta). Sự việc hiểu rằng người này, người kia chết, nhưng tâm thức không chết... Do tánh chất bảo tồn của 18 giới nên mới gọi là không phải là sanh mạng (nijjīva), không phải là ta.

“Giới” (dhātu) theo định nghĩa: “Attano sabhāvaṃ dhārentīti = Dhātu” Pháp bảo tồn được tánh chất của mình, gọi là giới”. Cả 18 giới đó có thực tánh bảo tồn nên gọi là pháp bảo tồn tánh chất của mình không cho biến đổi.

**58- Vấn:** *Ngài thuyết cả 4 đế là khổ, tập, diệt, đạo là Thánh Đế mà không gọi là phạm đế được do nhân nào? Hãy giải thích thực trạng không thay đổi của nhóm Thánh Đế này?*

**Đáp:** Ngài thuyết cả 4 đế là khổ, tập, diệt, đạo là Thánh Đế mà không gọi là phạm đế được bởi vì bốn sự thật mà Đức Phật thuyết giảng đó cho dù tất cả phạm nhân có nghe được đi nữa. Nhưng thực trạng mà Đức Phật thuyết “Pháp này là khổ, pháp này là nhân sanh khổ, pháp này là diệt khổ, pháp này là đạo lộ đưa đến diệt khổ” thì nhóm phạm nhân thường không thấu triệt được sự thật, không kiên cố vững trú như bậc Thánh. Vì vậy, mới không gọi là phạm đế.

Giải thích:

Thực trạng không thay đổi của nhóm Thánh Đế này như sau:

Danh sắc có ngũ uẩn hiệp thể được gọi là *khổ*, không loại trừ bất cứ chúng sanh nào khi tái sanh vào. Sự hiện hữu trong hiệp thể hằng làm cho chúng sanh nhận lãnh sự phiền toái mà không hề có sự thay đổi thành loại khác được. Do đó, mới gọi là sự thật tương ứng trong việc gọi tên.

Tham được gọi là *tập*, vì cho dù tham của ai hay sanh lên trong cõi nào đi nữa cũng luôn làm nhân cho các sự khổ sanh lên với chúng sanh mà không có sự thay đổi thành loại khác. Vì vậy, mới gọi là sự thật tương ứng trong việc gọi tên.

Níp Bàn được gọi là *diệt*, vì cho dù bất cứ Níp Bàn của bậc hữu học, bậc vô học hay vô dư y Níp Bàn mà hiển lộ trong cõi nào cũng hằng là pháp làm cho tất cả khổ... diệt mất không có sự biến đổi thành loại khác. Vì vậy, mới gọi là sự thật tương ứng trong việc gọi tên.

Bát Thánh Đạo được gọi là *đạo*, bởi vì cho dù là đạo thấp hay đạo cao mà hiển lộ trong cõi nào cũng hằng là đạo lộ diệt tất khổ không có sự thay đổi thành loại khác. Do đó, mới gọi là sự thật tương ứng trong việc gọi tên.

**59. Vấn:** *Hãy phân tích Tứ Thánh Đế theo nhân quả và hiệp thể siêu thế...?*

**Đáp:**

\* Phân tích Tứ Thánh Đế theo nhân quả như sau:

Khổ đế là quả.

Diệt đế là quả.

Tập đế là nhân.

Đạo đế là nhân.

\* Phân tích Tứ Thánh Đế theo hiệp thế siêu thế như sau:

Pháp hiệp thế, hiệp thế đế.

- Khổ đế.

- Tập đế.

Pháp siêu thế, siêu thế đế.

- Diệt đế.

- Đạo đế.

Khổ đế là đế hiện hữu trong vòng luân hồi gọi là đế hiện hữu (pavattisacca).

Tập đế là đế làm nhân cho khổ đế sanh lên hiện hữu trong vòng luân hồi gọi là (pavattihetusacca) để tạo nhân đưa đến hiện hữu.

Diệt đế là đế ly khổ luân hồi gọi là (nivattisacca) để viễn ly.

Đạo đế là đế làm nhân đạt đến ly khổ luân hồi gọi là (nivattihetusacca) để tác nhân đưa đến viễn ly.

**60- Vấn:** Trong 72 hỗn hợp pháp (vatthudhamma) thì pháp trình bày về bất thiện tập yếu, hỗn hợp tập yếu, giác phần tập yếu, hàm tận tập yếu, mỗi nhóm có bao nhiêu?

**Đáp:** Trong 72 pháp (vatthudhamma) thì:

Pháp trình bày về bất thiện tập yếu có 14: 14 tâm sở bất thiện.

Pháp trình bày về hỗn hợp tập yếu có 36: Tâm, 26 tâm sở, 9 sắc pháp.

Pháp trình bày về giác phần tập yếu có 14: Tâm, 13 tâm sở.

Pháp trình bày về hàm tận tập yếu có 72: Tâm, 52 tâm sở, 18 sắc thành tựu, Níp Bàn.

## **Chấm Dứt Phần Hàm Tận Tập Yếu Chấm Dứt Phần Vấn Đáp Trong Chương 7**

# Năm Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Tồn Tại



{Này các tỳ kheo! có 5 pháp đưa đến tồn tại, không biến đổi tiêu hoại Chánh Pháp, 5 pháp đó là:

1. Tỳ kheo trong pháp luật này nghe pháp cung kính.
2. Tỳ kheo trong pháp luật này học pháp cung kính.
3. Tỳ kheo trong pháp luật này ghi nhớ pháp cung kính.
4. Tỳ kheo trong pháp luật này suy nghiệm pháp ghi nhớ được bằng cách cung kính.
5. Tỳ kheo trong pháp luật này hiểu nghĩa hiểu pháp rồi thực hành cung kính.

Này các tỳ kheo! Chính 5 pháp này đưa đến tồn tại, không biến hoại đổi thay Chánh Pháp}.

**(Tăng Chi Bộ Kinh pháp 5 chi)**

## Năm Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Tiêu Hoại



“Này các tỳ kheo! có 5 pháp đưa đến biến đổi tiêu hoại Chánh Pháp, 5 pháp đó là:

1. Tỳ kheo trong pháp luật này nghe pháp không cung kính.
2. Tỳ kheo trong pháp luật này học pháp không cung kính.
3. Tỳ kheo trong pháp luật này ghi nhớ pháp không cung kính.
4. Tỳ kheo trong pháp luật này không suy nghiệm pháp ghi nhớ bằng cách cung kính.
5. Tỳ kheo trong pháp luật này hiểu nghĩa hiểu pháp rồi không thực hành cung kính.

Này các tỳ kheo! Chính 5 pháp này đưa đến biến đổi tiêu hoại Chánh Pháp”.

**(Tăng Chi Bộ Kinh pháp 5 chi)**

# **GIÁO TRÌNH VẤN ĐÁP TIỂU HỌC THẮNG PHÁP SƠ CẤP - TRUNG CẤP**

Tỳ Kheo Khải Minh dịch  
(Bhikkhu Jotivādī)

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**

Biên tập: HOÀI NAM

Sửa bản in: HỮU LỘC

Trình bày: MẠNH HẢI

Bìa: NGÔ XUÂN KIM BÍCH

---

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH**

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> - <http://www.fiditour.com>

**NHÀ SÁCH TỔNG HỢP**

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 38256804 - Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: <http://www.nxbhcm.com.vn> - <http://www.fiditour.com>

---

In Số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm.

Tại: Xí nghiệp in FAHASA

GPXB số: 229-12/CXB/192-17/THTPHCM cấp ngày 3/2/2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.

*Tự mình hành động thế nào  
Mới mong giáo hóa  
ra sao cho người  
Hãy nên chế ngự mình rồi  
Mới mong điều phục  
cõi đời lao xao!  
PC.159.*



## **Chùa Từ Quang**

63 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận Gò Vấp  
TP. Hồ Chí Minh